

ĐẶNG . THANH . XUÂN

CHÂN DUNG VÕ TẠNH VÀ NGƯỜI DÂN GÕ CÔNG

鄧
青
春

人 眞
民 和 容
壩 武
鳩 性



TRAC VI DUC DAO TRUNG HUNG THUONG ĐANG THAN

HÒA . ĐỒNG 1973

Viết cho tình yêu Gô Công

CHÂN DUNG VÕ TÁNH
và NGƯỜI DÂN GÒ CÔNG

SOẠN GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

ĐẶNG THANH XUÂN

**CHÂN DUNG VÕ TÁNH
VÀ
NGƯỜI DÂN GÒ CÔNG**

IN LẦN THỨ NHẤT

- 1973 -

KÍNH DÂNG MẸ — CÔNG ĐỨC SANH
THÀNH VÀ DẠY CHO CON LỄ SỐNG

KHẮC GHI ƠN :

- Liệt sĩ nằm xuống cho quê hương*
- Liệt vị tôn sư*
- Tác giả, dịch giả các tài liệu tham cứu*

“nêu đuổc sáng dẫn tôi tìm về Chân Dung Võ Tánh”

CHƠN THÀNH CẢM TẠ :

- Trung Tá TRẦN TRỌNG NGHĨA, Tỉnh Trưởng Gò Công
- Ông LÊ THIÊN TÙNG, Phó Tỉnh Trưởng Gò Công
- Thiếu Tá HUỲNH TẤN THÀNH, Quận Trưởng Hòa Đồng
- Thiếu Tá NGUYỄN VĂN HẬU, Quận Trưởng Hòa Lạc
- Ô. DƯƠNG VĂN NĂM, Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh Gò Công
- Viên chức, cán bộ xã ấp
- Ông bà cô bác
- Các thân hữu : Lực, Hoa, Long, Lanh, Khiêm, Chữ, Mến, Tuyết, Tiểu, ĐS Quan, PDS Luân, PDS Thuý, KTS Quang, GSVân, GS Phát, GS Thương, Dật sĩ Thấu Lưu Tử
- Nhà in Phước Lợi, Gò Công

“ đã khích lệ và giúp đỡ hoàn thành quyển sách này -

*Ái chết cho quê hương có quyền được
quân chúng đến phần mộ mình cầu nối*

VICTOR HUGO

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

ƯỚNG nước phải nhớ nguồn Người Việt Nam nào cũng được giáo dục như vậy. Và mỗi người tùy theo hoàn cảnh của mình, biểu lộ với một sắc thái riêng rẽ, sự thủy chung và ơn ích đối với tiền nhân, quốc gia, dân tộc

Tác giả quyển «**CHÂN DUNG VÕ TÁNH và NGƯỜI DÂN GÒ CÔNG**», ông Đặng Thanh Xuân là một trong những người Việt Nam chân thành yêu nước và thiết tha với tiền nhân như đã nói trên. Ông Xuân tốt nghiệp Viện Quốc Gia Hành Chánh. đã đảm trách chức vụ Phó Quận Trưởng Hòa Đồng hơn 5 năm và hiện là Phó Quận Trưởng Hòa Lạc (từ tháng 3/1973). Tuổi đời chưa tròn 30 (ông Xuân sinh ngày 15-1-1946 tại Kiến Hòa) nhưng mong ước được trở về cội rễ Việt Nam thật là to lớn, bát ngát. Ông Xuân cũng còn được ghi nhận là một cán bộ hành chánh mẫn cán liêm khiết đặc biệt chăm sóc sự sinh hoạt lành mạnh của thanh thiếu niên, thế hệ trẻ cũng như ông chưa hề bị ô nhiễm bởi trần cấu của xã hội đang khác khoải vì chiến tranh.

Quý vị độc giả sẽ tìm thấy trong thiên khảo cứu này, những nét đặc thù về lòng tôn sùng của bà con tỉnh Gò Công đối với người anh hùng trung can nghĩa dũng **VÕ TÁNH cùng các nơi thờ tự Ngài với phương thức tế lễ trong các ngày sóc, vọng . v v ..**

Vì vậy, chúng tôi xin ghi nhận nơi đây, trên nẻo đường tìm về dân tộc Việt Nam (dù đường còn dài, còn hun hút sâu thẳm) một đồng chí—ông **Xuân — với ngọn đuốc thiêng bé bỏng trong tay, cùng góp phần góp sức hành hương tìm lại thời vàng son ngày nào của dân tộc Việt Nam anh hùng.**

GÒCÔNG, ngày 19 tháng 05 năm 1973

Trung Tá **TRẦN TRỌNG NGHĨA**

TỈNH TRƯỞNG **GÒ CÔNG**

Lời Nói Đầu

TINH thần dân tộc là giá trị tích lũy về tư tưởng và tình cảm mà một dân tộc đã gầy dựng được trong khoảng thời gian trải qua. Nó ăn sâu tiềm ẩn và điều hướng hành động mỗi người.

Cuộc cách mạng Pháp 1789 và các biến động chính trị kế tiếp là nguyên ủy sinh hoạt dân chủ hiện tại của Tây Phương Cũng như tinh thần cách mạng chống đế quốc Anh đã hun đúc ý chí hợp chủng tự do của dân tộc Mỹ Cũng như hăng hao thế kỷ vùng dậy kháng xâm lăng là nguồn sống oai hùng bất khuất của dân tộc Việt Nam vậy.

Tinh thần dân tộc biến thể thành tinh thần địa phương Tinh thần địa phương khiến các phần tử cùng sống tại vùng đó có hành động phản ánh gần giống nhau Cũng như hễ địa phương nào phát xuất được một anh hùng quán thế thì nơi đó rồi sẽ có nhiều kẻ làm theo cái anh hùng của người đi trước họ. Vì vậy mới có hiện tượng vùng « địa linh nhen kiệt »

Dĩ nhiên tinh thần dân tộc hay tinh thần địa phương chỉ phản ánh được hành vi người đi trước khi nào hành vi của tiền nhơn không phải là hành vi chết, nghĩa là phải được đề cao, phô diễn rộng rãi bằng cách truyền khẩu hay truyền tự. Những hành vi đó đi vào tinh thần địa phương, dân tộc.

Trong ý hướng đó, tôi muốn ca ngợi oai danh của một người hùng phát xuất từ Gò Công – Anh hùng **VÕ TÁNH** – Trước là đề góp phần nhỏ mọn ghi nhớ người vị quốc vong thân và cầu mong nơi vùng đất này mai hậu sẽ có thêm nhiều con người giá trị như vậy. Nhơn tiện cũng xin phép lược lại sự diễn tiến với vài nét tiêu biểu của một cộng đồng sinh hoạt nhỏ – **GÒ CÔNG** và **DÂN GÒ CÔNG** – Mục đích nhằm đối chiếu nhơn vật lịch sử qua môi trường xã hội cho tỏ rõ hơn.

Tôi muốn phác họa ở đây một **CHÂN DUNG VÕ TÁNH**. Chân dung không vẽ bằng những đường nét đề ngấm nhìn mà viết đề ghi chép công đức tiền nhơn từ lúc sống cho tới khi đã chết, khả dĩ truyền ngọn đuốc soi sáng cho người đọc với trọn lòng yêu nước Việt.

Kính mong được sự hoan hỷ chỉ giáo và phê bình rộng lượng của độc giả cùng quý bà con trong tỉnh Gò Công đề bổ túc cho quyển sách tương tất hơn.

HÒA ĐỒNG, ngày 7 tháng 7 năm 1972.

ĐẶNG THANH XUÂN

PHẦN THỨ NHẤT

CHÂN DUNG VÔ TÁNH

VÔ QUỐC CÔNG

*Ờ Tước chầu binh thủ một phương
Chiếu đời Nguyễn chúa trọng tài lương
Phò vua đoạt lũy thì gan dũng
Cường chúa thiêu thân tỏ chí cường
Cứu nước há sờn công hạn mã
Gìn dân chi xiết dạ yêu thương
Giúp đời nguyện hiến thân nam tử
Dù phải hy sinh vẫn thể thường*

THẤU LƯU TỬ

oOo

*Gia Định Tam Hùng rạng bốn phương
Đứng đầu Võ Tánh bậc hiền lương
Dũng như Triệu Tử tài oanh liệt
Trí sánh Tương Như chí quật cường
Bảo quốc tận trung dân miễn phục
Thủ thành tuần tiết chúa bi thương
Hỏa lâu Bát Giác soi kim cồ
Trọn đạo vua tôi vẹn ngử thường*

DƯƠNG VĂN NĂM

CHƯƠNG THỨ NHƯT

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

VÀO hậu bán thế kỷ thứ 18, nhà Hậu-Lê suy vong. Chúa Nguyễn hùng cứ phương Nam, họ Trịnh xưng chúa miền Bắc. Tuy trên còn về tôn vua, nhưng quyền thì về cả tay chúa

Đàng Trong đòi đòi Chúa Nguyễn Phúc Khoát mới xưng vương hiệu gọi là Võ vương. Về sau, quyền thần Trương Phúc Loan chuyên quyền làm nhiều điều tàn ác, trong nước ai cũng oán giận. Cho nên có quân Tây-Sơn dấy binh khởi nghĩa (1771).

Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ là 3 anh em áo vải gốc họ Hồ, người đất Tây Sơn, đại diện cho quần chúng bị trị nghèo đói bất mãn vùng lên trong thời Nam Bắc phân tranh. Nguyễn Nhạc xưng là Trung Ương Hoàng Đế đóng đô ở Qui Nhơn. Nguyễn Lữ là Đông Định Vương ở đất Gia Định và Nguyễn Huệ là Bắc Bình Vương ở đất Thuận Hóa.

Ra phương Bắc Nguyễn Huệ diệt họ Trịnh (đời Trịnh Khải 1786) và nhà Hậu Lê đền đời vua Lê Chiêu Thống thì chấm dứt, vào năm Mậu Thân (1788). Trở vào Nam, năm 1777, Tây Sơn cũng dứt được chúa Nguyễn sau khi giết Thái Thượng Vương và Tân Chánh Vương.

Nhưng qua năm Mậu Tuất (1778), một người cháu của chúa Nguyễn còn sót lại là Nguyễn Phúc Ánh tụ tập tôi tớ cũ khởi binh chống Tây Sơn ở đất Long Xuyên, tiền chiếm Sadéc. Nguyễn Phúc Ánh thu dụng được nhiều tướng tài như Đỗ Thanh Nhân, Nguyễn Văn Hoảng, Lê Văn Quân (1). Các tướng tôn Nguyễn Phúc Ánh làm Đại Nguyên Soái Nhiếp Quốc Chính. Sau khi thu phục được đất Gia Định, Nguyễn Phúc Ánh xưng vương hiệu (1780) và phong cho Đỗ Thanh Nhân chức Ngoại Hữu Phụ Chính Thượng Quốc Công. Nhưng sau vì Đỗ

(1) Có sách gọi Lê văn Duân hay Lê văn Câu, gốc người Định Tường, thuộc tướng của Châu văn Tiếp.

Thanh Nhân cậy công lộng quyền, nên Nguyễn Vương mới giết đi vào tháng 3 năm Tân Sửu (1781).

(Đỗ Thanh Nhân người gốc Thừa Thiên theo vua Dục Tôn vào Gia Định từ năm Ất Tị (1775). Khi Chúa Nguyễn bị thất thế, Đỗ Thanh Nhân chiêu mộ được hơn 3.000 quân Đông Sơn ở Ba Giồng (tức Cai Lậy bây giờ) vẽ áo sơn mặt, cờ đề 5 chữ «ĐÔNG SƠN THƯỢNG TƯỚNG QUÂN» chống với Tây Sơn. Thuộc tướng của Nhân như Nguyễn Huỳnh Đức, Đỗ Bằng, Võ Nhân. Khi Đỗ Thanh Nhân bị giết, phần đông quân Đông Sơn trước kia một lòng phò Nguyễn Vương nay bắt đầu làm phản. Trong số đó có Võ Nhân quy tụ dư đảng Đông Sơn chống lại Nguyễn Vương nhưng chẳng bao lâu cũng bị bắt và giết chết.

Năm 1782, quân Tây Sơn đem hơn 100 chiến thuyền đánh Nguyễn Vương. Nguyễn Vương phải thua bỏ thành Gia Định rút quân ra lánh ở Phú Quốc rồi lưu vong sang Vọng Các (Xiêm la). Từ đó, Nguyễn Vương lo luyện tập quân sĩ, cầu viện quân Xiêm và người Pháp mưu dựng lại cơ đồ trong khi thế lực Tây Sơn ngày càng suy yếu.

Trong 3 anh em Tây Sơn chỉ có Nguyễn Huệ là anh hùng kiệt liệt trần giữ phương Bắc, còn Nguyễn Lữ tầm thường trần giữ phía Nam. Trong cuộc tranh hùng,

Nguyễn Huệ lại thọ bệnh mất sớm (thọ 40 tuổi vào năm 1792) để sự nghiệp Tây Sơn không ai đủ sức kế vị. Trong triều lại chia phe kết đảng, quần chúng bất mãn xa rời ... Rồi sau 24 năm chinh chiến, Nguyễn Vương thông nhất giang sơn, đặt hiệu là Gia Long Nguyên Niên vào tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), đóng đô tại Phú Xuân tức Huế bây giờ

Lịch sử là sự tái diễn không ngừng. Thịnh rồi suy, suy rồi thịnh. Những biến chuyển lịch sử đã hun đúc biết bao anh hùng hào kiệt và cũng chính họ đẩy bánh xe lịch sử quay đều . . .

Một trong những anh hùng hào kiệt thời đó là Võ Tánh.





Đức Gia Long Thế Tổ Cao Hoàng Đế
NGUYỄN-PHÚC-ÁNH
(1802 - 1819)



Anh Hùng Quang Trung NGUYỄN-HUỆ
Thái Tò Võ Hoàng Đế
(1752 - 1792)

CHƯƠNG THỨ HAI

THÂN THẾ VÕ TÁNH

VÕ TÁNH sanh năm 1768 (?) tại Biên Hòa (1).

Theo sách Đại Nam Chánh Biên Liệt Truyện sơ tập. tổ tiên Võ Tánh thuở trước vốn người làng Phước An, tổng Thanh Tuy Hạ, tỉnh Biên-Hòa, sau di cư về huyện Bình-Dương, tỉnh Gia Định. Tổ phụ là Võ Toán được truy tặng chức Chương Cơ.

(1) Sách ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ ghi huyện Hưng Phước tỉnh Biên Hòa sau dời ở Huyện Bình Dương.

— VIỆT NAM DANH NHÂN TỪ ĐIỂN ghi làng Phước An, tổng Thành Tuy Hạ (tỉnh Biên Hòa).

— DANH NHÂN NƯỚC NHÀ ghi Phước An Huyện (Mô Xoài) thuộc Phước Tuy Phủ (tức Bà Rịa bây giờ).

— GỐCÔNG XƯA VÀ NAY ghi gốc Lưỡi Rê, Giếng Bông, tỉnh Trấn Biên (Bà Rịa).

— ĐỊA PHƯƠNG CHÍ GỐCÔNG năm 1969 ghi làng Phước Tỉnh, tỉnh Trấn Biên, nay là Bà Rịa.

— LỜI CHÚ THÊM : Mô Xoài hay Mỗ Xoái (chữ nho viết là Mỗ Xúy). Theo Pétrus Ký, Petit Cours de Géographie de la Basse Cochinchine. Saigon, Imprimerie du Gouvernement, 1875, trang 13 và 14 có nói hồi Pháp chưa đến Việt Nam, huyện Phước An (Mô Xoài) là 1 huyện trong phủ Phước Tuy, phủ Phước Tuy là 1 trong 2 phủ của tỉnh Biên Hòa. Quyển Đại Nam Nhất Thống Chí, Lục Tỉnh Nam Việt tập Thượng, trang 20 có ghi Mô Xoài ở phía Bắc quận lỵ Phước Lễ, thuộc thôn Long Hương ngày nay.

Anh Võ Tánh là Võ Nhân (1) làm chức Cai Cơ và là thuộc tướng của Đỗ Thanh Nhân. Anh em Võ Tánh mồ côi cha mẹ từ hồi nhỏ, được bà nhũ mẫu nuôi dưỡng cho ăn học. Nhưng bản tánh Võ Tánh ham thích võ nghệ. Lớn lên thân hình vạm vỡ, khỏe mạnh, võ thuật tinh thông, tính khí gan dạ. Truyện «GIA LONG PHỤC QUỐC» kể lúc đền bái yết Nguyễn Vương có đoạn tả Võ Tánh như sau: «trán cao, mày rậm, mũi thẳng, cằm tròn, diện mạo khôi ngô, mình cao 7 thước». (2).

Khi chủ tướng là Đỗ Thanh Nhân lỏng quyền bị giết, Võ Nhân triệu tập quân Đông Sơn làm phản. Võ Nhân và Đỗ Báng rút quân về đất Ba Giồng (3). Không bao lâu Võ Nhân bị bắt và bị giết chết. Nhưng Võ Tánh không lầy đó làm thù riêng để hờn oán Nguyễn Vương, bèn đem dư đảng Đông Sơn của anh về thôn

(1) Có sách viết Võ Nhân.

(2) 7 thước Tàu xưa chừng lối 2 thước Tây.

(3) Ba Giồng chữ nho chép ra là Tam Phụ, là 3 giồng lớn chạy dài 2 huyện cũ Kiến Phong và Kiến Đông của tỉnh Định Tường, một mặt thì sông rộng mênh mông (Tiền Giang) một mặt thì đồng lầy rừng rú bao la (Đồng Tháp Mười).

Đó là giồng Kiến Định (nay là vùng Tân Hiệp), giồng Cai Lữ (nay là vùng Thuộc Nhiêu) và giồng Ông Triệu, cách Thuộc Nhiêu độ 20 cây số về phía Tây.

Vườn Trầu (1) rồi kéo binh về giữ Gò Công. Thời buổi tao loạn, Tây Sơn và Nguyễn Vương tranh hùng, giặc nổi lên tứ tung. Nhờ Võ Tánh hết lòng đánh đuổi cướp bóc nên cả vùng Gò Công dân chúng làm ăn yên ổn, mọi người kính phục nên có thơ khen tầm lòng hào khí trung trực của Võ Tánh như sau ;

*« Anh hùng võ dũng đất Đồng Nai
Rõ ràng trung trực thiệt không hai
Ấy là Võ Tánh người ngay thẳng
Phải quấy phen tường chẳng có sai »*

Lúc bấy giờ, Nguyễn Lữ chiếm giữ thành Sài Gòn nghe danh Võ Tánh bèn cho người đến chiêu dụ nhiều lần nhưng Võ Tánh tánh tình khẳng khái chẳng chịu hàng phục Tây Sơn. Nguyễn Lữ tức giận mang quân vây đánh Gò Tre (nay thuộc xã Long Thuận, quận Hòa Lạc Gò Công). Võ Tánh tròn thoát. Quân Tây Sơn lục soát khắp nơi tìm không ra. Chúng đem lời khuyển dụ bà nhũ mẫu chỉ chỗ Võ Tánh nhưng bà một mực từ chối. Nên chúng đánh đập, tra tấn bà hết sức dã man. Chúng để bà ngồi giữa vòng lửa rơm và dùng lửa chích vào người...

(1) Phù lâu viên (Vườn Trầu) - GIA ĐỊNH THÀNH THÔNG CHÍ chép : «Vườn này cách phía Tây Tỉnh 52 dặm rưỡi, chỗ ở hiểm yếu phải do đường hồng đạo Quang Uy mới thông đến đường lớn, chỗ ấy khi trước có 18 thôn dân cư trú một, có chợ lớn nhóm họp, người dân có thường sản, nhiều vườn trầu, thường gánh trầu đi một tốp 3, 4 mươi người xuống bán ở Sài Côn, Bến Nghé. Nơi ấy nhiều rừng rậm, mảnh hồ thường bắt người nên tục có câu «dữ như cộp vườn trầu» (ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ, TẬP THƯỢNG, trang 59, 60).

Sau khi quân Tây Sơn rút đi, về nhà thấy thảm cảnh xảy ra Võ Tánh động lòng khóc Bà nhũ mầu mĩm cười và khuyên Võ Tánh đừng buồn mà phải lập chí trai làm người trung nghĩa.

Vì tuổi già sức yếu, Bà mang bệnh trầm trọng rồi mệnh chung. Võ Tánh tần liệm và chôn cất nhũ mầu tại Gò Tre (nay thuộc ấp Lăng Ông). Dân địa phương thường gọi là Mã Bà Cồ gần miếu Võ Quốc Công. (1).

Trước sự đàn áp tàn nhẫn của Tây Sơn, Võ Tánh vô cùng công phẫn quyết chí báo thù. Nhờ các bá hộ nhiều tiền của giúp đỡ, Võ Tánh chiêu mộ thêm nghĩa sĩ, mua sắm vũ khí binh lương. Quân nghĩa đông được hằng vạn người. Võ Tánh đặt hiệu là «ĐẠO QUÂN KIỀN HÒA» xưng là Tổng Nhung, ngày đêm bỏ phòng vây bắt tặc sào huyết kẻ cướp, hễ nghe quân Tây Sơn qua đất ấy thì đón đánh giết sạch. Quân Tây Sơn thường bảo nhau rằng : «*Gia Định Tam Hùng,*

(1) Có người nói nhũ mầu của Võ Tánh là Bà Lê thị Thọai gốc ở Rạch Giã, Quận Hòa Lạc (Gò Công).

Võ Tánh là anh hùng bậc nhất, không nên phạm vào mà chết (1).

GIA ĐỊNH TAM HÙNG là 3 người hùng đất Gia Định gồm Đỗ Thanh Nhân, Châu Văn Tiếp và Võ Tánh. Có giả thuyết nói Gia Định Tam Hùng là Đỗ Thanh Nhân, Võ Tánh và Nguyễn Huỳnh Đức theo mấy câu thơ bình dân như sau :

« Nghe anh lâu thông lịch sử.
Em xin hỏi thử đất Nam Trung,
Hỏi ai Gia Định Tam Hùng.
Mà ai trọn nghĩa thủy chung một lòng ?
— Ông Tánh, ông Nhân cùng ông Huỳnh Đức
Ba ông hết sức phò nước một lòng
Nổi danh Gia Định Tam Hùng
Trọn nghĩa thủy chung có ông Võ Tánh
Tài cao sức mạnh, trọn nghĩa quỳn sinh
Bước lên lầu Bát Giác thiêu mình như không.. »

(1) Trong tuồng « Tượng kỳ khí xa » diễn tích Võ Tánh tuấn kiệt ở thành Bình Định, ông HOÀNG CAO KHẢI (hiệu là Hoàng Thái Xuyên 1850 — 1933) cũng nhắc đến Võ Tánh là đệ nhất anh hùng trong số Gia Định Tam Hùng như sau :

« Gia Định Tam Hùng đệ nhất hùng
Trì trùng nan cứu khuấy thần long
Nhất chiêu văn vũ thiên biên hiện
Đắc chí phi đằng đảo cửu không »

TƯỢNG KỶ KHÍ XA, Hồi 1, Đoạn 1, Cảnh 1.
Imprimerie. Tonkinoise, Hà Nội, 1916).

Có lần Võ Tánh đem quân đánh Tây Sơn ở Gia Định, đóng tại Phù Viên (thôn Vườn Trầu), nhưng thề Tây Sơn mạnh, sau nhận thấy nơi nầy bất tiện, ông lại đem quân về cò thủ Gò Công.

Những người hết lòng giúp đỡ ông như Ngô Tùng Châu, Mai Tân Huệ, Mai Tân Vạn, Nguyễn văn Hiếu, Mạc văn Tô, Võ văn Lượng, Trần văn Tín...v.v.. Ngô Tùng Châu là người học văn tinh thâm, đa mưu túc trí, gốc ở Ninh Hòa (tỉnh Bình Định), đậu Thủ Khoa và lánh nạn Tây Sơn vào mở trường dạy học tại Yên Luông Đông nay là Xóm Thủ. Lúc bấy giờ Võ Tánh được Ngô Tùng Châu làm tham mưu bày vẽ lý thuyết chiến lược. Nguyễn văn Hiếu và Mạc văn Tô chuyên luyện tập về phần thực hành cho binh sĩ. Mai Tân Huệ lo lương thực. Mai Tân Vạn phụ trách liên lạc, giao thiệp và tiếp liệu...

Nhờ thành trì kiên cố, binh cơ xếp đặt oai nghiêm, kỷ luật hàng binh các cấp từ dưới lên trên ai cũng mến phục chủ tướng nên nhiều lần Tây Sơn đem quân đánh đều thất bại. Tây Sơn gọi ông là «cọp» và ông đặt tên cho thành nầy là «Vạn Thắng». Thành Vạn Thắng giải rộng mấy mẫu ruộng sâu, xung quanh có hào chiến đấu, lũy tre bao bọc dày đặc hàng mấy thước. Từ đó, Tây Sơn không đem quân đánh nữa. Ông cò thủ Gò Công, luyện tập quân binh chờ thời cơ giúp nước.

Vào năm Giáp Thìn (1784), nghe danh Võ Tánh, Nguyễn Vương sai Trương Phước Giáo đèn Gò Công chiêu mộ. Lúc đó quân binh Võ Tánh ước chừng 5, 7 ngàn người. Việc sắp đặt binh lương xong xuôi định lên đường thì được tin viện binh Xiêm La bị Tây Sơn đánh bại ở Mỹ Tho và Nguyễn Vương phải lưu lạc xuống Hậu Giang tìm đường lẩn trốn. Võ Tánh đành rút quân trở về Gò Công.

Mùa Thu năm Định Vị (1787), khi từ Xiêm La về, Nguyễn Vương sai Nguyễn Đức Xuyên đèn Gò Công viếng triệu Võ Tánh lần nữa. Sau khi hội bàn ý kiến tướng sĩ, ai cũng đồng ý về giúp Nguyễn Vương. Võ Tánh bèn đem quân đánh Sài Côn do tướng Tây Sơn là Phạm văn Tham đóng giữ (1). Phạm văn Tham thua kéo chạy về Ba Thắc (vùng Đại Ngãi, Bãi Xào, tỉnh Ba Xuyên bây giờ).

Tháng tư năm Mậu Thân (1873), đoàn quân Võ Tánh dưới cờ đề 4 chữ «KHÔNG

(1) Prey Nokor chữ Miên nghĩa là rừng bông gạo, phiên âm ra chữ Việt là Sài Côn, sau gọi là Sài Gòn, (PHAN XUÂN HÒA — VIỆT NAM GẮM VÓC, trang 218).

Prey-Nôkor nghĩa là thành phố giữa rừng (LÊ HƯƠNG — NGƯỜI VIỆT GỐC MIÊN, trang 254).

Prey là « rừng » Nokor là « xứ » (ĐÀO VĂN HỘI — TÂN AN NGÀY XƯA, trang 12).

Sài Côn là Sài Gòn đó (VƯƠNG HỒNG SẼN — SÀI GÒN NĂM XƯA, trang 32).

TƯỚC NGUYỄN VÕ» kéo về bái yết Nguyễn Vương ở Nước Xoáy (1). Có rất nhiều văn nhơn tướng tài đất Gò Công theo về với Nguyễn Vương như Ngô Tùng Châu, Võ văn Lượng, Nguyễn văn Hiều, Mạc văn Tô, Mai Tân Huệ...v.v.. Khi vào bái yết Nguyễn Vương, Võ Tánh dâng một bao gạo và một quả trứng gà làm lễ ra mắt. Nguyễn vương niềm nở tiếp nhận và hỏi han : *«Thiên lý cống nga mao, lễ khinh nhơn hậu ý. Ta muốn biết ý tướng quân?»* (2). Võ Tánh vội quỳ thưa : *«hột gạo trắng trong, trứng gà to, trống đỏ lớn, Thần dâng hai món thờ sản này để tỏ lòng trung dũng của NGƯỜI DÂN GÒ CÔNG quyết đem thân phò CHÚA»*. Nguyễn Vương cảm động mừng rỡ bước xuống ôm Võ Tánh và nói : *«Thật quả là địa linh nhơn kiệt»*, rồi truyền lược trứng gà nấu một chén cháo cho chúa ngự còn bao nhiêu để vào nồi lớn nấu chín chia các tướng sĩ cùng nếm cái phong vị trung dũng của người Gò Công.

Võ Tánh được phong làm Tiên Phong Dinh Chương Cơ và chúa gả cho người em gái là Ngọc Du công chúa (sinh năm 1769). Các thuộc tướng theo về đều được phong chức Cai Cơ.

oOo

(1) Tức Hồi Oa hay Vàm Nao, thông từ Tiền Giang qua Hậu Giang, làm ranh giới cho Long Xuyên và Châu Đốc.

(2) Nghĩa câu chữ nhỏ : «Người từ phương xa vạn dặm đến bái yết dâng lễ mọn dù chỉ một cái lông ngỗng cũng có nghĩa trọng hậu lắm rồi».

CHƯƠNG THỨ BA

CÔNG NGHIỆP HẬU QUÂN VÕ TÁNH

BẦY giờ vào tháng 7 năm 1788, Nguyễn Vương về đóng ở Ba Giồng, rồi sai thuộc tướng mang quân đánh Tây Sơn. Qua tháng 8, Nguyễn Vương chiếm được thành Gia Định, chiêu an trăm họ, sửa sang phép tắc và phong thưởng cho tướng sĩ. Nguyễn Vương nuôi chí diệt Tây Sơn khôi phục sơn hà. Dưới tay chúa có nhiều tướng tài nổi bật như Võ Tánh, Nguyễn Huỳnh Đức. Tôn Thất Hội, Lê văn Duyệt, Nguyễn văn Thành và các văn thần hữu danh như Trịnh Hoài Đức, Ngô Tùng Châu, Lê Quang Định, Hoàng Minh Khánh, Ngô Nhân Tịnh.v.v..

Xét riêng công nghiệp của Võ Quốc Công có thể nói Võ Quốc Công là người hùng đã đẩy công hãn mã phò tá Nguyễn Vương từ lúc phản công cho đến gần sát mức thắng lợi hoàn toàn. Thời gian mười ba năm chiến đấu đó kéo dài từ năm 1788 đến 1801 là năm Võ Quốc Công tuần tiệt thác theo thành Bình Định.

I - ĐỆP TÂY SƠN NAM KỲ (1789)

Lúc bấy giờ tướng Tây Sơn là Phạm văn Tham đã bị Võ Tánh đánh bại phải bỏ thành Sài Gòn chạy xuống Hậu Giang, đóng quân ở Ba Thắc.

Năm 1789, Nguyễn Vương sai Võ Tánh điều binh tảo thanh tàn quân Tây Sơn còn sót lại ở Nam Kỳ. Võ Tánh lấy đồn Ngũ Kiếu và tiền chiếm Hố Châu. Chẳng đầy hai ngày mà chiếm được cả 2 đồn, giết 2 tướng Tây Sơn là Lê văn Minh và Nguyễn Hùng cùng bắt sống hơn 2 ngàn quân địch.

Sau đó hiệp cùng Lê văn Quân và Tôn Thất Hội, Võ Tánh tiến quân đánh Ba Thắc. Thái Bảo Phạm Văn Tham yêu thế cự không lại phải rút quân vào đồn cò thủ. Võ Tánh cho quân công đồn ba mặt, Phạm văn Tham nửa đêm rút quân xuống thuyền định trốn về Qui Nhơn. Nhưng đến cửa Đại An thì bị 2 thuộc tướng của Võ Tánh là Võ văn Lượng và Mạc văn Tô chặn bắt lại.

Bữa sau thầy các tướng dẫn Phạm văn Tham vào, Võ Tánh dùng lời nhỏ nhẹ khuyên dụ Tham về với Nguyễn Vương. Cùng thề, Tham chịu hàng nhưng sau bị mưu phản trở về Tây Sơn và bị bắn chết lại sông Nhà Bè.

Từ đó, toàn đất Nam Kỳ vĩnh viễn thuộc về chúa Nguyễn.

II. — CHIẾM BÌNH THUẬN (1790)

Chiếm xong Nam Kỳ, sau một năm chinh đồn binh lương thành lũy, vào tháng tư năm Canh Tuất (1790), Nguyễn Vương phong cho Tiền Quân Lê văn Quân chức Điều Vát đem 5 ngàn quân binh thủy bộ đánh Bình Thuận. Hậu Quân Võ Tánh làm Chánh Tiên Phong, Nguyễn văn Thành làm Phó.

Nhận thầy giữa Lê văn Quân và Võ Tánh có chuyện xích mích từ lâu, sợ sanh mâu thuẫn lỡ việc quân cơ, Nguyễn Vương mới bảo riêng với Nguyễn văn Thành rằng : « Câu chuyện bất hòa giữa Quân và Tánh chắc người đã rõ. Vậy người nên khéo điều binh chớ dè lẽ việc. Chuyện này có công hay có tội thì người cũng dự một phần, người nên nhớ kỹ ».

Thề rồi 3 tướng kéo quân ra đi, Lê văn Quân và Võ Tánh thì ra Phan Rí, còn Nguyễn văn Thành tiên mặt Hóc Trâm để chặn đường

địch rút lui. Quả nhiên trúng kế, quân Tây Sơn bị giết gần hết (1a).

Tướng Tây Sơn là Trương Thề Phương chết tại trận, còn Đô Đốc Đào văn Hồ lui quân bỏ thành Phan Thiết rồi cũng bị bắn chết tại cầu Bình Khương, trên đường chạy trốn về Phan Rí. Thừa thắng xông lên, quân Nguyễn Vương chiếm thành Phan Rí và Phan Rang.

Qua các trận này, Tây Sơn nghe đồn oai danh Hậu Quân Võ Tánh thì khiếp vía kinh hồn, nên có câu thơ khen rằng :

*« Một chuyến ra quân đã rõ tài,
Kìa thành Bình Thuận hạ liền ngay.
Tài danh Võ Tánh vang trời Việt
Đã khiến Tây Sơn phải chạy dài. »*

Đang thắng thế, Lê văn Quân sai Nguyễn văn Thành đi đánh Diên Khánh và Võ Tánh thì tiến ra Tam Độc trợ lực nhưng Nguyễn văn Thành không thuận, viện lẽ rằng : *« Diên Khánh là một thành nhỏ, chỉ khổ vưng tay là nắm được ngay. Tôi há nhút nhát mà chẳng lập công đó. Chỉ vì theo nhận xét của tôi, thành đó xa cách Sài Gòn, việc đi lại mất hàng tuần. Dù mình có chiếm được nếu địch quân đem toàn lực đến tranh chưa chắc mình đã giữ nổi. Như vậy khác chi đem thịt cho hùm tôi không muốn ».*

Lê văn Quân thấy mình là chủ tướng mà Nguyễn văn Thành dám ngang nhiên chống đối thì tức giận, bèn tuốt thanh bửu kiếm

đặt trên bàn, nói dần từng tiếng : « *Đây ! nếu ai không tuân lệnh thì đã có nó trả lời !* ». Thành vẫn ung dung đáp : « *Mệnh lệnh là của chủ tướng, nhưng trách nhiệm là việc chung. Nếu ông chẳng nghe lời nói thẳng mà tham công khinh địch thì tôi dầu chết cũng chẳng dám nghe* ».

Thầy Nguyễn văn Thành cương quyết như vậy, Lê văn Quân đành thay đổi ý kiến, đem quân về đóng tại Phan Rí (1b).

Khắc phục được thành Bình Thuận, Nguyễn Vương rất mừng. Nhưng thầy các tướng Lê văn Quân và Võ Tánh, Nguyễn văn Thành không thuận nhau nên Nguyễn Vương lệnh giao cho Lê văn Quân thủ thành và triệu Võ Tánh cùng Nguyễn văn Thành trở về Gia Định.

III – TRẦN THỦ ĐIÊN KHÁNH (1794 – 1795).

Tháng tư năm Tân Hợi (1791), vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc nghe tin Võ Tánh đã rút quân về Sài Gòn, liền sai Tư Khẩu Huỳnh Thới Xuân đem quân vào đánh Bình Thuận. Vì quân Tây Sơn quá đông áp đảo thành trì nên Lê văn Quân phải bỏ thành kéo binh về Gia Định thú tội. Nguyễn Vương tức giận đem nghị tội rồi hạ chỉ cách chức giáng xuống cho làm Cai

(1a) (1b) trích dẫn bài «Nguyên nhân vụ án Tiền Quân Thành» của TỔ NAM - TẬP SAN SỬ ĐẠ số 22, năm 1971.

Cơ. Lê văn Quân hổ thẹn uổng độc được tự vận.

Tháng ba năm Quý Sửu (1793), Nguyễn Vương phong cho Võ Tánh chức Khâm Sai Quán Suất Hậu Quân Dinh Bình Tây Tham Thằng Tướng Quân Hộ Giá hiệp cùng Tôn Thất Hội, Nguyễn văn Thành và Lê văn Duyệt xua quân chinh phạt Tây Sơn. Quân Nguyễn Vương vào cửa biển Nha Trang rồi lần lượt chiếm phủ Diên Khánh, phủ Bình Khang, phủ Phú Yên và tiến đánh Qui Nhơn. Bây giờ thành Qui Nhơn là của vua Tây Sơn Trung Ương Hoàng Đề Nguyễn Nhạc.

Nhờ toàn thắng mặt biển, Nguyễn Vương cho quân thủy bộ hiệp vây thành Qui Nhơn. Hậu Quân Võ Tánh trách nhiệm vây hãm thành phía Đông, Tiền Quân Nguyễn văn Thành công hướng Bắc, Hữu Quân Nguyễn Huỳnh Đức tấn phía Tây còn Tôn Thất Hội lãnh giá phía Nam.

Sau xét vì đường binh phải đánh xa, tiêu hao lương thực và thời gian công thành quá lâu mà viện binh Tây Sơn lại kéo tới nên Nguyễn Vương ra lệnh rút quân về Gia Định. Thấy thế lực Tây Sơn còn mạnh bền giao cho Võ Tánh trấn thủ thành Diên Khánh. (1)

(1) Diên Khánh nay còn cổ thành, cách châu thành Nha Trang chừng 10 cây số.

Tháng giêng năm Ất Mão (1795), tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu đem binh vào vây đánh Diên Khánh. Võ Tánh kiên thành cò thủ. Trong thành thiếu lương thực, quân sĩ hết sức kham khổ, nhưng Võ Tánh lấy lời trung nghĩa khuyên nhủ, tướng sĩ trên dưới một lòng, Tây Sơn không phá thành được.

Mùa hè năm Ất Mão (1795), Nguyễn Vương cử binh thủy bộ ra tiếp viện. Võ Tánh hay tin có viện binh đến bèn thân đốc tướng sĩ đang đêm mở cửa thành ra đánh, quân Tây Sơn tan chạy. Giải vây được thành Diên Khánh, Nguyễn Vương vô cùng mừng rỡ và khen ngợi Võ Tánh rằng : *«Trần Quang Diệu là một danh tướng mà tướng quân một mình giữ vững được thành, quả là có gặp gió to mới hay cây cỏ cứng»*. Nguyễn Vương trọng thưởng tướng sĩ và phong cho Võ Tánh chức Khâm Sai Hậu Quân Tham Thặng Đại Tướng Quân Quận Công, tạm thưởng 10.000 quan tiền và truyền cho Võ Tánh cùng tướng sĩ rút về Gia Định, cử Tiền Quân Tôn Thất Hội thay thế trấn thủ Diên Khánh.

Võ Tánh vốn người tướng trẻ, tánh cương trực, thấy điều gì gai mắt bắt bìn thì nói ngay. Ngoài ra, vì là bậc thân quý của Nguyễn Vương, lập được nhiều chiến công nên đôi khi tỏ ra kiêu căng, hãnh diện. Vì thế, Tiền Quân Tôn Thất Hội thường chê Tánh là người thiên cận, khoe khoan và bảo thẳng rằng : *«cây*

mình là quý mà không xét đến kẻ sĩ là lỗi quan Phiêu Kỵ họ Hoắc (1), nay tướng quân có đẹp được tánh kiêu đi thì mới giữ được trọn tiếng hay». Võ Tánh nghe lời cảm tạ, không những đẹp được tánh kiêu mà còn tỏ vẻ khiêm tốn với mọi người, nên sau được nhiều người mến chuộng tín phục.

IV. – CHIẾM THÀNH QUI-NHƠN (1799).

Từ năm 1794 đến 1798, mỗi năm cứ đến mùa biển êm gió thuận, Nguyễn Vương lại đem quân Bắc tiến đánh Tây Sơn, gọi là giặc Mùa.

Mùa hè năm Kỷ Vị (1799), Võ Tánh lại theo Nguyễn Vương ra đánh Qui Nhơn lần nữa. Khi các đạo chiến thuyền ra đến cửa Thị Nại (cửa biển vào thành Qui Nhơn), Nguyễn Vương bèn sai Hậu Quân Võ Tánh và Hữu Quân Nguyễn Huỳnh Đức đem binh lên bộ.

Khi Võ Tánh kéo binh đến thành Qui Nhơn, tướng Tây Sơn là Nguyễn Túy đem quân kháng cự bị đánh bại tại Thị Dã. Võ Tánh kéo binh rượt theo giết được tướng Tây Sơn là Đô Đốc Nguyễn Thiết tại cầu Tân An. Đến tháng 5 thì quân Nguyễn Vương đến vây thành Qui Nhơn.

(1) Hoắc Phiêu Kỵ là một võ tướng đời Hán, tính kiêu ngạo vì cậy mình lập được nhiều công trạng với triều đình, nên triều đình ai cũng ghét.

Trong lúc bàn kế vây thành Qui Nhơn thì có danh tướng Tây Sơn là Lê Chắt xin hàng làm thuộc tướng. Võ Tánh đốc suất tướng sĩ vây chặt thành, trisúng đại bác trên các mặt lũy bắn xả vào và truyền quân ngày đêm công phá gắt gao.

Hay tin ấy, Phú Xuân liền sai Trần Quang Diệu và Võ văn Dũng đem binh cứu viện nhưng bị quân của Nguyễn văn Thành ngăn giữ lại ở Thạch Tân. Sứ chếp khi đạo quân của Võ văn Dũng vào đóng tại Chung Xá, đêm đêm có con nai trong rừng chạy ra, tên lính gác trông thấy hô to : « con nai ! con nai ! ». Quân Tây Sơn đang ngủ giật mình thoảng nghe tường lắm «QUÂN ĐỒNG NAI» nên hết thấy luồng cuồng bỏ chạy. Quân Nguyễn Vương thừa thế đánh đuổi, Tây Sơn thua to.

Tại thành Qui Nhơn, tướng Tây Sơn là Lê văn Thanh chờ không thấy viện binh mà lương thực trong thành hết cả bèn mở cửa xin hàng.

Võ Tánh hộ giá Nguyễn Vương cùng văn võ đại thần hơn 50 người kéo binh vào thành. Lúc đó nhằm tháng 5, năm Kỷ Vị (1799). Chiếm xong Qui Nhơn, Nguyễn Vương đổi tên là thành Bình Định rồi đem binh về Gia Định, để Hậu Quân Võ Tánh trấn thủ và Lễ Bộ Tham

Tri Ngô Tùng Châu làm tham mưu (1).

V. — TRẦN THỦ THÀNH BÌNH ĐỊNH (1799 — 1801)

Nghe tin Nguyễn Vương đã rút quân về Gia Định, Trần Quang Diệu bàn với Đại Tư Đồ Võ văn Dũng rằng : « Võ Tánh là một danh tướng của địch quân trong hàng võ tướng của ta chưa ai sánh kịp. Nay gặp lúc một mình Võ Tánh giữ Bình định, khó có quân cứu viện khi bị vây hãm. Vậy tôi đốc suất bộ binh quyết chiến với Võ Tánh, còn Đô Đốc đem thủy quân đóng giữ cửa Thị Nại, phòng ngừa địch quân từ Gia Định ra giải cứu ».

Tháng giêng năm Canh Thân (1800), bàn sao làm vậy, Trần Quang Diệu cùng Võ văn Dũng đem 2 đạo quân thủy bộ vây đánh thành Qui Nhơn quyết bắt sống cho được Võ Tánh.

(Trần Quang Diệu (2) và Võ văn Dũng là 2 hổ tướng của Tây Sơn, đã kết tình đồng sanh đồng tử, từng tham dự trận Đại phá quân Thanh của vua Quang Trung năm Kỷ Dậu (1789) cứu quốc gia thoát nạn xâm lăng.

Trần Quang Diệu là bậc tướng trí dũng hơn người, giàu lòng nhơn ái, lập nhiều chiến

(1) Thành này là thành cũ trên địa phận 2 huyện Tuy Viễn và Phù Cát. Thành cũ này cách châu thành Qui Nhơn ngày nay 26 cây số và cách thành Bình Định mới xây vào thời Gia Long 6 cây số. Thành cũ ở gần tháp Cảnh Tiên (Tiên Dực Tháp), người Pháp gọi là Tour de Cuivre.

(2) Có sách gọi là Nguyễn Quang Diệu.

công chinh phạt Ai Lao và giúp Tây Sơn chống chúa Nguyễn — Võ văn Dũng người gốc Bình Định, ngoài tài cầm binh, ông còn là một nhà ngoại giao, một kinh tế gia có đặc tài.

Năm 1802, khi Tây Sơn bị chúa Nguyễn đánh ở Trần Ninh, Trần Quang Diệu và vợ là nữ tướng Bùi thị Xuân cùng Võ văn Dũng rút quân định ra Bắc. Sau cả gia đình Trần Quang Diệu bị bắt tại Nghệ An. Vua Gia Long muốn dụ Trần Quang Diệu về hàng nhưng tướng Trần Quang Diệu tỏ ý bất phục và khẳng khái trả lời : *« Nhà vua thắng là nhờ ở trời chứ không phải ở tài mình Tôi nay thất thế, ngài muốn làm gì thì làm. Tôi trung không thờ hai chúa. Nếu nhà vua rộng lượng tha chết cho tôi như tôi đã từng tha chết cho tướng sĩ của nhà vua ở thành Bình Định dẫu trước thì tôi sẽ xin về quê quán làm ruộng và đóng thuế như người thường dân. Ví như nhà vua e ngại thì tôi sẵn sàng chết vì đại nghĩa »*

Cuối cùng, vua Gia Long ra lệnh đem hành hình. Trần Quang Diệu chịu tội lột da, vợ là nữ tướng Bùi thị Xuân và con gái là Bích Xuân bị voi giầy.

Trong lúc tìm chạy ra Bắc, Võ văn Dũng bị dân Thanh Hóa bắt nộp cho Nguyễn Vương. Sau trốn thoát được, ông lui về Bình Định ẩn náu và cải danh là Võ văn Bộ. Ông mất năm Ất Dậu (1835), chôn tại quê nhà, làng Bình Phú,

quận Bình Khê, tỉnh Bình Định).

Trở lại hồi Võ Tánh trấn thủ thành Bình Định...

Quân Tây Sơn quá đông kéo tới trùng trùng điệp điệp, Võ Tánh quyết giữ thành, cho quân mai phục bên trong chờ viện binh mà không ra xuất chiến. Trần Quang Diệu áp dụng chiến thuật trường kỳ công hãm, ra lệnh cho cắt trại lập đồn, đào hào đắp lũy, đồn nấy liền với đồn kia, lũy kia tiếp cùng lũy nọ bọc chung quanh rồi trực súng bắn vào thành. Võ văn Dũng thì đem 2 tàu lớn và 100 chiến thuyền ra trấn án giữ cửa Thị Nại.

Nhận thấy thủ trong thành lâu ngày thật thê, Võ Tánh sai Lê Chắt mật lén ra khỏi trùng vây băng đường rừng về Gia Định xin viện binh. Được tin Tây Sơn vây thành Bình Định, Nguyễn Vương cấp thời mang quân cứu viện, sai Nguyễn văn Thành đem 3 đạo quân bộ ra đánh đồn Hội An và Thị Dã (thuộc Bình Định). Còn Nguyễn Vương đem thủy binh đánh cửa Thị Nại. Quân Tây Sơn bờ phòng quá kiên cố nên bộ binh của Nguyễn văn Thành và thủy quân của Nguyễn Vương không thông được với nhau, khiến sự cứu viện không công hiệu. Chaigneau là người Pháp theo Bá Đa Lộc giúp Nguyễn Vương có viết thư cho Barisy nói rằng: « trước đây chưa trông thấy địch (Tây Sơn) và thủy quân, tôi có ý khinh thường. Nhưng bây giờ mới biết mình lầm.

Thật vậy, Tây Sơn là một phòng tuyến không sao vượt được. Bây giờ thời tiết lại xấu, bởi bệnh tật nhiều, lính Gia Định và lính Cao Mên phải trở về nguyên quán, những quân tướng về hàng trước đây là trở lại với chủ cũ, tình thế thật nguy vô cùng. . . » (1)

Sau nhiều trận thủy chiến xông pha khốc liệt, Đại Đế Đốc Võ Duy Ngụy tử trận. Nhờ trận hỏa công quyết liệt sau cùng mà tướng Tây Sơn Võ văn Dũng phải bỏ cửa Thị Nại rút quân về hợp cùng Trần Quang Diệu cõ thắt chặt vòng vây thành Bình Định.

Dù thắng trận thủy chiến ở Thị Nại nhưng Tây Sơn vây thành Bình Định quá kiên cố, quan quân đèn cứu viện đã gần 2 năm trời, đánh mãi mà không phá được vòng vây. Nguyễn Vương đã có phen bàn với tướng sĩ rằng : *«Thà mất thành hơn mất tướng. Thành mất còn lấy lại được, tướng mất là mất hẳn»*, họ Võ lại là phò mã chồng của công chúa Ngọc Du em gái của chúa, thêm nữa, Võ Tánh là một tướng trung kiên từng lập được nhiều chiến công rạng rỡ, nên sau Nguyễn Vương bèn cho mật viên lặn nước từ cửa biển lên vào thành bảo Võ Tánh và Ngô Tùng Châu vượt vòng vây bỏ thành mà ra. Nhận được chiêu lệnh của Nguyễn Vương nhưng Võ Tánh không chịu. Có người khuyên Võ Tánh bỏ thành, Võ Tánh khẳng khái bảo : *« không thể được. Ta phụng mạng giữ*

(1) PHẠM VĂN SƠN — VIỆT SỬ TÂN BIÊN, quyển IV, trang 223.

thành này, nên thể với thành cùng sống chết. Nếu bỏ thành mà hèn nhát trốn lấy một mình thì sau này còn mặt mũi nào trông thấy Chúa Thượng nữa».

Võ Tánh lại viết một mật thư rồi sai người lặn theo dòng sông đem trở ra cho Nguyễn Vương trình tâu rằng :

- « Tàu Hoàng Thượng,
- « Hiên Tây Sơn có bao nhiêu dũng tướng, mấy vạn hùng binh đều đem vào Bình Định cả.
- « Phú Xuân đang bỏ trống không có tướng phòng thủ.
- « Nhà Nguyễn Phúc nay có cơ hội tốt, kéo ra đánh Phú Xuân như trở bàn tay.
- « Mạng hạ thần chur tấm ngói, chốn cựu kinh như một kho vàng.
- « Đồi ngói lấy vàng còn có gì hơn nữa.
- « Hạ thần là một viên tướng thủ thành, hễ thành còn thì hạ thần còn mà thành mất thì hạ thần phải mất.
- « Hạ thần quyết hy sinh tánh mạng.
- « Vậy Hoàng Thượng hãy thí một mạng hạ thần đề đổi lấy Phú Xuân, chớ dùng dăng ái ngại. Đó là nguyện vọng tha thiết của kẻ hạ thần».

Đọc thư xong, Nguyễn Vương cảm động, bâng hoàng do dự, Lê văn Duyệt tâu trình biện giải : *«Việc dùng binh cần thần tốc, mưu kế cần phải quyết định ngay. Lúc này Chúa Thượng vừa đại phá quân thuyền địch, thể ta mạnh như nước thủy triều đang dâng, nên thừa thế tiến thẳng đến Phú Xuân. Khi Phú Xuân vào tay ta, địch*

quân ở Bình Định không đánh mà tan, thành Bình Định không cần giải vây cũng phải vỡ. Chính là cách đánh cờ thí xe vậy».

Sau cùng Nguyễn Vương quyết định ra đánh Phú Xuân và sai người mật vào dặn Võ Tánh: *«cứ cố thủ trong thành và đừng khinh địch. Chúng ở trong tay ta rồi. Ta đang sửa soạn một trận lớn khiến cho tướng quân có thể sớm hội ngộ cùng ta».*

Nguyễn Vương sai Nguyễn văn Thành ở lại Bình Định chông giữ rồi đem thủy binh tiến đánh Phú Xuân. Lúc đó nội tình Tây Sơn rồi ren, trong triều quan quân thù nghịch kinh chông, giặc nổi lên đánh phá khắp nơi, dân chúng bắt măn... Nhờ đó, Nguyễn Vương chiếm được kinh thành Phú Xuân dễ dàng. Bấy giờ là ngày mồng 3 tháng 5 năm Tân Dậu (1801).

Vua Tây Sơn Cảnh Thịnh (1) bỏ chạy ra Bắc Hà. Thừa thắng Nguyễn Vương cho quân tiên phá trận Trần Ninh. Hay tin nầy, Trần Quang Diệu và Võ văn Dũng bỏ thành Bình Định kéo chạy về Nghệ An (tháng 3 năm Nhâm Tuất 1802) bị đánh tan rã và bị bắt. Chẳng bao lâu Nguyễn Vương diệt được nhà

(1) Vua Cảnh Thịnh sanh năm 1782, là Thái Tử Nguyễn Quang Toàn, con vua Quang Trung Nguyễn Huệ. Sau khi vua Quang Trung băng hà (năm 1792), Nguyễn Quang Toàn được tôn làm vua. Sau thua chạy ra Bắc Hà đổi niên hiệu là Bảo Hưng.

Tây Sơn và lấy được Thăng Long thành (Hà Nội bây giờ). Tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Vương lập đàn tế trời đất, đặt niên hiệu là Gia Long Nguyên niên.

Trước đó vừa đúng một năm, Hậu Quân Võ Tánh đã tuần tiết tại thành Bình Định.

VI – VÕ TÁNH TUẦN TIẾT (NGÀY 27-5 NĂM TÂN DẬU TỨC NGÀY 07-7-1801)

Lúc Trần Quang Diệu và Võ văn Dũng đang vây đánh thành Bình Định thì được tin cấp báo Phú Xuân thất thủ, Diệu liền sai tướng đem quân ra cứu. Nhưng vừa đến Quảng Nam thì gặp quân Lê văn Duyệt kéo vào chặn đường, quân Tây Sơn phải lùi trở lại. Từ đó, Trần Quang Diệu ngày đêm hết sức đốc quân công thành Bình Định.

Trong thành đạn được tiêu mòn, hết cả lương thực phải giết voi giết ngựa mà ăn, quân sĩ bị đói đã chao vao nhưng không ai than oán chi cả. Có người khuyên Võ Tánh phá vòng vây ra, ngài bảo : *«Riêng ta ra thì chắc được rồi. Nhưng khi giặc vào thành chúng sẽ giết hết quân lính. Lòng ta không nở. Đã là tướng thì phải thác theo thành»*.

Bữa nọ, Lê Bộ Tham Tri Ngô Tùng Châu thầy thành càng ngày càng bị hãm chặt rất nguy cấp bèn hỏi rằng : *«thành này nay đã bị trong tròng vây ngặt nghèo như vậy, tướng quân liệu kế sao ?»*. Võ Tánh nghe hỏi liền chỉ tay ra giàn hỏa dưới

lầu Bát Giác trả lời : « *kể tôi đành chịu thác ở đó mà thôi* ». Một hồi rồi Võ Tánh quay ngó Ngô Tùng Châu và nói tiếp : « *Tôi là võ tướng không lẽ sống với giặc được, còn ông làm quan văn chắc giặc không nỡ giết nên ông liệu mà tự toàn* ».

Ngô Tùng Châu nghe nói thì nheo mày rồi cười nói : « *dầu vẫn dầu vô ai cùng một lòng trung quân ái quốc cả, chớ phân biệt chi. Trong hàng quan văn cũng nhiều phạm hạng. Hạng văn quan đề tiện chỉ lo cho mình được quyền cao tư cách trọng, tử ấm thê phong, ngồi vít đốc giữa công đường, xưng là dân chi phụ mẫu mà trong óc chỉ nuôi một lũ quý thể lực kim tiền, đem thủ đoạn cạy thế ý thần mà làm trăm việc hại hơn ích kỷ, chẳng biết thật lòng yêu thương dân tộc, chẳng biết quý mến đồng bào, chỉ biết lấy một phương châm đục lợi cầu vinh mà bán mất lương tâm cho ma quỷ. Đến lúc nước nhà hữu sự, gặp cơn thế cuộc tang thương thì ngồi đó mà tọa thị bàng quan rồi kiếm đường thụt đầu rút cổ. Chớ còn như Tùng Châu này tuy làm một chức quan văn nhưng chẳng hề tham sanh úy tử. Tướng quân liệu mình với nước, tôi lại không tận trung với vua hay sao ?* »

Ngô Tùng Châu nói rồi trở về tư dinh lấy đồ phẩm phục triều đình mặc vào và uống thuốc độc tự tử.

Nghe quân báo Ngô Tùng Châu phục được tuần tiết thì Võ Tánh thở dài mà nói rằng : « *Khảng khái thay cho Ngô Tùng Châu ! Người đã đi trước ta một bước* ». Võ Tánh qua dinh Ngô Tùng Châu lo tẩn liệm tử tề rồi trở về viết một phong thư sai người đưa ra ngoài thành cho Trần Quang

Diệu nói rằng : « Phận ta là chủ tướng thì đành thác dưới cờ, còn các tướng sĩ của ta không có tội gì. Vậy ta xin tướng quân khi thắng trận vào thành hãy mở chút lòng nhen mà bao dung cho tướng sĩ. Ta dù thác xuống cửu tuyền cũng rất cảm tạ thành tình ».

Đoạn Võ Tánh mặc áo mao triều phục ngó về hướng Bắc lạy vua 5 lạy rồi bước lên lầu Bát Giác hội các tướng sĩ lại nói rằng : «*Ta nhờ các tướng sĩ đồng tâm hiệp lực mới giữ được thành mà chống nhau 2 năm nay với giặc. Nhưng nay sức cùng lương hết, giữ thành không được nữa. Thôi thì ta liều mình thác chứ không làm khổ tướng sĩ nữa* ». Các tướng sĩ đều im lặng, Võ Tánh tiếp : «*ta uống độc được như Tùng Châu hay nhảy vào lửa đống nào cũng chết. Nhưng ta không muốn địch quân trông thấy mặt ta nên ta đành chết vào lửa mà thôi* »

Tướng sĩ quỳ xung quanh lầu ai cũng thương xót. Võ Tánh cầm khẩu súng lệnh của mình trao cho Lưu Thủ Nguyễn văn Thanh bảo rằng : «*Nhớ trao khẩu súng này cho Thái Phó Trần Quang Diệu và dặn rằng ta phó thác vào Thái Phó tất cả tướng sĩ của ta* ».

Võ Tánh bảo phó tướng Nguyễn văn Biện châm giàn hỏa. Biện khóc lóc chạy đi. Bấy giờ Võ Tánh đang hút thuốc lá, trầm ngâm rồi bèn ném vôi điều thuốc lá xuống đồng thuốc súng, lửa tức thì bùng cháy phừng lên.

Tướng sĩ chạy quanh kêu gào khóc tắt tươi. Tổng Binh Nguyễn Tấn Huyền ở ngoài nhảy vào giàn hỏa ôm lấy Võ Tánh mà chết theo.

Hôm ấy vào ngày 27 tháng 5 năm Tân Dậu tức 07-7-1801 (1).

Tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu bắt được thơ Võ Tánh và thấy lửa bốc cháy thì biết Võ Tánh đã tuần tiết bèn kéo quân vào thành. Trông đồng tro tàn trên lầu Bát Giác, Trần Quang Diệu ứa nước mắt, sai xuất cửa kho làm vương lễ tấn liêm Võ Tánh và Nguyễn Tân Huyền tử tề rồi tha hết các tướng sĩ không làm hại một người.

Hay tin Võ Tánh và Ngô Tùng Châu tuần tiết, Nguyễn Vương khóc thương kể rằng : *«Toàn tiết như thế dầu Trương Tuân, Hứa Viễn ngày xưa cũng không*

(1) Tục truyền rằng lúc đó có một người ái thiếp và một lão bộc tự trói mình vào cột lầu Bát Giác mà chết theo. Đến khi vua Gia Long lên ngôi (1802) lại quên nghĩ đến mấy tội trung nầy nên người Bình Định có đặt câu hát rằng :

*« Trại ngay vì chúa,
Gái ngay vì chồng,
Nhờ ngọn lửa hồng,
Tỏ lòng son sắt.
Dù ai không mắt,
Dù ai vô tâm,
Dù không thề trúc tượng đồng,
Tiếng thोर còn với non sông đời đời...
Lừng lơ bia miệng giấy trời,
Âm thầm bút tháp chép đời trung trinh ».*

hơn được » (1).

VII.— TRUY PHONG VÀ TƯỚNG NIỆM.

Vua Gia Long sau khi lên ngôi Hoàng Đế tưởng đền công ơn Võ Tánh, cho lập đền thờ ở nền cũ lầu Bát Giác (Bình Định) và truy phong chức KHÂM SAI CHƯỞNG HẬU QUÂN BÌNH TÂY THAM THẶNG ĐẠI TƯỚNG QUÂN, Ngô Tùng Châu được truy phong LỄ BỘ THƯỢNG THỜ, Nguyễn Tân Huyền được phong HUYỆN HẬU.

Sau đời vua Minh Mạng, Võ Tánh được truy phong HOÀI QUỐC CÔNG, Ngô Tùng Châu làm NINH HÒA QUÂN CÔNG. Cả hai đều được thờ tại nhà Thái Miếu ở kinh thành, tại Chiêu Trưng Từ ở Bình Định và Hiến Trưng Từ ở Gia Định.

Hiện nay, có miếu thờ và mộ của Hoài Quốc Công Võ Tánh tại Phú Nhuận (Gia Định), vì năm 1802, vua Gia Long sai Cai Bạ Đình Công Khiêm và Cai Đội Tôn Thất Bính mang áo mào gấm vóc đền Bình Định thâu liệm di hài của Võ Quốc Công đem về chôn tại đó.

(1) Trương Tuấn và Hứa Viễn là 2 danh tướng đời vua Đường Huyền Tôn bên Tàu, đã tuân tiết theo thành Tuy Dương. Người sau có lập đền thờ gọi là « Song Trưng Miếu ».

Tuy vậy, tại chỗ lầu Bát Giác ở Bình Định cũng còn xây mộ Võ Quốc Công hình tròn như cái thúng và kê bên có mộ Huyện Hầu Nguyễn Tân Huyền hình vuông như cái khay. Mộ ở gần tháp Cánh Tiên và dân địa phương còn mền tiềc vị anh hùng qua câu hát sau đây :

Ngó lên ngọn tháp Cánh Tiên,

Cảm thương Quan Hậu thủ thiềng ba năm.

Tại tỉnh Gò Công, nơi phát xuất người hùng Võ Tánh, dân địa phương cũng lập nhiều đền, miếu, đình, chùa phụng thờ ngài và tổ chức tề lễ hằng năm.

oOo

Tháng 7 năm 1802, nhơn lễ khánh thành đền thờ Võ Tánh và Ngô Tùng Châu nơi lầu Bát Giác cũ, vua sai Lễ Bộ Thượng Thư Đặng Đức Siêu soạn bài văn tề sau đây để đọc truy điệu tề Phò Mã Chưởng Hậu Quân Võ Tánh và Lễ Bộ Thượng Thư Ngô Tùng Châu :

« Than ôi !

« Đạo thần tử hết lòng thờ chúa, gian nan từng trải dạ trung thành ;

« Đấng anh hùng vì nước quên sinh, diên bá chẳng sai lòng tiết nghĩa.

« Ngọc dầu tan vẻ trắng nào phai, trúc dẫu cháy tiết ngay vẫn đề.

- « Nhớ hai người xưa :
- « Thao lược ấy tài, kinh luân là chí.
- « Phò vạc Hán thuở ngôi trời chéch lệch, chém gai
đuôi lũ hung tàn ;
- « Vết xe Đường khi thế nước chông chênh, cầm bút
ra tay kinh tế.
- « Mỗi nghĩa sánh duyên gác tía, bước gian truân
từng cạy dạ khuôn phò ;
- « Màn kinh giúp sức cung xanh, công mông dưỡng đã
đành lòng ủy ký.
- « Hậu Quân thuở trao quyền tứ trụ, chữ ân oai lớn
nhỏ đều phụ ;
- « Lễ Bộ phen làm việc chánh khanh, bề trung ái sớm
khuya chẳng trễ.
- « Ngoài cõi vượt nanh ra sức, chí tiêm cừu đành giải
xuống ba quân ;
- « Trong thành lòng dạ chia lo, lòng ưu quốc đã thấu
lên chín bệ
- « Miền biên khốn hai năm chia sức giặc, vững lòng
tôi bao quản thế là quy ;
- « Cỏi Phú Xuân một trận nước oai trời, nặng việc nước
phải lấy mình làm nhẹ
- « Sửa mũ áo lạy về Bắc khuyết, ngọn quang minh hun
nát tấm trung can ;
- « Chỉ non sông giả vờ cô thành, chén tân khổ nhấp
ngon mùi chính khí .
- « Há rằng ngại một phen thi thạch, giải trùng vi mà
tìm tới quân vương ;
- « Bởi vì thương muôn mạng tỳ hưu, thà nhứt tử đề
cho toàn tướng sĩ.
- « Tiếng hiệu lệnh mơ màng trước gió, ấn tín xưa
người bộ khúc đau lòng ;

- « Bóng tinh trung thấp thoáng dưới đèn, phong nghi cả kẻ liêu bằng sái lỵ.
- « Cơ chiến thắng kiếp chầy đành hẹn buổi, xót tướng doanh sao vắng mặt thân quân ;
- « Phận truy tày gang tấc cũng đèn công, tiếc nhung mạc bỗng thiệt tay trung trí
- « Nay gặp tiết thu, bày tuần quý tế :
- « Hai chữ cương thường nghĩa nặng, rõ cồn hoa cũng thỏa chốn u minh ;
- « Nghìn thu hà nhạc khí thiêng, sắp mao viết đề mở nền bình trị.

Vài điển tích trong bài văn tề được ông Nhật Nham chú thích qua bài khảo luận đăng trong tạp chí Tri Tân số 22, tháng 11/1941 như sau :

- TRÚC DẦU CHÁY TIẾT NGAY VĂN ĐỀ = ý nói cái chét trong sạch và giữ được dạ trung thành, lòng tiết nghĩa.
- PHỒ VẠC HÁN = hản đình, ngôi vua.
- CHẾCH LỆNH = ý nói Nguyễn Vương bị Tây Sơn đánh đuổi, tưởng chừng cơ nghiệp phải nghiêng đổ.
- CHÉM GAI = Phùng Di đền Kinh sư triều kiền, vua bảo các công khách : « *khi Trẫm khởi nghĩa, người này là chủ bộ của Trẫm, đã từng không quản khó nhọc chém gai ở dọc đường để giúp Trẫm định được Quang Trung* ».
- VẾT XE ĐƯỜNG = Địch nhân Kiệt kéo xe

vua Đường Trung Tôn đền Lô Lãng.

- GÁC TÍA = từ các, cung các công chúa.
Võ Tánh lấy em gái vua Gia Long là Ngọc Du.
- KHUÔNG PHÒ = vừa giúp nhà vua.
- MÀN KINH = kinh ác, nơi vua họp các văn thần để bàn luận văn chương hay chánh sự, Ngô Tùng Châu làm Thượng Thư được dự bàn việc nước.
- CUNG XANH = thanh cung, cung hoàng tử, Ngô Tùng Châu dạy Hoàng Tử Cảnh học.
- UỶ KÝ = vua phó thác việc dạy Hoàng Tử cho Ngô Tùng Châu.
- VUỐT NANH = ví quân sĩ như nanh vuốt nhà vua.
- CHÍN BỆ = cứu bề, chỉ bóng vể vua.
- MIỀN BIÊN KHỒN = nơi biên giới.
- LẤY MÌNH LÀM NHẹ = coi cái chết nhẹ như lông hồng.
- BẮC KHUYẾT = chỗ vua ngự.
- NGỌN QUANG MINH = ngọn lửa sáng và trung
đã thiêu Võ Tánh.
- CÔ THÀNH = thành cô, thành bị vây không có quân cứu viện.
- CHÉN TÂN KHỒ = chén thuộc độc. Ngô

Tùng Châu ồng thuộc độc tự tử.

- THÍ THẠCH = tên đạn.
- TỖ HỮU = vật giống như loài hổ báo, chỉ quân sĩ.
- BÓNG TINH TRUNG = linh hồn kẻ trung liệt đã phảng phất bàng bạc trong đêm.
- PHONG NGHI = hình dung .
- KÊ LIÊU BĂNG = bạn đồng liêu.
- SÁI LUY = nhỏ nước mắt.
- THÂN QUÂN = những người vừa có họ tôn thất vừa có công trạng giúp nhà vua.
- CƯƠNG THƯỜNG = tam cương ngũ thường, tam cương là 3 rường (vua tôi, cha con, vợ chồng) và ngũ thường là 5 mối (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín).
- RÕ CỒN HOA = cồng hoa nghĩa là áo hoa của người có phẩm tước, nghĩa bóng là ân điển do nhà vua ban cho.
- KHÍ THIÊNG = ý nói vĩ nhân đều do tạo hóa đúc lên bằng khí thiêng sông núi. Văn Thiên Trường có nói trong bài Chánh khí Ca: « trong trời đất có chánh khí. Chánh khí có nhiều hình. Dưới thì là khí sông núi, trong người ta thì gọi là khí hạo nhân. Khí ấy bành trướng ra thì có thể che lấp trời xanh và địa ngục tối đen ».
- MAO VIỆT = cò mao, cò việt.

Bài tề văn trên không những là một tài liệu lịch sử mà còn là một áng văn chương có giá trị, đã được giáo sư Nguyễn Phú Hạnh dịch ra Pháp văn đăng trong tạp chí của Hội Nghiên cứu Đông Dương (Bulletin de Société des Études Indochinoises. BSEI), số 1, 1929, nguyên văn như sau :

« Hélas !

« Le devoir du sujet est de servir son roi de tout son cœur, plus le péril est grand, plus grand est son sacrifice ;

« Un héros qui veut se sacrifier à la cause de sa patrie ne change jamais de sentiments, quoiqu'il advienne.

« En cela il est semblable au diamant qui, même brûlé, conserve encore sa blancheur et au bambou qui, même carbonisé, garde toujours sa forme droite.

« Nous évoquons votre passé à vous deux :

« Vous étiez l'un maître en stratégie, et l'autre savant érudit.

« Soutien du trône de Hán pendant les heures difficiles, vous avez tranché les épines et refoulé les hordes barbares ;

« Appui du char Đường dans les chemins cahotants, vous avez mis, votre plume au service de la patrie.

« Cet attachement à la cause de Sa Majesté vous valut l'union avec la belle du Palais rouge (la sœur de Gia Long), dans les moments critiques, on avait toujours recours à votre talents ;

« Votre savoir ayant rendu service à son Altesse le Prince héritier, le soin de l'instruire et de l'éduquer vous fut remis en toute confiance.

« Maréchal Võ Tánh quand vous occupiez encore les fonctions de l'une des quatre colonnes de l'Empire, vous en imposiez à tous par votre bonté et votre fermeté ;

« Et vous, Ministre des Rites Ngô Tùng Châu à qui les affaires importantes de l'État étaient souvent confiés, vous ne manquiez jamais à l'exactitude, à l'intégrité et à la droiture.

« Au front où vous avez déployé vos forces et montre vos griffes terrifiantes, cette volonté d'exterminer les ennemis, vous l'avez communiquée à vos cohortes ;

« Dans la citadelle où, les verrous poussés, vous avez partagé les soucis avec votre compagnon, l'écho de votre patriotisme est parvenu jusqu'aux Neuf Gradins (à l'Empereur).

« À la frontière, vous avez pendant deux années résisté à l'ennemi dont la force se trouvait de

ce fait divisée, c'est votre inébranlable fidélité qui vous a fait oublier tous les périls ;

« Profitant de cette dispersion de forces, nous avons livré à Phú Xuân une terrible bataille dont le choc faisait retentir les cieux, c'est que vous aviez plus de souci du salut de la patrie que de votre propre personne.

« En costume de Cour, les grandes salutations faites vers le Nord (vers l'Empereur), vous avez senti la flamme brûlante adoucir votre cœur de patriote ;

« D'un geste vous avez pris à témoin de votre énergique décision les Montagnes et les Fleuves, a la citadelle désespérée, vous avez également fait vos suprêmes adieux, puis la coupe amère et fatale fut portée à vos lèvres et goutée délicieusement.

« Ce n'était pas parce que vous manquiez de courage pour briser le siège afin de rejoindre l'Empereur ;

« Mais en égard à la vie de ces milliers de soldats qui vous servaient vous avez préféré la mort pour leur épargner une fin terrible.

« A travers le vent, vos ordres ainsi que vos commandements paraissent encore perceptibles, comme le cœur de vos soldats se serre, eux se remémorent vos bons traitements ;

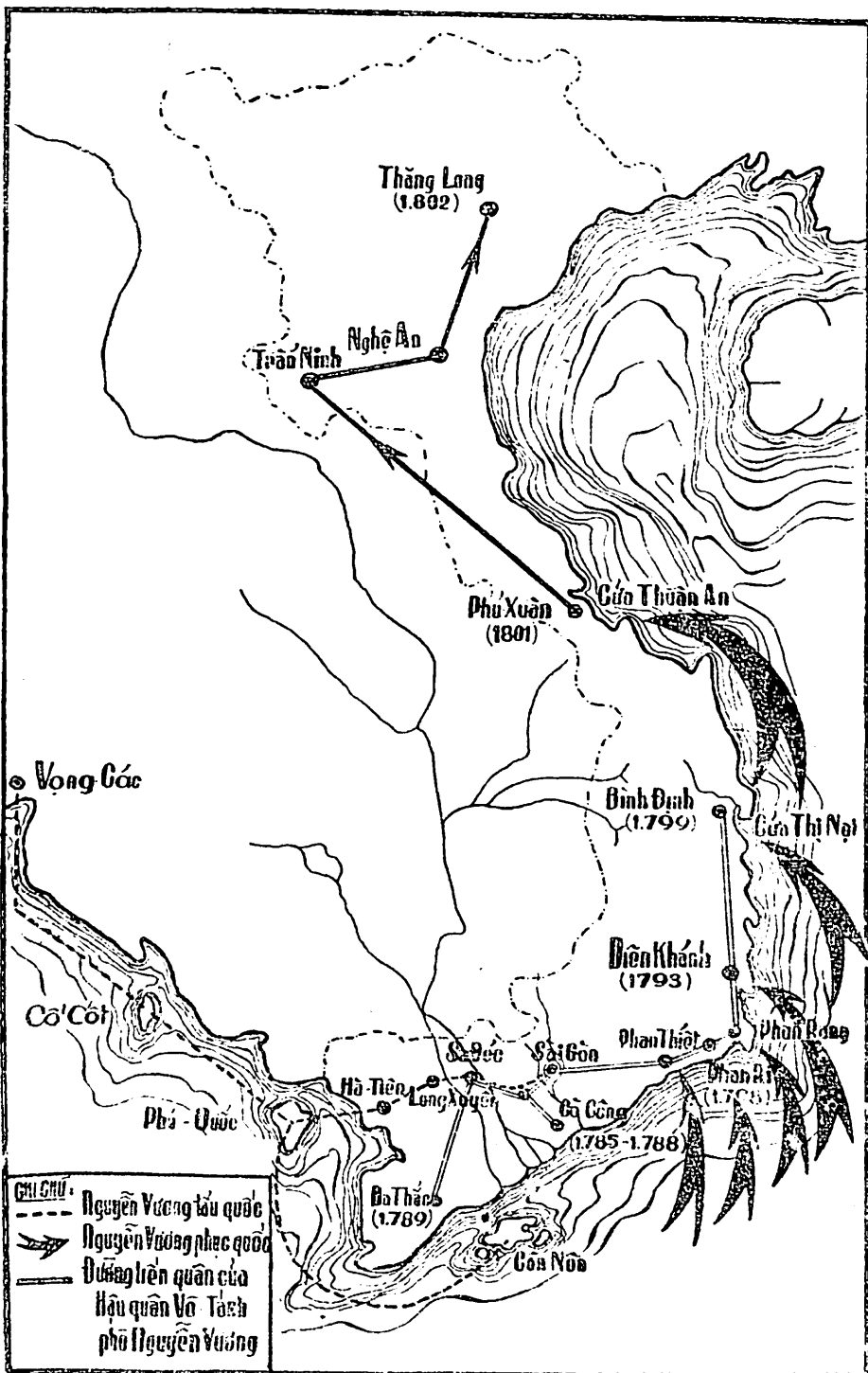
- « Vos ombres semblent flotter parmi ces lumières, comme vos amis et collègues pleurent en se rappelant votre air noble et austère.
- « Tôt ou tard la victoire certainement sonnera pour nous, nous regrettons donc la disparitions de cette figure sympathique que vous étiez ;
- « Le serviteur est tenu de s'acquitter de sa dette envers son pays, nous déplorons cependant votre mort prématurée, vous, l'homme dévoué et fin, qui avez vécu dans les tentes de guerre.
- « Aujourd'hui que le printemps s'ouvre et considérant que les liens sociaux sont sacrés, nous célébrons ces pieuses cérémonies à votre mémoire.
- « Puissent les titres et les grades posthumes décernés par l'Empereur vous consoler et vous rendre heureux dans le royaume des ténèbres ;
- « Que vos âmes soient immortelles et puissantes pendant mille automnes, sur le fleuve Hà et sur la montagne Nhac, pour nous aider à déposer les drapeaux et les lances et à inaugurer l'ère de la paix.

traduit par NGUYỄN PHÚ HANH
INSTITUTEUR

Sau đây là bài thơ khóc chồng của Bà Ngọc Du Công Chúa:

*Những tưởng ra tay giúp nước nhà,
Ai dè bình địa nổi phong ba.
Xót người vị quốc liều thân ngọc,
Khiến thiếp cô phòng ủ mặt hoa.
Gối mộng mơ màng duyên nợ cũ,
Đài mây xiêu lạc phách hồn xa.
Lửa trung đốt đỏ gương hào kiệt,
Nóng ruột thuyền duyên giọt lệ sa !*





CHƯƠNG THỨ TƯ

LUẬN VỀ VÔ TÁNH

LỊCH sử là sự diễn biến cộng đồng từ đời này sang đời khác. Lịch sử ghi chép công ơn và hài ra tội lỗi. Người đi vào lịch sử là những mẫu người nổi bật, xuất sắc về cái tốt mà cũng có thể về cái xấu. Giá trị lịch sử được phân đoán vô tư, không bị chi phối bởi quyền lực (1).

(1) Thời Chiến Quốc :

— Triệu Thuần làm tướng quốc mà không bắt tội cháu là Triệu Xuyên giết vua, nên Thái Sử Đồng Hồ nhứt định chép sử : *«Mùa thu, tháng bảy, năm Ất Sửu, Triệu Thuần giết vua là Di Cao (tên Tấn Linh Công) ở Đào Viên».*

— Thôi Chử giết vua Trang Công rồi sai qua Thái Sử chép rằng : *«Vua bị bệnh sốt rét chết».* Quan Thái Sử không chịu nên bị giết chết rồi lần lượt 2 người em tên Trọng và Thúc cũng bị giết vì không chịu sửa sử. Đến người em thứ tư là Quý cũng nhứt định viết : *«Ngày Ất Hợi, tháng năm, mùa hạ, Thôi Chử giết vua là Quang (tên Tề Trang Công)».*

Nhưng đôi khi đời sau lại hoang mang.

Có nhiều người thắc mắc tại sao ở vào thời đại này, thiên hạ vừa tán dương những người theo phò Nguyễn Vương mà bao anh hùng dưới tay nhà Tây Sơn cũng được ca ngợi. Trong khi Nguyễn Vương và nhà Tây Sơn thì lại quyết bắt đồng sanh.

Vậy phải dựa vào tiêu chuẩn nào để xét đoán vô tư, chính xác ?

Điểm này cần minh định rõ ràng. Người hậu sinh phán đoán nhơn vật lịch sử trên khía cạnh quốc gia dân tộc, chớ không suy xét cho cá nhơn hay phe nhóm.

Do đó, khi giai đoạn tranh chấp cá nhơn, phe nhóm đi qua thì sự phán xét lịch sử là lọc lựa và xếp đặt một cách trung thực công việc của tiền nhơn bằng quan niệm khách quan mới mẻ.

Chỉ xét người vì lợi ích dân tộc thì mới nhận thấy được những anh hùng dân tộc.

Nhiều người chưa làm được việc này. Quan niệm của họ còn đượm đầy tánh cách chủ quan và kỳ thị. Chẳng hạn một số người gốc Đàng Trong (1) thọ ơn di dân lâu đời của nhà

(1) Thời Trịnh Nguyễn phân tranh lấy sông Gianh làm ranh giới, từ sông Gianh trở vào Nam do chúa Nguyễn gọi là Đàng Trong, từ Sông Gianh trở ra Bắc thuộc chúa Trịnh gọi là Đàng Ngoài.

Nguyễn và người có tư tưởng tôn quân hẹp hòi nghĩ cho Tây Sơn là đám giặc nguy triểu. Quả thật Tây Sơn là giặc của Nguyễn Vương và triều đình Lê mạt, nhưng đối với dân tộc Việt Nam, Tây Sơn Nguyễn Huệ là người hùng từng lập nên chiến công độc nhất vô nhị trong lịch sử nước nhà — Đại phá quân Thanh.

Đằng khác, cũng có người tinh thần bài ngoại quá khích lý luận trái ngược lại. Họ chỉ nhìn khía cạnh gần để phê phán Nguyễn Vương là kẻ rước voi giấy mả tổ, dẫn lối cho người Pháp thực hiện ý đồ xâm chiếm nước Nam. Nhưng nếu nghĩ thâm cùng thì không ai khác hơn Đức Gia Long là người hùng đã đẩy công lớn thông nhứt giang san sau hơn 200 năm loạn lạc phân tranh chinh chiến.

Ấy vậy, ngay cả những bậc dẫn đầu chánh nghĩa, vạch chơn lý một thời rồi cũng có khi bị kẻ đời hiểu lầm, thì hàng võ tướng văn quan dưới trướng họ ắt nên rộng luận một cách công bằng, để theo đó mà tôn thờ công lao hạn mã của tiền nhơn đã gieo rắc trong lòng dân tộc Việt Nam một di sản tinh thần kiên cường, bất khuất...

Để cập vào đời Gia Long phục quốc, một ngôi sao dũng tướng sáng chói trong lịch sử nước nhà phải kể người hùng Võ Tánh.

Thời buổi loạn ly đó, đất nước vô cùng xáo trộn. Một mặt vua chúa tranh quyền bính trị

san hà, một mặt cướp bóc nhờ cơ hội «không vua» nổi lên quây phá khắp nơi. Sự bất an thường xuyên chỉ phôi bốn mạng và tâm tư con người.

Trong hoàn cảnh như vậy, người dân không muốn gì hơn là ước mong cuộc sống hòa bình, âm no, hạnh phúc. Chỉ có âm no hạnh phúc khi nào có cơ hội yên ổn làm ăn, những động lực chém giết không còn là mối lo âu thường trực. Dù cho xứ Đàng Trong là vùng lãnh thổ mới, đất rộng người thưa, nhưng với điều kiện phong thổ, thời tiết và phương tiện sản xuất cổ thời, mức sống con người lúc đó hẳn còn thấp kém.

Nước loạn lạc mãi, dân sự đói khổ, ruộng đất bỏ hoang, lương thực không đủ (1).

Từ Đàng Trong chí Đàng Ngoài, ở đâu cũng đầy rẫy bất công và tội ác. Dân gian cực khổ muôn vàng, hết thuê má nặng nề tới công dịch liên miên, chưa thoát nạn giặc giã lại đến nạn sung vào các đội quân chinh phạt nặng nề, nguy hiểm...

Tiếng ai than khóc nữ non

Là vợ chú lính chèo hồn Cù Mông (2)

(CA DAO)

(1) TRẦN TRỌNG KIM - VIỆT NAM SỬ LƯỢC, trang 389.

(2) Ý diễn tả nỗi sầu khổ của người vợ lính tiễn chồng trên hòn Cù Mông là một đèo thuộc dãy núi chạy ven bờ biển Qui Nhơn.

Lòng phần uất của dân chúng đã tới cực độ. Tâm lý oán ghét chế độ mỗi ngày mỗi tăng cao, quần chúng tuyệt vọng khao khát một thế lực mới để dẹp loạn.

Trong hoàn cảnh ngột ngạt đó có hai thế chống đối xã hội thể hiện khác nhau. Một đảng là vùng lên cách mạng xóa bỏ tất cả để làm lại chế độ mới, một đảng là đem sức tài xây dựng lại cơ chế chánh trị hầu như đã mất dân, hết đất.

Nhà Tây Sơn tiêu biểu cho mẫu người thứ nhứt. Ba anh em Tây Sơn lãnh đạo từng lớp nông dân nghèo bắt mãi đứng lên lật đổ phe quý tộc Nguyễn Trịnh bắt công và bắt lực. Bắt lực vì với danh vị vua chúa mà hai Đảng đều không thỏa mãn nổi khát vọng của quần chúng sau hơn một thế kỷ chiến tranh nghèo đói. Cái thế của nhà Tây Sơn chiếm được gần trọn khối dân tộc là nhờ chỗ đó và ba anh em Tây Sơn đã thành công ít ra cũng suốt cuộc đời đầy binh dựng nghiệp đề của họ.

Còn lại thành phần kháng đối thứ hai cũng chán ghét tình trạng tranh chấp loạn lạc, cũng khao khát thái bình no ấm, muốn xoay trở cục diện xã hội, nhưng bằng cách thế bảo hoàng và ôn hòa hơn. Căn bản tư tưởng và hành động của họ vẫn còn lưu truyền định chế cai trị và mẫu mực xã hội lưu truyền (quân chủ Nho giáo).

Võ Tánh thuộc mẫu người đó.

Một cậu bé sớm mồ côi cha mẹ trong thời buổi chiến tranh để rồi phải chạy giặc tha phương cầu thực. Trong lòng Võ làm sao không vương chút hận đời, chán chường cảnh loạn lạc. Nhưng thái độ phản chiến của con nhà tướng có đẩy về anh hùng và bảo hoàng của nó.

Hoàn cảnh xã hội đã vạch sẵn cho Võ theo đường binh nghiệp. Chính nhờ đó mà Võ không ngại ngùng vượt bỏ công lệ đương thời « trọng văn khinh võ (1) ». Từ thuở bé, Võ đã coi việc đeo đuổi sách đèn không phải là hướng đi của người cứu quốc trong thời loạn. Tư tưởng này đã trở thành định luật, mãi cho đến khi thê cùng lực tận Võ cũng vẫn ung dung nhập cuộc một cách hãnh diện khi nói với Ngô Tùng Châu rằng : « *Quân văn nhưn nghị đồ tự toàn* ».

Võ còn nhiệm vụ được những huấn dụ cao quý mà người nhũ mẫu đã dày công nuôi nấng từ hồi còn tấm bé. Cái gương hy sinh tiết liệt, cam chêt vì đại nghĩa của người mẹ đã dạy cho Võ phải chọn con đường trung quân ái quốc làm cao cả. Có thể sự chịu đựng cực hình đau

(1) Quan văn Thát phẩm đã sang,
Quan võ Tứ phẩm còn mang gươm hầu.
(TỤC NGỮ)

khổ và lời nhắn nhủ phút lâm chung của bà mẹ nuôi là ngọn đuốc soi đường lập thân của người hùng Võ Tánh. Chỉ có phò vua gốc chính thông Nguyễn Vương là lời tiên duy nhất để thực hiện hoài bão trả thù nhà, đền nợ nước, diệt loạn trừ gian, bằng an xã tắc . . .

Bản chất con người Võ Tánh có đủ điều kiện để làm nên việc đó.

Thật vậy, từ thuở hàn vi, đời sống cá nhân của Võ đã bộc hiện rõ ràng một mẫu người có nhiều đức tính vượt xa thiên hạ. Võ có lòng thương người rộng rãi đặt căn bản trên luân lý và lý trí. Lòng thương đó không chỉ có cung kính hiếu để đối với nhũ mẫu mà còn thể hiện tích cực qua hành động đối với mọi người. Việc quy tụ thanh niên thành một đoàn nghĩa quân bảo vệ trật tự, chống giết trộm cướp, giúp dân chúng khắp vùng Gò Công yên ổn làm ăn đã minh chứng được lòng nhân của trang nghĩa hiệp. Bởi vì vào thời buổi đó quyền lực quốc gia chỉ nhằm để tranh bá đồ vương chứ chưa có tới việc bằng an thiên hạ. Bọn tâm địa côn đồ thừa cơ hội dùng võ lực ngày đêm cướp bóc gây đổ thán sanh linh.

Vậy thì lòng nhân của Võ quả đã thương người và ghét người một cách phải đạo (nhơn giả năng ái nhơn, năng ố nhơn — LUẬN NGŨ).

Từ một tên tốt tấm thường, khi có quân Đông Sơn trong tay, nhờ tài chỉ huy kỷ luật nghiêm minh, Võ gầy dựng nên một đạo binh hùng danh dự ngày càng phát triển có tới hằng vạn người. Nếu là kẻ tiểu nhơn tấm thường, Võ có thừa cơ hội làm nhiều việc trái ngược lại một cách nguy hại. Vì « có đông mà thiếu nghĩa thì làm giặc — LUẬN NGŨ ». Nhưng người thanh niên chưa đầy ba mươi tuổi đó đã biết thích ứng hoàn cảnh và tấm tay của mình để giúp đời và nắm trọn lòng người. Nhờ cái nghĩa khí nhơn hòa vô vụ lợi, Võ đã tạo được tín phục của thuộc hạ, uy danh Võ vẻ vang trong hàng « Gia Định Tam Hùng ».

Có được như vậy một phần nhờ ở trí sáng suốt hiểu theo nghĩa một đức tính biết phân biệt điều phải quấy, thiện ác. Võ đã không mù quáng khởi loạn chống Nguyễn Vương khi chủ tướng mình là Đỗ Thanh Nhân lộng quyền đến nỗi bị sát hại... Võ cũng không màng danh lợi do bọn vua quan thời cuộc Nguyễn Lữ đem đến cám dỗ. Ở đây rõ ràng đã có sự phân biệt chữ TRUNG với LÒNG YÊU NƯỚC, cũng như NGHĨA CÔNG với TƯ LỢI. Đem lợi ích quần chúng luận chữ anh hùng thì có lẽ Võ đã vượt Đon Hùng Tín xưa một bậc. Nguyên thời Thập Bát Phần Vương, Đon Hùng Tín có người anh tên Đon Đạo bị vua Đường Cao Tổ Lý Uyên nhơn lúc sa cơ giết lăm tại Tra Thọ

Cang nên Tín quyết thể không đội trời chung với minh quân Lý Thế Dân nhà Đại Đường (1). Trái lại, ở đây tâm hồn Võ phóng khoáng cao cả hơn khi đem trọn tâm lòng và tài sức về phò Nguyễn Vương, đặt nợ nước trước tình nhà, cởi mở vì nghĩa công hơn là cổ chấp thù riêng đầy tách cách anh hùng cá nhân.

Nói về cái dũng có lẽ Võ thuộc hạng xuất chúng. Sử chép lúc quân Tây Sơn vây đánh Thôn Vườn Trầu (1782). Võ Tánh bị thua. Binh Tây Sơn rượt quá gấp, ngài phải nhanh chun thật sâu vào đồng rơm mà trốn. Quân giặc thấy mất dạng ngài rồi bèn xúm vây đồng rơm và lấy chia xom vào cùng khắp để kiểm. Nhưng chẳng nghe tiếng rên, Tây Sơn tưởng ngài không có trong đồng rơm nên bỏ đi. Chừng giặc đi xa, ngài mới chun ra thì trên lưng ngài bị mũi chia đâm lủng 4, 5 vết nhưng may nhờ rơm dai nên

(1) Tần Vương Lý Thế Dân là con thứ của vua Đại Đường, vốn người nhân hậu, tài đức, có chơn mạng đế vương, thiên hạ đều phục là nhân quân chơn chúa. Tần Vương muốn kết nạp đủ mặt anh hùng để dẹp loạn Ngũ Vương bằng ơn thiên hạ. Trong đó đã có Trình Giảo Kim mặt đỏ, Tần Thúc Bảo mặt vàng, Uất Trì Cung mặt đen, La Thành mặt trắng. Chỉ riêng Đan Hùng Tín mặt xanh quyết thể không hàng phục vì mỗi tư thù có người anh bị vua cha của Tần Vương giết chết thuở nọ ở Tra Thọ Cang, để rồi Tín theo phò Dương Thế Sung là một tay tầm thường nhứt thời cơ gây vương nghiệp. Sau Tín bị La Thành giết chết (dẫn ý từ trang 318 đến trang 395, truyện Thuyết Đường, quyển 2).

vết thương cạn. Ngài bèn rút quân về Gò Công. Vậy chẳng phải cái dũng lực anh hùng qua sức mạnh thể chất cũng như tấm gương can đảm, chịu đựng, bình tĩnh và kiên nhẫn đó sao ?

Khát vọng cứu quốc của Võ quả đã được ba đức tánh Nhơn, Trí, Dũng định hướng rõ rệt.

Dân chúng chỉ an cư lạc nghiệp khi nào đất nước thanh bình mà muốn an bình không thể một nước có hai vua được (Thiên vô nhị nhật, thổ vô nhị vương — LỄ KỶ). Chính nhờ suy toán và quyết định chính xác Võ mới khai thác được thời cơ để phát huy tài ba, thực hiện hoài bão của mình.

Người quân tử vui vì thỏa chí tang bồng,
Kẻ tiều nhơn vui vì được danh lợi.

KHƯƠNG TỬ NHA

Có lẽ Võ cũng nhận ra rằng thê lực Tây Sơn chỉ có tánh cách nhứt thời và sẽ sụp đổ tiếp theo sự cai trị mất lòng dân cứ diễn ra hằng ngày.

Sách Luận Ngữ viết chuyện Thầy Tử Công hỏi Đức Khổng Tử rằng : «*Thầy có hòn ngọc tốt thì thầy đem cất vào rương để giấu hay tìm người thương gia biết rõ về châu ngọc để bán nó đi ?*» — Khổng Tử trả lời : «*Ta bán chớ ! Ta bán chớ ! Nhưng ta còn đợi người trả đúng giá đó thôi*».

Một Đại Tổng Nhung Võ Tánh dù cho đường đường hùng cứ nơi Gò Khổng Tước nhỏ bé cũng rất khó làm được trọn điều ích quốc lợi

dân cho phí chí tang bồng. Hành động theo về phò Nguyễn Vương chắc chắn Võ đã chọn cho mình một ngả quanh xán lạn, tự thoát xác để biến đời một «tay anh chị» thành vị tướng của nhà vua. Lòng thành cứu nước của Võ đã thể hiện qua món quà thô thiển làm lễ vật trình kiến Nguyễn Vương.

Con người như vậy có thể liệt vào hạng người ưu tú (élite) theo quan niệm đương thời (quan niệm Nho gia) và người ưu tú đó quả đã trở thành một chiến tướng oanh oanh liệt liệt phò tá Nguyễn Vương suốt 13 năm phục quốc.

Với phương tiện thời đó, quan niệm chiến đấu của người Đông Phương có tánh cách nặng về triết lý. Một viên tướng giỏi không phải giết được nhiều tên địch bằng võ lực mà phải có khả năng thu phục và chế ngự tinh thần địch quân. Nguyên tắc này đã được nhiều lý thuyết gia binh pháp nổi danh cổ xúy. Theo Khương Tử Nha (1), võ tướng gọi là tài ba phải hội đủ 5

(1) *Khương Tử Nha* (Lã Vọng) tức Khương Thái Công còn gọi là Khương Thượng, trước phò Trụ Vương sau theo về Châu Văn Vương, được phong làm Nguyên Soái cầm quân diệt Trụ. Khương Tử Nha là tác giả của bộ binh thư tựa «LỤC THAO» chia làm 6 mục, gồm 60 thiên. 6 mục là Văn, Võ, Long, Hồ, Cáo và Khuyển Thao. Bộ Lục Thao biên soạn đề trả lời các câu hỏi của Văn Vương. Văn Thao và Võ Thao nói về chính lược. Long Thao và một phần Hồ Thao nói về chiến lược. Một phần Hồ Thao, trọn mục Báo Thao và Khuyển Thao giảng về chiến thuật.

đức tính Trí, Nhơn, Nghiêm, Tín, Trung. 5 đức tánh căn bản nhà tướng theo tiêu chuẩn của Tôn Võ Tử (1) là Nhơn, Trí, Dũng, Nghiêm, Tín.

Một điều không thể chời cãi được là từ khi có Võ trợ lực dưới tay, Nguyễn Vương hoàn toàn chủ động tình hình khắp mọi chiến trường, thu toàn vẹn đất Gia Định rồi đem quân Bắc tiến. Nơi nào có võ ngựa Hậu Quân Võ Tánh là nơi đó bị chà đạp tan tành từ cơ sở phòng thủ đến tinh thần và khả năng chiến đấu của địch quân. Uy danh của Võ, Tây Sơn nghe đến phải khiếp đảm kinh hồn.

Sức mạnh vô địch của người võ tướng vô bại đó cũng là cái dũng tinh thần thể hiện qua chánh khí cương trực và đức tự giác, tự tu. Vì chánh trực nên vào năm Bính Thìn (1796) khi hay có đội tiểu hủ được lệnh xuống dinh Phiên Trấn thu thuế chiều toan âm mưu tham nhũng thủ lợi, Võ Hậu Quân vô cùng tức giận và khuyên Đông Cung Cảnh tâu với vua để cầm chặn việc ấy. Đông Cung nói : « Việc ấy có lệnh Bộ Hộ dạy, ta đâu dám nói ».

(1) Tôn Võ Tử người Chiến Quốc là một chiến lược gia thánh trí làm chức Thượng Tướng Quân phò vua Ngô là Hạp Lư. Tôn Võ Tử giúp Ngô Vương đánh bại nước Sở khiến Tề, Tấn khiếp oai. Tôn Võ Tử là tác giả cuốn « MƯỜI BA THIÊN BÌNH PHÁP ». Bình thơ này rất thực tiễn và hàm súc, có giá trị lưu truyền đến ngày nay.

Hậu Quân đáp : « Nguyên Soái là vua thứ nhì trong nước, bọn Tánh là tôi thân yêu của nước, hề thấy điều chi bất tiện thì phải tâu ngay với Bệ Hạ. Nếu chúng ta cứ dạ dạ vưng vưng, há còn gọi được nhà có con biết can nước có tôi biết gián hay sao ? Nếu Nguyên Soái không tâu thì Tánh với Tiền Quân Hội sẽ tâu, chớ không dám ngậm miệng nín hơi mà phụ nước nhà ».

Vả lại, thắng như giã gạo, tự thắng giã cường.

Thói thường những kẻ đắc thắng hay có hành động tự lầy làm thỏa mãn và kiêu hãnh. Nhưng đối với Võ Hậu Quân dù là một đại tướng từng lập được nhiều chiến công hiển hách lại còn là bậc thân quý của vua mà lúc nào cũng giữ tánh cách ôn hòa và sẵn sàng tự nhận lầm lỗi để cải tiến bản thân.

Võ vui vẻ phục thiện khi Tôn Thất Hội chỉ trích tánh gàn dở của mình. Chính tinh thần đó đã giúp Võ thu được sự quý chuộng tuyệt đối của thuộc hạ và quan bạn đồng triều. Cũng đồng là bậc đại tướng ngang hàng nhưng nhiều người chưa có tư cách quảng đại cởi mở được như Võ. Đơn cử trường hợp Tả Quân Lê Văn Duyệt và Tiền Quân Nguyễn văn Thành.

Sách truyền vào một buổi trong lúc điều binh ra Bình Định giải vây cho Hậu Quân Võ Tánh, 2 tướng Nguyễn văn Thành và Lê văn Duyệt ngồi trên lưng voi, rảo xem trận thế. Vốn có tánh hay uống rượu, thấy trời giá rét lạnh lẽo, Nguyễn văn Thành sai quân đem rượu ra uống và rót riêng một chén mời Lê văn Duyệt : « Lê

Thái Giám hãy uống chén rượu cho tráng kiện tâm thần...». Lê văn Duyệt cười nói : « *Thường người tâm thần nhút nhát mới phải mượn đến hơi rượu làm nư, chớ còn tôi thì tâm thần vẫn tráng kiện luôn nên không cần những thứ đó* ». Nguyễn văn Thành thấy Lê văn Duyệt có ý châm biếm mình thì cười và nói lại : « *Thiệt Lê Thái Giám tâm thần đã tráng kiện mà khí lực cũng sung nhiều vì xưa nay không xài phí một nhều nào hết* ». Nghe câu nói chơi ấy Lê văn Duyệt bị chạm tự ái vì nghĩ rằng Nguyễn văn Thành cò ý chề nhạo mình (1). Từ đó về sau Lê văn Duyệt cứ hiềm ý có vẻ không ưa Nguyễn văn Thành. Để rồi đến năm 1813, khi Duyệt bắt được bài thơ của Nguyễn văn Thuyên là con của Nguyễn văn Thành gởi cho một người bạn, bèn vào hạch tâu với vua rằng Thuyên có ý phản nghịch. Bài thơ Đường luật 8 câu của Thuyên có 2 câu kết ngông như vậy :

Thử hồi nhược đặc sơn trung tề

Tá ngã kinh luân chuyền hóa ky.

Dịch nghĩa : Sơn tề phen này dù gặp gỡ

Giúp nhau xoay trở hội cơ này.

Dù tình chiến tướng đồng sanh đồng tử, bao phen vào ra trận mạc, nhưng vốn sẵn không ưa Nguyễn văn Thành, nên Duyệt không bỏ qua cơ hội kéo bè đình thần để buộc tội hạ ngục và thu ân sắc đền nổi Nguyễn văn Thành phải uổng độc được tự vận chết vào năm Gia Long thứ 16 (1817).

(1) Lê văn Duyệt thân vóc thấp bé, vốn bị tật « ãn cung » từ lúc nhỏ, nên được Nguyễn Vương sung làm Thái Giám Nội Định từ năm 1780.

Quả là «Minh quân lương tề tao phùng địch»

Nhờ tài thông hiểu con người, Nguyễn Vương đã nhận chơn và trọng dụng đúng mức hơn tài họ Võ. Ngoài việc phong tước chỉ huy cho Võ và các thuộc tướng, Vương còn không ngần ngại đem Võ vào hàng thân tộc bằng cách gả cho Võ người em gái là Ngọc Du Công Chúa. Việc làm này quả có ảnh hưởng to tát đến vận mạng dựng cơ đồ phục quốc của nhà vua. Có thể nghĩ ngay từ buổi đầu Vương đã hết lòng tin tưởng và sở cậy Võ như cánh tay mặt đồng sanh tử.

Hơn 10 năm ở cương vị võ tướng, Võ thật đã không làm mất mát niềm kỳ vọng của Nguyễn Vương chút nào. Được thọ hưởng hoàng ân, Võ đã báo đền xứng đáng bằng bao công hãn mã của bậc danh tướng trung can tiết liệt.

Nếu bản tánh cá nhân của Võ là những sợi tơ quý giá thì công việc của Võ trong suốt thời gian làm tướng chính là cái khéo tay kết hợp những sợi tơ đó thành chiếc áo hoàng bào rực rỡ.

Có thể nói suốt đời Hậu Quân Võ Tánh chữ trung đã được chứng minh là trọng. Nếu chữ trung trước kia đã lần áp xóa bỏ mỗi giây thù hận bởi người anh bị Vương giết vì tội

phản thì khi về với Nguyễn Vương vào sanh ra tử, ngoài trận mạc cái chết xem tợ lông hồng, người võ tướng ấy chỉ biết đem thân phò vua giúp nước.

Như đã nói, theo binh pháp Đông Phương thượng sách của lương tướng không phải là phát huy nộ khí hung sát mà dùng mưu kế và tâm lý chiến để đạt tới mục tiêu, tiêu diệt hành động phản trái mà không tiêu diệt kẻ địch, để kẻ địch hết khả năng đối kháng và phải tích cực quy hàng. Ngay những chiến công đầu Võ đã chứng tỏ được tinh thần thượng võ, vị tha, dĩ đức để chinh phục chứ không dùng chém giết để sát hại kẻ thù. Võ đã đem điều khuyên dụ các tướng Tây Sơn Phạm văn Tham, Đào văn Hổ về với Nguyễn Vương. Nếu làm được việc đó không những Võ có thêm cánh tay đắc lực mà đồng thời còn triệt tiêu của địch những tướng tài.

Trong lúc bị vây chặt tại thành Diên Khánh và thành Bình Định, lâm vào nguy khốn, tướng Võ đã đạt «ĐẠO» của lý thuyết gia quân sự Tôn Võ Tử. Trong thiên đầu (Thủy kế) của 13 thiên binh pháp, Tôn Võ Tử đã nhấn mạnh chữ «ĐẠO» là «cách thức khiến cho kẻ dưới đồng ý với người trên đề có thể cùng sống, cùng chết mà không kẻ lười nguy nan».

Võ cũng lại chứng tỏ khả năng của một tướng tài về sức chịu đựng và trí phán đoán tình hình. Thấy địch đông hơn, mạnh hơn thì

không ra đánh mà chỉ cò thủ thành. Võ không phiêu lưu anh hùng cá nhơn để mở những trận đánh gây tổn thất nặng nề cho tướng sĩ. Cái yêu tố bảo toàn lực lượng khi «thác lư đồ về», «vàng thái dương rơi xuống đất» là vậy (theo ý nghĩa 2 quẻ dịch lý «Khâm vi thủy» và «Địa quả minh di» trong 64 loại hình chuyển hóa của Kinh Dịch).

Nếu Võ không cố được sự bình tĩnh trong cơn nguy cấp lúc bị công hãm thành trì đèn nổi thê cùng lực tận và nếu Võ không là người tài trí thì không thể nào dâng cho vua được kè «Phao bác dẫn nao» (1). Tướng Võ đã tiên liệu chính xác thế lực phe mình cũng như phe đối phương, không những tình hình vòng vây tại thành Bình Định mà còn cả toàn bộ phe địch trên cả nửa mảnh san hà còn lại. Rồi Võ đã chọn lối thoát sau cùng nêu cao khí tiết, quyết hy sinh cá nhơn cho lý tưởng.

Lý tưởng của Võ ngoài việc chứng minh lòng dạ trung quân không sợ chết (Trung thần bất phạ tử, phạ tử bất trung thần — BẢO PHÁT TỬ) mà còn vì đồng bào và cho đồng bào. Đồng bào gần gũi nhứt ngay lúc đó là đám thuộc cấp dưới tay và dân chúng trong vòng thành. Võ chết một mình cho tất cả họ được sống, cho sự thành công của cả một chánh nghĩa về sau. Nổi khát

(1) Tức kè «ém hón ngói đi đề dẫn hòn ngọc về» trong TAM THẬP LỤC KẾ.

vọng khắc khoải của muôn dân thời buổi đó là gì nếu không phải là :

Lạy trời cho chóng gió Nồm
 Đề cho chúa Nguyễn giông bão thăng ra.

CA DAO

«Trong trận mạc, mệnh lệnh của vua có khi không cần tuân phục — TÔN VÕ TỬ. THIÊN CỨU BIẾN». Võ đã từ chối thi hành chiếu lệnh của Nguyễn Vương để tìm đường tẩu thoát đã minh chứng rõ ràng Võ không phải chỉ là con người sinh ra để tôn quân và thành đạt nhờ danh nghĩa trung quân mà Võ quả là người ái quốc chọn thành.

Hơn nữa, nếu thiếu lòng nhơn và thiếu thành tín thì có thể sau khi đưa thơ gạt găm tướng địch, Võ đã cho mở cửa thành và mai phục sẵn bên trong để dồc toàn lực đánh một trận cuối. Nhưng rồi... nước mắt của viên hổ tướng Tây Sơn Trần Quang Diệu đã nhỏ xuống cho cái chết anh hùng họ Võ... Phải chăng khi thành đã mất, không đánh mà Võ đã chiến thắng sau cùng ?

Đó là cái nghĩa của danh dự và trách nhiệm. Trách nhiệm đòi hỏi Võ tự sát. Danh dự đòi hỏi Võ tự thiêu.

Sửa mũ áo lạy về Bắc khuyết,
 Ngọn quang minh hun nát tấm trung can.

ĐẶNG ĐỨC SIÊU

Tự cổ chí kim, khi người ta đem thân ra làm việc xã hội gọi là giúp đời, thói thường đều

có hậu ý vì danh cao lộc cả. Ở đây, Võ Tánh đã thoát khỏi thường tình đó. Thờ một vua mất ngôi luân lạc, ước vọng của Võ không gì khác hơn là thông nhứt giang san để đem lại hòa bình hạnh phúc cho toàn dân... Thân làm tướng sống chết không màng, hy sinh đến ơn vua nợ nước.

Đại tướng họ Võ quả là anh hùng xúng danh trong lịch sử nước nhà. Không gì oanh liệt và khí tiết bằng cuộc đời của người võ tướng được kết thúc theo cùng với thành Bình Định. Lầu Bát Giác thiêu hủy tằm thân người hùng nhưng lửa lầu Bát Giác đã kết hợp bằng những điểm sáng rạng rỡ của chơn dung danh tướng trung hiếu tiết nghĩa vẹn toàn... Phải chăng ngọn lửa Tây Sơn tra tấn hăm dọa bà từ mẫu suốt 15 năm qua vẫn còn cháy âm ỉ trong lòng Võ? Ngọn lửa cháy nung lòng trung hiếu và sau cùng Võ cũng noi theo lửa hồng để nêu cao khí tiết con người.

Phàm thề sự không sao cưỡng được lẽ sống chết hóa công bày định sẵn. Cái cao quý của người xưa là bình tĩnh trước sự biến chuyển nghịch cảnh. Nhờ đó, những hành động từ cái sanh đến cái tử đều nêu cao khí phách làm gương sáng cho đời. Thói thường trong trường hợp quần bách, người ta hay quính quáng và chỉ nghĩ đến mình. Chỉ có hạng người ưu tú mới giữ được đức tốt lúc khốn cùng, còn hạng tầm thường thì lúc

khôn cùng không giữ được đức tốt. Người chí lớn thấy trước việc sắp xảy ra nhưng vẫn vui mà lao đầu vào chỗ chết.

Thật là cao quý và thiêng liêng biết bao cho cái chết hiền, chết trung, chết nhơn, chết nghĩa...

Công nghiệp Võ Tánh phò tá Đức Cao Hoàng chồng nhà Tây Sơn cũng thế như trước đó hơn hai ngàn năm Trương Lương đã phò Lưu Bang tranh thiên hạ. Nếu Trương Tứ Phòng đã dành suốt 13 năm nghiền ngẫm bộ Tam Lược thì Võ Tổng Nhung đã có gần 10 năm rèn binh luyện võ ở đất Gò Công, để rồi sau bao năm ra sức phò chúa dựng cơ đồ, tới điểm thu đoạt giang san về một mối thì Trương Lương bỏ cuộc đời phú quý vào rừng hái thuốc, «nguyện khừ dân gian sự, tòng xích tòng tử du», còn Võ Tánh thì lựa cuộc đời khanh tướng về thế giới bên kia một cách thánh thiện hoàn toàn...

Khảng khái cần vương dị

Thung dung tựu nghĩa nan.

Thề mới hay tư cách cao cả của bao đảng anh hùng. Họ đứng vượt hẳn lên trên đám phàm nhơn đồng thời với họ. Người anh hùng phải biết nắm thời cơ để tiến và có khả năng biến hóa thời cơ theo mình. Cơ thuận nghịch là việc của trời, bậc đại nhơn có thể đem tài đức mình tô điểm thêm cho cuộc sống đủ ý nghĩa dưới ánh mặt trời.

Pháp gia Hàn Phi bảo : «có tài mà không có thế thì tuy hiền cũng không kèm chế được kẻ bất tiểu... Thánh hơn có đức như Nghiêu, hạnh như Bá Di mà địa vị không trùm đời thì công không thành, danh không toại — HÀN PHI TỬ. CÔNG DANH» và cũng có những vấn thơ triết lý Truyện Kiều đã chứng minh rằng «xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều — NGUYỄN DU. ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH».

Nơi trang sử này, ta hãnh diện ca ngợi Võ Tánh quả là anh hùng trong thiên hạ. Võ tự đem tài sức tạo thời cơ, phát huy chánh nghĩa và hiên ngang bước lên hàng tướng quốc hơn là nhờ thời thế làm nên người hùng...



BÀI ĐỌC THÊM

LỜI TÁC GIẢ : Trong Đại Việt Tạp Chí số 34, 35, 36, tháng 3-1944, cụ Biều Chánh Hồ văn Trung do theo bộ Đại Nam Chánh Biên Liệt Truyền có viết lại tiểu sử các anh hùng nổi danh trong đạo quân Kiến Hòa của Võ Tổng Nhung như Võ văn Lượng, Nguyễn văn Hiếu, Mạc văn Tô, Trần văn Tín, Nguyễn văn Thành (người huyện Tân Long), Phạm văn Khoan (người huyện Long Thành), Đỗ văn Lân, (người huyện Kiến Hưng), Phạm văn Phiêu (người huyện Cửu An), Trần Công Đề (người huyện Tân Hòa), Nguyễn văn Cẩn, Đỗ văn Hiền và Trương văn Lân (người huyện Kiến Hòa) những chiến sĩ nổi danh khác cùng Võ Tánh thác trong thành Bình Định như Ngã Tùng Châu, Nguyễn Tấn Huyền, Võ viết Bửu, Nguyễn Hoài Huỳnh và Nguyễn Xuân Thực.

Xin mạn phép trích dẫn vài tiểu sử như vật có đề cập trong quyển sách này. Riêng tiểu sử Nguyễn văn Hiếu được trích từ quyển « GỖ CÔNG XƯA VÀ NAY » của HUỖNH MINH.

HOÀI QUỐC CÔNG CHÁNH THẮT PHƯỚC LỘC THÁI TRƯỞNG CÔNG CHÚA NGỌC DU

Trước khi viết tiểu sử của Phước Lộc Công Chúa Ngọc Du, tôi tưởng nên nhắc gờc

tích đức bà, để cho độc giả thấy ngôi thứ của bà trong hoàng tộc.

Hưng Tổ Hoàng Đề là thân sinh của Đức Thê Tổ Cao Hoàng Đề Gia Long, có 4 người con gái :

1.- LONG THÀNH CÔNG CHÚA NGỌC TÚ: con của bà Hiền Khương Hoàng Hậu sanh, sau gả cho Chương Cơ Lê Phước Điền. Năm Quý Mão (1783), tướng Tây Sơn là Phan Tân Thận đem chiến thuyền vây Đức Cao Hoàng, Phước Điền đổi mà mặc áo của vua, gạt để giặc bắt, đặng vua thoát nạn. Phước Điền mắng giặc nên bị bắt giết. Công chúa Ngọc Tú cảm nghĩa ấy nên khi Đức Cao Hoàng lên ngôi báo rỗi thì bà xuất gia đầu Phật. Công chúa Ngọc Tú là chị một mẹ với Đức Thê Tổ Cao Hoàng Đề (Gia Long).

2.- PHƯỚC LỘC CÔNG CHÚA NGỌC DU: con của bà Từ Phi Nguyễn Thị sanh. Bà Từ Phi là chị ruột của Hiền Khương Hoàng Hậu. Năm Mậu Thân (1788) gả công chúa Ngọc Du cho Võ Tánh. Sau sẽ nói tiếp truyện bà.

3.- MINH NGHĨA CÔNG CHÚA NGỌC TRUYỀN: cũng là con của bà Từ Phi sanh, nghĩa là em một mẹ của công chúa Ngọc Du. Công chúa Ngọc Truyền gả cho Chương Dinh Quận Công Nguyễn Hữu Thoại.

4.- CÔNG CHÚA NGỌC HUYỀN: con của bà Tống

Thị sanh. Khi binh của chúa Trịnh vào chiếm Phú Xuân, vua Duệ Tôn ra Quảng Nam rồi vào Gia Định thì bà Tổng Thị với công chúa Ngọc Huyền thất lạc ở theo dân gian. Sau mẹ con ra Thanh Ba (Thanh Hóa) bà Tổng Thị gả công chúa cho Tổng Phước Tín.

Ầy vậy, công chúa Ngọc Tú với Đức Cao Hoàng (Gia Long) là chị em một mẹ, con bà Hiếu Khương Hoàng Hậu. Còn công chúa Ngọc Du với công chúa Ngọc Truyền là chị em một mẹ, con bà Từ Phi. Mà bà Từ Phi là chị ruột của bà Hiếu Khương Hoàng Hậu. Trong sử có chỗ biên công chúa Ngọc Du là em Đức Cao Hoàng mà cũng có chỗ ghi là chị. Vì không có biên năm sanh, nên không biết ai lớn tuổi hơn ai.

Nhưng tôi khảo cứu thì thấy như vậy :

Năm Mậu Tuất (1778), tháng giêng, Đức Cao Hoàng lên làm Đại Nguyên Soái Nhiếp Quốc Chính. Khi ấy ngài được 17 tuổi. Tính ra thì ngài sanh năm (1778 — 17) 1761. Còn bà công chúa Ngọc Du sang năm Canh Thìn (1820) mùa hè hưởng thọ 59 tuổi. Tính ra thì bà cũng sanh năm (1820 — 59) 1761. Ví dầu bà Ngọc Du không lớn tuổi hơn Đức Cao Hoàng đi nữa mà mẹ của bà là vai chị, còn mẹ của Đức Cao Hoàng về vai em, thế thì tôi tưởng sắp bà công chúa Ngọc Du là chị có lẽ phải hơn.

Ngoài 2 công chúa Ngọc Du và Ngọc Truyền đã nói trước kia, bà Từ Phi Nguyễn Thị lại có sanh 2 người con trai :

1.- *TƯƠNG DƯƠNG QUẬN CÔNG HẠO*, theo phò Duệ Tôn làm chức Cai Cơ, đánh giặc nên tử trận.

2.- *AN BIÊN QUẬN VƯƠNG MÂN*, phò vua Duệ Tôn vào Gia Định, thọ chức Thiều Phó Quận Công. Khi vua Duệ Tôn tử nạn rồi thì theo Đức Cao Hoàng. Năm Nhâm Dần (1782) cùng với Châu văn Tiệp đánh đuổi Đỗ Nhân Trập và khắc phục thành Sài Gòn. Qua năm Quý Mão (1783) tử trận tại đồn Giác Ngự.

oOo

Năm Mậu Tuất (1778), Đức Cao Hoàng khắc phục được thành Sài Gòn và lên Nhiếp Quốc Chính rồi, qua năm sau (1779), ngài sai Lê Phước Điền đi đường biển trở về An Du tìm rước Hiếu Khương Hoàng Hậu, Từ Phi cùng các công chúa đem vào Gia Định.

Công chúa Ngọc Du theo 2 vương mẫu và cung quyền vào Nam kể từ năm ấy, rồi cũng cùng vương mẫu và cung quyền lánh nạn mây lần, khi lên Cao Miên, khi ra Phú Quốc, khi qua Xiêm La.

Năm Đinh Vị (1787), ở Xiêm theo Đức Cao Hoàng về tới Hà Tiên rồi được đưa ra tạm trú

ở hòn Phú Quốc. Có lẽ năm Mậu Thân (1788) khi Võ Tánh đến bái kiến và được Đức Cao Hoàng gả công chúa Ngọc Du, thì không có công chúa ở Hối Oa, bởi vì tháng 8 khắc phục Sài Gòn rồi Nguyễn văn Nhơn và Trương Phước Giáo mới ra Phú Quốc mà rước vương mẫu và cung quyền vào Gia Định.

Công chúa Ngọc Du ở với Hoài Quốc Công Võ Tánh sanh được 3 đứa con, 1 trai 2 gái.

Khi Đức Cao Hoàng lên ngôi báu rồi thì ngài liền dạy cất dinh cho công chúa Ngọc Du ở với con tại xã Xuân Hòa ở Huế.

Năm Canh Thìn (1820), nhằm Minh Mạng Ngươn Niên, mùa hè, công chúa mất, hưởng thọ 59 tuổi. Vua bãi triều 5 ngày, tặng phong cho công chúa tước Nhu Gia Thái Trưởng Quận Chúa, dạy quan trị tang và gia tứ 1.000 quan tiền, 1.000 vuông gạo với một đàn tề. Đến năm Minh Mạng thứ 10, vua truy tặng tước Phước Lộc Thái Trưởng Công Chúa.

oOo

Con trai của Hoài Quốc Công và Phước Lộc Công Chúa tên Võ Khánh, được tập làm chức Khinh Xa Đô Úy. Năm Minh Mạng thứ 5 thăng chức Chương Cơ, lãnh Hữu Bảo Vệ Úy rồi đổi qua Hối Oai Hậu Vệ thứ Thanh Ba. Sau có tội nên bị giáng Phiêu Kỵ Đô Úy, rồi giáng

luôn Đội Trưởng. Năm Minh Mạng thứ 12, Võ Khánh mật, truy phục chức Khinh Xa Đô Úy hàm.

Con của Võ Khánh là Võ Mỹ, được tập làm Phiêu Kỵ Đô Úy, lãnh phụng tự. Năm Minh Mạng thứ 14, Võ Mỹ được tập phong Hoài Bá, được cưới công chúa và lãnh chức Phò Mã Đô Úy. Năm Minh Mạng thứ 19, Mỹ được cải phong Hoài Hầu, lãnh chức Hồ Oai Trung Vệ Phó Vệ Úy. Năm Minh Mạng thứ 20, vì đả đoạ nên bị cách hàm Phò Vệ Úy song cũng còn giữ tước Hoài Hầu.

oOo

PHÓ TƯỚNG MẠC VĂN TÔ

Mạc văn Tô là người huyện Kiên Hòa (Gò Công) thuở ấy thuộc trấn Định Tường. Khi Võ Tánh đền Khổng Tử Nguyên mộ binh khởi nghĩa, Tô đồng tâm hiệp lực lập nên đạo binh Kiên Hòa hùng dũng, làm mối kiên sợ của các tướng Tây Sơn. Từ ngày theo Võ Tánh về phụng sự Đức Cao Hoàng lãnh chức Cai Cơ, thì luôn luôn chinh chiến, lập nhiều chiến công vẻ vang nên sau thăng chức Hữu Quân Phó Tướng.

PHÓ TƯỚNG TRẦN VĂN TÍN

Trần văn Tín là người huyện Bình Dương,

thuộc Gia Định, cũng hiệp lực cùng Võ Tánh mà lập đạo binh Kiên Hòa tại Khổng Tước Nguyên (Gò Công).

Năm 1788 theo Võ Tánh về đầu Đức Cao Hoàng, thọ chức Cai Cơ rồi thì luôn luôn giúp Nguyễn Vương chinh chiến để dựng nghiệp trung hưng. Cũng lập nhiều công trận vẻ vang như Mạc văn Tô, nên được thăng đến chức Hữu Dinh Thông Chê lãnh Chân Võ Quân Phó Tướng.

CHƯƠNG CƠ NGUYỄN TẤN HUYỀN

Nguyễn Tấn Huyền gốc ở huyện Chương Ngãi, thuộc Quảng Ngãi. Huyền trước là thuộc tướng Tây Sơn, lãnh chức Vệ Úy, sau bỏ Ngụy, suất tử đệ ứng nghĩa binh quy thuận nhà Nguyễn lãnh chức Cai Đội.

Huyền theo binh của Đức Cao Hoàng chinh chiến được thăng Ứng Nghĩa Đạo Khâm Sai Thông Binh Cai Cơ.

Năm Kỷ Vị (1799), Huyền theo tả quân cùng với Lê văn Duyệt đồn binh tại Sa Lồng để ngăn đón quân giặc Đảng Ngoài không cho vào tiếp viện. Chừng Đức Cao Hoàng khắc phục được thành Qui Nhơn thì Huyền với Cai Cơ Huỳnh Công Khánh phụng mạng đóng binh giữ 2 đồn Mi Sơn và Võ Khê.

Đền sau Trấn Quang Diệu dẫn đại binh

vào. Huyền không ngăn nổi, mới đem binh về Bình Định theo Võ Tánh thủ thành.

Năm Tân Dậu (1801), mùa hè, Võ Tánh lên Bát Giác lầu sắp dùng ngọn lửa chánh khí mà tuần tiết. Huyền hay nên ở ngoài mặt thành lật đật trở vào. Võ Tánh hỏi: *«Người làm gì mà bỏ hăm hở dữ vậy?»* Huyền đáp: *«Nguyện theo cầm roi hầu ngài nơi địa hạ»*. Huyền nói chưa dứt thì ngọn lửa cháy bùng lên. Huyền nhảy vào lửa cùng với «Gia Định Đệ Nhất Hùng» trui gan nướng tiết.

Đức Cao Hoàng ngự khen tánh khí của Nguyễn Tân Huyền nên dạy quan giữ Quảng Ngãi dinh hậu cấp gia quyền Huyền, truy tặng Huyền «Tuyên Lực Công Thần đặc tâu Phụ Quốc Chiêu Nghị Tướng Quân Cẩm Y Vệ Chương Vệ Sư Chương Cơ» và cho thờ vào Chiêu Trung Từ, Hiến Trung Từ và Trung Hưng Công Thần Miếu.

Con tên Quang, làm quan đền chức Hữu Thủy Phó Vệ Úy. Qua đời vua Thiệu Trị có công dẹp an bọn cướp ở Ba Xuyên, được thăng Cẩm Bình Phó Vệ Úy. Con của Quang tên Ngoạn, được tập âm Phụng Ân Úy.

CHƯƠNG DINH VÕ VĂN LƯỢNG

Võ văn Lượng sanh tại Tân Hòa, thuộc Gia Định. Ông bà lớp xưa gốc người Quảng

Bình. Đền đời ông nội tên là Hạnh, mới dời vào ở Gia Định. Cha tên Trung, là người giàu lớn.

Võ văn Lượng hỏi nhỏ tánh khí nóng nẩy, song hào hiệp rộng rãi.

Đền năm giặc Tây Sơn nổi lên vào chiếm cả đất Gia Định. chúng cướp giựt làm khổ hại hơn dân không biết chừng nào. Nhà của Lượng giàu. Chúng cứ tới giựt, cá muối thứ nào lấy không hết thì đồ phá, không để cho chủ nhà dùng. Lượng tức giận chịu không nổi nên cùn quần thưa với cha : *«Tây Sơn coi mình như chó. Con nguyện sẽ cử nghĩa binh mà giết hết quân này mới đã nư giận»*.

Thiệt quả chừng cha mất rồi, Lượng bèn quyết tán tận gia tài để rửa hận. Lượng kết giao với những hào kiệt anh hùng. Võ Tánh, Mạc văn Tô, Nguyễn văn Hiếu thường tới lui chung lo chiêu mộ nghĩa binh với Lượng.

Bình tự càng ngày càng đông. Gia tài của Lượng không đủ cung cấp, phải cầu mầy nhà giàu khác giúp tiền lúa để nuôi binh. Bình đông hơn một muôn, đồn tại Khổng Tước Nguyên (Gò Công), cử Võ Tánh làm đầu để chống cự với giặc. Hễ quân Tây Sơn léo hánh tới thì chặn giết hết, bởi vậy giặc sợ không dám xâm phạm.

Năm 1787, Đức Cao Hoàng (Nguyễn Ánh) ở Vọng Các trở về đóng binh tại Hối Oa (Nước Xoáy) chiêu dụ Võ Tánh. Qua năm sau, Lượng

mới theo Võ Tánh cùng Nguyễn văn Hiều, Mạc văn Tô, Trần văn Tín đèn yết kiên Đức Cao Hoàng và thọ chức Tiên Phong Dinh Tổng Binh Cai Cơ, để theo Võ Tánh dẹp giặc, hứa rằng nếu đánh không thắng thì chịu tội theo quân pháp. Vua nghe lời cứng cỏi thì vừa ý nên cho liễn.

Một bữa binh Võ Tánh đánh với quân Tây Sơn trong sông Ba Lai thật lợi, chiến thuyền bị giặc đoạt hết. Lượng bèn suất cảm tử quân ít chục người chia ra ngồi 2 chiếc thương thuyền thủng thủng chèo theo sau thuyền giặc. Giặc dắt thẳng trở về, qua sông Long Hồ rồi ăn uống ca xướng, không phòng bị nữa.

Lượng chờ giặc mệt ngủ hết, mới nhẹ nhẹ xáp gần thuyền giặc, rồi nhảy vọt qua chém 1 tên quân giặc bêu đầu trên lồng đèn và hô hào biểu giết hết. Quân giặc giật mình thức dậy, nghe la kinh khủng nhảy hết xuống sông mà lội, bị chết đuối rất nhiều. Lượng lấy lại đủ các thuyền bị giặc giật, lại đoạt thêm được 6, 7 chiếc của giặc nữa.

Vua nghe báo lấy làm khen ngợi, gia thưởng Lượng và thăng chức Trung Quân Tả Chi Vệ Úy.

Lúc Cao Hoàng ở Gia Định, tuy có sắp đặt triều nghi, song hễ chư tướng lãnh mạng xuất chinh thì phải vào bái yết vua và hoàng hậu mà đi cũng như lễ của người trong nhà.

Một bữa Lạng nói lên : « *Làm tướng há phải báỉ
đần bà như vậy sao ?* ».

Vua nghe lây làm giận nên phán : « *vô phu cứ
mạng vô lễ* ». Vua dạy bắt Lạng hạ ngục rồi thả
ra, song gián xuống chức Cai Đội.

Kề có bọn Đồ Bà là bọn cướp biển khuấy
rối mây cửa biển, Lạng theo quan Bảo Hộ
Nguyễn văn Nhân đánh dẹp tan hết.

Đền năm 1793, Lạng phò Đức Cao Hoàng
ra đánh Đàng Ngoài. Binh đóng tại Nha Trang,
Lạng cùng với Tiền Chi Hiệu Ủy Nguyễn văn
Đắc công phá đồn Hoa Bồng, thu phục thành
Diên Khánh, rồi thừa thắng tấn binh ra Qui
Nhơn. Lạng đánh lây đồn Úc Sơn, rồi cùng
với Nguyễn văn Nhơn và Nguyễn Long trở lại
giữ Phú Yên.

Sau Lạng được lệnh đem binh về Phan
Rang rồi lại theo phò Đông Cung Cảnh mà giữ
Diên Khánh. Khi thành Diên Khánh bị giặc vây,
tướng sĩ ở trong tận tâm chống cự, giặc hãm
mây lần mà không thể vô nổi. Chừng có viện binh
đền, giặc mở vây chạy. Lạng theo Đông Cung
rượt đánh binh giặc vỡ tan.

Qua mùa đông, giặc vào nữa. Lạng đương
ở Phú Yên được lệnh lui về giữ Bình Khuơng
rồi kề đó lại có chiêu đòi về Gia Định.

Năm 1795, mùa xuân, giặc vây Diên Khánh
nữa. Lạng phò giá đem binh ra cứu viện.

Lượng giữ Gian Nan Lảnh. Có một người ở về thượng đạo vùng Phú Yên tên là Võ văn Sở chiêu tập Man binh rồi theo Lượng phá đồn giặc, hiết được tướng giặc là Đô Đốc Phụng. Vua gay tin liền ban thưởng và phong cho Sở chức Cai Cơ.

Kề có lệnh dạy Trương Phước Luật phải đem binh ra đánh Phú Yên, còn Lượng phải thay thê mà giữ Chữ Châu. Lượng xin vua cho đem thủy sư ra trước lầy Qui Nhơn. Vua dụ rằng: *«Binh nên gom lại, chẳng nên chia ra. Bỏ gần mà đi lấy xa chẳng phải là kế hay»*. Vua không cho. Lượng phải về giữ Gian Nan Lảnh mà phòng ngự. Giặc đến, Lượng đốc binh cự chiến, giặc phải lui về Qui Nhơn, để 3.000 binh ở lại giữ sông Bàn Thạch.

Lượng cùng Nguyễn Đức Xuyên hiệp binh công kích, đại phá quân giặc, thâu đoạt voi ngựa khí giới của giặc rất nhiều. Nhờ chiến công này Lượng được sung chức Thuộc Nội Chương Cơ, rồi đổi qua làm Hữu Quân Phó Tướng. Lượng rất hài lòng nên dốc chí tung quân, lãnh Võ Dực Vệ và suất luôn 2 đội Hùng Kỳ, sau đổi làm Tá Quân Phó Tướng.

Đền năm 1797, Võ văn Lượng lâm bệnh mất. Vua tặng chức Chương Dinh và cấp mộ phu.

Võ văn Lượng không có con, đền năm

Minh Mạng Ngươn Niên, vua cho thờ vào Trung Hưng Công Thần Miếu.

oOo

NGÀI NGUYỄN VĂN HIẾU, MỘT VÕ TƯỚNG THANH LIÊM, CƯƠNG NGHỊ

Nói đến các danh nhân khuông phò chúa Nguyễn, thông nhứt san hà, chúng tôi phải nói đến ông Nguyễn văn Hiếu người miền Nam, có công rất lớn với vua Gia Long. Ông là người có tài, có đức, cương trực và liêm khiết.

Ông Nguyễn văn Hiếu người Kiên Hòa, thuộc tỉnh Định Tường; ông thân sinh úy là Đán, được thăng chức Chương Vệ Cẩm Y. Ông Hiếu lúc còn hàn vi, cắt cỏ thuê để sinh sống, năm Ất Tỵ 1785, ông theo ông Võ Tánh khởi nghĩa binh ở Gò Khổng Tước (tức Gò Công), cùng giặc giao chiến, giết được giặc rất nhiều tại đầm Vạn Thắng. Mùa thu năm Đinh Mùi 1787, Đức Thê Tổ Cao Hoàng ở Vọng Các về, gởi trao ông Hiếu chức Tổng Nhung Cai Cơ. Đại binh tiền đóng ở Hối Oa (Nước Xoáy), ông Hiếu đèn yết kiên, được trao chức Khâm Sai Cai Cơ và một cái yêu bài (thẻ bài đeo ở lưng) để theo quân đánh giặc, năm Tân Hợi 1791, ông được bổ chức Cai Đội Hữu Chi Nhập Nội Đạo; sau đó được thăng Cai Cơ; năm Bính Thìn 1796, thăng Hữu Chi Phó Trường

Chi; liền sau đó được thăng Chánh Trưởng Chi. Năm Tân Dậu 1801, ông theo ông Võ Tánh giữ thành Bình Định, đánh với quân địch ở cửa Đông thành, trúng đạn ở chân, nên bị địch bắt, sai ông đem quân của chi mình làm kỳ binh (binh lẻ ở ngoài, thừa lúc địch vô ý mà đánh) hậu tập. Ông Hiệu bèn dẫn quân chạy về với quân ta. Tháng 9, ông đánh úp quân địch ở Trà Sơn, thắng được thưởng 7 trăm quan tiền. Năm Nhâm Tuất 1802, ông được được thăng Phó Tướng Hữu Quân, đem quân đồn trú Bình Định. Năm Quý Hợi 1803, xuống chiều sai ông theo Tả Quân Lê văn Duyệt đem binh đánh Ác Nam ở Quảng Ngãi (tức mọi Đá Vách). Năm Mậu Thìn 1808, ông quyền lãnh chức Lưu Thủ Bình Định; rồi lại được phái theo ông Lê văn Duyệt trong việc binh. Sau đó ông được triệu về kinh. Năm Canh-Ngọ 1810, ông được phái đem binh ở Bắc thành, mùa đông năm ấy ông kiêm lãnh chức Đề Thinh. Rồi gặp tang mẹ, ông nghỉ việc. Sau đó ông được bổ làm Trần Thủ Sơn Nam Hạ (tức tỉnh Nam Định).

Ông Hiệu tánh người thanh liêm cương nghị, không cầu thả trong việc lầy của người khác, thường nghiêm cấm bọn môn hạ, không cho giao thiệp với người ngoài, trong những dịp lễ tiết, có ai biếu tặng vật gì ông đều khước từ, vì vậy mà khi làm quan, chồn họan xá rất

tiêu điều, lương bổng chỉ đủ dùng, cuối năm là hết, thề mà ông cũng không mong cầu cho dư đủ. Bà phu nhân thường đem điều ấy thừa với ông, ông cười nói : *« Bà không nhớ lúc cất cò thuê sao ? Lúc ấy khi đi đâu thì vợ chồng phải đòi áo mà mặc, chỉ lo cái ăn đủ mỗi ngày ; nay sánh với xưa, đã hơn gấp mấy lần, thế mà còn muốn lấn của bất nghĩa làm giàu sao ? »*. Từ đó bà phu nhân không dám đem tài lợi mà thừa với ông nữa.

Ông Hiền tuy xuất thân võ biến, nhưng hành động, cử chỉ, có phong độ một nho thần. Các vị cử nhân tân khoa đèn yệt, ông tiếp đãi rất cẩn, rồi hiểu thị rằng : *« Mười năm đèn sách mới có ngày nay, tôi xin mừng cho các thầy. Ngày sau được bổ nhiệm làm quan ; cũng nên giữ gìn như lúc tân khổ hồi đi học, chớ có xa xỉ thái quá để mang vết xấu cho thân danh và phụ ý tốt chọn lựa nhân tài của Triều đình »*.

Ông Hiền khi làm quan đã thi thỏ nhiều huệ chính, nên được dân thương mến ; lại nghiêm trị thuộc lại, thuộc lại đều kính sợ. Trong hạt nhiều trộm, ông Hiền đèn, bọn trộm bảo nhau rằng : *« Ông Trấn Thủ là người nhân huệ ấy là Phật xuất thế, bọn chúng ta phải tránh đi »*. Vì đó, ông đèn đâu thì trộm tránh xa.

Năm Minh Mạng thứ 2, xa giá Thánh Tổ Nhân Hoàng Đề Bắc tuần nghe ông Hiền trị dân có chứng tích, triệu đèn hành tại ở Thăng Long, thăng thưởng một cấp, ban cho thiên lý kính mạ vàng. một con dao có chạm khắc và

một khẩu súng chữ Kim rồi bổ ông làm An trần Thanh Hóa.

Ở Thanh Hóa, một hôm có chức Thổ Ty đem lễ hậu đền ra mả, ông Hiều lấy lời ôn tồn từ khước, bảo đem ra. Có một gã đầu xanh ở nhà bếp lên ra theo, dọa nạt người Thổ Ty, lấy một nửa lễ vật. Ông Hiều biết được giận lắm, lập tức sai ra chém, các quan đều can gián, nhưng ông không nghe — Chém rồi, ông xin nhận tội với Triều đình. Vua cho là ông Hiều thiên cận giết, giáng xuống 3 cấp, vẫn lưu lại chức cũ.

Năm Minh Mạng thứ 7, ông Hiều cùng quan trấn Nghệ An hội binh bắt được tên giặc Minh Tạo, vua xuống chiếu hậu thưởng và triệu ông về kinh. Ông vào bệ kiến, vua hỏi: «*Trấn khanh có yên không?*». Ông tâu: «*Yên*» — lại hỏi: «*Khi trước khanh trấn Nam Định, thấy dân vật, phong tục trấn ấy sánh với Thanh Hóa thế nào?*». Ông tâu: «*Dân Nam Định đa trí, không bằng dân Thanh Hóa thuần phác hơn*». Liền đó ông được thăng Thần Sách Tá Dinh, Phó Đô Thông Chè, lãnh chức Trấn Thủ Nghệ An.

Năm Minh Mạng thứ 8, thổ phỉ Nam Định đã dẹp xong, vua sai ông Hiều sung chức Kinh Lược Đại Thần, cho bạc 200 lượng, cùng Hình Bộ Thượng Thư là Hoàng Kim Xán làm Phó Sứ, Binh Bộ Thị Lang là Thân văn Duy làm Tham Biện Kinh Lược Sự Vụ, đền Nam Định tuần

hành các làng ấp xét quan lại, chấn cấp cho dân bản cùng, xét các việc kiện tụng, gian dối còn ẩn dấu. Phái bộ đèn đầu cũng được thu xếp yên ổn; khi về, vua sai Bộ Lại xét thưởng, ông Hiều được thăng Thấn Sách Tả Dinh Đô Thông Chè, vẫn lãnh chức Trần Thủ Nghệ An như cũ.

Minh Mạng năm thứ 9, quan binh kinh lược biên giới Nghệ An, ông Hiều lo việc chuyển vận và điều vát binh lính, không khi nào thiếu thốn. Minh Mạng năm thứ 10, ông Hiều vì tuổi già sức yếu, thường đau ốm, xin giải chức, vua cho và cho được lãnh toàn bổng.

Đền khi lành bệnh, ông vào chiêm cần, vua hỏi han và an ủi rất lâu, rồi cho lấy chức Đô Thông lãnh Trần Thủ Nghệ An. Có lần hội đồng các quan đồng liêu để xét án các tên tù ăn trộm; có đứa đã thú tội rồi, mà vẫn còn bị tra tấn, ông Hiều thông thả nói: *« Chúng nó vì cùng cực mà phải làm việc gian phi, đêm khuya xoi tường khoét vách, khó nhọc lắm mới lấy được tiền của người ta, nay nó đã nhận tội thì cứ theo luật mà trị, hà tất phải vẽ vờ thêm làm gì? Thử hỏi: ở các nha môn coi việc Hình, có những kẻ trên nhà cao, ngồi nệm, dựa gối, giữa ban ngày vậy ngồi bút mà làm tiền người ta không chút khó nhọc, các người ấy sánh với bọn trộm kia, tội ai nặng hơn? »*. Nghe ông nói ai cũng giật mình.

Năm Minh Mạng thứ 12, đổi trấn làm tỉnh, ông Hiều được bổ chức Tổng Đốc Hà Ninh

(Hà Nội và Ninh Bình). Khi phó lý đi ngang qua phủ Lý Nhân, thấy viên quan phủ là Nguyễn văn Sáng suy yếu, mềm mại, ông liền tâu xin bãi chức. Vua dụ rằng: «*Khanh mới tự chức, đã biện biệt được nhân phẩm, thật đáng khen!*»

Năm Minh Mạng thứ 13, ông được thăng Thự Tá Quân Đô Thông Phủ Chương Phủ Sự. Năm Minh Mạng thứ 14, được phong Lương Năng Bá. Rồi ông mất, thọ 70 tuổi.

Vua nghe tin rất thương xót, thực thụ hàm Tá Quân Đô Thông Phủ Chương Phủ Sự, văn tước Bá, và cấp 1.000 quan tiền, lập đàn tế một lễ. Năm Tự Đức thứ 5, ông được thờ ở miếu Trung Hưng Công Thần.

Năm Tự Đức thứ 11, ông được thờ ở Hiền Lương Từ.

Ông Hiền bình sinh tánh người thuần phác, làm quan thì thanh liêm, cần mẫn, đãi người hòa nhã dễ dãi, trải qua các chức trong triều, ngoài trấn, đều được tiếng tăm và có chính tích thời bấy giờ, nói đến hạng «TUẦN LƯƠNG» thì ai cũng nói là ông.

Ông Hiền có 6 con là các ông Nhâm, Tôn, Túc, Tình, Ân, Nhân. Ông Nhâm có tật ở chân, vô tự. Ông Tôn làm Vệ Úy Tá Vệ Bình Định, tập tước Lương Năng Tử, sau bị can, bị cách, rồi được khởi phục chức Suất Đội. Ông Túc lấy công chúa Chương Gia, làm Phò Mã Đô Úy.

Ông Tình làm Thành Thủ Ủy. Ông Ân làm Phó Quán Cờ. Ông Nhân làm Lãnh Binh Khánh Hòa.

Xuyên qua cuộc đời ông Nguyễn văn Hiều, người xuất thân ở miền Nam, đã lập được nhiều chiến công hiển hách, trên đường quan lộ lắm bước thăng trầm, nhưng lúc nào ông cũng giữ một lòng chung thủy với nước non, không lùi bước trước sự gian nguy và thử thách, ngày nay tại Khổng Tựơc Nguyên (tức là Gò Công) người ta cũng còn nhắc đến ông và Quận Công Võ Tánh oai danh lừng lẫy nơi ao Đồn Bình và đầm Vạn Thắng, nói đến danh nhân Gò Công mà không nhắc tới ông Nguyễn văn Hiều là một điều thiếu sót lắm vậy.

Theo sự tra cứu của chúng tôi về dòng họ của ông Lương văn Bá tục gọi Tổng Đốc Nguyễn văn Hiều, hiện nay con cháu còn ở tại Thừa Thiên (Huê) cũng khá đông, được biết hồi ấy các vị công thần trong Nam theo giúp vua Gia Long khi ra Huê lập một hiệp hội lấy tên là Nam Châu Hội, ông Hiều là sáng lập viên khởi xướng. Trong hội nầy gồm các đại thần họ Nguyễn (Nguyễn văn Hiều), họ Phan (giòng Phan Thanh Giản), họ Phạm (giòng Phạm Ngũ Văn)..v.v.. Về sau, hội Nam Châu đổi thành làng Nam Trung (người Nam ra làm quan tại Trung Kỳ), hiện nay làng Nam Trung có một ngôi đình tọa lạc tại cửa đất lớn

ở góc đầu cầu Kim Long hướng về cánh hữu lầu Ngọ Môn đại nội Huế.

Xuyên qua tài liệu mà chúng tôi đã trình bày trên về ông Nguyễn văn Hiếu và may mắn gặp được người cháu mảy đời của ông hiện ở Sài Gòn là giáo sư Nguyễn Lương Hưng, dòng dõi của Tổng Đốc Hiếu.

Sau ngày Cách Mạng 1-11-1963, ông Hưng từng giữ chức hội viên thuyết trình viên chính trị, có chân trong Hội Đồng Quốc gia Lập pháp lâm thời, và giữ nhiều chức vụ khác quan trọng trong các trào chánh phủ kế tiếp.

Ông Hưng, người có tinh thần quốc gia, thích hoạt động về văn hóa, đứng ra chủ trương Tuần báo Hòa Đồng và là nguyên cô văn đặc biệt Bộ Thông Tin.

Trong khi tiếp chuyện với ông Hưng nhận thấy ông là người đầy tiết tháo, mang một dòng máu truyền thống xứng đáng là dòng máu của vị công thần được thề nhân xưng tụng.

HUYỀN MINH

(GÒ CÔNG XƯA VÀ NAY)



PHẦN THỨ HAI

VÔ QUỐC CÔNG

là

NGƯỜI DÂN GÒ CÔNG

MỤC I

LAI LỊCH TỈNH GÒ CÔNG

Để tiện theo dõi, phần trình bày về lai lịch tỉnh Gò Công được phân chia ra các giai đoạn sau đây :

— Trước khi vua Gia Long thống nhất giang san (1802)

— Thời kỳ thuộc chủ quyền các vua triều Nguyễn (1802-1861)

— Thời kỳ Pháp thuộc (1862-1954)

— Sau năm 1954

I. — GÒ CÔNG TRƯỚC KHI VUA GIA LONG THỐNG NHẤT GIANG SAN

Xưa kia, Gò Công là phần lãnh thổ Thủy Chân Lạp do người Cao Miên (Khmer) trú ngụ gọi là Lôi Lạp. Cũng như thời đó Tân An kêu là Tầm Bôn, Mỹ Tho kêu là Mê Sô, Bền Tre kêu là Srok Trey..v.v..

Vào thế kỷ thứ 8, xứ Chân Lạp chia ra làm 2 vùng:

— Thủy Chân Lạp là vùng đất thấp phía Nam, thuộc Nam phần Việt Nam ngày nay.

— Lục Chân Lạp là vùng đất cao phía Bắc, nay thuộc lãnh thổ quốc gia Kampuchea.

Khắp vùng Lôi Lạp toàn là rừng rú ẩm thấp, cây mâm, bần, đước, dừa nước, ô rô... Bồn bể toàn là biển cả và sông lớn, bao bọc có nhiều thú dữ như voi, cạp (1), trâu hoang (2), khỉ rái (3), chim chóc (4)... Thủy thổ không tốt, dân cư thưa thớt, chỉ có người Cao Miên cư ngụ ít gia đình rải rác trên các giống gò, chuên về cày cấy và trồng trọt. Sau vì bản tánh dân Cao Miên không thích ở vùng ẩm nên họ lần lượt bỏ đi về các vùng khác như Rạch Giá, Sóc Trăng, Châu Đốc, Trà Vinh .v.v.. Người Miên thích cất nhà sàn trên đất giống, làm ruộng sát giống (5).

Về sau, còn tìm thấy nhiều vết tích của người Cao Miên như những hình tượng hay có khi cả vàng bạc do người Miên đã chôn dấu

(1) Tích « ông Cả Cạp », « vòm Láng Tượng » xã An Thạnh Thủy và « địa ông Cạp » xã Long Thuận.

(2) Tích « rạch Đường Trâu » xã Thạnh Nhứt.

(3) Tích « hằng năm rái về châu cúng đình Bình Phú Tây và bày rái châu cúng lệ tại miếu Láng Hạng làng Bình Thành ». Hiện nay, vùng Gò Công gần bờ biển cũng còn nhiều rái.

(4) Tích « Gò Công » và « ấp Láng Chim » xã Tân Phước.

(5) SƠN NAM - VĂN MINH MIỆT VƯỜN, trang 49.

thình thoảng đào gập dưới đất và nhiều địa danh nay như ấp Giồng Tháp (xã Tân Niên Tây) là do xưa kia nơi đó có cái tháp Miên, gọi ấp Xóm Chùa (xã Kiểng Phước) vì tại đó xưa người Miên có cất một ngôi chùa. Xóm Chùa Ngói tại ấp An Hòa Trung (xã Bình Phục Nhì) cũng vậy. Điển hình nhứt là sông Soai Rạp âm từ chữ Lô Lạp mà ra.

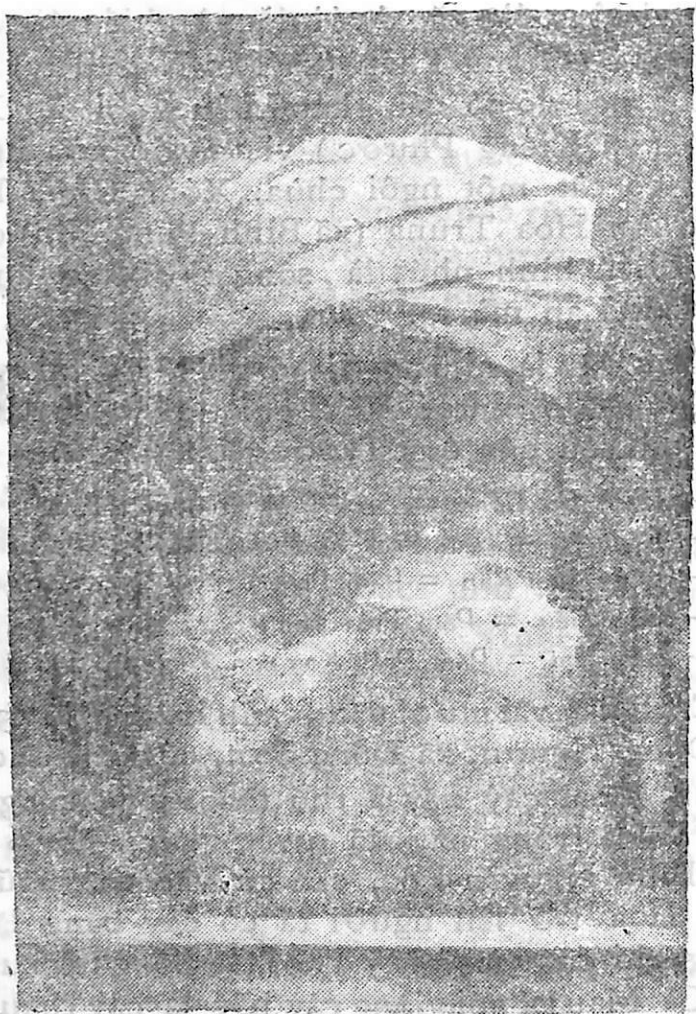
Sau đây là những địa danh Miên tại vùng Gò Công do người Việt gọi trại ra và đặt lại theo tài liệu của ông Trương Vĩnh Ký:

- *Rạch Gò Công* = Srok Prək Kompon Kakôh.
- *Rạch Lá* = Srok Prək Kompon Slok
- *Sông Soai Rạp* = Păm Prək Crôy Phkăm
- *Cửa Tiều* = Păm Prək Toc
- *Cửa Đại* = Păm Prək Kompon Thom

Cách nay vài mươi năm, cạnh hương lộ 13, tại ấp Đồng Ngươn, xã Đồng Sơn, có 2 cây cà dầm cổ thụ. Loại cây này là thứ thảo mộc của người Cao Miên trồng nay đã tuyệt giống. Theo nhà văn Bình Nguyên Lộc, căn cứ vào thổ ngữ từ Biên Hòa trở lên người ta có cây bằng lăng, trong khi dân vùng Mỹ Tho, Gò Công trở xuống tới Cà Mau lại gọi giống cây này là cây thau lau vì theo âm tiếng Cao Miên vậy (1).

Sở dĩ người dân Cao Miên rời bỏ vùng

(1) BÌNH NGUYÊN LỘC — CHỦ ĐẤT THẬT CỦA VÙNG ĐỒNG NAI, Tập San Sử Địa số 19 và 20, trang 225.



Tượng thờ của người Cao Miên, hình dương vật Thần Civa (Linga) bằng đá, đã tìm gặp dưới đất. Dân địa phương tưởng là Ông Tà (Néak Ta) nên bịt thêm phía trên một cái khăn bằng vải điều để thờ.



Tượng Phật bằng đá đào thấy một lượt vól Linga. Phần thân đã hư bể thất lạc, chỉ còn lại phần chân. Linga và tượng Phật này hiện thờ tại chùa Trước Tháp Tự, ấp Giồng Tháp (xã Tân Niên Tây).

Lôi Lạp còn có lý do bởi tánh tình nhút nhát, sợ sệt khi họ chạm trán với một giồng dân xa lạ. Đám dân khác ngôn ngữ, khác phong tục đó là người Việt Nam.

Suốt mấy mươi năm chiến tranh Trịnh Nguyễn bắt đầu từ năm 1627, dân Việt Nam điều linh thông khổ. Họ phải tự tìm sanh lộ. Địa bàn thuận lợi nhứt là vùng hoang địa phía Nam, đất rộng người thưa. Tuy xa lạ nhưng nơi đó đất cát phì nhiêu và cuộc sống tương đối yên thân hơn. Đoàn người Việt tự động di cư vào Nam đầu tiên gồm đủ thành phần: trốn nạn chiến tranh, những kẻ chán ngán hay chồng đôi chồng ba vợ, bọn tù tội hoặc trộm cướp bị trục xuất. Đám người này không có ruộng...v.v.. Lúc đầu mới đặt chơn vào đất Chân Lạp họ sống bơ vơ, đơn độc giữa rừng thiêng, đương đầu với bao khó khăn nguy hiểm. Một mặt Đàng Thò (1) khác ngôn ngữ, phong tục, lại thêm ma thiêng nước độc, thú rừng đe dọa thường xuyên... Nhưng dần dần họ cũng làm quen và thích ứng được cuộc sống mới. Họ tự động lo lấy an ninh trật tự, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Người nào có nhiều sáng kiến thì chỉ vẽ cho lối xóm các phương thức khai phá, trồng trọt, đổi chác...

(1) Dân Việt Nam gọi dân Cao Miên là « Đàng Thò » có lẽ từ thời này như danh từ « Đàng Trong » « Đàng Ngoài » vậy.

Kẻ giỏi võ nghệ chuyên luyện tập côn quyền phòng thủ xóm thôn. Đó là những bậc tiền hiền mà đời sau kẻ hậu sanh suy tôn công đức lập cơ sở phụng thờ hay lấy tên họ đặt thành địa danh... Thành công rạng rỡ nhất trong đám người khai phá ban đầu là giống họ Phạm Đăng mà theo truyền thuyết chuyên nghề chài lưới, nguồn gốc của Đức Hoàng Thái Hậu Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức, nguyên ngụ tại vùng Gò Rùa (giống Sơn Qui) thuộc xã Tân Niên Trung ngày nay.

Tiếp theo cuộc di cư tự động vừa kể là những công trình di dân của chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn dù bận chống chúa Trịnh phương Bắc nhưng vẫn không xao lãng việc mở rộng bờ cõi trong suốt một thế kỷ Nam tiến (từ 1658 đến 1757). Chúa Nguyễn đánh bại và không chừa được giòng vua họ Nặc nước Chân Lạp, đặt điều kiện bảo đảm cho kiều dân Việt tự do làm ruộng, khai thác hoa màu, mở mang thương mại...

Năm Kỷ Vị (1679) đời chúa Nguyễn Phúc Tấn, có đám 3.000 quan quân người Tàu phản nhà Thanh đến xin nhập Việt tịch. Một số được chúa Nguyễn đưa vào Nam theo ngả sông Cửa Tiểu, Cửa Đại. Nhưng vùng Lôi Lạp lúc đó

hãy còn quá rậm rạp hoang vu (1) nên đa số phải thẳng tiến theo hướng sông Cửu Long về định cư tại Mê Sô (Mỹ Tho).

Sách Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí trang 368 chép : « Đất Đồng Nai, từ 2 cửa biển Đại Tiều, ở Cần Giuộc và Sát Gòn trở vào, toàn là rừng rậm đến trên mấy ngàn dặm. Hiếu Minh Vương (2) đánh Cao Miên lấy được đất này rồi chiêu mộ những người có tiền của ở Quảng Nam, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Qui Nhơn thuộc Quảng Nam di cư vào đây. Họ chặt cây đốt vỡ rừng hoang thành ra vùng bằng phẳng, thủy thổ phì nhiêu, tùy sức dân cư làm được bao nhiêu thì làm. Bây giờ, người ta trồng cao, làm nhà cửa. Chứa lại sai bắt trai gái của người Mọi ở đầu nguồn đưa đến bán cho làm nô tỳ, chúng được tùy tiện lấy nhau, rồi sinh con cháu đông đúc ».

Năm Quý Dậu (1753), chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát sai Nguyễn Cư Trinh đem quân đánh Chân Lạp. Vua Chân Lạp là Nặc Nguyên bại trận phải lánh nạn sang Hà Tiên rồi xin dâng nạp cho chúa Nguyễn vùng đất Tầm Bôn (Tân An) và Lôi Lạp (Gò Công). Thi hành chủ trương « Tầm Thực » (tầm ăn dâu), chúa Nguyễn ưng thuận. Từ đó Lôi Lạp chánh thức thuộc quyền về Việt Nam (1756). Chúa Nguyễn tiếp tục

(1) Vùng đất chưa khai phá dọc sông Cửa Tiểu thuộc lãnh thổ quận Hòa Lạc (Rạch Gốc) hiện nay còn tìm thấy rất nhiều gốc cây cổ thụ ước chừng sống tới hàng mấy trăm năm. Thân cây to mấy người ôm, cao từ 50 đến 100 thước. Những gốc cây cách nhau từ 05 đến 10 thước. Điều này chứng tỏ xưa kia nơi đây là khu rừng già hoang vu lắm.

(2) Tức chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725).

khuyến khích di dân đến khai khẩn vùng Lôi Lạp. Lúc đầu họ chỉ dám quy tụ thành từng khu sát kề bên bờ rạch ven sông, thường có đóng đồn binh phòng thủ. Hai trung tâm điểm đầu tiên của dân Việt Nam tại vùng Lôi Lạp là khu Rạch Lá (Chợ Dinh, Đồng Sơn ngày nay) nằm bên bờ sông Tra, chi nhánh sông Soai Rạp và vùng Gò Công chạy dài từ Gò Rùa đến Gò Tre.

Lối sống quần cư đã tạo nên từng khu vực thường gọi là xóm hay giồng (1). Đa số dân chúng sống về nông nghiệp. Họ cư ngụ gần gũi với nhau và nhà cửa cất gần bên ruộng đất canh tác, chớ ít khi đi xa. Xóm là nơi có điều kiện sinh sống, thuận tiện để làm ruộng, quý tụ đông dân. Rồi khi đã sử dụng hết phần đất khả canh thì một số người lại rủ nhau đi xa hơn tìm nơi khác để lập thành xóm mới. Đến lúc việc khai phá đã thành khoảnh thì nhà cửa dân chúng thường cất rải rác nơi những xóm gần lại với nhau. Ngày nay từng xóm chỉ còn ghi lại địa danh chớ khó nhận ra trên địa lý.

(1) xóm Ngòi, xóm Ngang, xóm Gò, xóm Rẫy (xã Tăng Hòa), xóm Dinh (xã Thạnh Nhựt), xóm Chòi tức xóm Ông Tế, xóm Ông Thủ (xã Tân Lương), xóm Giồng (có lẽ xóm Ông Hương Viên, xã Thạnh Trị), xóm Chu (xã Bình Ân)...v.v..

— giồng Sơn Quý (xã Tân Niên Trung), giồng Bà Lầy, giồng Bà Canh, giồng Đình (xã Tân Thành), giồng Ông Đì (xã Thạnh Nhựt), giồng Ông Huê (xã Vĩnh Bình), giồng Ngâu (xã An Hòa), giồng Trôm (xã Bình Long), giồng Cát (xã Tân Lương), giồng Tháp (xã Tân Niên Tây)...v.v..

Năm 1795, chúa Nguyễn Phúc Khoát có lệnh cho lập làng. Chỗ nào dân cư thưa thớt chưa lập làng được thì hợp lại thành «trại». Người làm đầu trại gọi là Cai Trại (1). Phải chăng danh từ «Trại» của ấp Trại Cá, xã Tăng Hòa đã có từ lúc đó.

Thật ra, thời đó vì bận chiến tranh, từ chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần đến đời chúa Nguyễn Phúc Ánh đều mãi lo chống với Tây Sơn và bôn tẩu lánh nạn nên không ai hoàn bị được tổ chức cai trị tại những phần đất mới. Việc phòng thủ an ninh và giáo dục đều do dân tự động tổ chức. Họ thích luyện tập võ nghệ và chỉ có vài nhà nho phiêu dạt đến mở trường dạy chữ nho cho mấy mươi học trò. Cho mãi về sau đến năm 1870, người Pháp mới cưỡng bách mở lớp dạy chữ quốc ngữ và chữ Tây (2). Khi chúa Nguyễn bị Tây Sơn đánh bại, thành Gia Định thuộc về Nguyễn Lữ cai trị, Lôi Lạp lúc ấy còn là nơi hẻo lánh, rừng bụi choán hết ba phần tư, giặc cướp luôn nổi lên giết người cướp của.

(1) NGUYỄN DUY OANH — TÌNH BẾN TRE TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM, trang 97.

(2) VIỆT CÚC — GÒC CÔNG CẢNH CŨ NGƯỜI XƯA, quyển I, trang 99.

II. - GÒ CÔNG DƯỚI THỜI THUỘC CHỦ QUYỀN CÁC VUA TRIỀU NGUYỄN (từ 1802 đến 1864).

Lúc ban đầu mới thu nhập, chúa Nguyễn đặt vùng Lôi Lạp thuộc tổng Kiên Hòa, châu Định Viễn, dinh Long Hồ (1). Năm 1779, chúa Nguyễn Phúc Ánh lập thêm dinh Trường Đồn và đem tổng Kiên Hòa đặt thuộc huyện Kiên An, dinh Trường Đồn cùng với 2 tổng khác là tổng Kiên Đăng và Kiên Hưng, đặt quan Lưu Thủ, Cai Bộ và Ký Lục coi việc chánh trị (2). Về sau, dinh Trường Đồn đổi danh lại là dinh Trần Định (1781).

A. — DƯỚI TRIỀU ĐỨC THỀ TỔ CAO HOÀNG ĐỀ GIA LONG (1802-1819).

Sau khi thông nhứt giang san, vua Gia Long chinh đồn lại tổ chức hành chánh, dinh Trần Định được đổi lại thành trấn Vĩnh Tường thuộc Gia Định Thành (1808). Gia Định Thành lúc đó có tất cả 5 trấn : Phiên An, Biên Hòa,

(1) Nền đạo quân của Võ Tánh lấy hiệu là « đạo quân Kiến Hòa ».

Dinh Long Hồ do chúa Nguyễn Phúc Trú lập năm 1732, trước tiên đóng ở Cái Bè (Mỹ Tho), sau được dời về Tầm Bào, ấp Long An, thôn Long Hồ (tỉnh lỵ Vĩnh Long ngày nay) — NGUYỄN DUY OANH—TÌNH BẾN TRE TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM, trang 74.

(2) SỬ QUỐC TRIỀU CHÁNH BIẾN TOÁT YẾU, quyển 1, trang 9.

Vĩnh Thanh, Vĩnh Tường và Hà Tiên. Đồng thời, các tổng đều được nâng thành huyện. Tổng Kiên Hòa thành huyện Kiên Hòa.

Huyện Kiên Hòa có trị sở đóng lại địa phận làng Mỹ Hóa, tổng Kiến Thạnh, cách phía Nam trấn 20 dặm rưỡi, nơi ấy gọi là Lương Quán, có một cái chợ nhỏ, từ ngày có loạn Tây Sơn, huyện bị hủy phế. Gia Long năm thứ 20, đặt huyện tại chỗ cũ, khuỵu chấ cũng như trấn Phiên An (1) — Huyện Kiên Hòa phía Đông giáp đến cửa biển Soai Ráp và Ba Lai, phía Tây giáp tổng Kiến Thuận huyện Kiến Hưng, lấy sông Bảo Định chạy ngang sông cái Mỹ Tho đến cửa sông lớn Ba Lai làm giới hạn, phía Nam giáp trấn Vĩnh Thanh lấy sông Tiền Giang, Ba Lai và Mỹ Tho chạy ra biển làm giới hạn, phía Bắc giáp trấn Phiên An và lấy sông dài Hưng Hòa làm giới hạn (2).

Huyện Kiên Hòa có 2 tổng là tổng Kiến Thạnh và tổng Hòa Bình, gồm 151 thôn, ấp.

Tổng Kiến Thạnh có 65 thôn, phía Đông giáp Trà Giang, tổng Hòa Bình. chạy qua sông cái Kỳ Hôn, Mỹ Tho và kinh đào đền hạ khẩu sông Ba Lai, phía Tây giáp kinh Hòa Hưng, chảy ngang sông cái Mỹ Tho đến hạ khẩu sông Ba Lai, phía Nam giáp sông cái Mỹ Tho, phía Bắc giáp sông Hưng Hòa.

(1) TRỊNH HOÀI ĐỨC — THÀNH TRỊ CHÍ, bản dịch của TRẦN KINH HOÀ, Đại học số 1, tháng 12-1962, trang 144.

(2) TRỊNH HOÀI ĐỨC — GIA ĐỊNH THÀNH THÔNG CHÍ, dịch giả TU IRAI NGUYỄN TẠO, quyển 3, trang 61.

Sau đây là danh sách 65 thôn của tổng
Kiền Thạnh :

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Mỹ Chánh thôn | 26. Bình Định Đông |
| 2. Phú Hội thôn | thôn |
| 3. Mỹ Hóa thôn (huyện | 27. Bình Công Tây thôn |
| ly) | 28. Ái Nghĩa thôn |
| 4. Bình Hải thôn | 29. Tân Nhu thôn |
| 5. Bình Phong thôn | 30. Tân Trị thôn |
| 6. Long Hòa thôn | 31. Bình Thạnh thôn |
| 7. Thanh Xuân thôn | 32. Đông An thôn |
| 8. Bình Hạnh thôn | 33. Tân Xuân thôn |
| 9. An Hòa thôn | 34. Tân Thạnh thôn |
| 10. Lương Phú thôn | 35. Bình An thôn |
| 11. Phú An thôn | 36. Bình Dương thôn |
| 12. Phú Đức thôn | 37. Nhứt Tân thôn |
| 13. Mỹ Trung thôn | 38. Bình Khương thôn |
| 14. Bình Trung Lộc thôn | 39. Phú Hòa thôn |
| 15. Bình Phú thôn | 40. Phú Xuân thôn |
| 16. Bình Trị thôn | 41. Bình Phước thôn |
| 17. Nhơn Nghĩa thôn | 42. Tân Hưng Long |
| 18. Phú Lộc thôn (mới | thôn |
| lập) | 43. Tân Hội thôn (mới |
| 19. Bình Cang thôn | lập) |
| 20. Bình Nguyên thôn | 44. Tân An Tây thôn |
| 21. Bình Tâm thôn | 45. Tân Thủy thôn |
| 22. Phú Long thôn | 46. Bình Thuận thôn |
| 23. Bình Quới thôn | 47. Mỹ Đức thôn (mới |
| 24. Phú Đa thôn (mới | lập) |
| lập) | 48. Thanh Xuân Đông |
| 25. Bình Hiệp thôn | thôn |

- | | |
|---------------------------------|--------------------------------|
| 49. Bình Thới thôn
(mới lập) | 58. Long Trì thôn |
| 50. Tân An thôn | 59. Long Hựu thôn |
| 51. Tân Giang thôn | 60. Tân Tịnh Đông thôn |
| 52. Bình Đăng thôn | 61. Tân Tịnh thôn |
| 53. Vĩnh Phước thôn | 62. Diên Trang thôn |
| 54. Phú Tây thôn | 63. Bình Thời thôn |
| 55. Tân Mỹ thôn | 64. Mỹ Thuận thôn |
| 56. Tân Thạnh Lợi
thôn | 65. Tân Hưng thôn
(mới lập) |
| 57. Hưng Ngãi thôn | |

Tổng Hòa Bình có 86 thôn phường ấp. Phía Đông giáp cửa sông Soai Rạp, cửa Đại Ba Lai, Tiểu Ba Lai, phía Tây giáp Tra Giang chảy qua sông Kỳ Hôn, Mỹ Tho, đền kinh đào hạ khẩu sông Ba Lai, phía Đông giáp sông lớn Ba Lai, phía Bắc giáp sông dài Hưng Hòa.

Sau đây là danh hiệu các thôn phường ấp thời đó:

- | | |
|--------------------------------|--------------------------------|
| 1. Bình Phú Đông
thôn | 8. Bình Quang thôn |
| 2. Bình Xuân thôn (mới
lập) | 9. Thuận Hòa thôn
(mới lập) |
| 3. Bình Sơn thôn | 10. An Định thôn |
| 4. Tân Hóa thôn | 11. Bình Thạnh thôn |
| 5. Long Thạnh thôn | 12. Toàn Thạnh thôn |
| 6. Bình Phương thôn | 13. Tân Nhứt thôn |
| 7. Bình Hưng thôn | 14. Bình Thúy thôn |
| | 15. Bình Phục Nhứt
thôn |

- | | |
|------------------------|-----------------------|
| 16. Bình Phục Nhứt | 33. Toàn Phước thôn |
| Đông thôn | 34. Tân Niên Đông |
| 17. Bình Phục Nhị | thôn |
| thôn | 35. Tân Niên Tây thôn |
| 18. Bình Phú Chánh | 36. Dương Phước thôn |
| thôn | An Phước ấp |
| 19. Vĩnh Hựu thôn | 37. Tân Long thôn |
| 20. Vĩnh Lợi thôn (mới | 38. Tân Niên Trung |
| lập) | thôn |
| 21. Vĩnh An thôn (mới | 39. Bình Thạnh Đông |
| lập) | thôn |
| 22. Vĩnh Thạnh thôn | 40. Bình thuận Đông |
| 23. Bình Long Tây | thôn |
| thôn | 41. Bình Thuận Tây |
| 24. Bình Long Đông | thôn |
| thôn | 42. Bình Công thôn |
| 25. An Long Đông | 43. Tân Phước thôn |
| thôn | 44. Giao Long thôn |
| 26. An Long Tây thôn | 45. Phước An Đông |
| 27. Tân Cang thôn | thôn |
| 28. Tân Duân Trung | 46. Miếu Ông thôn |
| thôn | 47. Tân Thạch, An Hố |
| 29. Tân Duân Đông | thôn |
| thôn | 48. Phước Hòa thôn |
| 30. Bình Nghị thôn | 49. Phước Thới thôn |
| 31. Bình Ân thôn | 50. Phước Hậu thôn |
| 32. Tăng Huy, An Hòa | 51. Phú Vinh thôn |
| nhị thôn | |

52. Huỳnh Long Quới Sơn thôn 71. Bình Đại thôn
 53. Phú An Thạnh thôn 72. An Lộc Tân thôn
 54. Phú An Hòa thôn (mới lập) 73. Thái Hòa thôn
 55. An Hải thôn 74. Vĩnh Thanh thôn
 56. Giao Hòa thôn 75. Tân Phòng thôn
 57. An Hòa Tân thôn 76. Long Thới Long Hòa thôn
 58. Long Phụng thôn 77. Toàn Phước thôn
 59. Phú Thuận thôn 78. Phước Định thôn
 60. Thanh Long Long Thanh nhĩ thôn 79. Phú Thạnh thôn
 61. Phú Mỹ thôn (mới lập) 80. Phước Hạnh Tây thôn (mới lập)
 62. Châu Hưng thôn (mới lập) 81. Phước Mỹ thôn
 63. Thới Long thôn (mới lập) 82. Phước Hạnh thôn (mới lập)
 64. Vang Quới thôn 83. Long Hưng thôn (mới lập)
 65. Lộc Thuận thôn 84. Bình Thành Đông thôn (mới lập)
 66. Tân Định thôn 85. Phước Hạnh Đông thôn (mới lập)
 67. Tân Hội thôn 86. Vĩnh Đức Hòa (mới lập)
 68. Phú Hòa thôn
 69. Phước Thuận thôn
 70. Lương Thạnh thôn (mới lập)

**B.— DƯỚI TRIỀU ĐỨC THÁNH TỔ NHÂN
 HOÀNG ĐỀ MINH MẠNG (1820-1840)**

Vào năm 1831, một phần đất huyện Kiền Hòa được tách ra làm huyện Tân Hòa cũng

thuộc phủ Kiên An, tỉnh Định Tường, song song với việc phân chia nước Việt Nam ra làm 5 kỳ (Kinh kỳ, Tả kỳ, Hữu Kỳ, Bắc kỳ và Nam kỳ). Nam kỳ có 6 tỉnh gọi là Nam Kỳ Lục Tỉnh gồm: Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên (1).

Đất Tân Hòa ấy gồm có cả vùng Gò Công về sau này.

Về mặt dân sinh, dân chúng vùng Gò Công (thuộc Gia Định) lúc đó cũng còn phức tạp lắm. Sánh Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu (bản dịch, quyển 3, trang 177) nói về thời vua Minh Mạng năm Tân Ty (1821) có đoạn kể như sau: « Trong hạt Gia Định nhiều trộm cướp. Ngài (tức vua Minh Mạng) bảo thị thần rằng: « Đất Gia Định vốn sợ Lê văn Duyệt sao trộm cướp ngày càng nhiều thế? » — Quan Hữu Quân Nguyễn văn Nhơn tâu rằng: « Đất ấy nhiều nơi bụi rậm, đầm lầy, trộm cướp dễ nhóm họp, hưởng chi dân ấy không biết đề, ngoài việc cấy lúa, không trồng tía gì, ngô năm mất mùa thời không giữ lòng thường được ».

C.— DƯỚI TRIỀU ĐỨC HIỀN TÔ CHƯƠNG HOÀNG ĐỀ THIỆU TRỊ (1841-1847)

Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), vua tách một phần đất huyện Tân Hòa để lập thêm huyện Tân Thạnh, rồi đem huyện Tân Hòa và huyện Tân Thạnh đặt thông thuộc phủ Hòa Thạnh

(1) Các cụ xưa thường nói: « Gia Biên Vĩnh Định An Hà » dụng ý lấy theo 6 chữ cuối câu nhô « khoải mã gia tiên vĩnh định an hà » nghĩa là « chạy ngựa ra rồi định an non nước lâu dài ».

tỉnh Gia Định.

Tỉnh Gia Định có 4 phủ gồm 9 huyện :

- Phủ Tân Bình : Dinh Phủ đặt tại Bình Dương, gồm 3 huyện Bình Dương, Bình Long và Tân Long.
- Phủ Tân An : Dinh Phủ đặt tại Tân An, gồm 2 huyện Cửu An và Phước Lộc.
- Phủ Hòa Thạnh : Dinh Phủ đặt tại Đồng Sơn, gồm 2 huyện Tân Hòa và Tân Thạnh.
- Phủ Tây Ninh : Dinh Phủ đặt tại Trảng Bàng, gồm 2 huyện Tân Ninh và Quang Hóa.

Phủ Hòa Thạnh ở về hướng Đông Nam tỉnh lỵ, ban đầu thuộc huyện Phước Lộc, sau đặt thêm làm phủ này. Nhiều gò nong, ngòi rạch mà đồng ruộng màu mỡ, lúa gạo thật nhiều, hơn mấy phủ khác trong tỉnh Gia Định (1).

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí đã mô tả địa giới 2 huyện Tân Hòa và Tân Thạnh như sau :

« Huyện Tân Hòa ở phía Đông Nam tỉnh Tân An 78 dặm. Đông Tây cách nhau 50 dặm, Nam Bắc cách nhau 27 dặm. Từ huyện qua phía Đông đến biên 12 dặm, phía Tây đến giới hạn huyện Tân Thạnh 38 dặm, phía Nam đến giới hạn huyện Kiến Hòa tỉnh Định Tường 20 dặm, phía Bắc đến giới hạn huyện Phước Lộc và huyện Tân Thạnh 7 dặm.

Huyện Tân Thạnh ở phía Đông Nam phủ Tân An 13 dặm. Đông Tây cách nhau 48 dặm, Nam Bắc cách nhau 19 dặm. Từ huyện qua phía Đông đến giới hạn huyện Tân Hòa 37 dặm,

(1) NAM KỶ LỤC TỈNH ĐỊA DƯ CHÍ, trang 33.

phía Tây đến giới hạn huyện Kiến Hưng tỉnh Định Tường 11 dặm, phía Nam đến giới hạn huyện Kiến Hòa tỉnh Định Tường 14 dặm, phía Bắc đến giới hạn huyện Cửu An 5 dặm ».

D.— DƯỚI TRIỀU ĐỨC DỤC TÔN ANH HOÀNG ĐỀ TỰ ĐỨC (1847—1883)

Năm Tự Đức thứ 5 (1852), vua xóa bỏ phủ Hòa Thạnh và sáp nhập huyện Tân Thạnh vào huyện Tân Hòa, đặt thuộc phủ Tân An cùng tỉnh Gia Định.

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí chép :
« Năm Tự Đức thứ 5 (1852) giảm hiện huyện, đem qui thuộc huyện Tân Hòa thống nhiếp. Huyện khi ấy có 4 tổng, 32 xã thôn phường. Huyện lỵ đặt tại thôn Quý Bình nay bỏ (1) ».

Vào năm nầy vua cũng ban nhiều sắc thần cho các thôn thuộc huyện Tân Hòa (thần làng Bình Long, Bình Luông Trung, Tân Cương, Thạnh Nhứt, Long Thuận, Đồng Sơn..v.v..).

Thuở ấy, vùng huyện Tân Hòa (Gò Công) là quê ngoại của vua. Nguyên Đức Hoàng Thái Hậu Từ Dũ, vợ vua Thiệu Trị, là ái nữ của Lê Bộ Thượng Thư Phạm Đăng Hưng, quê quán tại làng Tân Niên Đông.

III.— GÒ CÔNG THỜI PHÁP THUỘC (1864 — 1954)

Pháp khởi sự đem quân xâm chiếm Gò Công từ năm 1861 và hoàn toàn làm chủ phần

(1.) Tại xã Long Thuận, tỉnh lỵ Gò Công ngày nay.

lãnh thổ huyện Tân Hòa của Nam triều sau khi dẹp được kháng chiến quân của ông Huyên Đỗ Trình Thoại (1862) và Đức Bình Tây Đại Nguyên Soái Trương Công Định (1864).

Nhằm xóa bỏ uy quyền triều đình Việt Nam, Pháp bèn đổi phần đất huyện Tân Hòa thành hạt Gò Công vào năm 1864 (Arrondissement de Gò Công). Pháp tổ chức khai phá rừng hoang, đào kinh, xẻ rạch, lập sổ bộ sinh tử giá thú cùng thiết lập nhiều cơ sở cai trị, y tế, giáo dục, bưu chính...

Năm 1866, Sở Tham Biện Gò Công (Inspection) được đặt tại làng Thuận Ngãi. Làng Thuận Tắc (phía Bắc) và làng Thuận Ngãi (phía Nam) cách nhau một con sông, sau nhập lại thành làng Thành Phồ. Đứng đầu Sở Tham Biện có quan Tham Biện (Inspecteur des affaires indigènes) thường là sĩ quan Hải Quân Pháp cấp bậc Trung úy.

Mỗi Sở Tham Biện có 3 viên Tham Biện, phần vụ mỗi người được quy định tại Sắc Lệnh ngày 14-7-1876 thay đổi Sắc Lệnh năm 1873. Tham Biện thứ nhất lo về chánh trị và hành chánh tổng quát, kiểm soát tất cả các cơ quan trong hạt. Tham Biện thứ hai coi việc thu thuế, thu xuất tiền bạc, kiểm soát trường học, các tiệm buôn, quân nhu, quân dụng. Tham Biện thứ ba thiết lập sổ sách thuế má, trước bạ, địa bạ

và bưu điện. Tham Biện thứ ba phụ tá Tham Biện thứ nhứt (1).

Khi đặt xong nền bảo hộ, người Pháp chia Nam kỳ thành 20 hạt và Nghị Định ngày 12-5-1882 của Thông Đốc Nam kỳ tổ chức tại mỗi hạt một cơ quan đại diện dân chúng gọi là Hội Đồng Địa Hạt (Conseil d'Arrondissement). Hạt Gò Công lúc đó có 37 làng trực thuộc 4 tổng (Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng, Hòa Lạc Hạ) nên Hội Đồng có 4 hội viên. Về sau, Sắc Lệnh ngày 5-3-1889 của Tổng Thông Pháp cải tổ quy chế và tăng cường Hội Đồng Địa Hạt Gò Công gồm 10 hội viên (2).

Nghị Định ngày 20-12-1899 của Thông Đốc Nam kỳ ấn định phân chia Nam kỳ ra thành tỉnh (province). Mỗi tỉnh gồm có nhiều quận (délégation), tổng (canton) và làng (village). Thời kỳ này hạt Gò Công biến thành 1 quận của tỉnh Mỹ Tho (délégation de Gò Công).

Quận Gò Công có 4 tổng và 38 làng (1).

(1) NGUYỄN DUY OANH — sách đã dẫn, trang 105, 106 (do DE LANESSAN, L'INDOCHINE FRANÇAISE: LA COCHINCHINE, LE CAMBODGE, L'ANNAM ET LE TONKIN, Paris, Félix Alcan Editeur, 1889, trang 646).

(2) VŨ QUỐC THÔNG—PHÁP CHẾ SỬ VIỆT NAM, từ trang 276 đến trang 281.

(3) ANNUAIRE GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE, 1914, trang 401 và 402.

- Tổng Hòa Lạc Hạ ; Thành Phổ, Tân Bình
(10 làng) Điển, Kiểng Phước,
Tân Duân Trung, Tân
Thành, Dương Phước,
Hòa Nghị, Tân Duân
Đông, Bình Ân, Tăng
Hòa.
- Tổng Hòa Lạc Thượng : Bình Thành, Bình
(7 làng) Thạnh Đông, Tân Niên
Đông, Tân Phước,
Bình Xuân, Tân Niên
Trung, Tân Niên Tây.
- Tổng Hòa Đồng Hạ : Bình Công, Bình Luông
(16 làng) Đông, Bình Luông Tây,
Bình Luông Trung,
Long Chánh, Long
Thạnh, Tân Cương,
Vĩnh Lợi, Vĩnh Hựu,
Vĩnh Trị, Yên Luông
Đông, Yên Luông Tây,
Vĩnh Thạnh, Long
Hựu, Tân Thới, Phú
Thạnh Đông.
- Tổng Hòa Đồng Thượng : Bình Phú Đông,
(5 làng) Bình Phục Nhì, Bình
Phú Tây, Thạnh Nhứt,
Đồng Sơn.

Mãi đến năm 1924, quận Gò Công được nâng lên thành tỉnh Gò Công (province de Gò Công). Lúc đó toàn xứ Nam kỳ có tất cả 20

tỉnh đọc theo văn dễ nhớ như sau :

Gia Châu Hà Rạch Trà
Sa Bền Long Tân Sóc
Thủ Tây Biên Mỹ Bà
Chợ Vinh Gò Cần Bạc

Từ tỉnh Gia Định tính số 1 đến tỉnh Bạc Liêu mang số 20. Thời đó ghe thuyền và xe ngựa tỉnh nào đều cũng phải mang số riêng như vậy. Gò Công mang số 18. Nhìn số thì nhận ra ngay xuất xứ. Một điểm đặc biệt so với các tỉnh khác là tỉnh Gò Công thời đó không có quận. Trực thuộc tỉnh có 5 tổng gồm 40 làng.

- Tổng Hòa Đông Thượng : Đông Sơn, Bình (5 làng) Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Bình Phú Đông và Bình Phú Tây.
- Tổng Hòa Đông Trung : Vinh Lợi, Vinh (9 làng) Viễn, Vinh Hựu, Vinh Thạnh, Vinh Trị, Yên Luông Đông, Bình Công và Long Chánh.
- Tổng Hòa Đông Hạ : Long Hựu, Long Thạnh, (8 làng) Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Tân Cương, Tân Thới và Phú Thạnh Đông.
- Tổng Hòa Lạc Thượng : Bình Xuân, Bình (8 làng) Thành, Bình Thạnh Đông, Tân Niên Trung, Tân Niên

Tây, Tân Niên Đông, Tân
Phước và Gia Thuận.

— Tổng Hòa Lạc Hạ : Thành Phồ, Tân Thành,
(10 làng) Tân Bình Điền, Bình Ân,
Tăng Hòa, Dương Phước,
Tân Duân Trung, Tân
Duân Đông, Hòa Nghị
và Kiểng Phước.

Thuở trước kia, vì điều kiện mới khai phá địa giới làng (thôn) rất nhỏ hẹp, có khi chỉ hơn một ấp bấy giờ. Thôn Bình Phước là phần đất nằm giữa ấp Thượng xã Vĩnh Bình và ấp Bình Hiệp Nam, Bình Hội Đông xã Bình Phục Nhì ngày nay. Xã Đồng Sơn ngày nay là do 2 thôn sáp nhập : thôn Trường Xuân phía Bắc và thôn Bình Sơn phía Nam. Xã Bình Phú Đông cũng gồm 3 thôn cổ : thôn Phú Xuân giáp với sông Tra, thôn Phú Đông tại trung tâm xã bấy giờ và thôn Bình Lạc thuộc khu vực phía Nam gồm phần ấp Bình Lạc và Bình Hưng ngày nay. Cũng như xã Thạnh Nhựt là do 2 thôn Toàn Thạnh và Tân Nhựt hợp lại.

Mỗi làng đều có một Ban Hội Tế (Conseil des Notables) gồm 12 hương chức điều hành công vụ (Nghị Định ngày 27-8-1904, Nghị Định ngày 30-10-1927 và Nghị Định ngày 5-1-1944 của Toàn Quyền Đông Dương). Các hương chức Hội Tế là : Hương Cả, Hương Chủ,

Hương Sư, Hương Trường, Hương Chánh, Hương Giáo, Hương Quản, Hương Bộ, Hương Thân, Thôn Trưởng, Hương Hào và Chánh Lục Bộ. Ngoài ra còn có các hương chức ngoại Hội Tể phụ tá và chung lo công việc khánh tiết trong làng như Hương Văn, Hương Lễ, Hương Nhạc, Hương Thơ, Hương Viên...v.v..

oOo

Đứng đầu mỗi tỉnh có viên Chánh Tham Biện người Pháp lãnh chức vụ Chánh Chủ Tỉnh (Administrateur des services—Chef de la province de Gò Công). Dân chúng thường gọi là Ông Chánh hay Quan Lớn. Hội Đồng Địa Hạt (Conseiller provincial) là gạch nối giữa dân chúng và Chánh Chủ Tỉnh.

Chỉ huy mỗi tổng có viên Cai Tổng, dân thường quen gọi là Ngài Tổng.

Ngày 25-8-1945. vua Bảo Đại thoái vị, có giai đoạn Mặt Trận Việt Minh cướp chánh quyền, tỉnh Gò Công được đổi danh kêu là tỉnh Trương Công Định.

IV - GÒ CÔNG SAU NĂM 1954

Từ năm 1955, tỉnh Gò Công được cải tổ gồm có 2 quận mới lập. Đó là quận Châu Thành và quận Hòa Đồng. Đồng thời, tổng Hòa Đồng Trung được bãi bỏ, sáp nhập một phần vào tổng Hòa Đồng Thượng và một phần vào tổng

Hòa Đồng Hạ. Khi đó, quận Châu Thành có 2 tổng và 18 làng, quận Hòa Đồng có 2 tổng và 22 làng. Quận lỵ Hòa Đồng lúc đầu đặt tại xã Đồng Sơn, sau dời về xã Vĩnh Bình (1959) còn quận lỵ Châu Thành đặt tại tỉnh lỵ Gò Công ngày nay.

Đứng đầu mỗi quận có ông Quận Trưởng. Mỗi tổng có ông Chánh Tổng và ông Phó Tổng chỉ huy. Hội Đồng Hương Chính quản trị công việc trong làng (Sắc Lệnh số 34-NV ngày 19-3-1953), sau đổi danh là Hội Đồng Xã (Thông Tư số 1834-BPTT/VP ngày 16-11-1956).

Từ năm 1956 đến 1963, tỉnh Gò Công được sáp nhập vào tỉnh Định Tường và giữ y địa giới 2 quận Hòa Đồng và quận Gò Công (tức quận Châu Thành cũ).

Quận Hòa Đồng có 2 tổng, 16 xã gồm 156 ấp, chia ra :

- Tổng Hòa Đồng Thượng : Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.
- Tổng Hòa Đồng Hạ : Long Hựu, Bình Luông (7 xã) Đông, Tân Thới, Phú Thạnh

Đông. Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ) và Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Quận Gò Công có 2 tổng, 15 xã gồm 147 ấp, chia ra :

- Tổng Hòa Lạc Thượng : Bình Xuân, Bình Thạnh Đông, Tân Niên Trung, Tân Niên Tây, Tân Niên Đông, Tân Phước, Kiểng Phước và Gia Thuận.
- Tổng Hòa Lạc Hạ : Long Thuận (Thành Phò và Long Chánh cũ), Tân Thành, Tân Bình Diên, Bình Ân, Tăng Hòa, An Hòa (Tân Duân Đông và Hòa Nghị cũ) và Phước Trung (Dương Phước và Tân Duân Trung cũ).

Có nhiều tên xã dân địa phương thường quen gọi trại như Bình Thành gọi là Bình Thiển, Long Chánh gọi là Long Chiền, Bình Phú Đông gọi là Bình Phó Đông...v.v..

Sau ngày cách mạng 01-11-1963, Gò Công được tái lập trở lại thành tỉnh. Đến tháng 4-1964 tỉnh Gò Công chánh thức được chia làm 4 quận

gồm 31 xã. Về sau, có thêm xã Vàm Láng tức 32 xã tới ngày nay.

- Quận Hòa Đông: quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Bình, (8 xã)
gồm : Vĩnh Bình, Vĩnh Viễn, Vĩnh Hựu, Thạnh Trị, Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Bình Phục Nhì và Thạnh Nhựt.
- Quận Hòa Lạc : quận lỵ đặt tại xã Tăng Hòa, (9 xã)
gồm : Tăng Hòa, Tân Thành, Tân Bình Điền, Bình Ân, An Hòa, Yên Luông, Long Thuận (tỉnh lỵ), Phước Trung và Bình Tân.
- Quận Hòa Tân : quận lỵ đặt tại xã Tân Niên (10 xã)
Tây, gồm : Tân Niên Tây, Tân Phước, Kiểng Phước, Gia Thuận, Tân Niên Đông, Bình Xuân, Thành Công và Vàm Láng.
- Quận Hòa Bình : quận lỵ đặt tại xã Bình (5 xã)
Luông Đông, gồm : Bình Luông Đông, Bình Long, Long Hựu, Tân Thới và Phú Thạnh Đông.

Đứng đầu tỉnh có ông Tỉnh Trưởng (Dự sô 57a ngày 24-10-1956). Chỉ huy quận có ông Quận Trưởng. Vai trò tổng dẫn dẫn bị phai mờ

Việc quản trị xã do 2 cơ quan Hội Đồng Xã dân cử và Ủy Ban Hành Chánh Xã do ông Xã Trưởng chỉ huy (Sắc lệnh 198-SL/ĐUHC và 199-SL/ĐUHC ngày 24-12-1967, Sắc lệnh 045-SL/NV ngày 01-4-1969 và Sắc lệnh số 120-SL/NV ngày 22-8-1972).

Phân hạt của xã là ấp. Ngày nay, có ấp chỉ là một xóm hồi xưa (như ấp Xóm Thủ, ấp Xóm Gò, ấp Xóm Giêng, ấp Xóm Rẫy...v.v..) còn đa số ấp thì do nhiều xóm hợp lại (như ấp Vĩnh Thới xã Thạnh Trị có 4 xóm là xóm Bà Hường, xóm Bà Gõ, xóm Bà Sang, xóm Bà Thới).

Về tên xã ấp, các bậc tiền hiền xưa đa số chịu ảnh hưởng nho học nên việc chọn đặt địa danh đều không căn cứ vào nhơn vật hay địa thế đặc biệt thì cũng chọn những chữ nho thanh tao tốt đẹp ghép thành vắn. Như các ấp thuộc xã Đồng Sơn có vắn cuối «Ngươn, Hanh, Lợi, Trinh, Bình, An, Thạnh, Thới, Phú, Thọ, Khương, Ninh», xã Thạnh Nhứt tên ấp nào đứng đầu cũng có chữ «Tân» rồi bắt vắn «Long, Bình, Thạnh, Thới», xã Bình Phục Nhì dẫn đầu vắn «An, Bình, Thạnh, Thới», xã Vĩnh Hựu kết vắn «Phú, Quý, An, Phong, Thạnh», xã Vĩnh Thạnh kết vắn «Phong, Phú, Thới, Hòa, Bình»...v.v..



SỰ BIẾN ĐỔI ĐỊA DANH VÙNG GÒ CÔNG

Một phần tổng Kiên Hòa (châu Định Viễn, dinh Long Hồ)	1756
Một phần tổng Kiên Hòa (huyện Kiến An, dinh Trường Đồn)	1779
Một phần tổng Hòa Bình (huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Vĩnh Tường Gla Định thành)	1808
Huyện Tân Hòa (phủ Kiến An, tỉnh Định Tường)	1832
Huyện Tân Hòa (phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định)	1841
Huyện Tân Hòa (phủ Tân An, tỉnh Gia Định)	1852
Hạt Gò Công (arrondissement)	1864
Quận Gò Công (délégation) (tỉnh Mỹ Tho)	1899
Tỉnh Gò Công (province)	1924
Quận Hòa Đồng và quận Gò Công (tỉnh Định Tường)	1956
Tỉnh Gò Công	1963
(Q. Hòa Bình (5 xã) Q. Hòa Đồng (8 xã) Q. Hòa Lạc (9 xã) Q. Hòa Tân (10 xã))	

MỤC II

NHỮNG ĐIỀU KIỆN ẢNH HƯỞNG BẢN TÍNH NGƯỜI DÂN GÒ CÔNG

Gò Công là vùng đất mới. Trước hơn ta đến trú ngụ tại phần lãnh thổ này chưa quá 3 thế kỷ. Thành phần dân cư đa số là người Việt chánh tông gốc từ miền Bắc và miền Trung di cư vào (98%), hơn 2.000 người Việt gốc Hoa (01%) và khoảng 10 người Việt gốc Miên. Người Việt gốc Hoa đa số cư ngụ tại khu vực chợ. Có nhiều gia đình lai hoàn toàn đã Việt hóa.

Sử chép vào tháng 5 năm Kỷ Vị (1679), chúa Nguyễn cho đám người Trung Hoa phần nhà Thanh do tướng của nhà Minh là Dương Ngạn Địch (tức Dương Nhị) và Hoàng Tân chỉ huy theo hướng sông Cửa Tiểu, Cửa Đại, một số khác do Tổng Binh Trần Thượng Xuyên và Trần

An Bình theo hướng sông Soai Rạp về khai khẩn định cư ở Nam Kỳ.

Như vậy, dân Gò Công gốc Trung Hoa đa số gồm họ Dương, họ Huỳnh, họ Lâm, họ Trương, họ Trần, họ Quách, họ Trịnh, họ Tống, họ La...v.v., gốc Việt miền Trung và miền Bắc có họ Nguyễn, họ Võ, họ Phạm, họ Mai, họ Lê, họ Nguyễn Đăng (ở miền Bắc có một làng rộng lớn chỉ gồm họ Nguyễn Đăng) ..v.v.. Trong thời thuộc Pháp, nhiều gia đình lại phải cải đổi họ tên để tránh bị đàn áp bắt bớ người theo cách mạng, như họ Mai đổi ra họ Phạm, họ Đỗ đổi ra họ Đặng...

Bản tánh dân Gò Công thể hiện đặc điểm dân tộc với vài nét địa phương chi phối do các điều kiện sau đây :

- điều kiện địa lý
- điều kiện lịch sử
- điều kiện sinh sống
- điều kiện tín ngưỡng, phong tục.

A.— ẢNH HƯỞNG DO ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ.

Các nhà địa lý học đã đưa ra thuyết «địa lý tât định» (déterminisme géographique), theo đó, hoàn cảnh địa lý có thể giúp ta giải thích mọi khía cạnh kinh tế, văn hóa, xã hội, chánh trị...

Gò Công nằm trên Bắc vĩ tuyến thứ 10 (1) thuộc vùng nhiệt đới, xung quanh toàn sông lớn và biển cả bao bọc. Tuy cách thủ đô Sài Gòn 58 cây số nhưng ít được sự chú ý của du khách và người trong nước vì Gò Công nằm cô lập cách xa các trục giao thông chánh (quốc lộ 4), đường thủy thiếu bèn tàu và bèn ghe tốt, cũng không có bãi đáp hàng không.

Theo các thầy quan sát địa lý cho rằng địa diện tỉnh Gò Công thuộc về khí Thuận Hóa, được điểm phúc là khí tượng Tứ linh xuất hiện nơi 4 địa điểm trong mây thề kỳ qua. «Hình dung Tứ linh: Long, Lân, Qui, Phụng đều là các đức tính chí linh, thuở thái bình thì khí tượng ấy phát hiện, thời loạn thì khí ấy ẩn» (2).

— RỒNG (Long) có tài biến hóa vô cùng, sức mạnh vượt mây xanh, vẫy vùng khắp bốn bể, gây ra mưa, làm ra gió, tượng trưng cho uy quyền quán thế, giống nòi mỗi ngày mỗi thêm đông hơn.

— KỶ LÂN hùng dũng phi thường, đạp gió đi như bay, lại khôn ngoan hay dung thứ, tượng trưng cho lòng mình mẫn và rộng lượng.

— RÙA (Qui) chậm chạp mà vững chắc, giàu sinh lực, tượng trưng cho đời an nhàn và trường thọ.

(1) Từ Bắc vĩ độ 10° 13' đến 10° 30' và giữa kinh độ 106° 28' đến 106° 47' Đông Greenwich.

(2) VIỆT CÚC, sách đã dẫn, quyển 2, trang 3.

— PHƯỢNG HOÀNG (Phụng) rất tốt mã, nhón như cỡi mây vượt gió, tung tin lành khắp bốn phương, tượng trưng lòng yêu chuộng mỹ thuật và hòa bình (1).

B.— ẢNH HƯỞNG DO ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ

Những người đầu tiên bước chơn tới Gò Công ít nhiều đều do điều kiện lịch sử và chánh trị thời đó chi phối hoặc vì chán ghét chiến tranh Nam Bắc hoặc do chế độ cường bách di đưa đến định cư hay chiến đấu thực hiện chủ trương thực dân trên phần đất Thủy Chân Lạp. Đầu tiên họ sống tự trị kẻ chuyển sang sự chi phối của quân quyền triều Nguyễn rồi bị va chạm với làn sóng xâm lăng Thực Dân Tây. Dân Gò Công đã chiến đấu mãnh liệt để giành lấy tự tồn, tự chủ. Nơi nầy thuộc vùng bị người Pháp đặt nền đô hộ đầu tiên (3 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đã có biết bao cuộc tranh đấu oai hùng ghi trong sử sách, từ những chiến sĩ hường ứng phong trào Cần Vương, Văn Thân vào cuối thế kỷ thứ 19 đến thế kỷ 20 đến những cuộc đấu tranh kháng Pháp, kháng Nhật về sau. Rạng rỡ nhất là cuộc cách mạng của Trương Công Định hùng cứ tại Gò

(1) PHAN XUÂN HÒA- VIỆT NAM GẮM VÓC, trang 159.

Công (1862 - 1864). Ngày nay, người đời vẫn còn truyền tụng mấy câu ca dao lịch sử rằng:

«Đố anh con rít mấy chơn ?

Tàu Ô mấy hiệp, chợ Dinh mấy người ?

Mấy người bán áo con trai ?

Chợ trong bán chỉ, chợ ngoài bán kim».

Ca dao đã nói lên hoàn cảnh lịch sử vùng Gò Công thời đó (1862 - 1864) với gương tiết liệt của bao người con gái địa phương nầy. Nghĩa 4 câu ấy rằng nếu khó ai biết được con rít mấy chơn thì cũng thể như tâm trạng khắc khoải giao động của dân chúng lo sợ không biết mỗi ngày tàu chở binh lính Tây đen (ô là đen, ám chỉ lính Maroc, lính mặt gạch) tới đổ bộ lên bển Chợ Dinh mấy lần (hiệp) để tàn công nghĩa quân Trương Công Định, cũng như không biết có bao nhiêu người con gái dám liều mình mỗi ngày túc trực tại bển-Chợ Dinh để hiến thân làm mỹ nhân kế cản bước cản quét của lính Tây. Chư liệt nữ đó đồng thời cũng là hệ thống giao liên hữu hiệu cho nghĩa quân Trương Công Định.

Hễ có giặc tàn công thì có người Gò Công cứu nước.

Vào thời quốc phá gia vong, tổ quốc mong mỗi những đứa con trai sớm sanh ra đời lớn lên góp tay cứu nước... mà muốn làm được đại sự đó cần phải có sự đoàn kết gắn bó của mọi nơi và mọi tầng lớp dân chúng, cũng như

phải có sợi chỉ cùng với cây kim thì mới kết may nên chiếc áo con trai, thể hiện trọn vẹn niềm ước mơ của toàn dân. Chợ trong là khu chợ cũ ấp Đồng An cách chợ ngoài là chợ Dinh ấp Đồng Thới cùng xã Đồng Sơn bây giờ chừng một cây sò. Hai chợ thông nhau bởi nhánh sông Rạch Lá (hiện nay phía sau trường Trung học Tỉnh hạt Đồng Sơn, chợ trong, còn di tích cái miếu Tàu Ô, cạnh bờ Rạch Lá).

Những nhơn vật Gò Công đã xuất sắc đi vào lịch sử như :

- Đức Quốc Công Hậu Quân Võ Tánh.
- Lễ Bộ Tham Tri Ngô Tùng Châu.
- Đại thần triều Nguyễn Lễ Bộ Thượng Thư Phạm Đăng Hưng, người huyện Tân Hòa.
- Hoàng Thái Hậu Từ Dũ, mẫu nghi thiên hạ.
- Bình Tây Đại Nguyên Soái Trương Công Định.
- Huyện cách mạng Đỗ Trình Thoại.

Nhiều nhơn vật địa phương nổi danh trong nước như :

- Ông Phạm văn Tánh, người huyện Tân Hòa, làm quan võ tới chức Thông Chè đời vua Minh Mạng.
- Ông Nguyễn Tăng Minh, người huyện Tân Hòa, được phong chức Hữu Quân Đô Thông đời Minh Mạng.

- Ông Phan văn Đồi, người huyện Tân Thạnh, làm Lãnh Binh Lạng Sơn, sau tuần nạn (1833) được vua cho lập đền thờ gọi là đền Tam Trung.
- Nam Phương Hoàng Hậu tên là Nguyễn Hữu Thị Lan, con gái của ông Nguyễn Hữu Hào, vợ vua Bảo Đại.
- Đức Cha Nguyễn Bá Tòng, Giám Mục Việt Nam đầu tiên.
- Bộ Trưởng Tài chánh Dương Tân Tài.
- Bộ Trưởng Nội vụ Luật sư Nguyễn Hữu Châu.
- Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục, Chủ Tịch Viện Bảo Hiên, Luật sư Vương Quang Nhường (phò mã chồng công chúa Nguyễn Phúc Lương Nhân, con vua Thành Thái, em vua Duy Tân) (1).
- Tổng Trưởng Y tề, Bác sĩ Vương Quang Trường.
- Tổng Trưởng Tài chánh Lưu văn Tính.
- Văn hào Biểu Chánh Hồ văn Trung, gốc người Bình Thành.
- Nữ sĩ Mạnh Mạnh Nguyễn thị Kim, chiến sĩ tiên phong phong trào thơ mới.

(1) Như vậy, Gò Công đã có 2 hoàng hậu và 2 phò mã.

- Thạc sĩ Công pháp Nguyễn văn Bông, cô Viện Trưởng Học viện Quốc Gia Hành Chánh, gốc người Kiểng Phước.
- Tiền sĩ Khoa học Nguyễn Đăng Long. Viện Trưởng Đại học Cộng Đồng Tiền Giang, gốc người Đồng Sơn.
- Trung Tướng Đồng văn Khuyên, gốc người Bình Phục Nhì.
- Thiều Tướng Văn Thành Cao, gốc người Vĩnh Thạnh.
- Nữ anh hùng Giồng Đình Phạm thị Thành, tâm gương chiến đấu oanh liệt (1).

C. - ẢNH HƯỞNG DO ĐIỀU KIỆN SANH SÔNG

Mật độ dân số Gò Công trung bình (năm 1972: 392 người / 1 cây số vuông). Dân cư sông ròi rạc.

Đất thừa bốc khí nóng nên nhiều thấp khí, chỗ cao ráo được khí dương phát tiết, còn chỗ nê tính bị khí âm thấp huân chung hỗn loạn cho nên có nhiều người đau bệnh phong thấp (2). Phong thấp là chứng bệnh kinh niên, nhiều biến chứng rậm rể khó trị hay hoành

(1) xem bài «Đánh giặc thay chồng» trong sách TINH THẦN TRỌNG NGHĨA PHƯƠNG ĐÔNG của TOÀN ÁNH từ trang 183 đến trang 186.

(2) TU TRAI NGUYỄN TẠO - ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ, tập thượng, trang 55,

hành lúc trở trời làm đau nhức gân cốt, nhứt là khi tuổi về già.

Về nhà ở, người khá giả thì xây gạch ngói, nhà nghèo lợp lá chằm. Những ngôi nhà xưa đều cất mái thấp. Đa số kiến trúc thường theo dạng chữ đinh (丁) hay kiểu « sắp đội » (thiếu sò). Nhà chữ đinh gồm gian nhà chánh nằm ngang và gian nhà phụ thẳng góc bên hong. Nhà « sắp đội » cất hai dãy nôi liễn song song nhau, dãy phía trước là gian nhà chánh, dãy phía sau là gian nhà phụ để tồn trữ và nấu nướng.

Nơi gian nhà chánh thường có đặt bàn thờ ông bà chính giữa. Bàn thờ ông bà là nơi tôn nghiêm nhứt trong nhà. Vào các ngày kỵ giỗ, cưới hỏi... cả gia đình đều đèn quây quần làm lễ nơi đó. Thành ngữ « dọn hết bàn thờ » để ám chỉ việc làm của kẻ có hành động sai quấy quá đáng.

Phía trước bàn thờ ông bà có bàn khách (bộ ghế giữa). Nhà khá giả thường có thêm hai bộ ván kê hai bên. Sau gian nhà phụ cũng có một bộ ván hay bộ vạc bằng tre như vậy. Nghèo thì chỉ có vạc chớ không có ván. Người xưa nói rằng gian nhà chánh để thờ ông bà và tiếp khách phái nam còn đàn bà thì ngồi ở gian nhà sau. Dù thế nào thì cách bày biện ván ngựa nhiều như vậy cũng cốt ý để cho khách đèn nhà có chỗ ngồi. Khách quý mời ngồi ghế giữa. Đàn bà hay ngồi chêm bẹp trên bộ ngựa (ván) bàn

chuyện, ngoáy trấu, xĩa thuốc... Mấy bộ ngựa còn để khách khứa có chỗ nằm nghỉ ngơi, nghỉ trưa hay nghỉ lại về đêm. Thường ngày người trong gia đình ăn cơm dọn ở nhà dưới, chỉ khi có khách hay kỵ giỗ mới dọn ăn ở nhà trên, ngồi ăn quanh ghề giữa hay chèm bẹp trên ván.

Ngoài trước cửa nhà đôi khi chủ gia có đặt sẵn cái khạp đựng nước uống đầy nắp cẩn thận để khách qua đường đi ngang nhà khi khát nước có thể ghé lại uống.

Nhà nào lại cũng sắm bộ bình tách chưng trong tủ kiền hay thường bày sẵn trên bàn ghề giữa. Nếu chủ nhà thích nhậu thì hay sắm mấy cái nhạo, vài cái ly nhỏ và bộ ly lớn. Bình tách uống nước trà. Ly nhỏ để uống rượu đế, rượu thuốc. Ly lớn dùng trong các dịp tiệc tùng, giỗ quảy. Lại còn ao cá, bầy vịt nuôi trong nhà, cùng mấy cây xoài, cây ổi ngoài vườn sẵn để làm đồ nhắm. Vùng Hòa Lạc có nhiều giống cát pha trồng toàn cây cerise. Nếu không ăn trái chín, cerise còn được ướp làm mứt, ngâm làm rượu. Cerise là loại thổ sản đặc biệt của tỉnh Gò Công.

Hễ «khách đến nhà không trà thì rượu». Đa số phái nam khi vui đều thích mời ép nhau uống rượu cho đến say sưa. Lúc ăn cơm chủ nhà thường hay nhắc nhở và mời khách: «dùng thiệt tình cho no» và mỗi khi giã từ người ta hay chúc nhau: «mạnh giỏi, làm ăn may mắn».

Thức ăn chánh của dân địa phương là gạo, cá thịt và rau cải. Gạo nấu thành cơm, nấu cháo hay xay bột làm bánh. Tôm (1), cá đồng, cá biển và cá gộc Gò Công từ xưa nổi tiếng trong nước (2). Vùng biển ngoài nghêu, sò, tôm, cua còn có vài loại hải sản đặc biệt ăn được khác như lép chép (3), móng tay, mỏ vịt... Thịt heo, dê, bò, gà, vịt là thức ăn thịnh soạn. Người nghèo hay dùng nhiều rau. Cháo cá thường ăn với rau đắng đất, hương vị thơm ngon đặc biệt.

Việc ăn uống tuy không cầu kỳ nhưng chẳng phải vì vậy mà kém phần khéo tay. Người ta hay trộn thịt gà «xé phai» với lá é hay lá vạn

(1) Con tôm ở Gò Công nhiều nơi khác gọi là con tép.

(2) Các thổ sản nổi tiếng ở miền Nam có :

*Cam Cái Bè
Chuối Bến Tre
Quýt Mỹ Tho
Bưởi Biên Hòa
Thơm Bến Lức
Xoài Sa Đéc
Măng cụt Bình Dương
Măng le Tây Ninh
Chôm chôm Long Thành
Mâm thái Châu Đốc
Cá gộc Gò Công
Cá hồ Rạch Giá
Mắm tôm Vũng Tàu...*

(theo PHAN XUÂN HÒA — VIỆT NAM GẮM VÓC, trang 158).

(3) Có người kêu là «chem chép» hay «chép cháp».

thọ non cho thơm, ướp ngâm trái chuối «thầu» để làm món nhậu. Người bình dân nhậu rượu đề, rượu thuốc, rượu nếp than, rượu cerise, bia... Người khá giả hay dùng thứ rượu nhập cảng đắt tiền như rượu chát, Martell, Hennessy, Champagne..v.v.. Lại có thêm nhiều thực phẩm nữ công chế biến thành món ăn nổi tiếng như bánh kẹp Chợ Dinh, chả lụa và bánh giá Chợ Giồng (1), mắm tôm chà, mắm tôm chua, mắm còng lột..v.v..

Hằng năm tới ngày mừng 5 tháng 5. còng hay lột trên các rẫy có nước mặn lên xuống. Người ta bắt còng về ngâm trong nước muối, đường, rượu, tỏi, nước mắm... rồi gài còng vào hũ, lấy lá vông hay lá chùm ruột non đập lên trên, để một vài tuần sau thì ăn được. Mắm còng lột thường ăn với bún, giá, khê, chuối chát, rau sống và thịt phay (thịt heo luộc xắt mỏng).

Cuộc sống hạng bình dân tương đối không quá nghèo khổ cũng không giàu sang nổi bật. Đa số là nông dân trồng lúa, một số sống về nghề chài lưới, buôn bán và nghề thủ công, thợ may, thợ mộc, thợ hồ...

Ngược dòng lịch sử... Cùng cảnh khổ của toàn dân Việt Nam, liên tiếp trong suốt 3 thế kỷ từ cuối đời Hậu Lê đến khi vua Gia Long

(1) Bánh giá nhiều nơi khác gọi là bánh quận hay bánh còng.

thông nhứt giang san, người dân Việt không bao giờ được sống hòa bình thật sự, khổ sở vì chiến tranh, cướp bóc hoành hành, cướp biển, cướp sông, cướp rừng, cướp Miên và nhiều hành động bắt chánh bởi quần chúng đói khổ...

Vào thời thuộc Pháp, sào huyệt cướp vùng Gò Công nổi tiếng nhứt là Gò Bấu, nay thuộc khu Tân Long xã Thạnh Nhứt. Gò Bấu xưa gồm những giống đất cao mọc toàn cây trâm bấu như một cánh rừng chạy từ Bình Phục Nhứt suốt đến Bình Phục Nhì. Nơi đó bọn cướp thường mang vàng bạc, của cải về phân chia hay tổ chức sửa xoáy, sửa sùng trâu bò đem đi bán. Những tên cướp nổi danh như Ba Dư, Sáu Nhọn, Mười Ngỗng, thằng Giã, thằng Gạo... làm khiếp đảm dân chúng một thời.

Lại nữa, chánh sách bình thường hóa canh tác, điều chỉnh tình trạng sở hữu ruộng đất ở Nam kỳ của người Pháp ban hành năm 1862, 1863 đã gây tình trạng chuyển nhượng quyền sở hữu ruộng đất của nông dân bản xứ qua tay Việt gian theo Pháp và đám thực dân ngoại quốc. Bắt đầu dĩ, nông dân phải chấp nhận đóng vai bán nông tá điền ngay trên phần ruộng của họ (1). Lại có vài Quan Phủ, Quan Huyện,

(1) PHẠM CAO DƯƠNG THỰC TRẠNG CỦA GIỚI NÔNG DÂN VIỆT NAM DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC, trang 56.

Ngài Cai Tổng, Ngài Hương Quản khét tiếng để người đời sau thường hay nhắc nhở nguyên rủa. Họ nuôi lính để thu góp lúa ruộng, bắt dân mang trâu đèn nai lưng bỏ công không cày cấy ruộng cho họ.

Làm ruộng theo lời cổ truyền, thiếu thốn phương tiện và kỹ thuật canh tác, vả lại, Gò Công là vùng nước mặn, đất phèn, mưa gió không thuận (1) nên lợi tức nông nghiệp không phát triển. Dân nghèo khó bịnh tật. Sau những năm mất mùa, dân nghèo đành đem bán hay cầm cò miềng ruộng cho nhà giàu. Ruộng đất do đó dần dần tập trung vào tay chủ điền, gặp phải người xấu thì hay húng hiếp bóc lột dân đen. Do vậy, Gò Công cũng như các nơi khác trong toàn xứ Nam kỳ tuy đất rộng nhưng có tới gần $\frac{2}{3}$ gia đình người cày không có ruộng (1).

Ngoài đồng lúa chín vàng mơn. Trong nhà mờ con mắt.

Con mắt mờ vì đói. Bao nhiêu hoa màu đều phải đóng tât cho chủ điền và chủ nợ.

Trong quyển « Gò Công cảnh cũ người xưa » trang 123, ông Việt Cúc có kể nạn tá điền với chủ điền thời Pháp thuộc như sau : « Giá ruộng cho

(1) Đền nào cao bằng đền Châu Đốc,
 Gió nào độc bằng gió Gò Công.
 Thời ngọn Đông phong lạc vợ xa chồng,
 Năm đêm nghĩ lại nước mắt hồng tuôn rơi.

CA DAO

(2) PHẠM CAO DƯƠNG, sách đã dẫn, trang 108.

mướn chia làm 3 hạng : Thượng hạng một mẫu trung bình sản suất hằng niên 100 gạ thì chủ điền cho mướn lấy 60 gạ lúa Nhất hạng sản suất 85 gạ cho mướn 50 gạ lúa và hạng nhì sản suất 75 gạ cho mướn 45 gạ lúa. . . Ngoài số lúa ruộng cho mướn «thắc hợng» ra, còn phải đóng thêm nào nê mẽ : hẽ mướn 2 mẫu ruộng, đến tết phải đem đến chủ điền một thùng gạo trắng, 2 thùng (gạ) gạo lức, 1 nân sếp (làm đèn cúng ông bà), một cặp vịt thật mập con mắt nháy lẹ (nếu tay lâu mà mắt vịt nháy không nhanh lẹ là vịt bệnh dễ dành tết không được) và 10 công lễ Người tá điền sợ nhất là công lễ Công này lúc ra giêng, lập vườn, rào dậu, sửa sang nhà cửa. v v. .>.

Trận bão lụt năm Giáp Thìn (tháng 5-1904) đã tàn phá cuồn quét trên 80% tài sản dân Gò Công :

*Sống trong bề khổ hải hùng
Nhà cửa trôi hết áo quần sạch trơn
Rương xe thùng bọng mái lòn
Thuyền chài cối giã chạy bốn trên đồng*

VIẾT CỨC

(GÒ CÔNG CẢNH CŨ NGƯỜI XƯA)

Đó là chưa kể chánh sách bóc lột và những kết quả xấu xa do Cộng Sản gây ra nạn nghèo khổ cho dân chúng kéo dài suốt thời gian chiến tranh đã qua.

Một lý do phụ thuộc nữa khiến đời sống dân Gò Công không khá giả được là bởi tánh thích chi tiêu nhậu nhẹt, ăn xài phô trương. Khi có tiền thì hay mua sắm chi xài như lây làm hãnh diện, khi hết tiền đành phải đi vay. Nạn cho vay nặng lãi từ 3% đến 10% một tháng. Cái

khuyên hướng lo kém sang hơn sợ nghèo đã thể hiện qua câu hát bình dân như vậy :

Ủ α . . Ví dầu cầu ván đóng đinh

Cầu tre lắc lẻo gập ghình khó đi

Khó đi mượn chén ăn cơm

Mượn ly uống rượu mượn đèn kéo chơi...

Thứ làm con sờ kiểm điểm chi phí dùng vào việc giao tế, ngoài các lệ cúng giỗ ông bà tổ chức linh đình thịnh soạn, sẽ thầy đại khái như sau (1972) :

ĐỒI VỚI NGƯỜI KHÁ GIÀ :

— Cúng đình Thần mỗi năm

3 lệ : 2 000\$ x 3 = 6.000\$

— Cúng miếu, ao, xóm hay nhà

vuông mỗi năm 1 lệ : 1.000\$ x 1 = 1.000\$

— Đám cưới trong năm

trung bình 15 vụ : . 1.000\$ x 15 = 15.000\$

— Đám tang trong năm trung

bình 20 vụ : . . . 500\$ x 20 = 10.000\$

— Tiệc tùng giao tế khác trong

năm trung bình 10 vụ : 1.000\$ x 10 = 10.000\$

Tổng cộng : . . . 42.000\$

Trung bình mỗi tháng gia trưởng phải chi xài :

$$\frac{42.000\$}{12} = 3.500\$$$

ĐỒI VỚI NGƯỜI NGHÈO:

- Cúng đình Thận mỗi năm
3 lễ : 500\$ x 3 = 1.500\$
- Cúng ao, miếu, xóm hay nhà
vuông trung bình mỗi năm
1 lễ : 300\$ x 1 = 300\$
- Đám cưới trong năm trung
bình 10 vụ : 500\$ x 10 = 5.000\$
- Đám tang trong năm trung
bình 20 vụ : 300\$ x 20 = 6.000\$
- Tiệc tùng giao tế khác trong
năm trung bình 30 vụ : 500\$ x 30 = 15.000\$
- Tổng cộng 27.800\$

Trung bình mỗi tháng gia trưởng chi xài :

$$\frac{27.800\$}{12} = 2.316\$$$

Dân chúng thích nhậu nhẹt một phần cũng vì chánh sách thu thuế công quản rượu do «người Pháp» cưỡng bách dân uống rượu. Người ta cho diêm các công sứ về sở héc tờ lít rượu tiêu thụ trong tỉnh họ và làng nào không mua một lượng rượu tỷ lệ với dân làng đó, sẽ bị coi như là đã nấu lậu và bọn lý dịch sẽ bị trừng phạt» (1)

Chi phí giao tế xem như trên đã chiếm một phần ngân khoản bắt buộc khá lớn trong tài chánh gia đình.

(1) PHẠM CAO DƯƠNG, sách đã dẫn, trang 164.

Tuy vậy, mấy năm gần đây nhờ chương trình «Người Cày Có Ruộng» của chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa song song với việc cải tiến kỹ thuật canh tác (phát triển lúa Thần Nông, sử dụng phân bón, thuốc sát trùng và máy móc nông cụ...v.v...), những công tác dẫn thủy nhập điền, đào kinh nước ngọt, ngăn chặn và điều hòa hệ thống nước mặn cùng các công trình phát triển khác cộng với tình hình an ninh tại Gò Công tương đối khả quan, mức sống của dân chúng đã được nâng cao hơn xưa rất nhiều... Ngày nay, đại đa số dân vùng Gò Công không quá giàu cũng không đến nỗi quá nghèo khó.

D.— ẢNH HƯỞNG DO ĐIỀU KIỆN TÍN NGƯỠNG, PHONG TỤC :

Tín ngưỡng chi phối rất nặng qua đời sống dân Gò Công. Có thể nói mỗi người dân là tín đồ của một đạo nào đó.

Theo thống kê năm 1972, tổng số dân trong tỉnh Gò Công là 203.339 người, gồm 31.897 người đạo Phật (16%), 22.229 người đạo Cao Đài (11%), 4.948 người đạo Thiên Chúa (02%), 2.887 tín đồ Tin Lành (01,5%), 2.300 người đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (01%) và số còn lại thờ cúng ông bà.

Về phương diện tín ngưỡng cộng đồng, điểm đặc biệt là dân chúng vùng Gò Công có lòng

tin tưởng rất mãnh liệt vị thần linh thờ tại đình làng. Xã nào cũng có đình thần. Thần là đảng đã từng lập công trạng với vua với nước, được vua phong sắc, có thể là *nhơn thần* (người dưới trần có công hiển hách) hoặc *thiên thần* (đảng vô hình không rõ tiểu sử). Thần có 3 hạng: *Thượng đẳng thần* có sự tích linh dị, lập công lớn phò vua giúp nước như Phù Đổng Thiên Vương, Nam Hải Đại Tướng Quân, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo. . ., *Trung đẳng thần* chỉ có danh hiệu, không rõ họ tên và công trạng, tuy nhiên đã nhiều lần cầu nguyện vua xem linh ứng, *Hạ đẳng thần* cũng không rõ sự tích tuy nhiên được coi là linh ứng, có công với dân làng.

Tại Gò Công, không có Hạ đẳng thần. Phần lớn các vị thần được phong sắc vào đời vua Tự Đức (1), thường triều đình ban vị Thượng đẳng thần và một vị Trung đẳng thần theo một lượt. Nhiều người cho việc thờ thần có thể coi như « đạo Thần », một tôn giáo truyền thống của người dân Việt Nam... Kiền trúc đình tại địa phương thường gồm có 3 phần: nội điện nơi thần ngự, võ ca để tiếp đãi khách và hát bội, nhà khói để nấu nướng. Bàn thờ Thần Nông xây ngoài sân trước đình. Hội Đồng Khánh Tiết gìn giữ trông lo việc cúng kiền.

Giới bình dân còn thờ cúng Tiên Sư, thờ

(1) Có lẽ vì Gò Công là quê Ngoại của vua.

Ông (cá ông, các tiền hiền khai khẩn, các danh nhơn) hay thờ Bà (bà Chúa Xứ, bà Thủy Long...). Gò Công là vùng nước mặn nên mỗi xóm ấp dân chúng thường đào ao lấy nước ngọt, kề bên có miếu thờ Bà. Tại mỗi ấp hay cắt nhà vuông thờ Tiên Sư. Miếu và nhà vuông là cơ sở thờ phượng chung của dân trong xóm. Các hội miếu, hội ao, hội chùa gọi là «hự» gồm các chức việc để cử như Chánh Phó Chủ Hội, Chánh Phó Hội Trưởng, Chánh Phó Hối, Biện Hội, Thủ Bồn, Thông Tín...

Dân chúng rất kính nể các đảng khuất mặt thờ trong vùng nhưng đa số ít ai biết rõ thần tích, lai lịch.

Tại địa phương cũng có lập nhiều am thờ Thổ Công Thổ Địa, Ngũ Phương Ngũ Hành, chiến sĩ trận vong, cô hồn yếu tử...v.v.. Có nơi tục bái vật vẫn còn như xã Thạnh Trị có miếu thờ Ông Gốc (gốc cây trôi giạt dưới sông vớt lên), xã Vĩnh Bình có miếu thờ Ông Thạch (tảng đá lớn đào được dưới đất), xã Tăng Hòa có miếu thờ Ông Cà Lăm (khẩu súng thần công của nghĩa quân Trương Công Định bắn giặc Tây không nổ)... Các Táo đất nầu nướng lâu ngày hư hỏng không còn xài được thì chủ nhà thỉnh dời đi đặt dưới gốc bụi tre để thờ.

Tín ngưỡng địa phương có từ thời mới khai phá, từ tâm lý hể thấy cảnh tượng thiên nhiên hùng vĩ thì lo sợ và đem lòng sùng

bái. Người ta dễ tin huyền năng đằng khuất mặt hơn sự thành đạt do con người. Có nơi (xã Bình Phú Đông) vẫn còn lập am thờ ông Cả Cọp. Dân chúng tin rằng hồi xưa hễ tới ngày vía lễ, «Ông Cọp» thường về nhận lễ vật (đầu heo) của dân làng hiến dâng cho «Ông Cả» và thay tờ cử mới. Đó là sự tin tưởng kẻ tục dù ngày nay không còn «Ông Cọp» và trong xã cũng chẳng phải do «Ông Cả» chỉ huy nữa. Vả lại, tại xã nào cũng nghe nhắc đến ông Cả Cọp ở về thời xa xưa ấy. Như vậy, phải chăng đó đó chỉ là một huyền thoại thể hiện tâm lý sợ hãi mà thôi.

Tín ngưỡng lại còn phản ảnh hưởng Cao Miên qua các hình thức thờ Ông Tà, tin thờ và bỏ thí cho cô hồn là những vong hồn kẻ chết oan còn vất vưởng trên cõi trần gian, cũng như nhiều người tin rằng dung thức ăn cho các sư khất thực là làm điều phước đức... Dọc theo các trục lộ thường xảy ra tai nạn lưu thông, người ta tin tưởng lập nhiều miếu bên vệ đường để thờ cô hồn.

Trong nhà dân chúng, ngoài các bàn thờ tôn giáo, còn có bàn thờ tổ tiên, bàn thờ tổ nghề nghiệp, bàn thờ vị phò hộ bốn mạng (Bà Mẹ nuôi, Chúa Tiên Chúa Ngọc, Cửu Thiên Huyền Nữ, Quan Thánh Đề Quân, Cậu Tài Cậu Quý...). Trước cửa có khi dán bùa Ông Hồ (từ ngày mừng 3 Tết) và bùa Thái Thượng Lão Quân,

Bát Quái Tứ Phương Ngũ Hành (từ đêm giao thừa). . v. v. .

Gặp lúc ngặt nghèo, quần bách hay để cầu vận may, dân chúng thường đến các đền chùa khấn vái xin xăm, xin keo, thỉnh tôn ý các đẳng linh thiêng. Tại Gò Công có 3 loại chùa: chùa Phật, chùa Ông và chùa Ông Lão.

Phần lớn chùa Phật thuộc ngành tu Đại thừa, Lục Hòa Tăng, Cổ Sơn Môn và một số chùa Khất Sĩ, Phước Thiện, phái Thanh Xuân (1). Phật dạy con người ta tu để thoát *vòng luân hồi* bằng cách cắt đứt *nhơn duyên*, diệt bỏ *tam nghiệp* (thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp), trọng *ngũ giới cấm* (không sát sanh, không trộm cắp, không gian dâm, không nói dối và không uống rượu, ăn thịt). Đạo Phật chia thân thể con người gồm *lục căn* (mắt, mũi, lưỡi, thân mình và ý tưởng), các ngoại vật động đều cơ thể là *lục trần* (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Người tu phải biết *chánh đạo*, *ngũ uẩn* và *tứ diệu đế*. Tứ diệu đế hay tứ thánh đế là 4 điều chắc thật không hề thay đổi, đại lược là: Khổ đế (sanh, lão, bệnh, tử, dục vọng, tình ái ..v.v.), Tập đế (tham, sân, si, mạn, nghi,

(1) Hiện nay Phật giáo nước ta có trên 20 phái (NGUYỄN VĂN HỮU — VIỆT NAM TAM GIÁO SỬ ĐẠI CƯƠNG, trang 103).

thân kiện, biên kiện, tà kiện. .v.v.), Diệt đế (diệt trừ khổ não và tập nơn) và Đạo đế (bát chánh đạo gồm : chánh kiến, chánh tư duy, chánh nghiệp, chánh tinh tiến, chánh mạng, chánh ngữ, chánh niệm và chánh định).

Chùa Ông thờ cúng những vị anh hùng nêu gương trung hiếu tiết nghĩa ở đời như Hoài Quốc Công Võ Tánh, Quan Thánh Đệ Quân. Nghi thức cúng chùa Ông cũng tương tự nghi thức cúng đình. Chùa Phật của tôn giáo, trái lại chùa Ông là của chung, của làng.

Chùa ông Lão theo phái tu tiên vô vi, tin thuyết «Thần Tiên bắt tử» của Lão Tử. Ngài chủ trương rằng để thoát vòng tục lụy, người ta bao giờ cũng phải giữ lòng cho thanh tịnh, cái gì cũng để theo lẽ tự nhiên, không nên tha thiết đến việc gì cả. Triệt lý Lão Trang ngày nay đã bị cái biến nhiều với những mê tín huyền hoặc thành ra đạo của thầy pháp, bóng chàng. Người đời đã tôn Lão Tử làm Thái Thượng Lão Quân và nghiêm nhiên xem ngài là sư tổ nghề thầy pháp, bùa chú, sai đồng lên cột, khiến quỷ trừ ma, giải trùng... (1). Sự kiện này hiện còn ảnh hưởng sâu đậm trong giới bình dân ở Gò Công, có khi nó đã ăn nhiễm

(1) Nghề thầy pháp có 9 ông tổ là : 1. - Già Lam Chơn Tông, 2. - Thái Thượng Lão Quân, 3. - Chơn Nhơn, 4. - Thập Huyền Cửu Tổ, 5. - 12 vị ông Tà Á Rặc, 6. - Tiên Ông, 7. - Đức Trọng Chơn Nhơn, 8. - Cao Long 9. - Tam Đạo Pháp Sư.

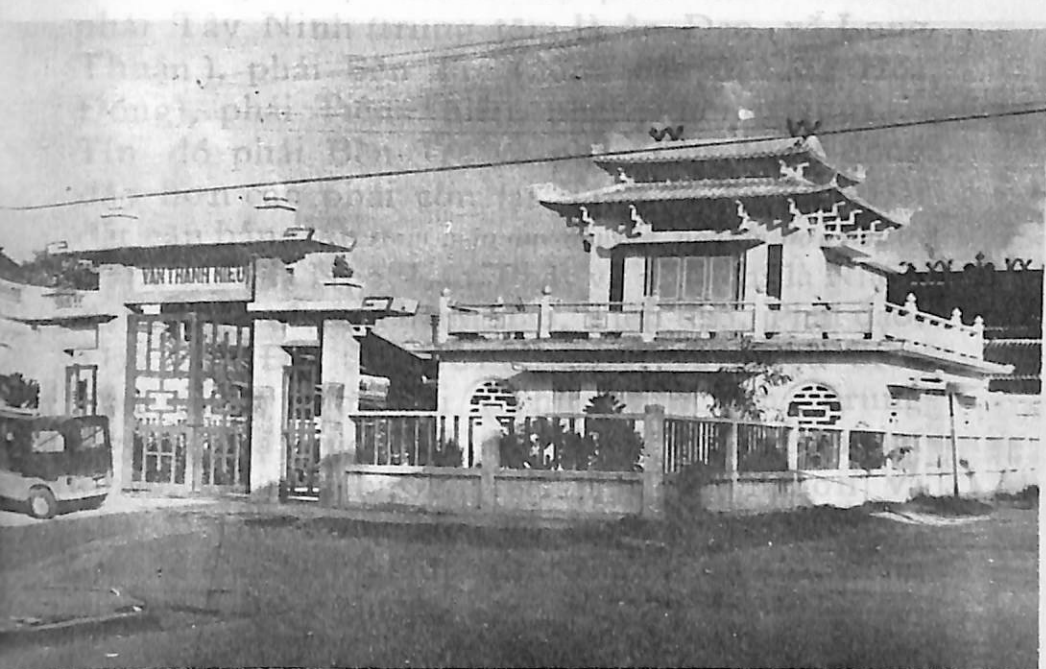
vào tục lệ qua các phép bùa chú, các cuộc múa bóng rối cúng ao hay rước thầy pháp cúng đưa khách phát lương âm binh lệ cầu an tại các đình thần...

Tại tỉnh lỵ Gò Công có một Văn Thánh Miếu thờ Đức Khổng Phu Tử, bậc thánh sáng lập đạo Nho làm căn bản của nền luân lý Việt Nam. Ngài dạy nguyên tắc tu thân sống theo tam cương ngũ thường, để thực hành nhơn, lễ, nghĩa, hiếu đễ, trung thứ. Theo đó, người ưu tú là người quân tử. Quân tử làm mẫu mực cho kẻ dưới và được mọi người mến trọng, tôn thờ. « Đức quân tử như ^{gió} ~~gió~~, đức tiểu nhơn như cỏ. Gió thổi thì cỏ rạp theo ». Tín đồ theo Khổng Mạnh là các nhà nho. Nhà nho cũng là thầy giảng đạo Khổng. Trong thời buổi suy tàn nầy, nhà nho chỉ còn là những ẩn nho hay hàn nho, chớ cái khả năng nho học không còn dựng nên công danh nữa. Nều thời đầu mới đèn vùng Gò Công nhiều nho sĩ đã tạo được thành đạt xứng đáng (Ngô Tùng Châu, Phạm Đăng Hưng, Huyện Thoại, Chủ Sự Thiếu, Huyện Nguơn, Hồ Biểu Chánh. .v.v.) thì ngày nay nho sĩ chỉ còn đem cái vốn học thức của mình để răn dạy con cháu, hốt thuốc, làm thơ, đọc văn, viết liễn, xây chầu... Cái lời « nói chữ » đôi khi thiên hạ lại không ưa thích. Tuy vậy, căn bản đạo đức Khổng Mạnh vẫn còn là luân lý, kỷ cương của quần chúng địa phương. Rất nhiều người thờ cúng ông bà, chỉ chuộng nhơn nghĩa thì đã tự cho mình theo đạo Khổng rồi.

Hai tôn giáo có ảnh hưởng mạnh tại Gò Công là đạo Cao Đài và đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Tín đồ Cao Đài chiếm khá đông tại tỉnh Gò Công thuộc nhiều hệ phái khác nhau :

phái Tây Ninh (trung tâm là Đức Phật Tây An), phái Đàng Trong (trung tâm là Đức Phật Thích Ca), phái Đàng Ngoài (trung tâm là Đức Phật Thích Ca), phái Đàng Bắc (trung tâm là Đức Phật Thích Ca).



Văn Thánh Miếu tại Tỉnh Lỵ Gò-Công

Sơn Kỳ Hương do Đức Phật Thầy Tây An (tên thật là Nguyễn Kim Định) khai đạo tại Châu Đốc năm Tự Đức thứ 2 (1849). Kế Đức Phật Thầy có Đức Phật Trầm (1868-1875), Đức Bốn Sư (1870-1890), Sư Vải Bún Khoai (1901-1902), và Đức Huỳnh Giáo Chủ khai sáng đạo Hòa Hảo (1939-1945). Đức Bốn Sư tên thật là Ngô Lợi, có khả năng xuất hồn đi thiếp xuống âm phủ nên tục gọi là

Hai tôn giáo có ảnh hưởng mạnh tại Gò Công là đạo Cao Đài và đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Tín đồ Cao Đài chiếm khá đông tại tỉnh Gò Công thuộc nhiều hệ phái khác nhau : phái Tây Ninh (trung tâm là ấp Đạo, xã Long Thuận), phái Bền Tre (đông đảo ở vùng Hòa Đồng), phái Tiên Thiên, phái Thông Nhứt... Tín đồ phái Bền Tre và phái Tây Ninh đông đảo hơn các phái còn lại. Triết lý đạo Cao Đài đặt căn bản trên *«tam giáo quy nguyên, ngũ chi hợp nhứt»*. Tam giáo là Nho, Lão, Phật và ngũ chi là Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Đạo Cao Đài tin tưởng cơ bút và có sự biến hóa của 3 thời đại (Thượng nguyên, Trung nguyên, Hạ nguyên). Thời nầy là Hạ nguyên mặt pháp, sắp sửa bước sang Thượng nguyên và sắp có Hội Long Hoa vô cùng an lạc. Người tín đồ Cao Đài tại địa phương rất ôn hòa, điềm đạm và hiếu khách.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa khởi từ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương do Đức Phật Thầy Tây An (tên thật là Đoàn Minh Huyền, sanh năm 1807 tại Sa Đéc) khai đạo tại Châu Đốc năm Tự Đức thứ 2 (1849). Kề Đức Phật Thầy có Đức Phật Trùm (1868-1875), Đức Bốn Sư (1870-1890), Sư Vãi Bán Khoai (1901-1902), và Đức Huỳnh Giáo Chủ khai sáng đạo Hòa Hảo (1939-1945). Đức Bốn Sư tên thật là Ngô Lợi, có khả năng xuất hồn đi thiếp xuống âm phủ nên tục gọi là

cậu Năm Thiệp. Đức Ngài đã mở đạo Hiếu Nghĩa ở núi Tượng từ năm 1870, dạy đời «*tu nhơn học Phật*». Tu nhơn theo Tứ Ân tức 4 điều ân (ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo và ân đồng bào nhơn loại) mà hiếu nghĩa với cha mẹ tổ tiên là đầu mối. Có hiếu nghĩa thì đến được cả tứ ân. Người tu đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa thờ bức tượng Quan Thánh Đệ Quân dán trên tâm trần điều và thờ ông Táo, đồng thời để tóc và râu tự nhiên vì râu tóc là của cha mẹ sanh ra. Cũng như đạo Cao Đài, triết thuyết đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tin lý Tam nguồn. Thời kỳ Hạ nguồn sắp mãn để bước qua thời kỳ Thượng nguồn, rồi đây sẽ có Hội Long Hoa lập ra để chọn người hiền đức. Vì vậy, con người phải hướng về thiện, tu nhơn và niệm Phật theo Đức Bổn Sư dạy rằng :

«Niệm Phật đừng có lơi thôi,

Niệm cho chánh niệm mới ngồi tòa sen»

Tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa tại địa phương gồm những người đạo hạnh và nặng lòng với non sông đất nước, đa số ngụ ở vùng Hòa Đông. Tại ấp Vĩnh Thới, xã Thạnh Trị hiện có một ngôi chùa Tứ Ân.

Tín đồ đạo Thiên Chúa, Tin Lành và Cơ Đốc Phục Lâm dựa vào Đức Tin tôn thờ Đức Chúa Trời, Chúa Jésus Christ. Chúa là Đường đi, Chơn lý và Sự sống. Dưới cội trần gian mọi người đều đã phạm tội. Nên, phải tiếp nhận

sự cứu rỗi của Chúa Jésus là Chúa Cứu Thế để khi chết được lên Thiên Đàng, để được sống đời đời. Nếu không ăn năn về với Chúa, linh hồn con người sẽ sa địa ngục. Địa ngục là nơi khốc lóc và đau đớn *«nơi lửa chẳng hề tắt, vì mỗi người sẽ bị muỗi bằng lửa»* (Mác 9 : 43, 48-49). Tin Chúa Jésus có nghĩa phải nhận mình là tội nhân, phải tự xưng tội lỗi và lìa xa tội lỗi. Con chiên của Chúa phải tự giữ lòng, từ bỏ điều ác, thực hiện điều lành, công bằng và bác ái, mọi người coi nhau như anh em ruột một nhà, ai cũng bình đẳng cả... Hiện nay có 2 thánh đường lớn của Thiên Chúa giáo ở cù lao Tân Thới và tỉnh lỵ Gò Công, những nhà thờ nhỏ ở xã Vĩnh Bình, Bình Luông Đông, Phú Thạnh Đông, Tân Phước...v.v.. Tại tỉnh lỵ có một nhà giảng Tin Lành. Nhà hội Cơ Đốc Phục Lâm tại quận lỵ Hòa Đồng lập từ năm 1960 nhưng nay số tín đồ chỉ có ít ỏi.

Tuy rằng có sự tín ngưỡng khác nhau, nhưng nhờ khéo hòa hợp nên tại Gò Công không có việc kỳ thị tôn giáo hay bài bác cách sống của người khác. Ai làm sao xong thì thôi. Con trai con gái khác đạo lớn lên vẫn thương yêu nhau và gia đình hai họ đồng ý cho kết nghĩa vợ chồng. Các buổi lễ cầu siêu hay cúng vía tại chùa Phật cũng có nhiều tín đồ đạo khác như Thiên Chúa, Cao Đài và người không đạo đến tham dự đông đảo. Đẳng khác, đôi khi lễ cúng Thần Hoàng ở đình lại có rước các vị

Hòa Thượng Phật giáo đền tụng niệm (lễ an vị Thần, lễ cầu siêu...) dù cho người tổ chức và người tham dự không nhứt thiết là Phật tử. Các sắc Thần trong thời kỳ chiến tranh thường được đem gởi tại các chùa Phật và dân chúng tạm cúng lễ ở đó.

Do bởi sự hòa đồng tín ngưỡng kể trên, nếp sống tinh thần của người dân Gò Công có thể nói đã được định hướng chính nhờ một truyền thông dựa trên căn bản Tam giáo đồng nguyên: tu đức theo Nho giáo, tu tâm theo Phật giáo và tu hạnh theo Lão giáo. Truyền thông địa phương đưa đền nguyên lý trọng đạo đức hơn nghĩa và tôn ty, lễ nghi, trật tự.

Trong dân chúng, dù thời biến loạn, dù ngay chính những kẻ sái quây, công lý mầu mực vẫn là trung nghĩa tốt hơn gian nịnh, hiền hơn tốt hơn ác đức, hiền để tốt hơn cưỡng nghịch... Truyện văn bình dân được phổ biến, truyền tụng như cuốn thơ Lâm Sanh Xuân Nương, Phạm Công Cúc Hoa (để cao tình nghĩa trung hiền), thơ Con Tâm Con Cầm (để cao hiền hơn), thơ Lục Vân Tiên (để cao hiền để), thơ Cậu Hai Miêng (để cao tâm hồn phóng khoáng hào hiệp) ... Ngoài ra, còn bao điều đạo đức Đông phương khác rút chiết từ mây bộ truyện Tàu, có nhiều nhà nho sắm riêng vài bộ cắt ở nhà, nào truyện Đông Châu Liệt Quốc, Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tây Du, Nhạc Phi, Thuyết Đường,

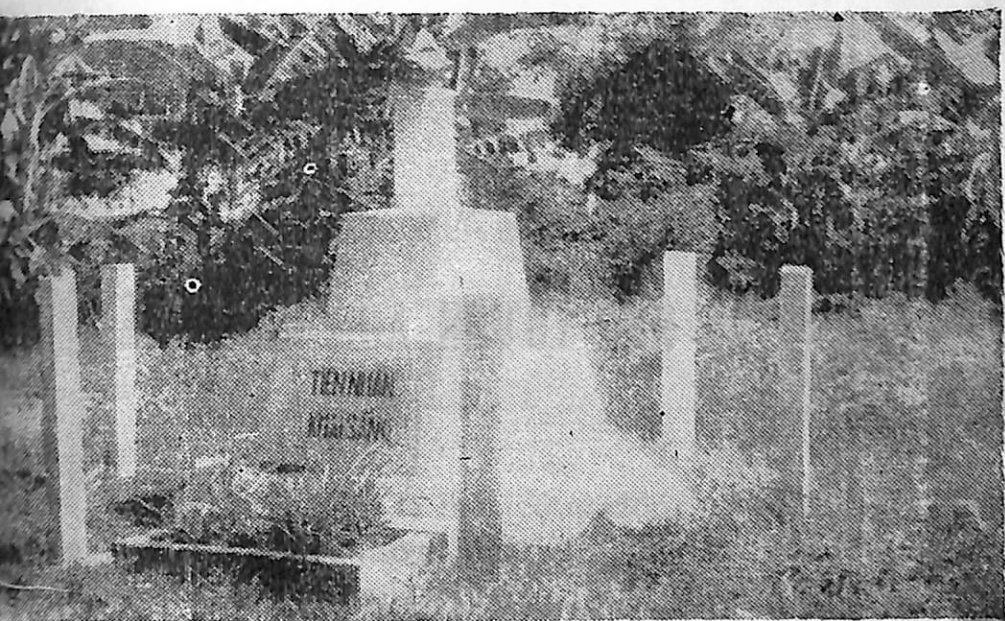
Đông Hón, Tây Hón...v.v..

Tinh thần tôn ty lễ nghi thể hiện rõ rệt trong cuộc sống hằng ngày. Giai cấp thân hào nhân sĩ gồm các vị đứng tuổi uy tín được dân địa phương tin tưởng, nể vì. Người có công lao được xóm giềng nhắc nhở, kính trọng bèn lấy tên họ đặt thành tên xóm ấp. Có người khi qua đời còn được kẻ hậu sinh phụng thờ tại các đình miếu (thờ Tiền hiền Hậu hiền, Tiền vãng hương chức, Tiền vãng bốn hũu...). Có lập luận cho rằng vì dân chúng quá kính trọng người đứng đầu trong làng nên từ xưa đứa con lớn nhất trong gia đình không ai dám gọi là «con cả» như ở miền Bắc mà chỉ gọi là «con thứ hai» (1). Thời gian biến cách kính trọng đó thành truyền thống, phong tục (?).

Kẻ nào đã đánh mất niềm tin của quần chúng thì kẻ như suốt đời khó lấy lại.



(1) Xưa người lớn nhất trong làng là ông Hương Cả.



Tháp Ông Tô tại ấp Xóm Chòi, xã Yên Lương.
Ông Tô là vị tiên hiền đầu tiên đến khai phá vùng này.

A - TÂN TỈNH ÔN HÒA, HIẾU KHÁCH

Kim nghiệm cứu bời cảnh miền Tây nước Pháp, André Siegfried đã nhận xét: tại những vùng dân cư sống rải rác, nhà cửa rời rạc, người dân thường có khuynh hướng ôn hòa với khuynh hướng cực đoan hay là phá của vùng đông đúc. Khi giải thích hiện tượng này, ông cũng nhận thấy những người dân

MỤC III

ĐẶC TÍNH CỦA NGƯỜI DÂN GÒ CÔNG

GÒ CÔNG là một cộng đồng mà lịch sử trải qua khoảng hơn 200 năm. Người dân Gò Công có những giá trị đã được thử thách và hình thành như một truyền thống tâm lý với nét đặc thù biểu hiện qua các điểm sau đây:

A. – TÍNH TÌNH ÔN HÒA, HIẾU KHÁCH :

Khi nghiên cứu bối cảnh miền Tây nước Pháp, André Siegfried đã nhận xét: tại những vùng dân cư sống rải rác, nhà cửa rời rạc, người dân thường có khuynh hướng ôn hòa trái với khuynh hướng cực đoan hay đả phá của dân vùng đông đúc. Khi giải thích hiện tượng này, ông cũng nhấn mạnh những tương quan

giữa người với người, giữa người với thiên nhiên và coi đó như một lý do duy nhất.

Giải thích tổng quát hơn, lý thuyết gia chánh trị Montesquieu (1) trong đại tác phẩm *Esprit des Loïs* đã cho rằng con người trong khu vực nhiệt đới thường có quan niệm sống an phận, không bon chen, còn vùng ôn đới thì trái lại. Phái chẳng dựa theo định luật nầy, một cách tương đối, ta suy luận càng dần về hướng Bắc, người dân sống ở miền Trung, miền Bắc Việt Nam có khuynh hướng hiếu động cực đoan hơn, vì đã xa bớt ảnh hưởng của vùng nhiệt đới xích đạo. Trái lại, càng về hướng Nam (như Gò Công chẳng hạn) dân chúng càng có vẻ ôn hòa, an phận.

Thái độ ôn hòa, an phận của người dân Gò Công thể hiện rõ ràng qua cuộc sống bình dị của họ.

Một điểm hòa hợp với tư cách ôn hòa đó là sự cởi mở, hiếu khách. Cách bày biện xếp đặt nhà cửa đã nói lên tánh tình hiếu khách của người gia trưởng. Từ cái bàn khách, bộ ván, bộ tách

(1) Luật gia MONTESQUIEU (1689-1755) người Pháp, sinh ngày 18-1-1689 tại Château de la Brède, viết *ESPRIT DES LOIS* năm 1748. Có thể chia nội dung tác phẩm ra làm 3 phần chánh: phần đầu nói về khoa chánh trị học, phần hai nói về tương quan giữa chánh trị và địa lý, phần ba nói về tương quan giữa chánh trị và lịch sử, pháp luật.

uồng trà, cái ly uồng rượu, gà vịt, hoa quả, tới cái khạp đựng nước uồng trước nhà...v.v... Định luật giao tế là thà nghèo «đóng cửa cạp đất ăn» chớ khi có bạn bè khách khứa đến nhà thì cũng phải làm sao cho coi được.

Vì tánh ôn hòa như vậy (của đàn ông) mà vài người khôi hài cho rằng đa số phái nữ thường có khuynh hướng muốn nắm quyền gia trưởng. Có lẽ họ kiêu hãnh vì nhiều gương liệt nữ xứ Gò Công đã thành đạt vượt bậc trong xã hội, hơn nữa theo truyền thống ấp nào cũng có dựng một miếu thờ bà (Chúa Xứ), có khi trong nhà cũng lập tran thờ bà (Chúa Tiên Chúa Ngọc, Cửu Thiên Huyền Nữ...). Sự kiện nầy cũng thể hiện trong giới bình dân (cổ) phần lớn ưa thích xem hát bội tuồng «Tiết Đình San cầu Phàn Lê Huê» màn Tiết Đình San nhứt bộ nhứt báii van cầu Phàn nương, cũng như tuồng «Thần Nữ dung Ngũ Linh Kỳ» màn Phàn Lê Huê bắt tội Tiết Ưng Lương... Người ta hay thuộc nằm lòng và tỏ vẻ khoái trá chờ đợi nghe cho được câu hát bội dọc một cách bắt lực khi họ Tiết vẫn Phàn nương rằng: «*bà bắt tội con, ai bắt tội bà?*». Kề Phàn Lê Huê cầm cục cây gỗ giã xuống bàn «*bốp! bốp!*». Khán giả xúm vô tay cười đắc ý...

Có lẽ vì bản tánh hiền hòa của người dân địa phương nên địa danh huyện từ xưa có chữ «Hòa» (Kiên Hòa và Tân Hòa), ngày nay tên 4

quận ở Gò Công cũng đều khởi đầu bằng chữ «Hòa» (Hòa Bình, Hòa Đồng, Hòa Lạc, Hòa Tân) cũng như đa số tên ấp đều có chữ «Hòa» và chữ «An», biểu hiệu cho lòng mong vọng của dân chúng vậy.

B. - TINH THẦN HÃNH DIỆN TRUYỀN THÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Căn cứ vào quá trình rục rờ của vùng địa linh nhơn kiệt và lãnh thổ hoàng gia đã đủ giải thích tinh thần hãnh diện của người dân Gò Công. Tinh thần này thể hiện rõ rệt qua thái độ và tư tưởng của dân vùng Hòa Đồng và quan niệm «Hòa Đồng Quốc».

Dân địa phương cũng hãnh diện về các lễ nghi truyền thống từ xưa còn lưu lại qua các sinh hoạt hằng ngày và các nghi thức tế lễ khánh tiết cổ kính. Do đó, có nhiều cuộc tranh đua hết lòng cho vượt hơn giữa địa phương này với địa phương khác trong những sinh hoạt cộng đồng, nghệ thuật, trang trí... Trong văn chương bình dân, nhơn kỳ khai thị Gò Công (1916) đã có bài về như vậy :

*Tháng giêng năm Tý,
Khai thị Gò Công.
Thiên hạ rất đông,
Các làng đều đủ.
Có mời Huyện. Phủ,
Lại có Tổng, Làng.*

Dự tiệc khách quan,
Có mời Chánh Soái.
Chín giờ xe lại,
Nhằm bữa mười hai.
Các quan Đội, Cai,
Đi ra hầu đón.

...
Dem cộ sắp hàng,
Tại đảng Kinh Lấp.
Nhưng cái cộ thấp,
Sắp trước cộ cao.
Nghe những lời rao,
Kẻ khiêng người đầy.
Thiên hạ đầy nhầy,
Ngóng chờ mà coi.
Cộ tốt hẳn hoi,
Có rống lân múa.
Cộ cộ bằng lúa,
Nó khéo rõ ràng.
Trên cộ có tàng,
Treo cờ gắn chữ.
Chữ Tây, Quốc ngữ,
Bằng gạo trắng không.
Có kẻ kết bông,
Người thì kết phụng...

...
Ghe đầy kết bông,
Làm theo nghinh Ông,
Đốt đèn đốt pháo.
Các rạch đòi ráo,
Không chế chiếc nào.
Đậu tại Cầu Tàu,

Sắp lên Long Chiến.
 Ở dưới đèn kiến,
 Trên thì đèn bông,
 Đốt chổi đỏ sông,
 Xanh vàng rực rỡ.
 Hạt tã mấy thuở,
 Mới có một lân.
 Nghèo giàu không cần,
 Ăn chơi phỉ dạ. . .

. . .
 Có cộ nhỏ nhỏ,
 Đứa giả đứa xay.
 Cộ tốt thẳng tay.
 Đồng Sơn hặng nhứt... (1)

Truyền thông xã thôn địa phương cũng còn mạnh. Các vị xã trưởng đặc cử thường mời đồng bào các giới trong xã khăn đen áo dài tụ họp tại đình làng vào ngày lành để làm lễ tuyên thệ nhậm chức. Rồi sau đó có bữa tiệc thân mật ra mắt «khao dân».

Sự hãnh diện địa phương có lý do và có nghĩa lý khi kẻ hậu sinh kiêu hãnh bằng hành động xây dựng noi theo gương tốt. Trái lại, phải chăng tinh thần hãnh diện bằng thái độ lăm lặc đã giải thích cho thói quen bảo thủ, cò chấp và câu nệ của một thiểu số người?

(1) VIỆT CÚC, sách đã dẫn, quyển I, trang 132.

C. — QUAN NIỆM CỦA GIỚI BÌNH DÂN CHƯA THOÁT KHỎI TÁNH CHẤT THẦN BÍ.

Qua các sự kiện ảnh hưởng trình bày ở phần trên, có thể nói truyền thống của dân Gò Công ít bị va chạm thử thách bởi những giá trị ngoại lai, dù cho có khi vài chánh quyền vô trách nhiệm đã vô tình để mặc làn sóng ngoại lai «hăm hiếp» truyền thống dân tộc.

Quan niệm thực tề của giới bình dân còn đượm nhiều màu sắc thần thoại, từ việc đồng áng thuận nghịch, sức khoẻ ồm ầu đến những tai bay họa gởi... Kinh nghiệm cho thấy tâm lý con người trong điều kiện sanh sống khó khăn, kẻ từng chịu nhiều thất bại hay sợ hãi vì hiểm họa thiên nhiên bên ngoài thì dễ có tư tưởng hướng về thần bí. Những điều dị đoan thần quyền được giải thích bằng sự nhúng tay tham dự của các đấng linh thiêng. Những tín đồ các tôn giáo, những người tin tưởng thờ cúng ông thần bà thánh không chắc gì đã hiểu rõ triết lý và ý nghĩa sâu sắc của công việc phụng thờ mà biết đâu chỉ vì lòng khuất phục một cách mặc nhiên mà thôi. Tư tưởng thần bí đặt ra những công việc đôi khi thành như quy lệ ràng buộc chặt chẽ khiến con người không dám hay không thể cưỡng lại được.

Nhà xã hội học August Comte cho rằng tánh chất thần bí là trạng thái sơ khởi trong lịch trình tiến hóa xã hội (1).

Một hệ luận của tâm lý nầy là dân chúng dễ tự nguyện đóng góp tài sản, công lao vào việc kiến thiết xây dựng cơ sở tôn giáo, đình miếu chùa chiền cũng như hăng hái tham dự đắc lực vào các sinh hoạt tế tự hơn hết thấy mọi công tác có tánh cách cộng đồng khác.

D — TINH THẦN ĐOÀN KẾT THAM GIA VIỆC CỘNG ĐỒNG

Montesquieu cho rằng sự phong phú tài nguyên, sự phì nhiêu thuận lợi của đất đai dễ làm cho con người thoái hoá trong sự dễ dãi của hoàn cảnh. Nghĩa là thiếu tinh thần tham gia vào sinh hoạt cộng đồng. Tương quan giữa người và thiên nhiên ngày càng giảm thiểu đưa tới tình trạng cá nhân hoá toàn diện con người.

Suy luận theo đó, vùng Gò công bị chi phối bởi những điều kiện khó khăn về canh tác: nước mặn, đất đai kém phì nhiêu, khí hậu bất lợi... thì tinh thần cộng đồng do đó có điều kiện tiềm ẩn mãnh liệt trong lòng dân chúng. Quần chúng rất tha thiết với việc công ích xã

(1) Nhà xã hội học Pháp AUGUST COMTE (1788-1857) sanh ngày 19-1-1798 tại Montpellier, cho rằng khi đứng trước một hiện tượng gì thì tự nhiên con người tìm cách cất nghĩa hiện tượng đó, qua 3 mức độ khác nhau: thần bí, siêu hình và khoa học (luật tam trạng).

hội, tề lễ, hội hè, hay sốt sắng tham dự đặc lực trong mọi công tác phát triển cộng đồng, đào kinh, đắp lộ, phòng vệ xóm thôn...

Sự kiện này cũng được giải thích từ khuynh hướng «*công vi trọng, tư vi khinh*» của nền triết học Khổng Nho còn ăn sâu trong quần chúng. Tinh thần cộng đồng cũng bắt nguồn từ đời sống quần cư, một điều kiện sinh tồn của những người cùng đèn khai thác vùng đất mới. Ở đó, nếu sinh hoạt lẻ tẻ con người sẽ trở nên bất lực trước thiên nhiên.

Ao nước ngọt là bình sữa của dân trong ấp. Cúng ao mỗi năm ngoài tánh cách tín ngưỡng còn có tác dụng tạo chung cơ hội thân thiện xóm giềng và phát huy truyền thống «*uống nước nhớ nguồn*» của người dân vùng nước mặn.

Dù sao, tinh thần cộng đồng của dân địa phương phần nào cũng đã bị chiến tranh giày vò thành cô đọng. Thật vậy, vì tâm lý chán nản trước cảnh tang thương do tác động võ lực, cuộc đời tráo trở, nhơn nghĩa xáo trộn liến trước mắt đã khiến cho tâm hồn quần chúng một phần chịu câu thúc trong tánh cách cá nhơn dường như cô lập của mình. Do vậy, cộng đồng ít ảnh hưởng hữu lợi cho cá nhơn và cá nhơn cũng không mấy tha thiết để tâm trí vào những việc đời chung.

Tinh thần cộng đồng có thể rộng rãi và được thăng hoa đến lòng ái quốc. Sự thu hút của các tôn giáo và lòng yêu nước chọn thành đã tạo cho người dân Gò Công một căn bản lập trường quốc gia vững chắc. Do đó, chủ thuyết và chủ trương Cộng Sản khó thể thâm nhập được.

Những yếu tố tâm lý kể trên đã xây dựng cho vùng Gò Công một khung cảnh quốc gia an ninh nhứt, địa linh hơn kiệt và ít ra cũng đã giải thích được phần nào cách thức tổ chức cùng các việc sùng phụng của dân địa phương đối với người hùng Võ Tánh sẽ được trình bày ở các chương sau.



CHƯƠNG THỨ HAI

CÁC DI TÍCH CỦA ĐẠI TỔNG NHUNG VÔ TÁNH

SAU khi Đỗ Thanh Nhân bị Nguyễn Vương giết chết, đám tùy tướng của Đỗ Thanh Nhân nổi binh Đông Sơn làm phản. Về sau, chỉ còn Võ Tánh kéo tàn quân đóng ở Thôn vườn Trầu (Gia Định) nhưng thê không tiện nên phải lánh về Gò Công vào năm Quý Mão (1783).

Đạo quân Kiên Hòa của Đại Tổng Nhung Võ Tánh tại đất Gò Công thuở ấy gồm một số lính Đông Sơn cũ và thêm phần đông nghĩa dũng trai tráng khỏe mạnh trong vùng tình nguyện gia nhập để phòng vệ giữ an ninh, chống trộm cướp, thú dữ và giặc Tây Sơn (thuở đó người ta quan niệm Tây Sơn là giặc). Nhiều sử gia (Trần Trọng Kim và Phạm văn Sơn) xác nhận quân số đạo quân Kiên Hòa ước chừng

hơn 10 ngàn người, kỷ luật nghiêm minh, tinh thần quả cảm vang danh tiếng khắp nơi. Đạo quân Kiên Hòa hùng cứ và hoàn toàn làm chủ tình hình phạm vi lãnh thổ Gò Công từ năm 1784 đến 1788. Thời ấy dân số vùng này ước chừng vài ngàn người.

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, do Quốc Sử Giám soạn từ năm 1865 đến 1882 đời vua Tự Đức, ghi dân số tại Lục Tỉnh Nam kỳ thời Gia Long như sau: tỉnh Gia Định 28.200 người, tỉnh Định Tường 19.800 người, tỉnh Biên Hòa 10.600 người, tỉnh An Giang 26.646 người (thời Minh Mạng) và tỉnh Hà Tiên 1.500 người. So với điều kiện sanh sống khó khăn lúc đó, vùng Gò Công trước đó không thể nào dân số nhiều hơn vài 3 ngàn được. Như vậy, đất Gò Công thuở ấy thường dân ít hơn quân lính.

oOo

HOÀN CẢNH VÙNG GÒ CÔNG DƯỚI THỜI TỔNG NHUNG VÕ TÁNH

Tuy đã gần 30 năm thôn nạp vào lãnh thổ Việt Nam cả phần đất Lôi Lạp, nhưng vì mãi lo chiến tranh, chúa Nguyễn chưa có cơ hội tổ chức hành chánh cai trị qui củ và mở mang phát triển vùng này. Gò Công lúc ấy còn là khu hoang địa rừng bụi um tùm, nê địa sấm uất.

Về phía dân chúng, lúc mới đến họ e dè đủ mọi mặt, đất địa ma thiêng, nhiều khí lam

chương, thú dữ và cảnh xa người lạ. Họ sông rải rác từng khu dọc theo các bờ sông, ven rạch chớ không dám vào trong sâu. Một thiếu sò dân chắt phác đồn củi phá rừng, đột rẫy làm ruộng, cây lúa sanh nhai. Người Việt tạo nên nhiều giống mới, phát triển những giống đã có sẵn. Nơi đất thấp gần sông, người Việt đào mương lên liếp. Đây là kỹ thuật làm vườn khá tinh vi mà người Miên không biết, người miền Trung lại thiếu hoàn cảnh để áp dụng (1). Gò Công thuở ấy chỉ là một vùng đất rộng độ bốn năm chục nóc gia, ở rải rác theo bên rạch chữ đinh. Trên mút ngọn rạch cũng có vài ba cái quán bán đồ ăn, bánh, trái cây, với ít đồ vật dụng vật vạnh như quán Bà Công chẳng hạn (2).

Về nhơn sinh, sau khi chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương hiệu (1744), Ngài ban truyền lệnh chế định lễ nhạc, y phục đổi mới cốt để khác Bắc Hà. Theo Gia Định Thành Thông Chí, quyển 4 (Phong Tục Chí) thì dân Việt miền Nam đã «theo tục cũ của Giao Chỉ. Hạng sĩ thứ bói tóc, đi chơn không Con trai con gái đều mặc áo vắn tay, bầu thẳng, may kín 2 nách, không có quần. Con trai dùng một miếng vải ta cột lờ sau lưng thẳng đến dưới háng quanh lên đến rún, gọi là cái khố. Con gái có người không mặc váy, đội nón lớn, hút điều lênh, ở nhà thấp, trải chiếu ngồi trên đất không có bàn ghế».

(1) SƠN NAM — VĂN MINH MIỆT VƯỜN, trang 51.

(2) VIỆT CÚC — sách đã dẫn, quyển 1, trang 5.

Về sau, « đàn ông mặc quần đùi, áo cánh may bằng vải ta, nhuộm màu vỏ cây dà và vỏ cây cóc. Đàn bà thì mặc quần và áo dài hơn đàn ông, cũng nhuộm màu nâu mặng cụt, nơi ngực mang yếm vải. Có rất ít người biết chữ, trai tráng phần đông thích chuyên luyện côn quyền võ nghệ, dân chúng mê tín quỷ thần » (1).

Thời ấy trộm cướp rất nhiều. Bọn cướp hay dùng dao mác hay cung tên, ná lầy hoặc chà-gạc (cướp Đàng Thổ) để tấn công và tự vệ. Ăn cướp đền kháo nhà giàu lấy của, thường nhứt là cướp lúa đập sẵn khi vụ mùa vừa xong. Sở dĩ thuở ấy đất rộng người thưa mà vẫn có cướp trộm vì nhiều lý do phức tạp như thế nguồn gốc thành phần đám dân di cư đền. Đa số họ là binh sĩ hay nông dân nghèo khổ, hoặc «những tù đầy, những du đảng, phliêu lưu từ miền Nghệ, Thanh hoặc xa hơn nữa, xâm nhập qua các triều đại, đi tìm may mắn ở vùng đất mới, những quan, những quân bắt mần họ Trịnh hoặc bị lầm lỗi bỏ chạy vào Nam, những thổ tù, thổ hào cường ngạnh những nhiều lương dân » (2).

«Người tự ở tứ phương, mỗi nhà đều có tục lệ. Dân ở thôn dã thì chặt phác. Dân ở thành thị thì du đảng » (3).

Do lẽ đó, thường dân đa số nhứt nhát, việc xê dịch xa trong vùng chỉ có bọn cướp lưu động và đạo quân Kiên Hòa của Tổng Nhung

(1) VIỆT CÚC, sách đã dẫn, quyển I, trang 6 và 7.

(2) PHAN KHOANG - VIỆT SỬ : XỨ ĐÀNG TRONG, trang 139.

(3) ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ, bản dịch, trang 55.

Võ Tánh hành binh suốt từ khu này qua khu khác. Đạo quân Kiên Hòa là lực lượng quân sự Việt Nam đủ tiêu chuẩn đầu tiên kiểm soát trọn vùng Gò Công trong vòng 4 năm từ 1784 đến 1788. Võ khí trang bị của nghĩa quân gồm toàn giáo mác, cung tên và những cái khiêng bằng gỗ bọc da trâu để tự vệ. Hậu cứ phòng thủ của đạo quân Kiên Hòa là thành Vạn Thắng giải rộng mấy mẫu ruộng bưng nay thuộc xã Bình Ân, quận Hòa Lạc.

Ngoài việc phòng thủ an ninh tiểu trừ trộm cướp, Võ Tổng Nhung còn để ý đến khía cạnh phát triển kinh tế và giáo dục. Vì Gò Công là vùng nước mặn nên Ngài thường chỉ vẽ đào những ao giếng tìm mạch nước ngọt cho quân lính và dân chúng dùng. Công trình phát triển vĩ đại nhất là Ngài cho Mai Tân-Huệ, một thuộc tướng, tổ chức đắp đập giữ nước mặn sông cửa Tiểu tại làng Bình Luông Trung. Nhờ đập này mà binh lính Ngài mới canh tác được ruộng lúa làm nguồn tiếp liệu binh lương và dân chúng trong vùng không bị tai họa thất bát mùa màng.

Mặt khác, dù được đời làm quân sư cho Võ Tổng Nhung, Ngô Tùng Châu ngày ngày cũng vẫn trở về xóm Yên Luông Đông tiếp tục công việc dạy học. Ngô Tùng Châu nguyên là một nhà nho học uyên thâm, dân trong vùng thường gọi là ông Thủ Khoa, vì chán thời cuộc nên

bỏ vào ty nạn tại đây trước khi Võ Tánh đến. Võ Tổng Nhung cũng xem công tác giáo dục rất quan trọng tại vùng Ngòi hùng cứ để giúp dân chúng mở mang kiến thức nhất là truyền bá nho học, nề nếp tam cương ngũ thường, duy trì trật tự ổn cố.

Tất cả công trình của Võ Tổng Nhung còn để lại di tích tại Gò Công rất nhiều, rải rác khắp nơi trong tỉnh.

oOo

DANH TỪ VẠN THẮNG

Thuở ấy, nhà Võ Tánh cư ngụ tại xóm Gò Tre. Lúc diễn binh Ngòi thường dẫn quân di chuyển khắp vùng nầy và xây dựng thành binh kiên cố tại ngã ba xóm Ông Sọc chạy dài tới ranh Tân Đại, xã An Hòa. Gọi danh thành Vạn Thắng vì Ngòi giàn quân chông Tây Sơn ở đây trận nào cũng đoạt được chiến công hiển hách, tiêu diệt rất nhiều quân địch.

Thành Vạn Thắng cách Gò Tre chừng 3 cây sò về phía Đông Nam. Thành giải rộng chừng vài mẫu ruộng, mặt Bắc có lũy tre dày đặc làm tường thành kiên cố bề dày tới 4, 5 thước. Thành chia làm 2 khu : khu phía Bắc hương lộ 5 là phần đất ruộng gò cây cỏ rậm rạp làm mặt tiền nghênh chiến với quân địch khi bị tấn công. Khu Nam hương lộ 5 là vùng đầm sâu

gọi là Đám Vạn Thắng, Ngài thường rút quân về đó lập kế nghi binh.

Ngày nay . . .

Ấp Vạn Thắng có khoảng trên một trăm nóc gia, 500 dân. Dân chúng cư ngụ dọc theo 2 bên lộ, thỉnh thoảng có vài căn nhà ngói cổ. Trong ấp có trường sơ cấp cộng đồng Vạn Thắng bên cạnh hương lộ 3. Trường sơ cấp Vạn Thắng II nằm thuộc địa giới cực Đông ấp Tây Đại, xã An Hòa.

Chiếc cầu Vạn Thắng bắt ngang kinh Trần Văn Dống là gạch nồi liễn con đường sô 3 trái đá dẫn từ Gò Công xuống Bình Ân, Tân Bình Điền.

Kể hậu sinh nay đặt bước đèn vùng này không ai còn nhận ra vết tích của thời lừng lẫy ấy. Lũy tre xưa đã bị tàn phá hoàn toàn thành ra đồng ruộng trồng trái, còn tro lại vài cụm rải rác vùng ranh ấp Vạn Thắng và Tây Đại.

Mây sớ ruộng này cũng còn sâu. Xóm Bưng xa phía trong. Mùa mưa nước ngập mênh mông. Vì thiếu hệ thống điều hòa mực thủy, nước không đường thoát. Đèn mùa nắng ráo đất nứt nẻ khô cằn. Việc cày cấy trồng trọt do đó cũng khó khăn. Khắp vùng chỉ canh tác lúa địa phương cao ngọn. Dọc 2 bên lộ có nhiều khoảnh đất lên liếp trồng trầu, rau cải cùng vài vuông chuối. Đi sâu vào bên trong xóm, có nhiều con đường mòn ngõ ngách. . .

Thành Vạn Thắng tuy nay đã bôi xóa vết tích, nhưng 2 tiếng Vạn Thắng nhắc nhở kẻ hậu sinh nhớ lại thời oanh liệt của tiền nhân, danh Vạn Thắng mãi mãi còn để ghi chép chiến công hán mã của anh hùng họ Võ.

oOo

AO ĐỒN BÌNH

Ở xóm Giồng Nâu, sát hương lộ 5, đối diện với trường sơ cấp Hòa Trung II có cái ao nằm bên kia đường. Đó là ao Đồn Bình, có người còn gọi là ao Cây Đa hay ao Chùa. Cạnh ao có ngôi cổ tự thường kêu chùa Đồn Bình hay Bửu Long Tự. Danh truyền khẩu từ đời này sang đời khác, nay có người gọi trại là ao Bùn Bình cũng như Giồng Ngâu vì có trồng nhiều cây ngâu mà nay cứ quen gọi là Giồng Nâu vậy.

Thuở xưa nơi đó Đại Tổng Nhung Võ Tánh có đem nghĩa quân đèn đóm đồn. Đây là tiền đồn phía Tây của thành Vạn Thắng cũng là hậu cứ Ngài thường rút quân về nghỉ ngơi. Bên cạnh đồn, Ngài cho đào một cái ao để quân lính lấy nước uống và tắm giặt. Vì vậy, dân trong vùng thường gọi là ao Đồn Bình.

Tương truyền thuở ấy cả vùng này không có nước ngọt, quân binh của Ngài chịu cảnh vô cùng khó khăn trở ngại. Một buổi dạo quanh đồn, Võ Tổng Nhung rút thanh gươm chỉ lên trời khăn

nguyện: «*Nếu trời cao còn thương bọn Tánh thì xin ban cho nơi này nước ngọt*». Nói rồi Ngài giơ cao thanh gươm cầm phụng xuống đất. Binh lính tiếp đào theo thì quả nhiên có nước ngọt.

Lúc đầu nơi đó chỉ có cái ao nhỏ, sau nhờ ông Hương Cả Trương Cao Hy chủ xưởng dân chúng đào sâu vét rộng ra thêm.

Khi chưa sáp nhập vào làng Hòa Nghị (1) thì xóm Ao Đồn Binh là trung tâm làng Tân Duân Đông. Bên kia lộ đồi diện với ao là nhà việc rộng lớn xây trên nền đá cao. Bên trái nhà việc có đồn lính phòng vệ. Phía sau cách nhà việc chừng 200 thước có ngôi đình thần (nơi sân vận động xã An Hòa bây giờ).

Sát bên đường dân cư sống đông đúc, buôn bán sầm uất. Dãy trường học nằm cạnh ao quay mặt ra lộ. Những cây dầu to bóng rợp, hai hàng dương trồng dọc bên đường. Nhứt là tàn bóng cây da cổ thụ cạnh ao Đồn Binh. Cây da lâu đời, thân da to tới mấy vòng tay người ôm không giáp. Những rễ da bỏ dây chùm lòng thòng từ trên cành xuống đất... Con nít xúm nhau đánh đu đưa, ca hát đùa giỡn cả ngày. Dưới bóng da «*đầu làng*» trẻ con tụ năm tụ bảy bắn kè, thả đáo, đánh trống, nô đùa cút

(1) tức làng Bình Nghị xưa, xem sách này trang 133, số thứ tự 30.

bắt... Trong ánh trăng thanh gió mát nhút lả vào những đêm rằm lớn, thiện nam tín nữ nô nức đi chùa, tài tử giai nhơn tụ nhóm dưới bóng da tâm sự hay la cà uồng trà, uồng rượu, ngắm trăng lồng đáy nước, rung rinh cá đớp mồi.

Lúc đường nước sông còn thông với ao Đồn Binh thì cá tôm nhiều vô kể. Người lười xóm hay đem lu mái đặt ngay đường nước bắt cá nhảy hăm, đặt vó vớt tép hoặc cầm câu quanh thêm ao bắt cá lóc, cá trê... Móc trái da chín làm mồi câu rất nhạy. Có lẽ bọn cá đã quen ăn trái da trên cây rơi rụng. Vào những buổi sáng mùa đông giá rét, đám cá chài đỏ đuôi, cá mè, cá trôi... nổi lên trắng giã. Bà con kẻ xách chĩa, người cầm móc rảo quanh bờ ao chém cá đem về. Gặp mây đêm mưa dầm, người trong xóm hay đột đuốc đi bắt cá nhảy bờ. Vận hên có khi được nhiều con bằng bắp chuối. Con nào may còn sống sót lại thì rồi cũng bị bắt hội trong những dịp vét ao. Cứ năm bảy năm bà con tổ chức vét ao một lần.

Lúc con lươn nước còn rộng, lòng rạch còn sâu, ghe có thể ra vào thông thương tới lộ. Nước ao thay đổi sạch sẽ luôn. Ao tương đối sâu, nước dể dào, mấy lúc mùa khô các ao khác bị cạn, dân chúng ập Tây Đại và ập Hòa Trung thường bừa quấy thùng đổ xô dền đây gánh nước về xài .

Từ ngày đầu mỗi nước giáp kinh có đặt thêm cái cống, thề nước bị yếu, lòng con lươn khúc tẻ vô ao Đồn Binh cạn dần. Đền nay đoạn nầy bị khóa lạng không còn dẫn nước đền nữa. Ao bị tù hãm, chỉ khi mùa mưa nhiều đổi nước mới có thể xài được. Mùa nắng thì xách nước lên tưới rau cải hay giặt gya. Thỉnh thoảng, trẻ con rủ nhau cả đám đền tắm bơi đùa giỡn dưới ao.

Cây da cổ thụ có lần bị sét đánh tét hai, chét phân nửa. Sau vì thời cuộc chiến tranh, các nhánh da cũng bị mé bớt xuống đem độn cống, độn đường. Đến tới khoảng năm 1969 thì chét tuyệt. Lờn các bậc kỳ lão kể lại lúc cây da chét, người trong xóm đem búa rìu đền đào rễ lấy củi bắt ngờ bắt gặp một pho tượng Phật bằng đồng. Xưa kia khi bỏ đi nơi khác, có lẽ người Miên đã chôn dấu tượng nầy.

Nhớ cảnh làng xưa, thuở huy hoàng thời niên thiếu, thấy Giáo Lâm đem gậy trồng lại một cây da nhỏ khác kê bên gốc cũ cạnh bờ ao, thấy nói đó là giống da Nhựt Bốn mua ở chợ Sài Gòn.

Tuy nay thuộc xã An Hòa nhưng lúc nào hình ảnh làng Tân Duân Đông cũng còn ghi mãi trong lòng người dân xóm Giồng Nâu. Đâu đây nghe câu hát ví von của đám học trò...

*Làng tôi có cây da cao ngất từng xanh,
Có sông sâu lư lừng vờn quanh êm xuôi về Nam..
Làng tôi bao mái tranh san sát kề nhau,*

Bóng tre ru bên mấy hàng cau đồng quê mơ màng
 Nhưng than ôi! Có một chiều thu lá thu rơi,
 Ôm súng nhìn quê, tôi thăm mơ bóng ngày về..
 Mơ trong bóng ngày về.
 Quê tôi chìm chân trời mờ sương,
 Quê tôi là bao nguồn yêu thương,
 Quê tôi là bao nhớ nhung ưu buồn,
 Là bao vấn vương tâm hồn người bốn phương...

oOo

MÃ VÀ MIẾU BÀ CỒ

Khi bà nhũ mẫu bị quân Tây Sơn hành hạ
 đèn sanh bình mà mất, Võ Tánh tấn liệm mẹ
 và đưa chôn tại cuộc đất cách miếu thờ Ngai
 bây giờ chừng 300 thước về hướng Đông. Từ
 đó, dân trong vùng tôn kính gọi đó là mã Bà Cồ
 và lập miếu nhỏ cạnh bên để thờ gọi là miếu
 Bà Cồ. Hằng năm, hội Xóm (hội Lăng Ông) tổ
 chức cúng giỗ Bà vào 2 ngày mùng 6 mùng 7
 tháng hai âm lịch.

Đi trên hương lộ 3 từ tỉnh lỵ xuống tới
 miếu thờ Võ Quốc Công tể theo con lộ đá đỏ, qua
 hướng trái chừng 200 thước, hỏi thăm nhà ông
 Tám Kèn thì mã Bà Cồ ở cạnh đó, khuất sâu
 trong lùm cây sau nhà. Nguyên cuộc đất nơi Bà an
 nghỉ cạnh nhà ông Phạm văn Tám thuộc phần
 tư hữu của điền hộ Ngô bỏ hoang từ lâu, cây
 cỏ mọc um tùm. Những tàn lá cao che bóng
 tối âm u như cánh buổi chiều chạng vạng tối



Miếu Bà Cốc



Mã Bà Cốc

bao trùm khu vực lõi ro sào đất. Thứ đất cát màu đen pha lẫn lá cây ủ mục.

Mấy lúc về trước, lợi dụng địa thế thuận tiện, các tay chơi gà thường rủ nhau đến đó bày trường chơi. Lờn bà con truyền miệng hề không thập nhang vái xin phép Bà trước thì suốt cả buổi thất công mang gà đến cấp đã rồi về chớ chẳng được độ nào. Có người không hiểu sự linh thánh lỗ phóng uế cạnh miếu thì về nhà bị Bà quả hành bệnh phải đến vái tạ lỗi mới khỏi. Về sau, dân trong vùng đem lòng tin tưởng, dẹp bỏ trường gà và tu bổ mã Bà Cồ lại.

Khoảng năm 1940, hội Xóm có tái thiết miếu một lần. Sau nhờ công tác chỉnh trang Võ Quốc Công Miếu chặt một ra một số vật liệu để tu bổ thêm. Mã được đắp lại kỳ chót vào năm 1965, hình tròn như thúng úp trên mặt đất, tô bằng xi măng, đường kính nền rộng chừng 3 thước và khoảng 1 thước chiều cao. Xung quanh có trụ rào kẽm gai.

Sát ngay phía trước mộ Bà Cồ là cái miếu thờ lợp ngói, vuông vức chừng 3 thước. Bên trong miếu có bàn thờ Bà Cồ và 2 bàn Hàng Binh. Liền trước miếu có che mái võ ca. Ngoài sân cách đó chừng 5, 6 thước có bàn đúc bằng xi măng cân nhiều hình tượng bằng sành, mỗi

kỳ lệ giỗ bá tánh bày lễ vật cúng Hàng Binh ở đó.

Thường ngày gia đình ông Tám lui tới hương khói và hội cũng giao cho hằng năm ít ngàn đồng để lo việc cúng Bà vào mấy ngày rằm lớn.

Lễ giỗ Bà năm nào cũng tổ chức hết sức linh đình, che rạp và rước hạt bội (1) về trình diễn suốt đêm, đồng bào bá tánh vui chơi rộn rịp.

Lúc đầu hội tổ chức cúng mặn nhưng mấy năm sau nấy thấy có sự linh hiển và nhớ lòng ơn đức của Bà nên đổi lại cúng bằng lễ vật chay. Heo gà chỉ cúng bàn binh bên ngoài. Bà con thường nhắc chuyện vào mấy đêm vía, Bà Cồ hay xẹt về chiều luồng hào quang sáng rực cả một vùng...

oOo

XÓM THỦ

Trong sổ dân di cư lúc đầu vào đất Gò Công có nhiều nhà khoa bảng lánh đời loạn lạc tìm nơi ẩn dật. Nho sĩ thường mở trường dạy học. Ông Ngô Tùng Châu người huyện Phù Cát,

(1) Theo ông Thân Văn Nguyễn văn Quý viết trong « Văn Nghệ Việt Nam » do Hội Khuyến Học xuất bản thì người miền Nam và người miền Trung ưa dùng chữ « hát bội ». Ca dao bình dân có câu:

« Trồng trâu trồng lợn dầy tiêu,

Con theo hát bội mẹ liều con hư. »

Trái lại, người miền Bắc hay dùng chữ « hát bộ ».

Trong quyển sách này dùng chữ « hát bội » cho phù hợp với ngôn ngữ địa phương.

tỉnh Bình Định, là môn đệ của xứ sĩ Võ Trường Toản, mở trường dạy học ở Yên Luông Đông. Học trò theo học rất đông.

Ông là người tài trí đức độ, dạy học trò mau tiến tới nên khắp vùng ai cũng mến phục. Người địa phương gọi nơi đó là xóm Ông Thủ, sau mới tắt ra là xóm Thủ.

Khi Võ Tánh kéo tàn quân Đông Sơn về Gò Tre lập Đạo quân Kiên Hòa để chống trộm cướp và Tây Sơn, được Ngô Tùng Châu tích cực hợp tác làm quân sư. Năm 1788, ông theo Võ Tánh về phò tá Nguyễn Vương lập được nhiều công trạng. Nguyễn Vương dùng ông làm Điện Tuần Quan cùng các bạn đồng song như Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức cả thấy 17 người để coi việc khai khẩn điền thổ, sau được thăng lên Lễ Bộ Tham Tri kiêm Phụ Đạo Đông Cung Thái Tử dạy Hoàng Tử Cảnh.

Hay tin Ngô Tùng Châu và Võ Quốc Công qui thần ở Bình Định, dân chúng Gò Công vô cùng mến tiếc và nay vẫn gọi Xóm Thủ để tỏ lòng nhớ ơn.

Ngày nay, xóm Thủ gồm có 2 ấp. Ấp Xóm Thủ 1 còn gọi là xóm Thủ Mới nằm cạnh hương lộ 6, có trên 400 dân cư. Từ năm 1969, ấp này nhập thuộc ấp Bình Thạnh xã Bình Tân đến nay.

Xóm Thủ II nay là ấp Xóm Thủ xã Yên Luông nằm cạnh hương lộ 11, từ lộ 6 đến xóm Bà

Giảng, xã Bình Long. Ấp này tương đối dân cư, sung túc, quy tụ chừng 200 nóc gia, có trạm phát thuốc, trường học sơ cấp...

Về mặt khánh tiết, ấp Xóm Thủ đã hoàn bị vượt hẳn các ấp khác. Bà con tự động đứng ra lập hội tang tế, mua sắm nhà giảng, có ban lân trông, lại tổ chức giàn nhạc cúng và 8 lễ sinh rành nghề. Mỗi khi có cúng tế lớn trong xã hay trong vùng có bày cuộc vui đều phải đến Xóm Thủ rước mời.

Trên dưới thuận hòa, đời sống bình dị, chơn thật...

Thật không hổ danh người nho sĩ đã để lại tên địa danh ấy.

oOo

ĐẬP ÔNG CHƯỜNG – CẦU ĐẬP MÃ ÔNG CHƯỜNG VÀ MIẾU THỜ

Đập Ông Chường tại ranh xã Bình Tân, quận Hòa Lạc và xã Bình Long, quận Hòa Bình. Đây là công nghiệp đập đập giữ nước ngọt lập đồn điền cây lúa nuôi quân của ông Mai Tân Huệ, một thuộc tướng của Võ Tổng Nhung.

Ông Mai Tân Huệ sanh trưởng tại làng Bình Luông Tây, là một nhà giàu nổi tiếng trong vùng, hay đãi khách anh hùng hào kiệt. Khi Võ Tánh thành lập đạo quân Kiên Hòa tại vùng Gò Công,



KHÍ VÀ Miếu thờ Chương Cơ MAI TẤN HUỆ



Mã Chương Cơ HUỆ ÂN HẦU (có dấu X)

ông hưởng ứng tích cực hiến góp tài sản và theo làm thuộc tướng lo việc tiếp liệu quân lương.

Theo chủ trương của Võ Tổng Nhung, ông đồn đồn kêu gọi dân chúng góp công đắp đập trị thủy để khai thác ruộng, lấy huê lợi làm lương thực cung cấp cho đạo quân Kiên Hòa, nhờ đó mà dân cả vùng cũng được hưởng lợi. Thuở ấy, cái đập rất dài và kiên cố nằm dọc theo mé rạch vì thường năm tới mùa nước lớn, mỗi nước sông Cửa Tiểu theo rạch Giã đổ xuống rất mạnh, tràn ngập cả vùng làm hại mùa màng.

Khi Võ Tổng Nhung kéo quân hàng phục Nguyễn Vương, ông cũng theo về, được chúa tin dùng cho giữ tiền kho và tu bổ doanh trại đồn binh. Chính ông đã phụng chỉ đốc công xây lầu Bát Giác tại thành Bình Định. Sau ông được phong làm Chưởng Cơ Huệ Ân Hầu. Người đời sau nhớ ơn gọi đập tại Bình Luông Trung là Đập Ông Chưởng.

Hiện mộ ông còn di lại tại ấp Bình Hòa, xã Bình Long. Ngôi cổ mộ nằm cách lộ cái chừng 800 thước đường bộ. Mây bụi bùm xum chen lẫn đám xương rồng che lấp những tảng đá ong đỏ vỡ. Nguyên xưa triều đình Huế có phái quan đem vào ban cho một hộc mã đá ong và một tấm mộ chí. Từ lâu dân trong vùng kiên sợ động mồ mã nên dù muốn cũng không ai dám tu bổ chỉnh trang lại. Hằng năm, hễ vào ngày

23 tháng chạp thì dân chúng tự động đèn tảo mộ Ông.

Tại địa phương có tổ chức hội Lăng Ông và lập miếu thờ Ông Chường. Miếu thờ nằm gần cầu Bình Tân (thuộc phần đất Bình Luông Tây nay là xã Bình Long). Chánh quyền thời Pháp có xuất công nho tu bổ miếu thờ và hiến cho hơn một mẫu công điền để hội thu huê lợi lo việc cúng kiếng. Hiện một phần ruộng bị choán làm nghĩa trang cho dân trong ấp. Đời Gia Long thứ 5, triều đình Huê có ban cấp ấn sắc truy phong Chường Cơ Huê Ân Hầu, hiện gọi thờ tại chùa Phật cạnh bên miếu. Vì thời cuộc chiến tranh miếu bị tàn phá nhiều lần. Năm 1967, dân chúng đâu đâu công của tái thiết lại.

Hội Lăng Ông có Ban Quản Trị gồm các chức vụ như Chủ Hội, Chánh Bái, Chánh Hối, Phó Hối, Thủ Bồn, Cai Đình Hội .v.v.. Chủ Hội điều khiển coi sóc công việc chung. Chánh Bái là kỳ lão đại diện nguyện hương van vái đầu tiên trong mỗi lễ cúng. Cai Đình Hội lo biên ghi lễ vật, xôi, bánh trái, tiền cúng. Thủ Bồn lo việc chợ búa sắp xếp cúng kiếng. Chánh Hối, Phó Hối và Thủ Bồn là 3 đồng niên đứng chánh tề. Thủ Bồn được canh tác phần ruộng mỗi năm nộp cho Hội 10 thùng lúa ruộng. Ngoài ra, còn có một người Từ lo đốt nhang dọn dẹp hằng ngày. Thủ Từ được hưởng huê lợi một phần ruộng.

Hằng năm, cúng giỗ Ông vào 2 ngày 16-17 tháng 4 âm lịch. Lễ năm nào cũng có rước lễ nhạc rầm rộ, thỉnh sắc, hát chầu... Ai cũng hằng hái tham gia. Các chức sắc mặc áo rộng xanh, cử hành nghi lễ như ngày cúng thần trong xã. Ngoài lễ giỗ, hội Lăng còn có tổ chức cúng lễ mừng 5 tháng năm, 3 rằm Tam nguyên và kiền Ông ngày Tết. Lễ Hạ Nguơn có lễ tòng gió.

Đi từ Gò Công đến quận Hòa Bình phải qua cây cầu Bình Tân, bắt ngang ngọn Rạch Già, xưa gọi là **CẦU ĐẬP ÔNG CHUỜNG**. Trước kia, ngọn rạch còn hẹp, với phương tiện thuở đó chỉ có cây « cầu khỉ » bắt ngang. Về sau được sửa sang lại trồng cột, lót ván. Cách vài năm nay, cầu Đập được tái thiết đúc trụ sắt dài hơn 30 thước. Xe hàng nặng nhẹ qua lại thông thương thuận tiện.

Dân trong vùng rất tin tưởng và hết lòng sùng bái Ông. Lời người trước kể lại miếu thờ Ông Chuờng rất linh. Kể qua đường đi ngang miếu đều phải giữ dáng nghiêm chỉnh, giở nón, lột khăn, sập dù...

Chúng tôi mạn phép mời vài bác hàng xóm « đèn chơi » chụp chung một bức hình kỷ niệm. Họ có vẻ ngại ngùng nhìn dáo dác một hồi rồi xê qua một bên. Họ không dám đứng chụp hình ngay phía trước miếu vì... sợ thất lễ với đàng khuất mặt !

Về sùng kính và chắt phác hiện hiện trọn vẹn trên gương mặt sạm đen của họ.

oOo

ĐÁM RUỘNG CẦU XÍ

VÀ ĐÒN LẬP BÌNH

Từ tỉnh lộ 24 rẽ về trái theo con lộ đất đỏ chừng 2 cây sô thì tới ấp An Hòa Trung. Ấp An Hòa Trung thuộc xã Bình Phục Nhì thường gọi là xóm Chùa Ngói vì xưa kia nơi đó có cái chùa Miên rất đồ sộ đã đổ nát chôn vùi mấy trăm năm nay, còn sót lại vài miếng ngói miếng sành.

Đa số dân chúng sống về nghề nông trồng lúa. Ở đó có một khu ruộng gò người trong xóm thường gọi là Đám Cầu Xí. Những bậc kỳ lão biết rõ sự tích nay đã qua đời chỉ truyền khẩu lại lai lịch đám Cầu Xí như vậy :

Khi xưa lúc Đại Tổng Nhung Võ Tánh còn hùng cứ xứ này, có lần Ngài kéo binh gia rầm rộ đi ngang qua xóm. Đền đây thấy có ngôi chùa Miên, Ngài ra lệnh dừng quân nghỉ. Binh gia đóng quân nghỉ đêm trong xóm, nằm dựa dài dài theo mây cà lang lúa. Thời ấy, những người khá giả làm được nhiều ruộng nên khi gặt xong bó lúa lại đem về chắt thành cà lang.

Thầy cách đó về hướng Tây chừng gần trăm thước có khu ruộng gò, binh gia bèn rủ nhau đèn tiêu tiện. Khi Ngài rút quân đi, dân chúng đi ngang qua thầy vậy nên gọi là «Đám Cầu Xí» tới bây giờ.

Có thuyết lại nói rằng vì thuở kéo quân binh đèn đây Ngài lựa bãi ruộng cao trồng trái để dừng quân cầm cờ nghỉ ngơi. Dân chúng thấy cờ xí rợp trời, binh gia đông đảo nên bàn tán với nhau và gọi là «Đám Cờ Xí», dần dần truyền miệng chữ «CỜ» trại ra chữ «CẦU» vậy.

Đám ruộng Cầu Xí trước kia thuộc quyền sở hữu của ông Quách văn Giáo, kiền Huyện Đâu, làng Đồng Sơn. Sau ông Quách văn Giáo sang Pháp lập gia đình và ở luôn bên đó. Năm 1957, ông Quách văn Nghĩa là anh ông Giáo đứng bán sở ruộng nầy cho ông Hương Hào Tám ở ấp Thới Thuận Trung. Ba người ngụ tại ấp An Hòa Trung hiện canh tác phần ruộng nầy là ông Trần văn Huê (1 mẫu 40 sào), ông Huỳnh văn Tân (0 mẫu 70 sào) và bà Lê thị Nhiều (0 mẫu 70 sào). Đây là phần ruộng gò nên chỉ canh tác được một mùa, thường cấy giống lúa Thần Nông và Nàng Chá.

Từ Đám Cầu Xí thẳng về phía Nam thì ngay đèn trụ sở ấp Thới Thuận Tây. Chỗ này ngày xưa Võ Tổng Nhung có cho lập cái đồn. Khi hành quân qua vùng nầy, Ngài thường

kéo đèn đỏ điểm binh lại, nên tiếng gọi là «ĐỔN LẬP BINH».

Đồn Lập Binh bốn bên đều đào hào sâu và xây thành lũy rất cao. Phía trên có treo sẵn những thanh gỗ to nặng trong thè phòng thủ chờ hễ binh địch đèn thì buông giây lãn cây rơi xuống tiêu diệt.

Chuyện xưa tích cũ lời tiền nhon còn phảng phất không ai ghi rõ, chỉ truyền miệng rồi bỏ qua. Đèn nơi hỏi thăm chúng tôi tìm gặp ông Trưởng ập. Ông ngẫm nghĩ, nói qua-loa ít điều rồi mời chúng tôi về nhà trao cho bài thơ 8 câu như vầy:

Tả Đám Cầu Xí

*Tích cũ gọi lên chắc thiếu thừa,
Tục truyền Cầu Xí thuở xa xưa.
Dừng chân tiểu tiện cơn ngời nghỉ,
Ché bước ngấm nghe lúc cợt đùa.
Đêm vắng di quân thề thắng bại,
Ngày thanh cày ruộng nói hơn thua.
Cảnh đồng ruộng lúa không cây cối,
Mưa thuận đất cao cấy một mùa.*

(NGUYỄN VĂN TÀI)

Dật sĩ Thầu Lưu Tứ, người bạn thơ đồng hành của chúng tôi tay nưng chun rượu đề

«nước mắt quê hương» nhắm nhĩ rồi họa lại
rằng :

*«Nói rằng Cầu Xí cũng không thừa,
Bởi chuyện di quân tiều tiện xưa.
Tiền bối vô tâm gây tiếng tục,
Hậu sinh ác ý nói hơi đùa
Chuyền binh mượn lối khi đêm vắng,
Phò Chúa nâng thành lúc thế thua.
Hoài cò ngắm mong đồng lúa chín,
Tang thương biến đổi biết bao mùa.*



CHƯƠNG THỨ BA

**NHỮNG CƠ SỞ TÔN THỜ VÔ QUỐC CÔNG
TẠI GÒ CÔNG**

**DINH QUAN HẬU QUÂN
TẠI XÃ THẠNH NHỰT**





BAN QUẢN-TRỊ HỘI DỊNH QUÂN HẬU

Từ trái sang phải :

Quý Ông Trần-văn-Các,	Chức vụ Chánh Chủ Hội
— — Nguyễn-văn-Dự,	— — Phó Chủ Hội
— — Ngô-đình-Tá,	— — Chánh Hội
— — Dương-văn-Ở,	— — Chánh Hội Trưởng
— — Huỳnh-văn-Chức,	— — Phó Hội Trưởng
— — Đoàn-văn-Bảy,	— — Phó Hội
— — Trần-văn-Lầu,	— — Thủ Bồn
— — Nguyễn-văn-Phùng,	— — Biện Hội

NGUỜI đầu tiên lập Dinh Quan Hậu Quân tại xã Thạnh Nhứt là ông Đội Sáu. Nay không còn ai biết gốc tích ông ở đâu. Có người cho rằng ông Đội thuộc kiên họ Hội Đồng Lộc, xã Hòa Bình, quận Chợ Gạo (Định Tường). Vì trước đây hàng năm gia đình nầy có đèn giầy mô vào dịp Tết. Nhưng từ mấy năm chiến tranh không còn thấy ai đèn nữa.

Sau khi Hậu Quân Võ Tánh tuần tiệt tại thành Bình Định, tướng Tây Sơn Trần Quang Diệu vào thành tha giết cho hết thấy tướng sĩ. Quân lính của Võ Tánh đều trốn đi. Một số tìm về với Nguyễn Vương tiếp tục chiến đấu, một số đào tẩu tán mát mưu sinh.

Khoảng năm 1805, tại ấp Tân Bình Đông xã Thạnh Nhứt bây giờ có dựng một am lá nhỏ do người đàn ông ngày đêm chăm nom hương khói. Dân trong xóm thường gọi là ông Đội Sáu. Có kẻ tò mò đèn hỏi thăm, ông Đội trả lời: *«tôi tưởng chủ tướng tôi, nên tôi đốt hương chớ không có cúng ai hết»*. Ông Đội giải thích thêm rằng sau khi Hậu Quân Võ Tánh tuần tiệt ở thành Bình Định, ông bèn đào tẩu tìm trở về đất Gò Công, đèn nơi đây lập am thờ để tỏ lòng mến tiếc vị chủ tướng trung can tiết liệt. Thời còn tung hoành ở Gò Công, Đại Tổng Nhung Võ Tánh thường đem quân đèn đóng binh tại đây để truy lùng giặc cướp và phục chông Tây Sơn. Nơi đó nguyên trước là vùng hoang địa

mọc toàn cây trâm bầu, chạy dài từ Bình Phục Nhứt tới Bình Phục Nhì (Gò Bầu).

Thầy vậy, các vị kỳ lão trong vùng nhứt là ông Dương văn Chắt là một thân hào nhân sĩ uy tín đứng ra cổ động kẻ công người của cắt lại thành miếu lá nhỏ. Có điều linh hiển là khi lập xong miếu thờ, trong xóm trẻ con nào âm đầu hay người hữu sự hễ đèn hương khói khăn nguyện đều được qua khỏi. Nhứt là mỗi năm cứ vào mùa hạ, trong xứ hay xảy ra bệnh thiên thời nhưng từ ngày lập miếu thờ Quan Hậu Quân thì trong xóm không còn một ai chết vì bệnh đó. Lúc nấy cũng nhiều người nhập xác lên đồng và bàn xâm hiển linh, dân chúng tin tưởng đèn viêng ngày càng đông đảo. Có khi người nhập xác đồng phải khiêng ngổi bằng chiếc võng cột lục lạc để khua reng reng như vị tướng đang phi ngựa, vào chánh điện xác đồng nhảy ngổi lên lưng hạc...

Năm 1860, các kỳ lão trong xóm dùng ngân khoản bá tánh cúng viêng để sửa sang miếu lại lợp mái ngói âm dương, cột bằng cây vuông tạp, lập hội chung lo phụng thờ. Phía trước sân thượng lên trụ cột cờ rất cao, có lá cờ bằng nhung màu vàng thêu hình tứ linh. Khắp vùng chỉ có cây cột cờ đó là cao chót vót nên người địa phương gọi nơi đó là xóm Cột Cờ. Xóm Cột Cờ cách xóm Gò Bầu qua một con lộ chắn ngang. Cứ 3 năm hội lại rước gánh hát bội về

hát chầu một lần và tổ chức cúng giỗ Ông vào 3 ngày 26, 27, 28 tháng 5 âm lịch.

Lúc sau nghe chùa Bà Thu Bà Nga ở Chợ Gạo có ý muốn bán căn chùa cũ, ông Chánh Chủ Hội Đoàn văn Minh bèn đứng ra kêu gọi dân chúng đóng góp thêm tiền đền mua. Ông Đoàn văn Minh thường gọi ông Bồi Minh là một mảnh thường quân tánh tình nhưn hậu, ngụ tại xóm Chợ Đường Trầu, ấp Thanh Lạc Tây, xã Bình Phục Nhì bây giờ (1). Ông Bồi Minh được cử làm Chánh Chủ Hội và đã tự nguyện đóng góp số tiền rất lớn.

Hội đền mua căn chùa đem về cắt miếu lại thành 2 gian ngói Khang trang nối liền nhau gồm căn chánh điện và nhà võ ca. Vật dụng cũ chắt mót đem cắt về phía trái chánh điện thêm được căn nhà tiệc lợp ngói và nhà khói lợp lá.

Từ đó, người ta gọi miếu là Dinh Quan Hậu và xóm Cột Cờ gọi lại là xóm Dinh đền nay. Hằng năm cứ vào lệ giỗ, thân hào nhân sĩ danh giá trong vùng như ông Hội Đồng Phò, ông Hội Đồng Thà ở Vĩnh Hựu, ông Nguyễn văn Lễ ở Hòa Bình, ông Lê Thới Ninh, Lê Hữu

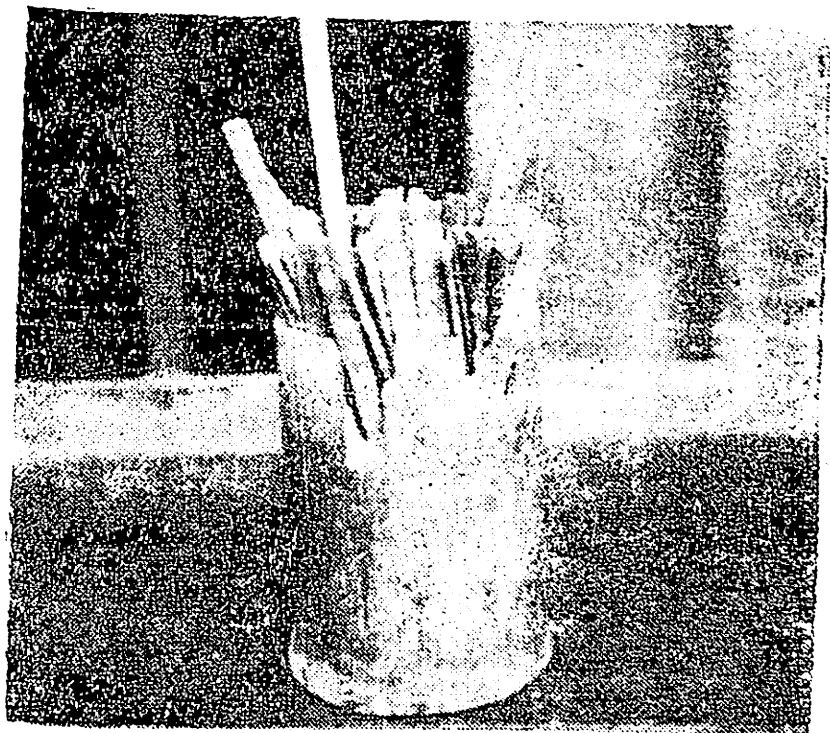
(1) Có người thuật lại chuyện có bữa nọ bắt gặp kẻ trộm lên xúc lúa ngoài sân, ông Bồi Minh chỉ nói nhỏ nhẹ : «thời đi em, đủ rồi, để bà ra thối, rầy chết à ! ». Kẻ trộm trông thấy biết ông thì thất kinh lật đật lạy tạ rồi chạy mất.

Thường ở Bình Phan cùng bá tánh đèn chiêm ngưỡng rất đông.

Sang năm 1935, Hội bán vật dụng căn chánh điện cho hựu ao Ông Giao ở ấp Tân Bình Tây để xây lại căn nội điện lợp ngói vách tường.

Lúc lính Pháp đèn đóng đồn đã dùng cường lực chở của Dinh mất 5 bộ ván. Một số đem cắt xẻ ra cắt bớt, một số đem độn làm đường. Bốn hội rất bất bình khiêu nại xin chánh quyền can thiệp nhưng không kết quả. Sau ông Tổng Trà (Võ văn Phước) hoàn bù lại bằng cách giao 3 mẫu 70 sào công điền xã Thạnh Nhứt cho hội canh tác lấy huê lợi, bà con kẻ công cày người công cấy chung lo. Huê lợi thu được sau 5 mùa, hội tiếp sửa căn nhà võ ca. Phần vật dụng võ ca cũ giờ đem xuống làm nhà tiệc đèn bây giờ.

Thời Việt Cộng nổi lên quây phá, ấp Tân Bình Đông mất an ninh. Có lần bị pháo kích trúng nhằm Dinh hư hại. Năm 1959, Hội Dinh được tái lập. Lúc đó các có ông Năm Ở, Ba Chức, Tư Các, Ba Dự, Ba Tá...v.v.. Ông Quận Trưởng Hòa Đông có đèn quan sát tại chỗ và cấp cho 50 tấm tôle, 30 bao xi măng để tu sửa lại. Nhờ sự đóng góp của đồng bào và chánh quyền yểm trợ, Dinh được tái thiết và rào dậu chu đáo. Trong năm 1972, lại được Hội Đồng Tỉnh Gò Công trợ cấp 100.000\$ thuộc chương trình tổ chức nhân dân...



ÔNG XÂM

Kiểm điểm việc gây dựng và phát triển đền nay có thể nói công lao nhiều nhất là nhờ tiền họ Dương từ đời nầy sang đời khác, ông Hương Cả Nguyễn văn Phan và mạnh thường quân Đoàn văn Minh, xã Bình Phục Nhì.

Dinh Quan Hậu nằm cách tịnh lộ 24 chừng 500 thước. Giữa sân có cột cờ gắn trên phách gỗ cũ kỹ. Trong những ngày cúng lễ, quốc kỳ và cờ Dinh bay phất phới. Cờ Dinh hình chữ nhật dài hơn một thước, màu vàng, có thêu hình long lân qui phụng.

Cơ sở Dinh Quan Hậu gồm 2 dãy nhà cách biệt. Dãy dưới làm nhà khách và nhà khói. Dãy trên có võ ca và khu nội điện thờ Quan Hậu.

Bàn thờ Quan Hậu chạm khắc 2 hàng liên chữ nho sơn son thếp vàng :

BÁT GIÁC HÒA ĐỒNG TÂM CỘNG XÍCH
THIÊN THU DANH DỮ NHƯ TRẠNH HỒNG

八角火同心共赤
千秋名與日爭紅

Trên bàn thờ có chưng bộ lư đồng, đèn nhang và một ống xăm bằng tre đầy nhóc. Xưa các kỳ lão dùng ống xăm nầy để bói đoán vận mệnh cho bá tánh. Ống xăm làm bằng đoạn tre qua bao năm tháng đã hư mục lở bể. Trên mỗi tấm thẻ xăm có vài ba chữ nho bám đầy bụi mốc phai mờ.

Ngang hai bên bàn thờ Quan Hậu là bàn thờ Tả Ban Hữu Ban. Tả Ban thờ Ngô Tùng Châu, Hữu Ban thờ Nguyễn Tàn Huyền. Sát vách tường bên phải có thờ Tiễn Vãng Hương Chức, Tiễn Vãng Bốn Hựu. Bên trái có bàn thờ Tiễn Hiến, Hậu Hiến.

Sau khi thắp nén hương khấn nguyện, chúng tôi trở ra nhà võ ca, ở đó có một bàn thờ đặt khuôn linh vị, phủ kín bằng tấm vải đỏ, đề hàng chữ nho: « CHÁNH CHỦ HỘI ĐOÀN VĂN MINH LINH VỊ — KỶ TỰ NIÊN ».

Bước trở ra ngoài...

Mưa tháng 7 rơi lách tách trên nền sân. Nước đọng trên mái hàng ba trút từng giọt thẳng xuống 2 phách cột cờ. Hai phách cờ lâu đời làm bằng thứ gỗ trai cứng chắc để lộ những khía vân đen. Qua bao nhiêu năm tháng nó vẫn trơ ra đó nhìn sự đổi thay. Chắc chắn một điều là niềm tin tưởng Quan Hậu ngày càng mãnh liệt trong lòng dân chúng địa phương.

Hội Dinh Quan Hậu hiện gồm có gần 200 hội viên cư ngụ tại xóm Dinh, ấp Tân Bình Đông, xã Thạnh Nhứt và xóm Ngọn, ấp Thới Thuận Tây, xã Bình Phục Nhì. Một số hội viên ngụ tại các xã lân cận và quận Chợ Gạo.

Hội Dinh có một Ban Quản Trị gồm 8 chức vụ :

— Chánh Hội Trưởng và Phó Hội Trưởng là chức việc thâm niên trong Ban Quản Trị, cổ vắn và đại diện tinh thần.

— Chánh Chủ Hội và Phó Chủ Hội trách nhiệm chỉ huy điều động,

— Chánh Hối và Phó Hối phụ trách nghi thức cúng kiếng, thủ quỹ giữ tiền bạc.

— Biện Hội ghi chép giấy tờ, giữ sổ sách.

— Thông Tín có nhiệm vụ liên lạc, thường giao phó cho hội viên tháo vác, có phương tiện di chuyển. 2, 3 Thông Tín cùng chung lo việc này.

Ngoài ra, còn người Thủ Từ lo việc trông nom, quét dọn, nhang đèn hằng bữa. Nhà người Từ ngụ cạnh Dinh, tiện bề lui tới.

Từ lúc Quan Hậu tuần tiết tại thành Bình Định về sau, sách sử không còn để lại di ảnh của Ngài. Tại Dinh này cũng không có chiều sắc, công nghiệp Quan Hậu chỉ lưu truyền qua một đoạn trong bài văn tề cúng hằng năm ở đây như vậy :

NAM TRIỀU ĐỀ TRỤ, VIỆT QUỐC NGUYÊN HUÂN-NHƠN

南 朝 砥 柱 越 國 元 勳 仁

VI GIÁP NGHĨA VI QUA XƯỞNG NGHĨA DANH Ư GIA

爲 甲 義 爲 戈 唱 義 名 於 嘉

ĐINH. CHIẾN TẮC THẮNG THỦ TẮC CỔ THÙY Ư TÍCH

定 戰 則 勝 守 則 固 垂 於 跡

QUI NHƠN - Y HI TÍCH NHỰT ĐÀO VIÊN, ĐỒNG
 歸仁 依嬉昔日 桃園同
 NGÔ NGUYỄN KẾT VI HUYNH ĐỆ. KHẮNG KHÁI
 吳阮 結爲兄弟 慷慨
 CHÍ PHỒ NGUYỄN THẮT GIA LONG, PHÂN ĐỊNH Ứ
 志扶阮 室嘉隆 分定於
 QUÂN THẦN - LẮM LẮM OAI PHONG HÒA NGHĨA KHÍ
 君臣廩 威風和義氣
 ĐƯƠNG NIÊN HÀM KHẾ THỦ. ĐƯƠNG ĐƯƠNG
 當年咸稽首 堂堂
 CHÁNH KHÍ, SƠN TÂY BẮC NHỰT TỔNG HÀM IÂN -
 正氣山西北 日總咸賓
 VẠN CÒ BÁT OAI NHỊ TỰ ÚY. THIÊN THU
 萬古不威而自畏千秋
 ĐÀN ĐẠI CHÍ TÔN THẦN.
 但大至尊神

Lễ cúng duy nhứt hằng năm là lễ giỗ Quan
 Hậu kéo dài suốt 3 ngày 26, 27, 28 tháng 5 âm
 lịch. Trong các ngày đó, dân chúng nô nức kẻ lo việc
 nấu người phụ việc nọ. Phái nữ nấu nướng đãi
 dâng. Phái nam lo mua sắm, làm heo, khiêng
 dọn, bày biện tề lễ và tiếp khách. Năm nào an
 ninh, Hội tổ chức hát bội suốt 3 đêm liền. Có
 thể nói đám giỗ Quan Hậu là ngày cúng khánh

tiết trang trọng nhứt tại xã Thạnh Nhứt. Cờ xí treo bắt từ ngoài tỉnh lộ dẫn vào tới Dinh, che rạp dựng cửa tam quan trọng thể. Dân chúng treo cờ tư gia...

Theo tiến lệ, năm nào cũng phải tề 4 con heo : một con tề vào sáng 27 cúng Tiên Sư; một con tề khoảng 11 giờ trưa 27 cúng Quan Lớn, một con tề lúc khuya 27 rạng 28 cúng Quan Lớn và sau đó một con cúng đưa khách sáng 28.

Ngày giỗ chánh là ngày 27, khách khứa đông đảo. Quan khách cùng chánh quyền thường đèn lễ vào buổi sáng ngày nầy. Bá tánh tùy hỷ có thể cúng tiến hay mua lễ vật mang đèn để tỏ lòng tưởng vọng.

Ban nhạc bên Chợ Gạo cổ nhiều tay ca hát bản dân bản dài. Mọi người đặc ý cười vui bên chung trà ly rượu. Cứ hễ tới lệ, ban nhạc có lòng nhớ tưởng tự động rũ rê bè bạn đèn chung vui chớ tiền bạc không thành văn để.

Qua sáng ngày 28 thì bắt đầu thừa khách.

Cứ như vậy hàng năm đèn ngày lệ mọi người nô nức đèn chiêm bái cầu nguyện Quan Hậu phò hộ cho bá tánh an cư lạc nghiệp.

Cổ nhơn thường nói : « sanh vi tướng, tử vi thần ». Lúc sanh thời Quan Hậu đường đường là một tướng quốc chí công phò chúa, phá lũy đoạt thành thì khi hoá thân nghĩa khí của Ngài

vấn hiển linh phảng phất phò hộ cho bá tánh sanh linh.

Vài mẩu chuyện như vào ngày vía có Quan Lớn phi ngựa văng vẳng từ xa tiền vô cửa Dinh rồi rảo quanh khu nội điện. Huyền thoại này trùng hợp với việc phải khiêng xác đồng trên chiếc võng treo lục lạc (trường hợp ông Phạm văn Tháo). Những năm về sau có nhiều chuyện linh khác như gặp khi hạn hán, trở ngại mùa màng, các bô lão trong làng dọn đàn cầu nguyện, tức thì vài ngày sau có mưa to. Thường năm nào qua ngày giỗ Ông, trời cũng đổ mưa, đồng ruộng nổi nước. Nên giới nông dân khắp vùng theo kinh nghiệm, cứ đền lễ giỗ Ông thì ngâm giồng sửa soạn gieo mạ. Mấy lúc có dịch hoành hành trâu bò hao động, nhiều người trong xóm phát bệnh thời khí, đồng bào địa phương tổ chức lễ khấn vái Quan Lớn phò hộ cho tai qua nạn khỏi.

Sự linh thiêng mà dân địa phương tin tưởng nhưt là khi thể thốt.

Quan Hậu rất linh. Kẻ nào đem chuyện gian trá đền thể thốt sẽ chịu hậu quả thảm thương. Khoảng năm 1953, nguyên có bà Nguyễn thị Bảy người quen gọi là bà Bảy Tiệm làm nghề bán tiệm lớn ở chợ Cầu Ngang (Thanh Nhựt). Bà Bảy Tiệm có cho bà T. người ngụ cùng xóm vay 20 đồng. Thời buổi đó tiền bạc còn giá trị. Việc vay mượn không làm giấy tờ chỉ cá

nên sau thành ra tranh chấp. Bà T. không đồng ý trả, nói rằng đã trả đủ xong rồi. Nội vụ giải xuống Tòa án Gò Công. Kết quả vì không đủ yếu tố nên bà Bảy thất kiện. Tòa án phán quyết tha bổng cho bà T. nhưng theo lời xin của nguyên cáo phải mở đàn thể tại Dinh Quan Hậu.

Thi hành án lệnh, ông Cả Cung truyền lập đàn thể có chứng kiện của làng. Mỗi làng vắn cổ một con gà để thể. Sau khi mở cửa Dinh, Hương Hào đọc án lệnh. bà Bảy Tiệm vắn cổ con gà mở lời thể. Vì quá giận, con gà bị vắn cổ chết tươi. Đến khi bà T. cũng giờ con gà lên vắn cổ thể : *« Nếu tôi có gian tham giết nợ chị Bảy xin Quan Lớn vắn họng tôi chết như vậy »*. Không hiểu sao con gà của bà T. vắn cổ không chết, buông ra nó giãy lạch bạch rồi chạy mất. Thiên hạ lời xóm đua nhau đem chuyện ra đồn đãi và theo dõi. . . Cách ít lâu sau bà T. bị bệnh băng huyết máu trào ra tới cửa họng mà chết. Từ đó, ai cũng tin và quả quyết bà T. đã giết nợ của bà Bảy Tiệm nên bị Quan Lớn hành phạt theo lời thể.

Cách sau một thời gian cũng có chuyện thể thốt tương tự như vậy. Có người ở ấp Thanh Lạc Đông xã Bình Phục Nhì trao đôi vòng bằng vàng y cho bạn hàng xóm mượn đi đám cưới. Nhưng sau người cho mượn quả quyết đã bị bà kia tham lam tráo trả vòng vàng giả. Hai bên dặt nhau tới Dinh xin thể. Mỗi người bẻ cổ

một con gà và mời các người trong hội Dinh đèn chứng kiến. Cách vài tháng sau, người cho mượn vàng ngã bệnh chết bất đắc kỳ tử (bà Hai D.). Sau đó, người bàn cận xỉ xăm cho rằng chính cháu bà Hai D. đã lén tráo trở mà bà không hay lại đổ lỗi cho người mượn để đưa đèn thể thốt và bị phạt.

Còn nhiều chuyện hiển linh khác nữa...

Khoảng năm 1953. Thấy Đội Hổ Tàn Tốt đất lính Giáo Phái ở Mỹ Tho ruộng ngang qua Dinh, lính vào phá tán rồi thu góp đồ đạc của Dinh như chiêng, trống, cùng các đồ chứng thờ chớ đem đi. Tức thì liền tối hôm đó cả hàng đội lính mắc dịch ói mửa, mấy tên chết cấp kỳ. Khi cấu cơ đập đồng lên mách rằng vì phá phách Dinh Quan Hậu nên mới ra nông nổi. Đội Tốt thật kính cho mua lễ vật và kiểm điểm đồ đạc mang đủ đền trả lại cho Dinh. Đền nơi, lính Cao Đài mời người bốn hội lại chứng kiến còn họ thì xếp hàng quỳ lạy từ ngoài cửa lạy vô để tạ lỗi. Sau đó mới được khỏi.

Kề thời Việt Minh cũng vậy. Những người như Chín Thiện, Chủ tịch Mặt Trận Việt Minh xã Bình Phục Nhì đứng thị thiếng cho em út kéo cây của Dinh sau bị học máu chết. Mấy người khác như Hai Nhiều, Ủy viên Quân Sự Xã (Việt Minh) chủ trương đập phá Dinh sau bị lạc đạn chết dưới địa tại ấp Tân Bình Tây. Bảy Trường

đập tường Dinh bị Ông quở gãy cán chày tức thì, rồi sau cũng học máu chết... Về sau, dù vùng này mất an ninh, Việt Cộng không dám bén mảng đến phá tán Dinh nữa.

Mấy người giàu có ý thề gian tham chia xẻ tài sản của Dinh sau cũng bị phá sản phải bỏ xứ mà đi. Nhiều kẻ tham lam cấp vật đồ đạc, thầy đồ của Dinh tốt bèn tráo đổi đem về nhà mình. Rồi cứ suốt năm bị hành bệnh rề rề không chạy chữa đâu khỏi. Sau phải làm lễ tạ Quan Lớn mới khỏi. Điển hình như vụ người hàng xóm ăn cắp máng xối của Dinh đem về làm của riêng thì ít lâu sau bị hành đi tiêu ngược mà chết.

Chính vì có nhiều dư luận linh thiêng như vậy nên Dinh Quan Hậu càng ngày càng được tin tưởng. Hiện Dinh là nơi phùng sủng nhất của dân địa phương. Trẻ con không dám vào phá tán, không ai dám để gia súc vào Dinh và hết lòng tôn kính vị thần linh chí công vô tư, phò hộ người hiền đức, trừng phạt kẻ xấu xa...



ĐÌNH THẦN XÃ BÌNH-LONG

Đình thần và tam vị thần thờ ở đình Bình Long
trung bình.

THÁNH ĐÌNH BÌNH-LONG (HÌNH CHỤP SẮC THỰC)
(Phước Long Tự), một chùa Ông thờ Quan Thánh



cửa tái thiết gây dựng đình lại Đình được dời
về cát cạnh bên nhà lồng chợ Bình Long.



Hình chụp Sắc Thần VÕ-TÁNH « THƯỢNG ĐẲNG THẦN »



Hình Sắc THÀNH HOÀNG BỒN CẢNH « TRUNG ĐẲNG THẦN »

XÃ Bình Long thuộc quận Hòa Bình trước kia là do 2 làng Bình Luông Tây và Long Thạnh sáp nhập lại (1956). Bắc giáp xã Yên Luông và xã Thanh Trị, Nam giáp xã Long Hựu, Đông giáp xã Bình Luông Đông và Tây giáp xã Vĩnh Viễn. Dân số xã Bình Long ước độ 3.825 người (1972), đa số sống về nghề nông, một số buôn bán và làm vườn... Mức sống dân chúng trung bình.

Tại xã Bình Long hiện có một chùa Phật (Phước Long Tự), một chùa Ông thờ Quan Thánh Đê Quân và một ngôi đình thờ Thần. Khi chưa sáp nhập xã, làng Bình Luông Tây cũng có đình Thần riêng, nhưng sau mấy năm chiến tranh đã bị hoàn toàn phè hủy.

Đình Bình Long xưa là đình làng Long Thạnh tọa lạc tại sân vận động xã Bình Long bây giờ. Lúc đó đình xây cất rộng lớn uy nghiêm, có bóng cây đa che mát sân đình... Khoảng 4 giờ chiều ngày 18 tháng 2 năm Đinh Hợi (1947), đình Long Thạnh bị Việt Minh triệt hạ thiêu hủy. Mãi về sau nhờ một dự án tự túc phát triển (1964), chánh phủ yểm trợ ngân khoản và vật liệu tôle, sắt, ciment, dân chúng góp công của tái thiết gây dựng đình lại. Đình được dời về cất cạnh bên nhà lồng chợ Bình Long.

Xưa kia, đình làng Long Thạnh không có sắc. Đền đời Hường Cả Nguyễn văn Sen, cùng ngày mừng 10 tháng 10 năm Nhâm Ngọ (1942) triệu đình Huê ban sắc phong cho làng Long Thạnh 2 vị thần : Bốn Cảnh Thành Hoàng chức Trung Đẳng Thần và Hậu Quân Võ Tánh chức Thượng Đẳng Thần. Nguyên văn sắc lệnh như sau :

«Sắc: Gò Công tỉnh, Hòa Đồng Hạ tổng, Long Thạnh thôn phụng sự Đức Quốc Công Võ Công Tánh Tướng Công chi Thần, hộ quốc tỵ dân, năm trước linh ứng tứ lệnh phi thừa cảnh mạng. miễn niệm thần hựu, trước phong vì : «Trác Vi Dực Bảo Trung Hưng Thượng Đẳng Thần». Chuẩn kỳ phụng sự, thứ cơ thần kỳ tương hựu, bảo ngã lê dân. Khâm tai !

Bảo Đại thập thất niên, thập ngoặt, sơ thập nhật».

Tạm dịch nghĩa như sau :

«Sắc rằng : vị thần làng Long Thạnh, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công là Đức Quốc Công Võ Tánh, người là bậc võ tướng có công bảo vệ đất nước, giúp đỡ dân chúng, từ trước đã tỏ ra linh ứng. Nay có sắc lệnh nhà vua ban nhớ đền công đức của Thần, sắc phong cho hiệu là : «Trác Vi Dực Bảo Trung Hưng Thượng Đẳng Thần» để dân chúng phụng thờ, ngỏ hầu Thần giúp đỡ bảo hộ cho. Kính cần vậy thay !

Bảo Đại năm thứ 17, tháng 10, ngày mừng 10 (1)».

(1) nhằm mừng mười, tháng mười, năm Nhâm Ngọ tức ngày thứ ba 17-11-1942.

Sắc thần đặt trong hòm ăn màu đỏ, bên ngoài có chạm cán hình lưỡng long sơn thếp vàng rực rỡ.

Thời bắt, an đình trung bị tiêu hủy. Các kỳ lão sợ sắc thất lạc bèn thỉnh hòm sắc di chuyển về gởi tại chùa Phước Long Tự.

Ngày xưa, việc cúng kiếng tề tự ở hương thôn do các hương chức trong làng chăm lo. Ngoài hương chức Ban Hội Tế còn có thêm nhiều chức việc ngoại Hội Tế «tam tứ vị» góp công phụng sự... Từ khi Ban Hội Tế trong làng bị giải tán, dân làng vẫn tiếp tục việc thờ phượng cúng Thần do Hội Đồng Khánh Tiết trách nhiệm với sự yểm trợ của chánh quyền xã ấp.

Hiện đình Bình Long tọa lạc ngay tại xã lỵ, trên phần công thổ chừng 5 sào đất. Mặt đình quay về hướng Nam. Vì dân địa phương tin rằng trước kia cửa đình và chùa Ông quay mặt vào khu nhà cửa nên chòm xóm cứ bị xào xáo, làm ăn lụn bại!

Đình Thần lợp tôle, bồn phía vách tường vuông vức chừng 10 thước. Trước đình có mái hàng ba, mặt dựng để niên hiệu «ĐÌNH BÌNH LONG — MẬU THÂN NIÊN — 1968». Sân đình không rộng lắm, mọc toàn cây cỏ dại. Phía trước có bờ mương. Xa ngoài kia là đồng trồng mênh mông. Vài căn nhà rải rác núp dưới mây hàng dừa.

Ông Hương Trường mở cửa đình hướng dẫn chúng tôi vào bên trong.

Nền đình tráng xi măng, nóc lợp 4 mái bát dầm, kiểu cơ sở thờ phượng thường thấy trong vùng. Hiện tại làng Bình Long có 3 sắc thần : sắc Võ Quốc Công Thượng Đẳng Thần, sắc Bốn Cảnh Thành Hoàng Trung Đẳng Thần làng Long Thạnh và sắc Bốn Cảnh Thành Hoàng Trung Đẳng Thần làng Bình Luông Tây. Có kỳ Ban Khánh Tiết xã Long Hữu đền xin thỉnh bớt một sắc Thành Hoàng Bốn Cảnh về thờ, sau khi thảo luận các kỳ lão đều không ai đồng ý vì sợ có việc xáo trộn, hao động trong xã về sau, nên cứ giữ việc thờ cúng 3 vị thần như vậy.

Hai bên ngai thần có bàn thờ Tả Ban Hữu Ban và bàn hương án kê phía trước. Tới ngày lễ, 3 mâm lễ vật cùng mâm mâm xôi của hương chức Nội Ngoại bày trình cúng thần trên một chiếc bàn dài đặt ngay đó.

Theo lời ông Chủ Tịch Hội Đồng Xã, bà con định mượn thợ vẽ phác phong cảnh tòa sen trước ngai thần cho đẹp. Tôi chợt nghĩ : nếu thờ thần thì vẽ long phụng có phần hợp hơn chớ cảnh sen thường chỉ trang trí bàn thờ chư Phật. Tôi cười và góp ý như vậy. Có lẽ ông Hương Trường cũng đồng ý...

Ông Hương Trường giờ cho tôi xem cái rương đựng đầy nhóc chén đĩa ly tách rồi ông

đây lại vừa cười vừa nói : « Ông thấy đề vậy mà đố ai dám rờ đến. Chớ lúh ngữ này bỏ hớ ra ngoài một chút thì không còn. . . ». Ông chỉ mấy đồ phụ tùng máy bơm nước của tổ hợp nông dân trong ấp gởi bỏ nằm ngổn ngang dưới đất. Có lẽ đúng vậy. Phải có sợ thì mới có linh mà hể hiển linh thì thiên hạ mới tôn sùng thờ cúng...

Hồi năm 1968, có lần bà con dọn lễ lên đờn dong cắt đình, khi người Thường xuyên gánh chè đèn cúng lại tỏ thái độ quăng quẳng chửi bới bông lông toàn lời lẽ thô tục. Tức thì hai ba ngày sau bị chêt bắt đặc kỳ tử, mình mấy tím bầm. Lại có việc mấy kẻ xâu tánh tìm cách xói bót của khuất lập thì rồi gia đình cũng không tránh khỏi cảnh khốn đốn, suy sụp...

Thề nên ai cũng tin tưởng oai linh Thần Võ.

Sau khi chinh đồn nhân sự, Hội Đồng Khánh Tiết xã Bình Long hiện gồm có 13 chức vụ như tổ chức Ban Hội Tế cũ, kể ra sau đây :

- 1- HƯƠNG CẢ : Ông Trần văn Nhiều (làm ruộng)
- 2- HƯƠNG CHỦ : — Đỗ văn Sương (nt)
- 3- HƯƠNG SƯ : — Phạm văn Lâm (nt)
- 4- HƯƠNG TRƯỞNG : — Nguyễn văn Kỷ (nt)
- 5- HƯƠNG CHÁNH : — Nguyễn văn Chà (nt)
- 6- HƯƠNG GIÁO : — Huỳnh văn Thạch
(Làm ruộng)
- 7- HƯƠNG QUẢN : — Phạm văn Phục (nt)

- 8- HƯƠNG BỘ : Ông Nguyễn văn Tây (l.r.)
 9 HƯƠNG THÂN : — Nguyễn văn Cầm (nt)
 10- THÔN TRƯỞNG : — Phạm văn Thê (nt)
 11- HƯƠNG HÀO : — Nguyễn văn Sâm (nt)
 12- CHÁNH LỤC BỘ : — Phạm văn Ai (nt)
 13- PHÓ LỤC BỘ : — Đỗ văn Cước (nt)

Thứ tự hương chức cao thấp sắp xếp như trên. Thật ra việc để cử chỉ cốt cho đủ người phụ sự chung lo tề lễ, chớ trách nhiệm quyền hạn từng hương chức chưa được minh định rõ ràng, trừ công việc cõ hữu của 3 Đồng Niên (Hương Thân, Thôn Trưởng, Hương Hào) là lo mua sắm và thay phiên đứng chánh tề, bồi tề khi cúng Thần.

Mỗi năm đình tổ chức cúng Thần 2 lệ :

— Lệ Hạ Điền : ngày 16, 17 tháng 3 âm lịch.

— Lệ Cầu An : — 16, 17 — 12 (lệ chánh)

Năm nào tổ chức rình rang thì có mời thêm dân chúng, còn lệ cúng nhỏ thì chỉ trong chánh quyền xã phối hợp với Hội Đồng Khánh Tiết chung lo mà thôi. Ngân sách xã có dự trù chi phí khánh tiết mỗi lệ 10.000\$. Khoản nầy phụ thêm với số tiền các hương chức chung đàu.

Ngoài ra, Hội Đồng Khánh Tiết còn tổ chức cúng Tam Nguơn vào 3 ngày rằm lớn, ngày 25 tháng Chạp lễ đưa Thần, tời giao thừa cúng thỉnh Thần về mừng năm mới.

Hội Đồng Khánh Tiết còn phải hợp với Ủy Ban Hành Chánh Xã cúng Khai Sơn vào sáng mùng 4 Tết. Ngày đó, chánh quyền xã cũng bắt đầu làm việc tân niên. Thời xưa, ông bà ta cúng Khai Sơn (Khai Hạ) vào ngày mùng bảy vì tới ngày đó trong làng mới hạ nêu và hương chức mới khai trồng động mỗ. Tịch lễ Khai Sơn có từ đời Nghiêu Thuần bên Tàu. Ông Thuần là người hiền, bị kẻ mấu ghen ghét và gièm siểm nên cha là Cổ Tẩu giận đầy đọa lên non Lịch phá rừng làm ruộng, được trời cho voi ra cày ruộng giùm, chim nhật cổ giúp. Người Tàu sau muốn thần thánh hóa công việc canh tác đến địa để khuyến dân nên bày ra lễ nầy gọi là Khai Sơn Điền. Từ thời Bắc thuộc tục lệ nầy truyền sang nước ta đến nay.

Nhiều lúc tôi nghĩ lắm lắm... Không biết bà con mình tổ chức thờ cúng thần thánh vì trọng truyền thống tổ tiên từ xưa truyền lại, vì cầu vui cầu phước hay vì tưởng nhớ công đức bao đấng anh hùng ? ...



ĐÌNH THẦN XÃ AN-HÒA



ĐÌNH THẦN XÃ AN-HÒA



Heo sống và vật tế Thần

CHIÊN địa hòa, vạn vật sung viên,
Phụ phụ hòa, vạn sự nghị thành.

Thờ nên xưa làng Bình Nghị mới đổi danh là Hòa Nghị. Rồi về sau (1956), làng Tân Duân Đông sáp nhập với Hòa Nghị thành xã An Hòa.

An Hòa ngày này là một trong những xã trù phú của tỉnh Gò Công. Đông giáp xã Bình Ân, Tây giáp Phước Trung, Bắc giáp Long Thuận và Nam giáp Tăng Hòa. Nơi đây là khu giống cát chạy dài suốt từ tỉnh lộ 24 xuống vùng Vạn Thắng, Bình Ân. Đa số dân chúng chuyên nghề trồng tía, trồng rau cải và các loại hoa màu phụ. Xưa kia vùng này còn trồng được thứ cây ngâu để ướp hương trà nên tiếng thường gọi là xóm Giồng Ngâu.

Từ thuở xưa, trên phần đất của kiền hoàng gia Phạm Đăng có xây dựng một ngôi đình thần thờ Đức Quốc Công Võ Tánh. Bây giờ không còn ai biết sắc thần làng này được ban cấp từ thời nào, cũng chẳng ai dám giờ ra xem, kể hậu sinh cứ noi theo cổ tục mà thờ cúng.

Ngày mùng 5 tháng 7 năm Bính Tuất (1946) giặc Pháp xua quân tái chiếm làng Hòa Nghị. Ai cũng đoán thờ nào Tây cũng tiêu hủy đình thần vì lúc đó phe kháng chiến sử dụng

đình làm trụ sở. Thấy vậy, ông Hương Cả Lê Quang Khương bèn trong đêm lên thỉnh sắc thần về nhà riêng, lại thấy nơi nấy trông trái bất tiện, các kỳ lão mới chuyển qua nhà ông Hương Chánh Trần văn Trọng rồi sau thỉnh gởi tại chùa Phổ Môn.

Từ đó, hằng năm cứ tới lễ, các hương chức và bà con trong làng tề tựu nghinh sắc thần đèn một tư gia cạnh bên chùa bày lễ vật tề lễ.

Mãi đến khi tái lập được an ninh, chánh quyền xã cùng Hội Đồng Khánh Tiết thỉnh sắc về thờ tại công sở (1967). Hiện tại công sở xã An Hòa thờ 2 sắc : sắc Võ Quốc Công của làng Hòa Nghị và sắc thần làng Tân Duân Đông (1).

Năm 1970, Hội Đồng Khánh Tiết xã An Hòa được chỉnh đốn lại thành phần quản trị gồm các kỳ lão hương chức sau đây :

Ông Lê Quang Khương . . . Cò vắn
 — Nguyễn văn Thủ — nt —
 — Bùi văn Sáng Hương Cả
 — Nguyễn văn Phải Hương Chủ
 — Nguyễn văn Rồi Hương Sư
 — Võ văn Giỏi Hương Trưởng

(1) có người nói sắc thần làng Tân Duân Đông là Đức Quốc Công Tả Quân Lê văn - Duyệt (?).

- Lê văn Tượng Hương Chánh
- Trần văn Bộ Hương Giáo
- Vương văn Thành : . . Hương Bộ
- Phạm văn Biều Hương Trưởng
- Nguyễn văn Trương . . . Hương Hào
- Lê văn Giới Hương Văn
- Nguyễn văn Khá Hương Lễ

Ngoài ra còn có thành phần «tam tứ vị» phụ sự cúng kiếng gồm các chức việc như Hương Bốn, Hương Biên, Hương Đình, Hương Nhứt, Hương Nhì, Hương Ba, Cai Đình, Cai Thôn, Biên Lại, Tri Văn, Tri Lễ, Tri Đình và các Trò Lễ... Người Thủ Sự Đình Từ trông nom coi sóc đình thường xuyên.

Hằng năm, Hội Đồng Khánh Tiết phối hợp với chánh quyền xã lo cúng Tam Nguyên Tứ Quý. Các lệ cúng chánh sau đây :

- Lệ Tòng Phong : ngày 12, 13 tháng 1 âm (1)
- Lệ Cầu An : — 12, 13 — 2 — (2)
- Lệ Hạ Điền : — 12, 13 — 5 — (3)
- Lệ Thượng Điền : — 12, 13 — 10 — (4)
- Lệ Lạp Miếu : — 12, 13 — 12 — (3)

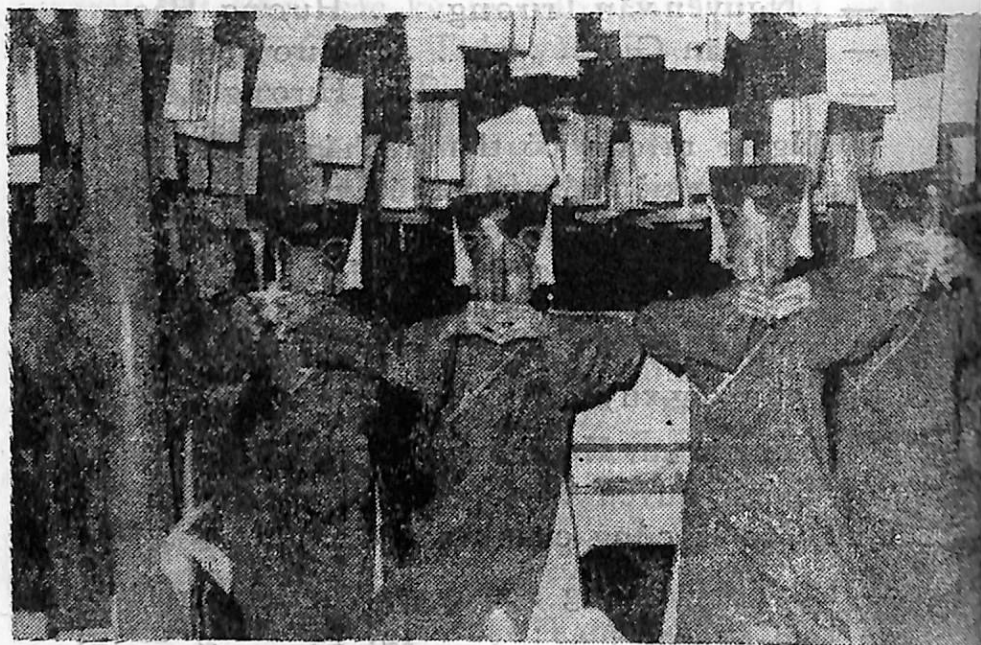
(1) Có nơi khác gọi là Tống Gió do thầy pháp chủ lễ cúng âm bình.

(2) Có nơi khác gọi là Kỳ Yên hay Cầu Êm.

(3) Lễ cầu khi gieo mạ.

(4) Lễ cầu khi lúa chín.

(5) Có nơi khác gọi là Chạp Miếu, Lạp Miếu, Lạp Đình, Lạp Đình.



Các Trò Lễ đang « điện » lễ vật lên bàn Thần



Độc văn tế Thần

Lệ Cầu An tháng 2 và Lạp Miêu tháng Chạp tổ chức trọng thể, năm nào cũng có hình sắc từ công sở về đình và rước hát bội xây chầu.

Hát bội là môn văn nghệ rất thanh hành ở địa phương, đã ăn sâu vào phong tục đình đám. Chầu đại bội cầu an gồm 3 tuồng diễn liên tiếp. Ra mắt Thần có thủ tục xây chầu, đào kép hát bội diễn *«đứng cái»*. Tứ Thiên Vương mở cửa trời. Tam Hiến chúc *«Phước Lộc Thọ»* và lão Địa dưng liễn *«Gia Quan Tấn Tước»*. Tuồng hát đầu thường diễn liên ngay trong đêm xây chầu đó. Tuồng tích cũng được Hội Đồng Khánh Tiết thảo luận cẩn thận. Đêm hát khai diễn chọn tuồng để cao trung hiều tiết nghĩa như Tam Quốc, Thần Nữ dưng Ngũ Linh Kỳ... Đêm sau tùy sự ái mộ hát xem cho vui, hay diễn nhứt là tuồng Lưu Kim Đính hạ san gờ bùa cho Cao Hoài Đức (cũng ngụ ý là gờ bùa xui cho dân trong xã khỏi tai ương bệnh tật suốt năm). Riêng xuất hát thứ ba phải có màn *«Tôn vương»* tức là màn kết cuộc văn võ trào thần cùng dưng ân kiem cho Tân Vương. Rồi vua đem đèn ngai trao tặng ân kiem và hóm ân cho Thần để ngụ ý vua ngưỡng mộ công đức của Thần và phó thác sanh mệnh dân chúng trông xã cho Thần. Những tuồng mẫu loại nầy như : Phụng Kiều Lý Đán, San Hậu. Tuồng San Hậu còn có ý cầu cho dân chúng từ nay về sau (*hậu*) được giàu sang (*san*)

Ba thứ hát đó là theo đúng nghi cách cúng. Ngoài ra, lệ nào cũng mướn hát thêm tuồng thứ tư để làng xã và các hương chức vãi vãi suốt mấy ngày, nay đã rảnh rang thì ngồi xem hát. Các hương chức quan quyền danh vọng ngồi ghế giữa, theo dõi từng điệu múa lời ca. Đào kép nào múa hát hay thì được thưởng tiền. Hương chức cầm chầu vãi vãi lắm. Ấy vậy mà cũng ảnh hưởng hên xui trong xã cả năm. Rủi gặp người «không tốt» lãnh cầm chầu thì có thể gây nên xui xẻo chung trong làng. Phải chăng đó là ý nghĩa qua câu ca dao rằng:

«Trên đời có bốn cái ngu,

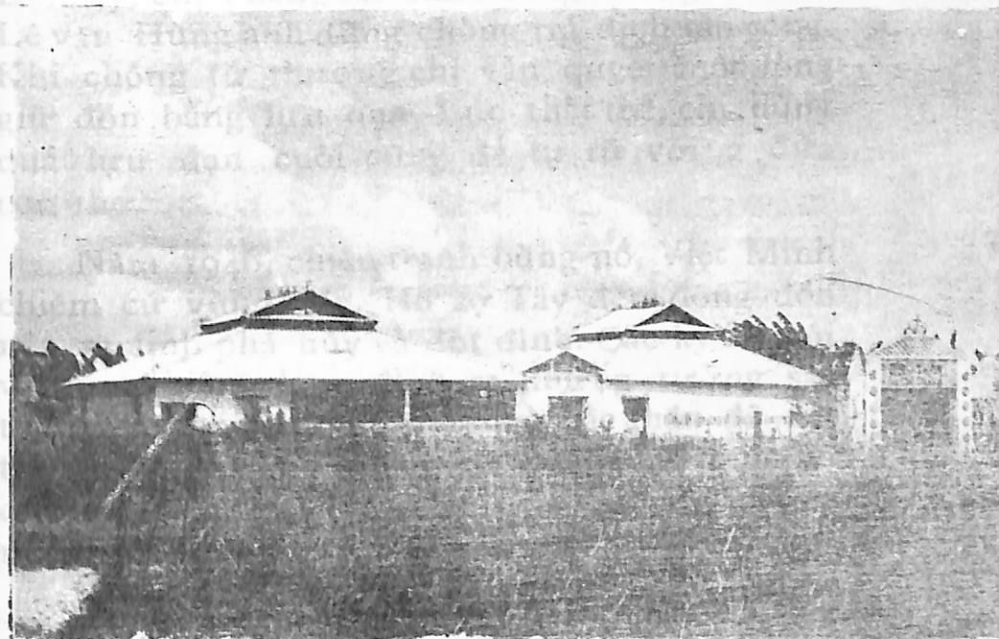
Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu».

Chương trình Tự túc Phát triển xã năm 1969 có yểm trợ ngân khoản 100.000\$ và vật liệu để tái thiết đình chánh. Năm 1970, Hội Đồng Tỉnh Gò Công có giúp ngân khoản 250.000\$ cắt thêm võ ca và xây bàn thờ Thần Nông.

Ngày nay, cơ sở đình An Hòa được coi là một trong những ngôi đình tân lập lớn nhất tại Gò Công. Được vậy là do tinh thần hợp tác chắc chắn và đóng góp tâm lòng tích cực của các kỳ lão hương chức cùng chánh quyền địa phương sở tại.



ĐÌNH THẦN XÃ TÂN-THÀNH



TRÊN tỉnh lộ 24 hướng xuống bãi biển Tân Thành, còn cách chợ Tân Thành chừng vài trăm thước, có một giếng đất địa danh là Giếng Đình. Đó là giếng cát từ xưa có một đình Thần đồ sộ nằm dựa bên tỉnh lộ. Gần đây, đất Giếng Đình nổi tiếng trong nước nhờ nữ anh hùng chồng Cộng Phạm thị Thành (1965). Đêm ấy, chị Thành sát cánh cùng chồng là anh Lê văn Hùng anh dũng chồng trả địch tàn công. Khi chồng tử thương chị vẫn quyết một lòng giữ đống bằng lựu đạn. Lúc thất thế, chị dùng quả lựu đạn cuối cùng để tự tử với 2 đứa con thơ.

Năm 1946, chiến tranh bùng nổ, Việt Minh chiếm cứ vùng này. Họ sợ Tây đền đóng đồn nên ra lệnh phá hủy và đốt đình. Các kỳ lão vội vã xúm khiêng long đình ra những tường sắc thần để trong đó. Không ngờ sắc thần đã đặt trên ngai cao chớ không có trong long đình. Bà con đành đứng nhìn ngọn lửa chiến tranh mà nuôi tiếc !

Thần làng Tân Thành là Đức Quốc Công Võ Tánh được triều đình Huế ban sắc lệnh, nay đã thất lạc chỉ còn lưu lại một đoạn chép qua bài

văn tề như vậy:

« BỒN CẢNH THÀNH HOÀNG TÔN THẦN, HỘ QUỐC
 本 境 城 隍 尊 神 護 國
 TÝ DÂN NÂM TRÚ LINH ỨNG TỬ LỆNH PHÌ THỪA:
 庇 民 稔 著 靈 應 肆 令 丕 承
 CHƯỜNG HẬU QUÂN VÔ QUỐC CÔNG TÁNH TÔN
 掌 後 軍 武 國 公 性 尊
 THẦN ».
 神

Sau khi đình bị cháy, các kỳ lão bèn thỉnh long đình gởi tại chùa Phước Thành Tự, ấp Bà Lầy. Hằng năm cứ tới ngày lệ bà con thỉnh long đình đèn miếu Dương Xuân Thành Hội để tưởng nhớ và tổ chức cúng Thần. Miếu đó của dân trong ấp lập thờ Bà Chúa Xứ. Lệ nào nhỏ không thỉnh thần về miếu thì tổ chức cúng chay tại chùa.

Năm 1969, Hội Đồng Khánh Tiết được chỉnh đốn lại để lo công việc tế lễ trong xã. Nhờ một dự án tự túc phát triển, chánh phủ yểm trợ vật liệu, đồng bào trong xã chung góp tiền bạc tái thiết nên ngôi đình mới đồ sộ như ngày nay.

Ngôi đình gồm có 2 gian: điện thờ Thần và nhà võ ca rộng rãi, khoáng đãng, có sân khấu hát bội và hàng băng khán đài tam cấp dọc 2 bên cho khán giả ngồi xem. Chánh quyền cũng thường mượn đình làm nơi hội họp hay sinh hoạt

cộng đồng. Trong điện thờ chưng dọn rất công phu. Tứ trụ đều sơn chạm hình rồng phượng màu sắc sặc sỡ. Trước bàn thờ Thần có long đình. Long đình là cổ vật lâu đời nhất, bên trong có đặt hòm sắc Thần. Vì sắc đã bị thiêu hủy nên năm 1970 ông Hương Cả Nguyễn văn Tám, một cự nho trong làng, tìm xuống lăng Gò Tre xin mượn sắc lệnh Võ Quốc Công sao thỉnh về thờ.

Thành phần Hội Đồng Khánh Tiết xã Tân Thành hiện được tổ chức như sau :

- KẾ HIỀN : Ông Nguyễn Đình Sa (cựu Hương Biện)
- PHÓ KẾ HIỀN : — Trần văn Giáo (cựu Phó Xã)
— Võ văn Chơn (cựu Lý Trưởng)
- CỐ VẤN : — Trịnh văn Bộ (làm ruộng)
— Lâm văn Sáng (buôn bán)
- PHÓ CỐ VẤN : — Trần văn Diệu (làm ruộng)
- HƯƠNG CẢ : — Nguyễn văn Tám (Đông Y sĩ)
- HƯƠNG CHỦ : — Huỳnh văn Giai (làm ruộng)
- PHÓ HƯƠNG CHỦ : — Trịnh văn Thôn (-nt-)
— Nguyễn văn Khôi (-nt-)
— Đào văn Diệu (-nt-)
— Tống viết Nhờ (buôn bán)
- HƯƠNG SƯ : — Nguyễn văn Trương (làm ruộng)
- HƯƠNG TRƯỞNG : — Nguyễn văn Tốt (-nt-)
- HƯƠNG CHÁNH : — Huỳnh văn Bính (-nt-)
- HƯƠNG GIÁO : — Lê Công Giàu (-nt-)
- HƯƠNG QUẢN : — Trương văn Dơi (-nt-)
- HƯƠNG BỘ : — Nguyễn văn Trung (-nt-)

- HƯƠNG THÂN : — Nguyễn văn Thả (làm ruộng)
- THÓN TRƯỞNG : — Nguyễn văn Nhân (-nt-)
- HƯƠNG HÀO : — Ngô văn Chì (Tài xế)
- HƯƠNG KIỂM : — Võ văn Năng (làm ruộng)
- HƯƠNG BIÊN : — Bùi văn La (-nt-)
- HƯƠNG QUAN : — Bùi văn Tua (-nt-)
- CHÁNH BỘ : — Phan văn Dương (-nt-)
- PHÓ BỘ : — Nguyễn văn Bờ (-nt-)
- PHÓ HƯƠNG QUẢN : — Nguyễn văn Hal (-nt-)

Để có đông hơn số phụ việc cúng kiếng, tại mỗi ấp trong xã đều có lập thêm Hội Đồng Khánh Tiết Ấp và thêm vài chức việc khác như Biên Đình, Hương Nhạc, Hương Lễ, Hương Nhứt, Hương Nhì, Hương Ba, Hương Tư...v.v..

Mỗi năm Hội Đồng Khánh Tiết tổ chức cúng Thần vào 3 lệ chánh :

- Lệ Kỳ Yên : 19, 20 tháng 2 âm lịch.
- Lệ Hạ Điền : 16, 17 — 4 (có tông gió)
- Lệ Cầu Bông : 16, 17 — 9

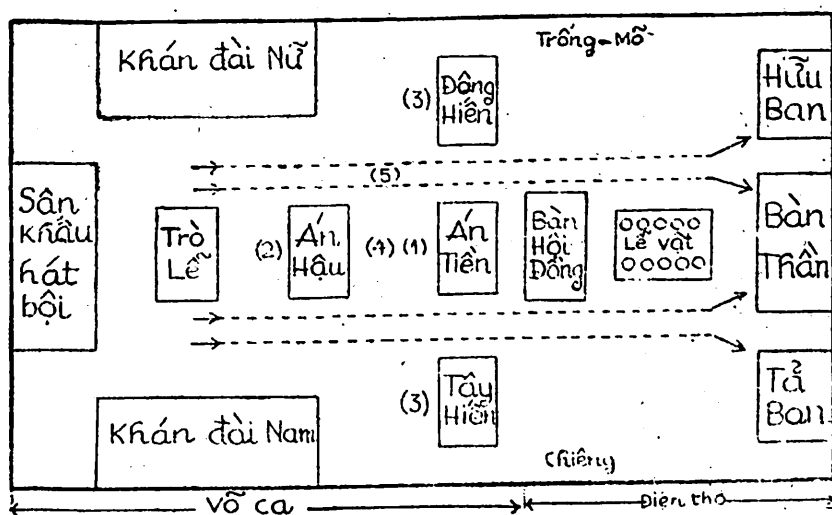
Lệ Kỳ Yên năm nào cũng tổ chức trọng thể theo thời khắc biểu tổng quát như sau :

- Ngày 19-2 : — 07 giờ : cúng ao Bà Thủy (1 heo)
- 12 giờ : cúng Tiên Sư (1 heo)
 - 14 giờ : cúng thỉnh Thần lên ngai
 - 18 giờ : cúng Yết Thần
 - 20 giờ : đại bội xây chầu, gia quan tăn tước.

Ngày 20-2 : — 04 giờ : cúng chánh tề (1 heo)

Mấy năm sau nấy nhờ tình hình tạm yên, việc cúng kiếng đã có phần phục hưng lại. Trong xã có tổ chức sân ban nhạc và trò lễ.

Lệ nào Đồng Niên (Hương Thôn, Thôn Trưởng, Hương Hào) cũng đứng Chánh tề và Bồi tề. Việc sắp xếp các vị trí hành lễ đại khái như sau :



- (1) Vị trí Hương chức Hội Tề, tấn tước, hiến tước.
- (2) Vị trí 3 Đồng Niên, chúc lừ, ẩm phước, thọ tộ.
- (3) Vị trí Hương chức Ngoại.
- (4) Vị trí nhạc nghinh tấu nhạc.
- (5) Vị trí quán tày.

Nghi thức cúng chánh tề được chia làm bốn giai đoạn :

- Thủ tục khai lễ
- Dưng tuần hương

— Dưng 3 tuần rượu

— Dưng tuần trà

Xen vào đó có đọc văn tế lúc dưng xong tuần rượu đầu (sơ) và đốt văn tế lúc dưng trà lễ xong. Văn tế có đoạn kể công nghiệp Thần như sau :

• QUYẾT KẾ TÙNG THÀNH, THI TÂM ĐỊCH KHẢI. TRÍ

決計從成施心敵慨智
TỖ DƯƠNG NGHI, DƯNG TÊ PHÂN KHOÁI — NGHĨA

比楊儀勇齊樊噲義

KỠ SƠ KHỞI TAM QUÂN HÂN CHẤN TRẬP CHI
旗初起三軍掀震蛰之
THẦN. VÔ DUY DƯƠNG NHỨT MẠNG THỐNG CHƯ

神武維揚壹命統諸
DOANH CHI NGHĨA — THIÊN TÂM CŨNG CHIẾU ĐƠN

營之義天心拱照單
THÂN PHÁ LŨY DI THỪA DUNG. QUỐC TỘ SỬ NHIÊN

身破壘以乘墉國祚使然
TỔ CHÍ PHÂN THÀNH NHI THIÊU TRẠI — HỒN TÙY

素志樊城而燒寨魂隨
HỒNG NHỰT THIÊN THU PHƯƠNG CHÚC DU TÒN —

紅日千秋芳燭猶存

PHÁCH HÓA HÀM VÂN VẠN CỔ HÌNH DANH THƯỢNG

魄化函雲萬古馨名尚

TẠI

在

Thứ tự cúng Thần được sắp xếp như sau :
Kê Hiến, Hương Cãi, Hương Chủ nguyện cúng trước. Sau đó viên chức chánh quyền cúng rồi tới hương chức Khánh Tiết Nội Ngoại theo thứ tự từ chức lớn đến chức nhỏ, kế sau mới tới dân chúng.

Sau đây là các chi tiết chấp sự xướng khi cúng chánh tề, phần giải thích là các cử động phối hợp của Trò lễ, Chánh tề, Bồi tề và các hương chức dự cúng :

THỦ TỤC KHAI LỄ.

BÀI TỰU TỰU TỀ : Tất cả mọi người tề tự lại.

TRÀNG ÁP HẦU : Các đào hát bội ra hầu Thần

CỦ SOÁT TẾ VẬT : Cầm đèn đi kiểm soát các lễ vật trình cúng.

Ế MAO HUYẾT : Dem chôn chén lông và huyết con vật tế.

CHẤP SỰ GIẢ CÁC TƯ KỲ SỰ : Ai giữ việc nào thì lo việc nấy. Ba viên chức thủ mô, chiêm, trống ra bái Thần trước hương án.

KÍCH PHÁT : Động 3 hồi mõ.

KHỞI CHINH CỒ : Đánh 3 hồi chiêng, trống.

NHẠC SANH KHỞI NHẠC : ban nhạc lễ đánh nhạc

NGHÊ QUÁN TÂY SỞ : Đi đến chỗ rửa tay.

QUÁN TÂY : Rửa sạch

THUẾ CẦN : Lấy khăn lau tay.

TIỀN YẾT : ông Kế Hiền, Hương Cả, Hương Chủ đến trước án tiền.

NGUYỄN HƯƠNG Chắp sự trao cho Hương Cả 3 cây hương, Hương Cả nguyện hương.

THƯỢNG HƯƠNG : Chắp sự cắm hương lên bàn thờ.

CHÁNH TẾ TỰU VỊ : Chánh tế đến vị trí hành lễ.

BỒI TẾ TỰU VỊ : 2 Bồi tế đến vị trí hành lễ.

ĐÔNG HIẾN, TÂY HIẾN TỰU VỊ : Các hương chức Ngoại Hội Tề đến 2 bên Tá Ban, Hữu Ban.

KHỞI TUẦN HƯƠNG :

NGHỆ HƯƠNG ÁN TIỀN : Chánh tế và Bồi tế tiến vào án hậu, Trò lễ diện tộ trầm hương đến án hậu

GIAI QUY : Chánh Tế, Bồi Tế quỳ xuống.

NIỆM HƯƠNG : Cắm cục trầm nguyện.

PHẦN HƯƠNG : Đề trầm hương vào tộ và đốt.

THƯỢNG HƯƠNG : Trò lễ đem dung tộ hương lên bàn thờ Thần.

PHỦ PHỤC – HƯNG BÁI : Hưng đứng lên, Bái lạy xuống (2 lạy).

NHẠC SANH TỰU VỊ : ban nhạc lễ bày ra trước án tiền

TẤU NHẠC : đánh nhạc.

NGHINH THẦN : đánh chiêng trống từng chập 3 tiếng.

TIẾN YÊN HỎA : đốt pháo

CÚC CUNG BÁI : khom xuống lạy Thần.

HƯNG BÁI : lạy 4 lạy

HƯNG BÌNH THẦN : đứng lên

THỐI KHƯỞC : Chánh tế, Bồi tế xá và bước ra.

VIÊN QUAN, HƯƠNG CHÚC ĐỒNG TỰU BÁI Chánh
quyền và Hương chúc Nội
đến án tiền.

CÚC CUNG BÁI : khom xuống lạy Thần.

HƯNG BÁI : lạy 4 lạy.

HƯNG BÌNH THẦN

PHỤC VỊ : Chánh tế, Bồi tế trở về án hậu.

KHỜI TUẦN RƯỢU :

HÀNH SƠ HIỆN LỄ : dựng rượu lễ Thần lần đầu.

NGHỆ TỬU TÓN SỞ -

TỬ TÓN GIÁCỬ MỊCH : Trò lễ đến chỗ án rượu cầm ve rượu.

GAJ QUỲ CHƯỞC TỬU : rót rượu

NGHỆ TÓN THẦN VỊ TIỀN : Chánh tế tiến lên án tiền.

GAJ QUỲ

TẤN TƯỞC : Trò lễ mang dĩa rượu đến quỳ một bên, Chánh
tế quỳ bưng ly rượu ngang trán khấn nguyện.

HIỂN TƯỞC : Chánh tế đặt ly rượu vô đĩa và Trò lễ diện
lên bàn thần.

PHỦ PHỤC – HƯNG BÁI : lạy Thần 2 lạy.

HƯNG BÌNH THÂN

NGHỆ ĐỘC CHÚC VỊ : đến chỗ đọc văn tế.

GIAI QUY

CHUYỀN CHÚC : Trò lễ cầm bản văn, cầm đèn và đọc văn tế Thần.

PHỦ PHỤC – HƯNG BÁI : lạy Thần 2 lạy.

HƯNG BÌNH THÂN

PHỤC VỊ : Chánh tế lui về án hậu.

HÀNH Á HIỂN LỄ : Dưng rượu lễ Thần lần thứ nhì.

(thủ tục như lần đầu,
không có đọc chúc văn)

HÀNH CHUNG HIỂN LỄ : Dưng rượu lễ Thần lần cuối.

(thủ tục như lần nhì)

THẦN TỬ PHƯỚC TỘ : 2 Trò lễ đến bàn Thần bưng ly rượu và đĩa thịt Thần ban, thỉnh xuống án hậu.

NGHỆ ẨM PHƯỚC VỊ : Chánh tế, Bồi tế đến chỗ uống rượu Thần ban.

GIAI QUY

ẨM PHƯỚC : Chánh tế, Bồi tế bưng ly rượu vái xá rồi lấy tay áo che miệng uống một hơi cho đến hết.

THỌ TỘ : Chánh tế nhận miếng thịt tế Thần ban.

PHỦ PHỤC – HƯNG BÁI : lạy Thần 2 lạy.

HƯNG BÌNH THÂN : đứng lên.

PHỤC VỤ : Chánh tế, Bồi tế trở vô án hậu.

KHỞI TUẦN TRÀ :

GIẢI QUY ĐIỀM TRÀ quỳ xuống rót trà lễ Thần.

TẠ THẦN CÚC CUNG BÁI : lạy tạ Thần 4 lạy.

PHẦN CHÚC . đốt văn tế

LỄ THÀNH : Trò lễ và các Chấp sự vô lạy tạ Thần.

Hồi mõ chiêng trống chấm dứt.

oOo

Lễ cúng năm nào tổ chức lớn thì rước hát bội về xây chầu. Ban hát diễn tuồng vào buổi sáng và tối ngày 20 tháng 2. Ngày 21 hát bắt qua màn « Tôn vương » thì mãn.

Bà con trong làng rất tin tưởng sự che chở bảo bọc của Thần linh. Gặp vận xui xẻo dân làng thường đèn đình van vái khấn nguyện và khi ứng hiệu họ mua sắm lễ vật, đồ chưng dọn đèn tạ ơn.

Khoảng năm 1940, có sò bà con ấp Chợ bị Tây bắt dẫn đi, theo lời thuật lại thì vào một đêm họ Thần Võ hiện về an ủi và hứa bữa sau sẽ thả cho về. Đêm điểm mộng dân chúng bàn tán và quả ứng linh thật nên ai cũng nể sợ oai

linh của Thần, bèn chung góp công của cắt thêm một miếu thờ nữa cách đình trung hơn cây sỏ và thành lập hội xóm lo việc phụng thờ.

Đó là Lăng Ông của Hiệp Thành Hội.



LĂNG ÔNG HIỆP THÀNH HỘI XÃ TÂN-THÀNH

1- CƠ SỞ

VỊ TRÍ

ĐẤT MÌU

LÀM LỊCH

1. Ấp Chợ, xã Tân Thành, quận
Hải Lạc (Gò Công).

2. Lăng Ông Võ Tánh

Đầu tiên, Ông Cai Tổng Ngô
Văn Triệu lập ngôi thờ Võ
Quốc Công tại tư gia, hằng
năm dân chúng tế tự che rạp
cúng mở lễ rước.

Năm 1940, một số người
trong xóm bị Tây bắt sau được
thả ra đem lòng tin tưởng và
lập miếu thờ.

Năm 1973, Hội đồng hương
ở Hải Lạc về quê xây dựng

lăng Ông Võ Tánh

Đầu tiên, Ông Cai Tổng Ngô
Văn Triệu lập ngôi thờ Võ



VÀI NÉT PHÁC HỌA TỔNG QUÁT

I. - CƠ SỞ

VỊ TRÍ : Ấp Chợ, xã Tân Thành, quận Hòa Lạc (Gò Công).

DANH HIỆU : Lăng Ông Võ Tánh.

LAI LỊCH : Đầu tiên, Ông Cai Tổng Ngô văn Triệu lập ngai thờ Võ Quốc Công tại tư gia, hằng năm dân chúng tề tựu che rạp cúng ngoài ruộng.

Năm 1940, một số người trong xóm bị Tây bắt sau được thả ra đem lòng tin tưởng và lập miếu thờ.

Năm 1973, Hội tu sửa lăng với ngân khoản nhận dân đóng góp là 366.920\$00.

HIỆN TRẠNG : — Kiến trúc : vách tường gạch, mái lợp fibrociment, nền đất, gồm một gian nhà thờ và nhà võ ca. Kích thước 9m x 18m. Nơi võ ca có xây sân khấu hát bội.

— Tài sản : Có một mẫu ruộng của gia đình ông Cai Tổng hiến tặng.

— Chứng dọn : Bên trong nhà thờ có bàn thờ Võ Quốc Công, Tả Ban Hữu Ban, Tiễn vãng Bốn Hựu và bàn thờ Tiễn Hiến.

II. — TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH

DANH HIỆU : Hiệp Thành Hội gồm có : Ban Quản Trị Nam, Ban Quản Trị Nữ, Ban Cờ Ván, Ban Tiếp tân, Ban Khánh Tiết, Ban Tổ Chức, Ban Tiếp Tân, Ban Ban Trật Tự và Ban Ánh Sáng.

THỜ PHƯỢNG: Thần đình làng Tân Thành (Võ Quốc Công).

HỘI VIÊN : chừng 50 hội viên trong xóm.

LỆ CÚNG : Hạ điền : ngày 15, 16 tháng 2 âm lịch (lớn).

Cầu Bông: ngày 15, 16 tháng 9 âm lịch (nhỏ).

Cúng phụ: — mừng 5 tháng 5

— Tam Nguyên Tứ Quý

— Tết Nguyên Đán

III. — DƯ LUẬN LINH THIÊNG

— Võ Quốc Công hiện về mách cho ông Tư Nửa và ông Năm Tòng biết ngày hôm sau sẽ được Tây thả tự do. Việc này ứng nghiệm.

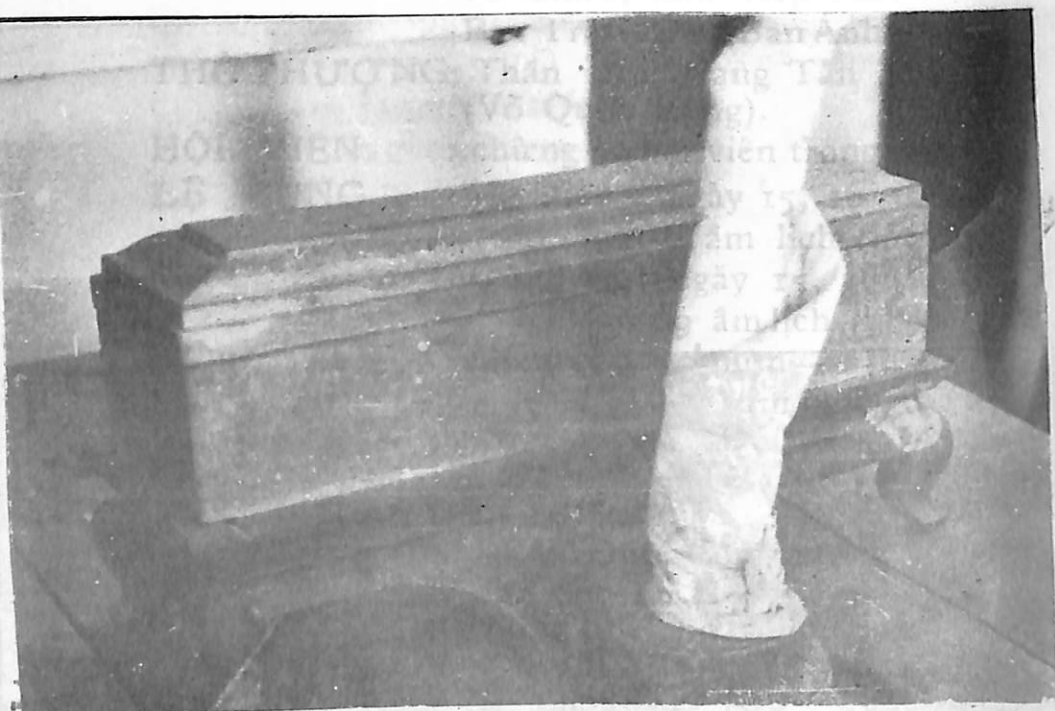
— Ông Hai Tồ nuôi vịt Tàu dọn chỗ ngủ bừa bãi trong lãng bị Võ Quốc Công quở.

— Võ Quốc Công phò hộ cho ấp an cư, tránh được mọi tai nạn chiến tranh.

CHÙA ÔNG XÃ VĨNH-VIỄN



Trạch, Hương Sơ Hồ và Nhân, Hương Sơ
Hóa và Đền năm 1951, nay đến nhà cổ rỗng



Hòm Sắc và ÔNG CỜ

ĐỀN xã Vĩnh Viễn hỏi chùa Ông thì ai cũng biết. Nghe qua có người tưởng đó là một ngôi chùa Phật, cũng có người lầm nơi có thờ Quan Thánh Đê Quân. Mà chính dân địa phương cũng vậy.

Một lớn hiệu thờ thờ về đẳng linh thiêng mà họ đang sùng phụng. Lời quen gọi «*chùa*» chớ thật nơi đó thờ Hậu Quân Võ Tánh. Sau khi Hậu Quân tuấn tiết tại thành Bình Định (1801), dân địa phương nhớ ơn thành lập hội và tổ chức cúng giỗ hằng năm.

Thoạt đầu, chùa cất bằng am lá nhỏ bên cạnh có vết một cái ao để lấy đất đắp nền. Ao nầy nay thành khoảnh, cây to bóng mát, nước trong xanh. Dân chúng cả vùng đền lấy nước về xài.

Nơi đó người địa phương kêu là xóm Bối Điển, xưa thuộc ấp Hựu Thạnh, xã Vĩnh Hựu, hiện còn lưu vết tích tấm khuôn biển treo trước cửa để 3 chữ nho «HUY THẠNH TỰ» (xã Vĩnh Viễn trước kia là một phần của làng Vĩnh Hựu tách ra từ năm 1916).

Hội Chùa Ông lúc đó do ông Hương Nhì Hội làm Hội Trưởng và các ông Hương Chánh Trạch, Hương Sư Hổ văn Thân, Hương Giáo Hóa..v.v.. Đền năm 1931, mây điển chủ có ruộng

gần chùa nhứt là các bá hộ giàu có gia nhập hội. Ông Huyện Hiền, ông Chánh Cầu, ông Trưởng Nguyệt, ông Bảo Huân, ông Hộ Quý ở làng Vĩnh Thạnh, ông Hương Trợ Nguyễn văn Bôi, Hương Cả Nguyễn văn Phò làng Vĩnh Hựu... Họ rất tích cực tề lễ và đóng góp tiền bạc chỉnh trang chùa lại lợp ngói, vách đóng bổ kho. Khi công tác chỉnh trang hoàn thành hội rước hát bội về xây chầu suốt 3 ngày. Vì chật hẹp nên bạn hát phải đồn cây che sàn làm buống hậu ngay trên mặt ao. Bọn hát xả rác rưởi vụn vít phóng uế dơ bẩn khắp ao. Ai cũng bắt bình rồi chẳng bao lâu hội rạn nứt và tan rã. Có người kể lại trong mấy buổi hát ông Hương Trưởng Nguyệt cầm chầu chẳng biết đánh làm sao đèn nổi lũng trông làm điểm hiệu chẳng lành.

Nhận thấy không ai tha thiết góp tay, người cò cựu thì già yếu nên ông Nhì Hội và ông Giáo Hóa mới giao lại cho làng trông coi. Từ đó làng Vĩnh Viễn tiếp tục tổ chức cúng lễ hàng năm tại chùa và cứ Từ trông nom dọn dẹp. Ông Từ lãnh lương tháng của công nho làng. Ít lâu sau, để tiện việc cúng kiếng, ông Hương Cả Đỗ Tần Phùng bàn với các thân hào nhân sĩ thỉnh hòm sắc Ông đem về thờ ở nhà việc làng.

Vì không ai để ý coi sóc, chùa Ông ngày càng hư tệ. Đồng bào trong xóm nhứt là các cụ

lớn tuổi thầy vậy mới nảy ra ý muốn tu bổ. Họ tự động chung góp tiền để lợp thành một căn nhà lá nhỏ. Từ đó các kỳ lão trong xóm muốn thỉnh sắc Ông trở về thờ tại Chùa. Làng có vẻ không đồng ý. Về sau, ông Cả Nhơn cho phép trong xóm tới lệ tổ chức cúng riêng ở chùa, nhưng phải chờ làng cúng trên nhà việc xong rồi thì dưới xóm mới được cúng. Sắc Ông vẫn để tại nhà việc. Trong thời gian này, nhiều khi sốt sắng dân dọn cúng trước nên bị làng gọi đền rầy rà, quở trách...

Thời cuộc chiến tranh tứ tán, việc cúng kiền ngưng trệ và chùa Ông cũng lần hồi mục đồ xiêu vẹo. Mãi đến năm 1970, khi bình định an ninh xong xã Vĩnh Viễn, nhờ chánh quyền lưu tâm, chùa Ông được kiền thiết lại. Đồng bào đóng góp chung đậu được 112.170\$, chánh phủ cho 160 cây sắt, 70 bao xi măng và 35 tấm tôle. Cũng bởi mang danh «chùa» mà ông Tỉnh Trưởng lúc bấy giờ khi đền xã duyệt xét hiệu lăm định bác bỏ dự án vì lý do... «tôn giáo».

Đi trên bờ xe Chánh Chấn vào ấp Vĩnh An nhìn qua hướng trái chừng 800 thước, khách sẽ thấy có vuông cây um tùm giữa cánh đồng ruộng mênh mông, gặp lúc trời có nắng, ánh sáng mái tôle phản chiếu lấp lánh. Ở đó là chùa thờ ông Hậu.

Trời khô có thể đi xe Jeep. Trời mưa thì phải đi bộ suốt khoảng lộ đất hơn cây sò.

Xung quanh chùa cây to bóng mát. Những tàn cổ thụ cao ngất ngều, nào me tây, lim, sao, bàng... Những cây già lâu đời rễ bỏ thòng xuống mặt ao để đỡ cái bọt. Người ta nói xưa trong bọt giữa đó có cặp rắn rất lớn thường bò ra vào các ngày cúng.

Mặt ao phẳng lặng. Nước ao trong xanh. Thịnh thoảng có con cá trời lên đớp mỗi làm thành gợn sóng tràn lang. Cơn gió đông thổi lồng lộng lùa qua mây hàng cây. Tiếng gió rì rào...

Chùa vốn đền có một căn chánh điện và võ ca. Chánh điện lợp thiếc vún. Thứ tôle phản nhiệt của viện trợ. Bồn cây cột xi măng cao nghêu chỏi mái thiếc bát dấn. Nói là cao bởi vì tương đối xung quanh bồn bể hơi hẹp.

Giữa chánh điện đặt chiếc long đình. Trước long đình có kê một bàn dài. Thường trong các ngày lễ bá tánh bày lễ vật cúng Ông trên đó. Sau long đình là bàn thờ Võ Quốc Công, hai bên thờ Tá Ban Hữu Ban. Thầy hai bàn đầu sát vách tường có dán nhiều câu liễn giấy hồng đơn, tôi nhìn tò mò chăm chú, ông Hội Trưởng chột hiệu ý vọt giải thích cho tôi: *«bên bên phải thờ Bà Chúa Xứ, còn bên kia thờ Bà Thủy Long. Nhờ hai Bà coi sóc mà nước ao sạch sẽ luôn»*.

Ông Hội Trưởng quay lại chỉ bên trong long đình và giới thiệu cho tôi xem *«Ông Cờ»*. Theo

lời người hiểu chuyện thì Ông Cờ là một khúc mây dài chừng 3 tấc dính đứng trên cái ngai bằng gỗ tiện. Khắp Ông Cờ đều quấn bít bằng vải ta trắng. Người ta tin rằng lúc sanh tiền Ông chỉ mặc toàn 'vải ta' nên xác Ông nay cũng phải vậy. Kề Ông Cờ có một hòm sắc dài chừng 4 tấc sơn đỏ sậm màu.

Phía sau long đình là bàn thờ có để 3 chữ nho « Võ Quốc Công » sơn son thếp vàng và đôi liễn :

TÀ DỤC TRUNG HUNG CÔNG ĐỆ NHỨT.

ANH HÙNG TAM LIỆT VỊ CƯ TÔN.

佐翼中興功第壹
英雄三烈位居尊

Vì thời cuộc chiến tranh, tổ chức chùa Ông chưa phát triển. Hiện số hội viên không đầy 30 người nam nữ ngụ nội ấp Vĩnh An. Ban Quản Trị cũng chỉ vồn vẹn có một ông Hội Trưởng và chức vụ Thủ Bồn. Tình hình bất an cũng làm cho nghi thức tề lễ bị hạn chế nhiều, thành thử các chức vụ đặt để ra cho có mà không việc thì cũng chẳng cần có làm gì. Chính vì vậy, quanh đi quẩn lại mọi công việc rồi cũng chỉ quy cho ông Hội Trưởng.

Thật ra cũng có nhiều thân hào nhân sĩ trong xóm rất nhiệt tình với việc của hội. Họ hăng hái góp sức trong các ngày lễ cúng. Cái khó

một phần cũng tại dân mình sẵn lòng làm việc nghĩa nhưng ngại ngại lãnh «chức sắc» trách nhiệm phiền toái.

Do đó, bà con trong xóm hằng năm chia luân phiên nhau làm Thủ Bồn. Ba gia đình lãnh Thủ Bồn trong một năm. Người Thủ Bồn mỗi ngày đèn chùa đốt nhang (mỗi người đốt 4 thán), làm cỗ, dọn dẹp... Tới ngày cúng lễ, Thủ Bồn phụ trách việc đi chợ mua sắm đồ vật cúng kiển. Việc phân phiên Thủ Bồn thường phải có đàn ông đàn bà để tiện việc nấu nướng, chợ búa... Công việc của người Thủ Bồn chỉ bề bộn trong các ngày cúng mà thôi.

Trước kia bà con trong hội có sao bằng sắc Ông để thờ trong chùa. Nhưng thời cuộc chiến tranh đã hư rách, thất lạc. Dân bốn xóm rất trọng hòm sắc trong long đình. Nhiều huyền thoại linh thiêng như rằng trong đó có đựng đốt xương ngón tay của Võ Quốc Công (?). Kỳ thật suốt mấy mươi năm qua trong hội chẳng ai dám mở ra xem. Ai cũng tin rằng hễ người nào mở hòm sắc ra xem không những người đó gặp tai họa mà dân chúng trong xóm cũng bị bệnh hoạn xào xáo, gia súc hao động...

Đến năm 1973, qua một buổi lễ long trọng, đồng bào địa phương thỉnh về một bản sao bằng sắc mới và đắp tượng thần mã thờ tại chùa.

Hằng năm hội cúng 2 lễ chánh và các lệ phụ vào ngày mùng 5 tháng 5, rằm Tam nguyên và cuối năm rước Ông vào tối 30 Tết .

Hai lễ chánh tổ chức vào ngày 20, 21 tháng giêng và 26, 27 tháng 5 âm lịch. Lễ tháng 5 kỷ giỗ kỷ niệm ngày Quan Hậu tử tiết. Còn lễ Cầu An tháng giêng thì có người bảo ngày đó kỷ niệm tiền đưa Quan Hậu Quân rời Gò Công lên đường phò tá Nguyễn Vương, lại có người cho rằng có lẽ đó là ngày vía sanh của Ông (?).

Lễ giêng năm nào cũng tổ chức linh đình. Bà con trong xóm tùy giàu nghèo mà đâu đâu 5, 3 trăm đồng để cúng kiếng và vui chơi suốt cả ngày. Cúng chánh tề lúc 4 giờ khuya đầy đủ nghi thức lễ nhạc. Ánh đèn cây lung linh, hương trầm nghi ngút, tiếng trống tiếng mõ gõ từng chập... Sáng lại khách viếng đông đảo ồn ào. Cứ như vậy dài ăn suốt từ sáng đến chiều. Ngoài ra năm nào cũng có thỉnh thầy pháp về làm lễ Tòng Gió đưa tàu âm binh tới ranh xã thì đột.

Chùa Ông rất hiển linh. Cái khung cảnh cây to bóng mát đã tự nhiên có vẻ linh thiêng. Kẻ yêu bóng vía không dám lai vãng mấy khi vắng vẻ.

Đồng bào thường bàn tán...

Có lần Ban Hội Tế làng Vĩnh Viễn định thỉnh đồ đạc của chùa về nhà việc. Ông Hương

Thân Nhuận được ông Cả Nhơn lệnh cho xuống chùa thu xếp việc nầy. Đến nơi y theo lời, ông Thân Nhuận bắt thang leo lên gõ khuôn biển thờ. Không ngờ vừa mới gõ xuống thì bị xây xắm choáng váng mặt mày. Ai nấy đều sững sờ khi thấy mặt và cổ ông Hương Thân tự rụng sừng phù một cách kỳ lạ. Người ta xúm lại xem và ai cũng tin rằng Quan Hậu Quân không đồng ý nên khi ông Hương Thân làm càn mới bị Quan Hậu quở bẻ cổ. Sau phải làm lễ nhang đèn lạy tạ mới khỏi. Từ đó về sau làng tin sợ và không ai còn dám đi tản hay phá tán đồ đạc của chùa nữa.

HẦU ÔNG CỜ : Đền chùa Ông ai cũng nghe kể qua chuyện hầu Ông Cờ.

Tương truyền xưa có người trong xóm nhập xác lên đồng chỉ dạy nhiều điều cho bá tánh. Vị khuất mặt ấy dân chúng gọi là Ông Cờ. Thường khi xác nhập lên xưng danh như vậy. Được biết Ông Cờ là một thuộc binh của Quan Hậu đã liều mình thác theo cùng Quan Hậu khi Ngài tử tiết. Từ lâu theo lời dạy của người khuất mặt dân địa phương đã tạc thần tượng thờ trong chùa. Tượng Ông Cờ là một khúc gỗ linh cao chừng 3 tấc quần bát bằng vải ta trắng đặt trên cái ngai bằng gỗ mun tiện tròn. Có thời gian tượng Ông Cờ bị đánh cắp. Ông Cờ nhập xác chỉ hướng cho dân chúng phải đi tìm. Xác nói rằng Ông Cờ đã bị tui thấy pháp thầy linh ăn cắp thỉnh

đem đi nhưng Ông Cờ không chịu ở đó đòi trở về chùa. Ít lâu sau người ta thấy tượng Ông Cờ trở về chùa y chỗ cũ mà không ai biết Ông Cờ đã về hồi nào.

Những xác Ông Cờ như ông Năm Được, ông Tám Viễn, ông Tưng... v.v.. Mấy người này nay đã chết. Gần đây có kẻ giả bộ lên Ông Cờ. Bà con trong xóm kể lại có trường hợp « Ông Cờ giả » bị nhiều anh em trẻ rần mắt « thử » bằng cách lấy tàn thuốc cháy châm vào xác, « Ông Cờ giả » phỏng đau tức giận chửi rửa um xum, làm thành giai thoại cho bà con truyền tụng.

Ai muốn hầu Ông Cờ thì phải tìm thỉnh xác đèn chùa. Sau khi nhang đèn khăn vái, xác Ông Cờ cầm tượng Ông Cờ trên tay quay vòng tròn nhiều lần, miệng ngáp ngáp. Tùy theo chuyện, người đi hầu Ông Cờ cứ khăn vái lâm râm... đèn khi nào Ông Cờ nhập vào xác rồi thì hỏi thăm để xin Ông Cờ chỉ dạy và Ông Cờ sẽ trả lời. Theo lời nói lại, Ông Cờ không chịu coi cho việc mát mát tiền bạc mà chỉ trị bệnh dùm cho bá tánh. Có khi Ông Cờ truyền phép cho người bệnh cắt lấy một miếng áo Ông Cờ (vải ta trắng quần trùm thần tượng) đem về đốt uông. Phép đó được nhiều người tin tưởng cho là linh hiệu.

Người đi hầu Ông Cờ không tốn tiền bạc chi cả, chỉ đem theo nhang đèn vàng bạc và lễ

vật như rượu trà bánh trái đèn trình cúng. Xác Ông Cờ sẽ ăn bánh, uống trà tại chỗ. Có người thuật lại nêu ai «hỗn» đem cúng bánh cũ không ngon Ông Cờ quăng liệng tứ tung!

Khi lên, Ông Cờ có nhiều phép lạ như bước ngang hàng rào chùa như chơi. Có kỳ sửa mái chùa, vì sườn rui yếu không ai dám leo lên tức thì xác Ông Cờ nhảy lên ngồi thị thiển cho bà con. Quả thật không có tai nạn gì xảy ra. Sự kiện nầy cũng như vụ Ông Cờ ngồi trên ván. Theo lời nói lại xưa trong chùa có một bộ ván hư mục nhúc nhích nhẹ là có thể sập đổ nhưng Ông Cờ không cho đẹp. Khi nhập xác, Ông Cờ nhảy thót lên ngồi trên ván giậm rầm rầm mà không hề hấn gì. Bộ ván đó chỉ dành cho Ông Cờ ngồi mà thôi.

Chuyện kỳ quặc vừa kể cũng như việc xác Ông Cờ khi nhập rồi có thể từ trên nóc nhà nhảy thót vào kệ chén đĩa. Chén đĩa không hư bể cái nào và xác Ông Cờ cũng chẳng sao. Đám đông người đèn điện kiên vô cùng kinh ngạc và thêm lòng tin tưởng.

Hiện linh nhất là chuyện Ông Cờ chỉ giúp tai biến trong gia đình ông Cả K. làng Vĩnh Lợi (nay là xã Vĩnh Bình).

Nguyên ông Hương Cả có người con thứ bảy vừa lên 5 tuổi. Bữa nọ cả nhà đều đi vắng, bà Cả nằm chỗ không ra ngoài được. Vì không

ai giữ nên cô bé chạy lăm đăm theo người làm vườn tên Tám Đồ ra sau vườn chơi. Thấy trên cổ cô bé có mang cây kiếng vàng, tên làm vườn động lòng tham bèn giựt lấy cây kiếng rồi vặn cổ cô bé đến chết đem phi tang trong bụi rậm. Thi hành xong y bỏ đi mất. Hôm đó ngày mùng 7 tháng 2 năm Giáp Dần (1914).

Khi người lớn về kiểm mãi suốt ngày mà không được nên ông Cả mới vào chùa khấn hầu Ông Cờ. Ông Cờ chỉ rõ tự sự đồng thời cho biết tên gian sau khi thủ tiêu xác cô bé liền đem cây kiếng bán ở chợ hướng Đông và đang tròn về hướng Bắc. Y lời, Ông Cả cho người nhà bỏ rập tìm phía sau vườn thì quả gặp xác con gái bị nhét nằm vắt trên bấp lá trong bụi rậm sinh chương! Dò la hỏi thăm ông Cả nhìn ra được cái kiếng của con mình trong tiệm cầm đồ ở chợ Gò Công, người chủ tiệm cầm đồ nhận như vậy. Sau tên Tám Đồ cũng bị bắt ở chợ Rạch Lá (chợ Dinh, Đồng Sơn).

Thầy sự hiện linh như vậy, ông Hương Cả bèn mua tấm biển thờ để 3 chữ «ĐỨC LƯU PHƯƠNG» cùng lễ vật vào cúng tạ ơn. Hiện tấm biển nầy còn treo phía trên bàn thờ Võ Quốc Công tại chùa Ông và gia đình có lập miếu thờ, người trong xóm gọi là «miếu Cô Bảy» tại ấp Hạ, xã Vĩnh Bình.

Dân chúng địa phương ai cũng kính trọng và nể vì oai linh của chùa Ông. Cửa chùa

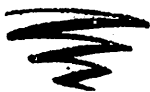
không khóa nhưng chẳng ai dám đèn phá phách.
Nhiều người Thủ Bồn yều bóng vía không dám
đi một mình đèn đột nhang nều lữ vào chập tối.

Nhơn dịp viếng chùa, tác giả có bài thơ
vịnh rằng :

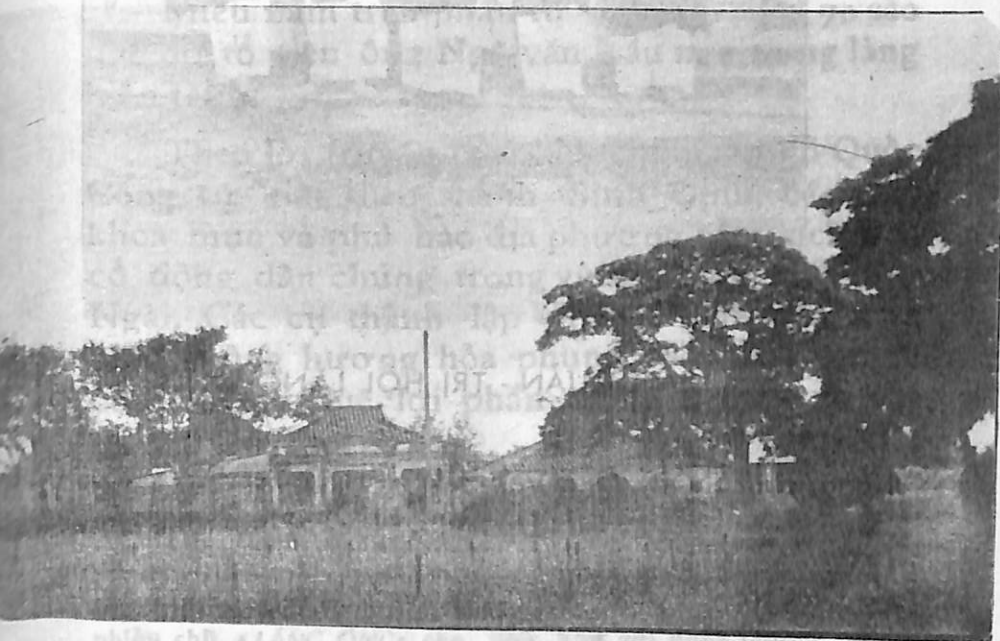
« Nghe danh đồn dải xóm Chùa Ông,
Đến viếng thăm qua thỏa ước mong.
Sừng sừng giữa đồng, cây rợp bóng,
Nghiêng nghiêng lồng đáy, nước xanh trong.
Tổng Tướng hùng ạnh xuôi vạn nẻo,
Hậu Công rạng rỡ khắp non sông.
Mới hay trời đất đã nhơn sự,
Sống với trăng sao chỉ tấm lòng. »

Nhơn đó, Dật sĩ Thầu Lư Tử, một bạn
thơ có họa lại rằng :

« Gợi chùa chưa đúng thật Dinh Ông,
Hư thực xem qua thỏa ước mong
Mái thiếc vươn mình, nương bóng mát,
Cá thiêng ần dáng gợn ao trong.
Hậu Quân hỏa tậ vì dân chúa,
Tổng Tướng danh truyền rạng núi sông.
Hưng phế thịnh suy do quốc vận.
Nghìn thu sòn sắt chẳng phai lòng. »



VÕ QUỐC CÔNG MIẾU TẠI XÃ LONG THUẬN





BAN QUẢN - TRỊ HỘI LÃNG ÔNG

Từ trái sang phải :

Hàng trước : Quý Ông Võ-văn-Kỹ, Trần-văn-Ba, Ngô-văn-Sâm,
Trần-văn-Nghè, Phan-văn-Tự.

Hàng giữa : Quý Ông Lê - văn - Dục, Nguyễn-văn-Năm, Đào
Thanh-Xuân, Ngô-văn Nhiều.

Hàng sau : Quý Ông Đào-văn-Điều, Võ-văn-Lộc, Đào-văn-K
Lê-văn-Hai.

VỖ Quốc Công Miếu tại ấp Lăng Ông, xã Long Thuận, nằm cách tỉnh thành Gò Công chừng một cây sò. Nơi nầy còn gọi là xóm Nhà Thờ vì xưa có gian nhà thờ đồ sộ của gia đình tiền họ Ngô. Thuở trước khu nầy thuộc vùng Gò Tre, sau chánh quyền sáp nhập một phần ấp Cầu Huyện và làng trên của Gò Tre lập thành ấp Lăng Ông (1963). Lăng Ông lấy theo địa danh miếu thờ Võ Quốc Công vì dân địa phương quen gọi miếu là Lăng Ông (1).

Miếu nằm trên phần tư điển khoảng 70 sào đất do tổ tiên ông Ngô văn Lầu ngụ trong làng hiến tặng.

Theo lời truyền, sau khi rõ chuyện Võ Quốc Công tử tiết theo thành Bình Định, các nhà khoa mục và phú hào địa phương cảm kích nên cổ động dân chúng trong vùng dựng miếu thờ Ngài. Các cụ thành lập «Tập Nghĩa Hội» và hiến ruộng hương hỏa phụng thờ. Hiện miếu còn hưởng huê lợi phần ruộng 1 mẫu 70 sào tại ấp Gò Tre.

(1) Danh từ «LĂNG ÔNG» kém chính xác vì «LĂNG» dùng gọi mồ mả vua chúa hoặc các bậc đại thần, trong khi ở đây không có mồ mả Võ Quốc Công. Trong sách này có dùng nhiều chữ «LĂNG ÔNG» cho phù hợp với danh thường gọi tại địa phương mà thôi.

Đến năm 1916, Tập Nghĩa Hội được cấp giấy phép hoạt động và phát triển mạnh nhờ 2 vị kỳ lão là cựu Phó Tổng Võ văn Hườn và ông Hội Đồng Địa Hạt Trần văn Quảng.

Thuở đầu, miếu Võ Quốc Công cất tại vị trí căn nhà lợp tôle phía bên trái bây giờ. Trước miếu có võ ca, kê bên phải là nhà khách dùng đãi tiệc. Trong miếu thờ Võ Quốc Công, nhà khách thờ Bà Cô, Tiên vãng Hậu vãng... Ngoài sân thuở ấy có một cây da cổ thụ tàn lá xum xuê.

Đến năm 1956, Tỉnh xuất công quỹ 120.000\$ chỉnh trang lại khu vực phía bên phải lúc bấy giờ sẵn có ngôi miếu Điện, để xây cất thành căn miếu thờ Võ Quốc Công khang trang hơn, trước mặt tiền phụng để mấy câu liên khắc bằng chữ quốc ngữ sau đây :

— TÂN HÒA HUYỆN BẢO DÂN, VẠN THẮNG TRẦN CHÍ
KIM LƯU CHÁNH KHÍ.

BẢNG ĐỊNH THÀNH HOÀN TIẾT, BÁT GIÁC LẦU TỰ
CỒ HIỀN TRUNG ÂM

— KỶ LÂN TIẾT THIÊN THU DANH BÔNG NHỰT
KHÔNG TƯỚC THÀNH VẠN CỒ NGHĨA THAM THIÊN

Sau khi chỉnh trang, khu Võ Miếu gồm 3 dãy : nhà thờ Võ Quốc Công bên phải, nhà thờ Bà Cô lợp tôle bên trái, giữa là gian nhà khách. Từ năm 1964, vì nhu cầu an ninh, cơ quan quân sự mượn căn nhà khách và nhà thờ Bà Cô làm cơ sở đồn trú nên hội phải thỉnh dời tất cả linh vị về tại miếu thờ Võ Quốc Công.

Sang năm 1973, đồn binh rút đi, chánh quyền xã Long Thuận có trích xuất ngân khoản công nho 500 000\$ cộng với 150.000\$ của dân chúng đóng góp để tu bổ chỉnh trang lại.

Bên trong miếu, chính giữa là bàn thờ Võ Quốc Công, hai bên thờ Tả Văn Ban, Hữu Võ Bá, bàn thờ Bà Cò đặt sát bên trái bàn thờ Võ Quốc Công, bàn thờ Thổ Công Chủ Ngu, bàn Hành Binh Hành Khiển và bàn Hội Đồng... Phía bên vách trái còn kê chiếc bàn nhỏ treo khuôn kiền lộng bài tiểu sử công nghiệp Võ Quốc Công do cụ Giáo học Nguyễn Huỳnh Mai phụng soạn viết tay.

Mấy câu liên thờ bên trong miếu như sau :

— Bàn thờ Võ Quốc Công tôn thần:

HỮU DỤC TRUNG HUNG CÔNG ĐỆ NHỨT
ANH HÙNG TAM LIỆT VI CƯ TÔN

有翼中興功第壹
英雄三烈位居尊

— Bàn thờ Tả Văn Ban tôn thần:

NHỨT ĐỢI VĂN CHƯƠNG CAO BẮC Đẩu
THIỆN THỤ TRIỀU THỰC TRỌNG NAM THIÊN

壹代文章高北斗
千秋朝植重南天

— Bàn thờ Hữu Võ Bá tôn thần :

TAM QUÂN DỒNG MẠO HÙNG TÂM TRẠNG
 LỬ HẢI ÂN CHIÊU ĐỨC TRẠCH THÂM

三軍勇貌雄心扶
 四海恩昭德澤深

Trên bàn thờ Võ Quốc Công có hòm sắc đặt trong khuôn kiền. Nguyên khi ông Lê Quang Liêm, Đốc Phủ Sứ hồi hưu về Gò Công gia nhập Tập Nghĩa Hội đứng xin sắc thần, triều đình Huế gởi vào sắc phong cho Võ Quốc Công làm Thượng Đẳng Thần. Nguyên văn sắc vua ban như sau :

«Sắc : Gò Công tỉnh, Hòa Lạc Hạ tổng, Thành Phố thôn.

Phụng sự Chương Hậu Quân Tánh Quốc Công tôn thần, hộ quốc tỵ dân, năm trước linh ứng tứ linh du thừa cảnh mạng miễn niệm thần hưu trước phong vi : Trác Vĩ Dực Bảo Trung Hưng Thượng Đẳng Thần. Chuẩn kỳ phụng sự thứ cơ thần kỳ tương hưu. bảo ngã lệ dân. Khâm tai !
 Bảo Đại bất niên. bất nọạt, thập ngũ nhựt »

Tạm dịch nghĩa như sau :

«Sắc rằng : vị Thần làng Thành Phố, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công là Chương Hậu Quân Võ Tánh, bậc công thần có công bảo vệ đất nước giúp đỡ dân chúng, từ trước đã tỏ ra linh ứng, nay có sắc lệnh nhà vua ban nhớ đền công đức, sắc phong cho hiệu là : Trác Vĩ Dực Bảo Trung Hưng Thượng Đẳng Thần, để dân chúng phụng thờ ngỏ hầu Thần giúp đỡ bảo hộ cho. Kính cẩn vậy thay !

Bảo Đại năm thứ tám, tháng tám, ngày mười lăm (1)».

Đến năm 1946, thầy thời cuộc chiến tranh lại sợ Việt Minh đột phá cơ sở nên ông Trần Văn Nghệ và cụ Từ Thắng bàn với nhau rồi thỉnh sắc đem về nhà riêng, sau lên chuyển gởi ở công sở xã.

Thời buổi càng ngày càng khó khăn, các bộ lão lại già yếu, Tập Nghĩa Hội bèn giao lại làng trông nom cho tới nay.

Điểm đặc biệt là tại Võ Quốc Công Miếu từ lâu đã có 2 tổ chức nhơn dân đứng lo việc cúng kiền, Tập Nghĩa Hội nói ở trên và một hội nữa thường gọi là Hội Xóm hay Hội Lã Ông. Có thể nói Tập Nghĩa Hội gồm những vị trí thứ, chức sắc có danh phận đứng chủ xướng, hằng năm tề Xuân (ngày 19,20 tháng giêng), tề Thu (ngày 15,16 tháng 8) và giỗ Võ Quốc Công (ngày 26,27 tháng 5 âm lịch). Tập Nghĩa Hội tổ chức có phần quy củ và cúng tề linh đình trang trọng. Trong khi đó dân chúng trong xóm cũng thành lập riêng một hội khác cúng Võ Quốc Công vào 2 ngày 12,13 tháng 2 âm lịch.

Khi Tập Nghĩa Hội tan rã giao cho làng quản thủ điển sản phụng sự cúng kiền thì Hội

(1) Nhâm rằm tháng tám năm Quý Dậu (thứ tư, ngày 03 tháng 10 năm 1933).

Xóm vẫn tiếp tục hoạt động lo cúng theo lệ 12, 13 tháng 2 cho tới bây giờ. Tổ chức Hội Xóm có tánh cách đơn giản, mỗi năm để cử ra 3 chức vụ luân phiên trách nhiệm công việc thường xuyên. Đại khái tới ngày cúng lễ, Chánh Hối, Phó Hối chừng dọn và liên lạc mới khách, Thủ Bồn lo thu tiền xuất phát... Ba chức việc này phải lo 3 mâm xôi và 3 đôi đèn. Khi cúng, Thủ Bồn đứng chánh tề ở bàn thờ Võ Quốc Công, Chánh Hối và Phó Hối đứng bối tề 2 bên Tả Ban, Hữu Ban.

Về phía chánh quyền xã, mầy công việc thường nhật thì phó thác cho người Thủ Từ. Xã xuất huê lợi ruộng hương hỏa mỗi tháng phát cho Từ 1.300\$ để phụ cấp công coi sóc dọn dẹp và 2.500\$ lo đèn nhang suốt năm. Thỉnh thoảng người Từ còn được thêm số tiền cúng xin keo vào mầy ngày Xuân bá tánh đèn viếng mừng tuổi Võ Quốc Công... Cụ Phạm Văn Thăng đã 78 tuổi làm Từ hơn 40 năm nay. Vì cụ quá già yếu nên mọi việc bà Từ đều lo. Dân trong xóm thường gọi là «Bà Tám đốt nhang». Có lần viếng thăm, ông Sáu Từ lơ mờ nhìn chúng tôi phân trần : « Ông nghĩ coi hồi trước tôi ở trong miếu lo giữ Lăng Ông, lúc lộn xộn lính đến đóng đồn, kẹt quá tôi bị dời tạm về đây gần hơn 10 năm nay rồi! ». Nhà ông Thủ Từ chỉ vồn vện có căn lá lụp sụp cách miếu thờ chừng 600 thước. Mỗi ngày bà Từ lui tới đốt nhang thấp đèn, lo quét dọn coi

sóc miều, hễ đèn các ngày Tam Nguyên cũng như mùng 5 tháng 5, bà Từ mua trà bánh về cúng Ông. . .

Riêng mấy lễ chánh, xã giao phó cho Ban Trị Sự Ấp một số tiền để lo mua sắm lễ vật, mời thêm bà con trong xóm đèn dự. Trừ lễ Tề Thu cúng nhỏ với ít bánh trà, còn lễ Tề Xuân và lễ giỗ Võ Quốc Công thì thịnh soạn linh đình lắm.

Theo cổ tục lễ ra 19 giờ tối ngày đầu cúng Trấn Thuyền (tiên thường) đèn 03 giờ khuya ngày chánh cúng Chánh Tề. Nhưng mấy năm bắt an chỉ cúng đơn giản, bắt đầu lúc 10 giờ sáng ngày chánh đèn khoảng 12 giờ trưa thì mãn tiệc dọn dẹp. Và lại ngân khoản công nho cũng không mấy dôi dào nên các lễ nầy không quá 30 người đèn dự. phần đông là viên chức chánh quyền xã ấp sở tại.

Trong năm, lễ cúng Cầu An ngày 12, 13 tháng 2 âm lịch của Hội Xóm có vẻ rộn ràng và đông đảo hơn cả. Bà con mỗi người chung góp năm ba trăm mua sắm lễ vật luôn tiện bày ra tiệc vui qua ly rượu. Vào lễ nầy, cứ hễ sáng 12 thì bà con trong xóm tự động xúm lại quét tước, chưng dọn, nấu nướng. Đèn khoảng 11 giờ trưa thì cúng chánh tề. Lễ xong xuôi đãi ăn suốt buổi chiều rồi tới khoảng 5 giờ khuya 13 mới cúng tạ. Lúc mấy năm yên ổn, hội hay rước nhạc lễ rằm

rộ sáng đêm. Nhiều người ở tỉnh lỵ Gò Công cũng kéo năm kéo bảy đèn vui chơi rộn rịp...

Lúc có nhà binh đèn đóng đốn, việc ra vào miếu khó khăn, ai cũng thầy ngại chơn lui tới. Thậm chí việc tiệc tùng cũng vậy. Chỉ nấu sẵn vài mâm lễ vật đem đèn trình cúng xong xuôi rồi gồng gánh về nhà Thủ Bồn đãi ăn. Như vậy có vẻ tự do và thoải mái hơn nhiều.

Kể bên ly rượu gã chuyện đời, bà con hay nhắc lại giai thoại thời xưa cười ra nước mắt. Sờ là có năm đó bà con vừa bày dọn lễ vật trình cúng xong xuôi thì lính Maroc đến. Lính Maroc lửa bắt hết trong xóm đi «đề lừa» ! Trong khi rượu thịt ê hề, người nào người nầy áo dài lưng thụng, mặt mày méo mó, thu ba mớ tiền cúng vô gói rồi lặng lẽ «nap mình». Cái cảnh ra đi mà không hẹn... ngày trở lại. Chừng xét ra đâu đó chẳng có gì, lính Tây cho lệnh thả tự do, bà con hụi ba hồn chín vía ôm khăn xách áo chạy về. Đèn nơi thì rượu thịt lạnh tanh, cháo chít hôi ê ráo bót !...

Nói chung thì việc thờ cúng Võ Quốc Công ở đây vì thời cuộc mà chưa chấn hưng được. Lệ nào cũng có phần đơn giản. Tuy vậy, đồng bào khắp vùng Lăng Ông thấy đều hết lòng sùng kính.

Ai cũng đặt niềm tin vào sự che chở bảo

bọc của Ngài mà dân địa phương được yên ổn làm ăn. Lúc Tây vô chiếm tỉnh Gò Công, chúng đóng quân rồi bắn xả đạn vào xóm nhưng không ai bị hề hấn gì. Nhiều lần Việt Cộng lên về pháo kích đơn vị đồn trú trong khu vực miếu nhưng cũng nhờ đằng khuất mặt «đờ» giạt hết ra ngoài . . .

Thề mà hề đám vợ con lính không biết, la lết đùa giỡn hay ngủ lang bang trước thềm thì bị Ông hiện về quở rầy. Vồn nặng lòng tin tưởng nên hề khi gặp khó khăn bắt tắc thì người ta hay khấn nguyện Võ Quốc Công phò hộ.

Bá tánh cũng thường rủ nhau đèn miếu xin keo. Nơi bàn thờ Võ Quốc Công có đặt sẵn cái đĩa đựng 2 đồng xu. Người muốn xin-keo đèn nhang đèn khấn vái rồi gieo quẻ bỏ 2 đồng xu xuống đĩa. Nếu Ông thuận ý thì 1 đồng sấp, 1 đồng ngửa. Nếu Ông không thuận thì 2 đồng đều ngửa hay đều sấp hết... Tiếng đồn quẻ rất linh ứng nên tháng nào cũng có người đèn thỉnh xin.

Đền nay bà con làng Long Thuận thỉnh thoảng còn bàn tán chuyện ông Hương Cả T. bị Ông phạt. Sờ là có kỳ lễ giỗ Ông tổ chức tại đình làng, ông Cả T. đem lễ bằng con heo quay. Nhiều người biết chuyện có ý ngăn cản nhưng ông Cả vẫn bạo đem trình cúng. Sau khi cúng xong, ông Cả về nhà ngọa bệnh và phát thổ huyết mà chết. Từ đó về sau, trong làng không

ai dám bày cúng heo quay hay nướng thức ăn gì đãi khách trong ngày cúng Ông. Một là nể oai linh thiêng khuất mặt mà đồng thời cũng để tưởng nhớ đền hình ảnh cái thác oanh liệt, toàn tiết của Ngài.

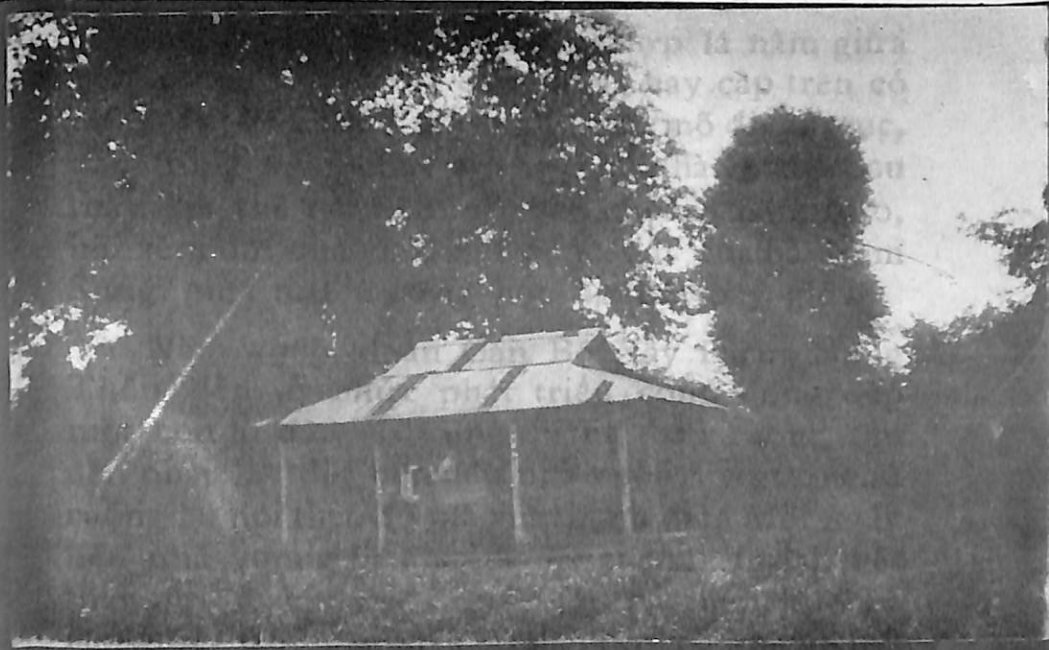
Khi kẻ đèn đây, bác Ba hội viên trong xóm ngấm nghĩ hồi lâu rồi quay nhìn tôi khẽ bảo :
« cho nên ông thấy rui mà chính quyền có bỏ bê đi nữa thì bà con tui tui cũng ráng đầu lưng chung lo việc cúng kiến phụng thờ Ngài tới cùng ».

Tôi thấy rõ lòng chơn thành hiển hiện trên gương mặt và lời nói đó...



NHÀ VUÔNG ẤP BẢY TẠI XÃ LONG-THUẬN

Đi theo bờ lộ đất dần vào xóm Dinh khoảng non cây số thì đến nhà vuông ấp Bảy. Bên kia đường có cái miếu thờ Bà Chúa Xứ lợp ngói bảm màu xanh. Nơi đó xưa có ngôi đền thờ rất lớn nay chỉ còn vết tích gạch ngói đồ nát chôn vùi. Người ta thường gọi vùng này là xóm Dinh, thuộc ấp Bảy, xã Long Thuận.



lan nửa về vị trí này giờ. Công tác hoàn tất
nhằm ngày 24 tháng 5 năm Kỷ Dậu (08-7-1969).

ĐI theo bờ lộ đất dẫn vào xóm Dinh khoảng non cây sô thì đến nhà vuông ập Bảy. Bên kia đường có cái miếu thờ Bà Chúa Xứ lợp ngói bảm rêu xanh. Nơi đó xưa có ngôi đền thờ rất lớn nay chỉ còn vết tích gạch ngói đổ nát chôn vùi. Người ta thường gọi vùng nầy là xóm Dinh, thuộc ập Bảy, xã Long Thuận.

Thoạt kỳ thủy, nhà vuông lợp lá nằm giữa xóm. Mỗi khi hương chức làng hay cấp trên có việc cần đến thì lính canh đánh mõ điểm mục, dân trong xóm chạy tập hợp tại nhà vuông. Sau thấy địa thế bất tiện, nên vào khoảng năm 1910, hội xóm dời nhà vuông về cuộc đất của bà Năm Sùng, phía sau trường học ập Bảy bây giờ.

Năm 1969, đoàn Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn đến tổ chức phát triển cộng đồng đắp một con lộ đất. Vì xung quanh toàn ruộng sâu nên phải lấy đất bên nền nhà vuông. Người chủ ruộng lại noi theo đó mà vét thành đìa. Mỗi ngày nền nhà vuông bị khuyết lở thêm. Vả lại, xét thấy nơi đó có nhiều mả mộ chật hẹp, các kỳ lão mới thảo luận với chủ đất xin dời nhà vuông lần nữa về vị trí bây giờ. Công tác hoàn tất nhằm ngày 24 tháng 5 năm Kỷ Dậu (08-7-1969).

Hiện nhà vuông nằm cạnh lộ cách nền cũ chừng 40 thước.

Nhà vuông vuông vức chừng 5 thước, che mái bát dầm lợp tôle dún, bồn bể trồng lồng. Người lối xóm chắt gởi đủ thứ vật dụng trông như căn nhà kho, nào chiếc xe 3 bánh, chiếc máy cày Kubota của tổ hợp phê thải, những đòn tay khiêng quan tài bỏ vạt vương, những khúc trụ để dành che rạp võ ca...

Phía trên có đặt ngai thờ Tiên Sư phủ màn kín mít và khuôn biện bọc giấy hồng đơn để 2 chữ «THÀNH TÀI» bằng chữ nho. Theo người trong xóm nói lại xưa ở đây thuộc phạm vi ấp Thành Tài, làng Thành Phồ.

Tuy đơn giản sơ sài nhưng hễ đèn lệ cúng năm nào bà con trong xóm cũng thấy đều tham gia hết sức nồng nhiệt. Trong ấp có tổ chức hội xóm cúng Ông do mấy kỳ lão đứng chủ chốt. Cứ mỗi năm cất cử luân phiên 2 người gọi là «Phân xuất» để trách nhiệm thu chi mua sắm điều hành.

Hằng năm nhà vuông cúng lệ duy nhất vào ngày 11, 12 tháng 2 âm lịch.

Thường cứ vào lúc 12 trưa ngày rằm tháng giêng bà con trong xóm tự động đèn tụ họp tại nhà vuông để bàn thảo việc cúng lệ. Buổi họp đó phân việc và định mức tiến đâu đâu.

Người trong xóm tùy nghèo giàu, kẻ 5, 3 trăm, còn người khá giả có khi đóng góp cả 2, 3 ngàn. Năm nào chi phí cũng tồn kém tới cả trăm ngàn đồng.

Tới phiên làm phân xuất thì khỏi đầu tiên, chỉ chịu trách nhiệm thu phát, lo sổ sách đảng hoàng, lại được giữ tiền quỹ còn dư suốt đến năm sau vào ngày hội thường lệ rằm tháng giêng mới giao lại cho người phân xuất khác. Như vậy, làm phân xuất được mượn tiền chi xài trong năm mà khỏi mất lời. Ngoài ra, hội còn xuất quỹ giao cho phân xuất một thùng nếp để lo xôi cúng lễ và một thùng lúa lo cơm nước cho đám nhạc lễ.

Hội cũng xuất trước vài trăm cho ông Ba Huân một bộ lão ngựa gắn bên cạnh để mua nhang đèn, hoa quả, bánh trà cúng nhà vuông vào 3 ngày rằm Tam nguồn và lễ rước Ông tời giao thừa.

Đền ngày 11, 12 tháng 2 âm lịch, trong xóm ai nấy tự động đền dự lễ cúng Ông. Bà con xúm lại người lo dọn dẹp quét tước, mượn ván ngựa bàn ghề, chưng dọn bàn thờ, người lo làm heo, kẻ phụ rửa bò...

Lễ vật phải trình cúng 12 mâm : bàn chánh Võ Quốc Công 3 mâm, Tiến Hiến Hậu Hiến 2 mâm, Tiến Vãng Hậu Vãng 2 mâm, Chiền sĩ Trận vong 1 mâm, bàn Hội Đồng 2 mâm,

cúng đất đai 1 mâm và kiền tổ tiên chủ đất 1 mâm. Riêng mâm lễ vật kiền chủ đất thường bưng đến nhà để tùy nghi chủ đất sắp xếp dọn cúng gia tiên.

Theo thời khắc biểu thì 12 giờ trưa ngày 11 dọn lễ cúng Tiên Sư, buổi chiều mới cúng Ông. Cúng Ông qua 2 lễ: cúng Trấn thuyết lúc 17 giờ chiều ngày 11 và cúng chánh tề lúc 03 giờ khuya 12-2 âl. Năm nào trong xóm cũng chọn mời 3 kỳ lão đứng chánh tề. Nghi thức tương tự lễ Thần tại đình làng.

Sau đây là nguyên bài văn chánh tề vào năm Nhâm Tý 1972, tùy theo năm mà thay đổi ngày giờ và chư vị Hành Binh, Hành Khiển, Hành Trình:

« Duy

Tuế thứ Nhâm Tý niên, kiến Quý Mão ngoạt, Bính Thìn nhựt, lương thần.

Việt Nam Cộng Hòa, Gò Công tỉnh, Hòa Lạc quận, Long Thuận xã, Thành Tài thôn ấp, tịnh nam phụ lão ấu đại tiêu đồng đẳng. cần dĩ cương lập, tư thịnh thanh chúc, kim ngân, hương đăng hoa quả, phẩm vật chi nghi.

Cảm chiêu cáo du:

— Khâm Sai Chưởng Hậu Quân Bình Tây Tham Thặng Đại Tướng Quân gia tặng Dực Vận Công Thần đặc tến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân, Thượng Trụ Quốc Thái Úy TÁNH Hoài Quốc Công thụ Trung Liệt VÕ Công Tôn Thần, Ứng Nghĩa Đạo Khâm Sai Chưởng Cơ gia tặng Dương Võ Công Thần Trấn Quốc Đại Tướng Quân

維

歲次壬子年建癸卯月丙辰日良辰

越南共和國垣端省和樂麗隆順社成財本邑並男婦老幼大小同等謹以
剛猷案盛清酌金銀香燈花菓品物之儀

敢昭告于

欽差掌後軍平西參乘大將軍加贈郡公翼運功臣 特進輔國上將軍
上柱國太憲性懷國公謚忠烈武公尊神 應義道欽差掌奇加贈揚
武功臣鎮國大將軍禮部尚書加贈贊治功臣特進柱國金紫榮祿大
吏理寺卿 太子太師同寧和郡公謚忠懿吳公尊神 統兵掌奇營
贈和侯謚忠烈阮公將軍

左班烈位尊神 右班烈位尊神 東獻烈位 西獻烈位

周王行謹 太上老君行呈 天瘟行兵之神 先師之位

蕉面大士 十韻孤魂之位 前往之位 後往之位 戰士陣亡

敬暨 部下烈位咸來配享

曰 恭惟尊神

昌期五霸運際半天慈者篤生良將稔然遭會奇緣扶南國四方悅服破西山一統中原
表表始終但識一心無賊地諱諫令德誰知千古有南天八角尖城亘古今而未見身承
匹馬現生死如遊然頭赫神威者在英靈聖德猶前 恭因節屆仲春禮持陳憾慙
設戴歌唱祭告一筵俾熾俾昌永保都中康泰曰富曰壽巨杖邑內以進避仰賴
尊神之嘉惠也 伏維謹告

— Lễ Bộ Thượng Thư gia tặng Tán Trị Công Thần đặc tiến Trụ Quốc Kim Tử Vinh Lộc Đại Phu Lý Tự Khanh Thái Tử Thái Sư CHÂU Ninh Hòa Quận Công thụ Trung Ý NGŨ Công tôn Thần

— Thống Binh Chương Cơ Doanh Nghị Hòa Hầu Trung Liệt NGUYỄN Công Tướng Quân.

— Tả Ban liệt vị tôn thần.

— Hữu Ban liệt vị tôn thần.

— Đông Hiển liệt vị

— Tây Hiển liệt vị.

— Châu Vương Hành Khiển.

— Thái Thượng Lão Quân Hành Trình.

— Thiên Ôn Hành Binh chi Thần.

— Tiên Sư chi vị.

— Tiêu Diện Đại Sĩ.

— Thập loại Cô Hồn chi vị.

— Tiền Vãng chi vị.

— Hậu Vãng chi vị.

— Chiến sĩ trận vong

Kính khải bộ hạ vị hàm lai phối hưởng.

Viết : Cung duy tôn thần.

Xương kỳ Ngũ Bá, vận tế bán thiên ý giả đốc sanh lương tướng, diên nhiên tạo ngộ kỳ duyên. phù Nam Quốc tứ phương duệ phục, phá Tây Sơn nhứt thống Trung nguyên, biều biều thi chung dẫn thức, nhứt tâm vô tặc địa, khiêm khiêm lịnh đức thù tri.

Thiên cồ hữu Nam thiên, Bát Giác hỏa thành cặng cồ kim nhi dị kiến. Thân thừa thất mã thị sanh tử như du nhiên. Hiền hách thần uy nhược tại, anh linh thánh đức như tiền.

Tư nhơn tiết giới Trọng Xuân, lễ đặc trần hy sinh thiết tài, ca xương tế cáo nhứt diên, tỷ xí tỷ xương, vĩnh bảo

*lăng trung khang thái, viết phú, viết thư, không phù ắp nội
đi thặng hà, ngưỡng lạy tôn thần chi gia huệ.*

Phục duy cần cáo . »

DỊCH NGHĨA :

Hôm nay là ngày Bính Thìn, tháng Quý Mão, năm Nhâm Tý, chon đúng giờ lành, chúng tôi toàn thể nam phụ lão ấu các giới thuộc ấp Thành Tài, xã Long Thuận, quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công, Việt Nam Cộng Hòa, đều tồ tụ về đây thành kính trình lễ vật gồm xôi, rượu, vàng bạc, đèn nhang, hoa quả...

Kính dung lời khẩn tồ cùng :

— Khâm Sai Chương Hậu Quân Bình Tây Tham Thặng Đại Tướng Quân gia tặng Quận Công Dực Vạn Công Thần đặc tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân, Thượng Trụ Quốc Thái Úy Hoài Quốc Công TÁNH truy tặng Trung Liệt Võ Công Tôn Thần, Ứng Nghĩa Đạo Khâm Sai Chương Cơ gia tặng Dương Võ Công Thần Trấn Quốc Đại Tướng Quân.

— Lễ Bộ Thượng Thư gia tặng Tán Trĩ Công Thần đặc tiến Trụ Quốc Kim Tử Vinh Lộc Đại Phu Lý Tự Khanh Thái Tử Thái Sư CHÂU Ninh Hòa Quận Trung Ý NGÔ Công Tôn Thần.

— Thống Binh Chương Cơ Doanh Nghị Hòa Hầu thụy Trung Liệt Nguyễn Công Tướng Quân

— Tả Ban, Hữu Ban liệt vị tôn thần.

— Đông Hiến, Tây Hiến liệt vị tôn thần.

— Châu Vương Hành Khiển, Thái Thượng Lao Quân

Hành Trình, Thiên Ôn Hành Binh.

— Tiêu Diện Đại sĩ, Thập loại cô hồn.

— Tiền Vàng, Hậu Vàng.

— Chiến sĩ trận vong.

Kính thỉnh mời chư vị cùng bộ hạ về chúng lễ.

Thưa rằng : chúng tôi thành kính tưởng niệm chư vị. Nhờ chư vị mà nước ta thịnh hơn thời Ngũ Bá. Vạn trời đã sanh lương tướng để cho may mắn hội ngộ cùng nhau, phò nước Nam khắp bốn phương đều vui về quy phục, diệt nhà Tây Sơn thống nhất sơn hà, một lòng an đẹp giặc tạo chiến công vang dội xa gần. Tôn đức khiêm nhường của chư vị thiên hạ đều rõ biết.

Ngàn xưa đó có trời cao chúng giám, nơi lầu Bát Giác suốt tự cổ chí kim chưa hề ai làm nên việc cao cả như vậy. Một mình đơn thân độc mã xông pha trận địa, xem cái chết tựa trò chơi. Dù cho thác rồi mà thần oai thánh đức của Ngài vẫn anh linh hiển hách như lúc sanh tiền.

Hôm nay, như tiết giữa mùa xuân, chúng tôi bày ra lễ vật, trình ca xướng hát để khẩn xin chư vị giúp đỡ cho bà con trong xóm làm ăn hưng thịnh, an Khang, sống lâu mạnh giỏi, phò hộ cho ấp này ngày càng tiến bộ phát triển thêm hơn.

Cúi xin tôn thần ban phúc lành cho chúng tôi.

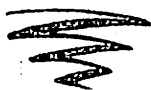
Kính cần bái chào chư liệt vị. >

oOo

Nhà vương là trung tâm tín ngưỡng của đồng bào trong ấp. Hễ có bệnh tật hay gặp khi hoạn nạn dân chúng thường khẩn nguyện cầu xin Ông phò hộ. Gặp mấy khi mùa màng năng hạn, các kỳ lão tổ chức lập đàn đảo võ cầu mưa tại nhà vương.

Các bô lão tin việc cúng kiến rất có ảnh hưởng đến sự yên ổn trong xóm. Người ta hay nhắc kể lại huyền thoại thuở «6 năm hòa bình» có kỳ cúng lễ dọn lễ vật lên đèn sửa soạn trình cúng chánh tề, vừa đánh hồi mõ khai lễ thì bỗng đâu có cơn gió phát mạnh qua, đèn đuốc đều tắt phụt tối đen. Mọi người quờ quạng lo sợ... Mấy bô lão thúc hồi thắp đèn quan sát thì quả lúc «củ soát tế vật» đã kiểm không chu đáo để lỡ thiếu đôi đèn nên bị Ông quở. Ai nấy xúm nhau đi tìm cho đủ mới dám bày cúng lại...

Mọi người từ lớn chí bé ai cũng tin tưởng sùng bái Ông Hậu Quân linh thiêng, lúc nào cũng hiện diện để chứng giám công việc của bà con bốn ấp...



LĂNG ÔNG TẠI ẤP XÓM NGOÀI XÃ TĂNG-HÒA

Tọa lạc ở Xóm Ngoài, xã Tăng Hòa, quận Hòa Lạc có một ngôi thờ Hào Quân Võ Tánh, dân địa phương thường gọi là Lăng Ông Hộ. Ấp Xóm Ngoài trước kia là khu vực ngoài cửa của ấp Chy thuộc xã Tăng Hòa, sau năm 1900 được tách ra thành cấp ấp mới từ vùng địa danh đó.

Lăng Ông Hộ nằm trên phía công thổ cạnh đường trường xa ấp, đi hướng về theo con đường đất đỏ làng cách hướng lộ 4 chừng 200 thước. Ngõ phía trước không bao xa có thành mã đá, mộ gia đình ông Huyện Hào.

Xưa Lăng Ông Hộ tọa lạc tại ấp ngoài Ngang. Qua kỳ bão lụt năm Thìn (1904) Lăng Ông bị cuốn trôi. Trong cảnh sông giữ hải hàng, sắc Võ Quốc Công bị nước cuốn trôi khu bến và đập vào cửa nhà ông Nguyễn Ngọc Tú, một hương chức trong làng. Thấy vậy chủ gia đem lòng tin tưởng đem thiên thần về thờ cúng và xây dựng



Đền Ông Hộ ở Xóm Ngoài, xã Tăng Hòa, quận Hòa Lạc.

TẠI ấp Xóm Ngoài, xã Tăng Hòa, quận Hòa Lạc có miếu thờ Hậu Quân Võ Tánh, dân địa phương thường gọi Lăng Ông Hậu. Ấp Xóm Ngoài trước kia là khu vực ngoài rìa của ấp Chợ thuộc xã Tăng Hòa, sau xóm Ngoài được tách ra thành riêng ấp mới lấy tên địa danh đó.

Lăng Ông Hậu nằm trên phần công thổ cạnh dãy trường sơ cấp, đi hướng tề theo con đường đất vô lăng cách hương lộ 4 chừng 200 thước. Ngó phía trước không bao xa có thành mã đá, mộ gia đình ông Huyện Hải.

Xưa Lăng Ông Hậu tọa lạc tại ấp xóm Ngang. Qua kỳ bão lụt năm Thìn (1904) Lăng Ông bị cuốn sập. Trong cảnh sóng gió hãi hùng, sắc Võ Quốc Công bị nước cuốn trôi lều bều và đập tấp vào cửa nhà ông Nguyễn Ngọc Tú, một hương chức trong làng. Thầy vậy chủ gia đem lòng tin tưởng điểm « thiên cơ sắp đặt » bèn vớt sắc đem phơi và gầy dựng một ngôi miếu bằng lá ngay nền cũ để thờ.

Đền khi ông Nguyễn Ngọc Tú được vinh thăng chức Hội Đồng Địa Hạt, gia đình ông về ngụ tại xóm Ngoài và dời miếu theo, lập lại bằng lá tại vị trí bây giờ.

Năm 1937, ông bà Hội Đồng có bán phần tư điền ở xóm Giồng Chùa cho ông Giáo Hiến rồi

bỏ ra 4 ngàn đồng trùng tu lãng Ông. Tiến hồi đó còn giá trị lắm. Ông mượn thợ Tùng ở xóm Bà Phù, làng Tân Niên Đông lãnh công thực hiện. Lãng được cất lại thành căn ngói tứ trụ, tường hai mươi, lót nền gạch Tàu thật là cao ráo khang trang. Cách lớp tường gạch bên trong còn có đóng vách bồ kho chứa ra một bờ hàng hiên vừa đủ lồi đi xung quanh nhà thờ. Phía trước lại có che thêm mái võ ca bằng lá.

Ngoài sân giải thảm cỏ xanh. Cây điệp dĩa và cây me cổ thụ giăng 2 vòng tay ôm không giáp. Những buổi trưa trẻ con trong xóm thường xúm xít chơi đùa dưới tàn bóng mát trước lãng. Lễ cúng nào có rước hát bội thì đồ ai trị nổi mầy đứa con nít rần mắt trong vùng cứ leo lên ôm nhánh cây ngóng cổ nhìn xuống. Bà con mê hát hay đồn rằng hễ leo lên cao nhìn xuống thì thầy đào kép làm tướng giả dối rõ ràng. Còn ngồi dưới nhìn lên sân khấu thì lúc nào cũng bị tổ «mà con mắt» nên thầy... đào kép đẹp đẽ, hát hay!

Vào mầy lúc đó công việc cúng kiếng rất thanh. Các cụ trong vùng thành lập hội gọi là TĂNG LONG HỘI chung lo tề lễ hằng năm. Mầy kỳ lão tích cực từng giữ chức việc trong hội như ông Hương Văn Bài, ông Ba Khương, ông Hai Lương, ông Phó Hương Quán Thâu...v.v. Cứ 3 năm lại rước hát bội về hát chầu một

lấn vào dịp Tề Xuân. Bà con trong xóm kẻ ít người nhiều góp tay rất là tích cực. Tăng Long Hội tổ chức cúng Quan Hậu 2 lệ chánh:

— Tề Xuân: ngày 19, 20 tháng giêng âl.

— Giỗ Ông: — 26, 27 — 5 —

Lệ nào cũng giết bò heo vui chơi có khi kéo dài suốt cả 2, 3 ngày liền.

Rối chiến tranh nổi lên...

Từ thuở ấy quang cảnh Lăng Ông Hậu tiêu điều vắng vẻ. Năm 1947, lính Đạo đóng đồn trong chợ xúm dất nhau đèn hạ hết mấy cây cổ thụ mang về làm củi. Bà con tứ tán, mạnh ai lo việc nhà nầy chẳng còn đâu tâm trí mà thiết tha đến việc chung xã hội. Việt Minh khiêng cái mỗ của Hội đem đi. Trông gời xuống nhà việc làng sau cũng bị cháy rụi, hiện chỉ còn vồn vện cái chiêng cổ để ở đình.

Từ đó đèn nay sắc Võ Quốc Công vẫn ngự tại lăng. Theo lời người cháu nội của ông Hội Đồng thuật lại thì sắc Quan Hậu được vua ban lâu lắm rồi nhưng suốt gần cả đời người mà ông chưa hề thấy ai dám giở ra xem!... Lúc bắt an, có lần Hội Đồng Khánh Tiết Xã thỉnh gời thêm hòm sắc Thần trong làng để thờ chung với Quan Hậu lại lăng. Bên trong nhà thờ có chiếc long đình đặt trên bàn cao ghi điểm

sở lơ mờ « 1933 ». Chiềc hòm sắc đặt trong khuôn kiền và bài linh vị. Ngay cửa long đình có đề câu liên ;

« TRUNG PHONG HÀN TẶC ĐỜM
LIỆT HỎA CHIẾU ĐƠN TÂM »

Phía trước long đình có kê bàn vọng và nghi thờ. Hai bên bàn thờ Tả Ban Hữu Ban có khuôn hình họa sơn thủy và kỳ lân.

Hễ tới ngày lễ, chỉ nội gia đình con trai ông Cả sắm lễ làm gà vịt cúng giỗ như kỵ gia tiên. Lặng lẽ 3 hồi chuông trống. Khói nhang thờ lả khỏa, cô đơn ... Phải chăng thề cuộc đổi thay, lòng người đã buông xuôi chán ngán ? ! Chán ngán buông xuôi như bài thơ Đường phi luật mà ông Cả sai cháu nội lấy phần học trò viết trước cửa lăng như vậy :

*Sáng rồi thức dậy mở cửa ra,
Mộ bia mã đá trước kia cầ
Đó một bờ me cây trơm lớn,
Nhìn xem phong cảnh uống nước trà.
Thuốc vẫn hút vào cho ấm mũi,
Ra-dô mở hát nghe chơi à
Thường thức xong rồi lần lên vông.
Năm đưa cốt kết đó cùng ta.*

Tôi nghĩ : nếu đảng linh thiêng hằng phò hộ cho xóm ấp an cư lạc nghiệp mà nghi lễ thờ phượng còn phải đơn giản thì không chấp nhứt làm chi đèn mọi sự buông bỏ nào khác ...



LĂNG ÔNG TẠI ẤP GIỒNG CHÙA XÃ TĂNG-HÒA

VÀI NÉT SƠ LƯỢC TUNG QUẠT

I - CƠ SỞ

VI TRÍ : Ấp Giồng Chùa, xã Tăng Hòa,
quận Hòa Lạc (Gò Công).

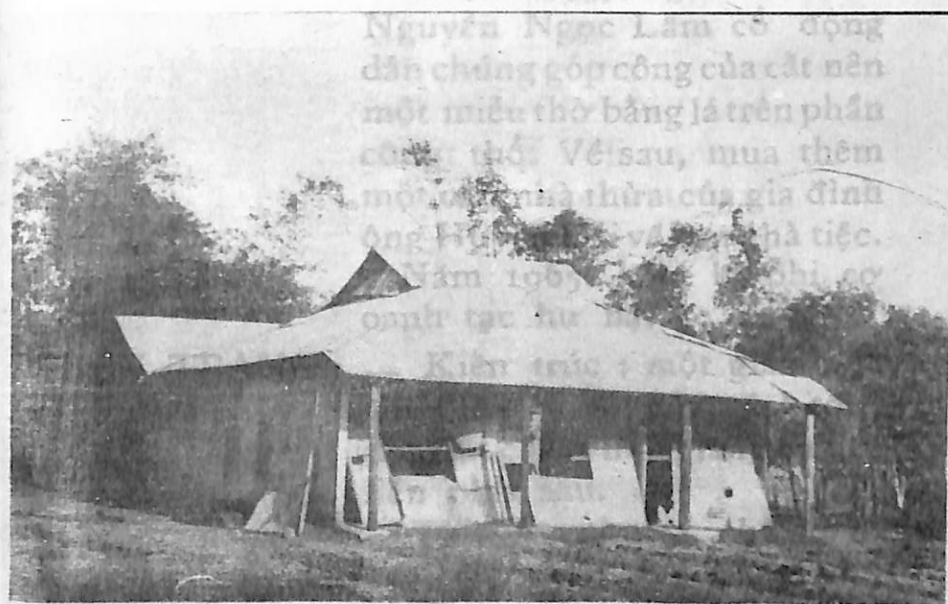
DANH HIỆU : Lăng Ông.

LAI LỊCH : Xưa kia đồng bào trong xóm
chỉ lập hội thờ ông Hậu Quân,
phân phiên làm Thủ Bồn,
hàng năm cứ tới lễ thì che rạp
trước nhà Thủ Bồn cúng.

Năm 1938, ông Chánh Chủ
Nguyễn Ngọc Lam cổ động
dân chúng góp công của cải nên
một miếu thờ bằng lá trên phần
cổng thóc. Về sau, mua thêm
một căn nhà thờ của gia đình
ông Hồ Văn và làm nhà tiệc.

Năm 1963, miếu bị cơ
quan tác hại bị phá hủy.

Kiến trúc 1 một b



— Chung vận 1 miếu cơ bản
thờ Võ Quốc Công, Tả Bần,

VÀI NÉT SƠ LƯỢC TỔNG QUÁT

I. - CƠ SỞ

VỊ TRÍ : ấp Giồng Chùa, xã Tăng Hòa, quận Hòa Lạc (Gò Công).

DANH HIỆU : Lăng Ông.

LAI LỊCH : Xưa kia đồng bào trong xóm chỉ lập hội thờ ông Hậu Quân, phân phiên làm Thủ Bốn, hằng năm cứ tới lễ thì che rạp trước nhà Thủ Bốn cúng.

Năm 1933, ông Chánh Chủ Nguyễn Ngọc Lắm cổ động dân chúng góp công của cất nên một miếu thờ bằng lá trên phần công thổ. Về sau, mua thêm một căn nhà thừa của gia đình ông Huyện Hải về làm nhà tiệc.

Năm 1965, lăng bị phi cơ oanh tạc hư hại 50%.

HIỆN TRẠNG : — Kiến trúc : một gian nhà thờ 6mx6m, cột cây, vách tôle, nền đất cát và một gian nhà tiệc liền phía sau.

— Tài sản : chu vi chừng 10 sào công thổ trồng măng cầu.

— Chưng dọn : miếu có bàn thờ Võ Quốc Công, Tả Ban,

Hữu Ban và bàn thờ Tiên Sư
phía sau nhà tiệc.

II. - TÓ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH

DANH HIỆU : Hội Lăng Ông Hậu.

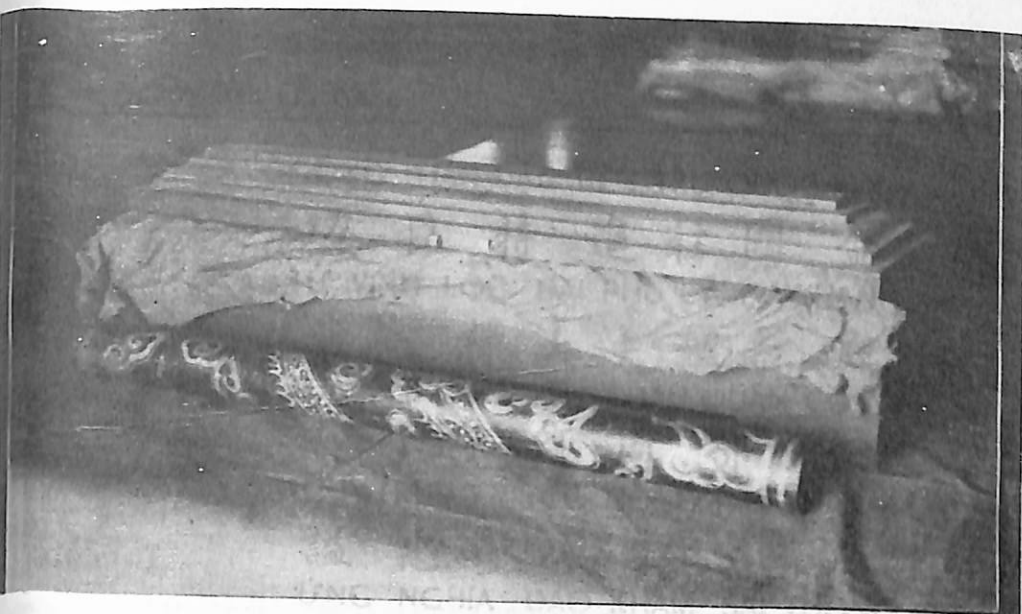
Ban Quản Trị gồm các chức
vụ : Chánh Chủ Hội, Chánh
Hối, Phó Hối, Thủ Bồn, Thông
Tín và Thủ Từ.

THỜ PHƯỢNG : ông Hậu Quân Võ Tánh.

Ở đây có bản sao bằng sắc Ông thờ
tại nhà Chánh Chủ Hội, nguyên văn
như sau :

KHÂM SAI CHƯỞNG HẦU QUÂN BÌNH TÂY
欽差掌後軍平西
THAM THẮNG ĐẠI TƯỚNG QUÂN QUẢN CÔNG
參乘大將軍郡公
GIA TẶNG DƯC VÂN CÔNG THẦN ĐẶC TIẾN
加贈翼運功臣特進
PHỤ QUỐC THƯỢNG TƯỚNG QUÂN
輔國上將軍
THƯỢNG TRỤ QUỐC THÁI ÚY TÁNH
上柱國太尉性
QUỐC CÔNG THUY TRUNG CHÁNH VÔ
國公謚忠正武
CÔNG TÔN THẦN
公尊神

KHÂM SAI LỄ BỘ GIA TẶNG TÁN TRI
欽差禮部加贈贊治



Hòm Sắc và ống đựng Sắc



Bản sao Sắc VÕ-QUỐC-CÔNG

CÔNG THẦN ĐẶC TIẾN TRỤ QUỐC KIM
 功 臣 特 進 柱 國 金
 TỬ VINH LỘC ĐẠI PHU LÝ TỰ KHANH
 紫 榮 祿 大 夫 理 寺 卿
 THÁI TỬ THÁI SƯ CHÂU QUÂN CÔNG
 太 子 太 師 周 部 公
 THUY TRUNG Ý NGÔ CÔNG TÔN THẦN
 謚 忠 懿 吳 公 尊 神
 ỨNG NGHĨA ĐẠO KHÂM SAI THỐNG
 應 義 道 欽 差 統
 BINH CAI CƠ GIA TẶNG DƯƠNG VÕ
 兵 奇 該 加 贈 楊 武
 CÔNG THẦN TRẦN QUỐC ĐẠI TƯỚNG
 功 臣 鎮 國 大 將
 QUÂN DOANH NGHỊ HÒA HỮU THUY
 軍 營 誼 和 候 謚
 TRUNG LIỆT NGUYỄN CÔNG TƯỚNG
 忠 列 阮 公 將
 QUÂN - BÌNH THÂN NIÊN NHỊ NGOẠT
 軍 而 申 年 貳 月
 NHỊ THẬP CỬU NHỰT QUÍ XUÂN KIẾT
 貳 拾 玖 日 季 春 吉
 THÌN - ẤT HỢI NIÊN NGŨ NGOẠT SƠ
 辰 乙 亥 年 五 月 初

CỬU NHỰT QUÍ HẠ KIẾT TỴ

玖 日 季 夏 吉 巳

HỘI VIÊN : 10 người chánh thức và đồng bào trong ấp.

LỄ CÚNG : — Tề Xuân : mừng 7, 8 tháng 2 (chánh)
 — Hạ Điền : ngày 16, 17 tháng 4 (nhỏ).
 — Giỗ Ông : — 26, 27 tháng 5 (nhỏ).
 — Cúng phụ : Tam Nguơn, mừng 5 tháng 5 và Tết Nguyên Đán.

III — DƯ LUẬN LINH THIÊNG

1. — Ông Chánh Chủ Nguyễn Ngọc Lãm năm mơ thấy Ông hiện về (râu dài, cỡi ngựa kéo binh gia rầm rộ).

Vợ chồng ông Thủ Từ Lê văn Thà thường thấy binh gia Ông về đông đảo hay nghe tiếng lục lục ngựa về đêm,

Ông Hai Bính thấy hào quang Ông về nhiều lần.

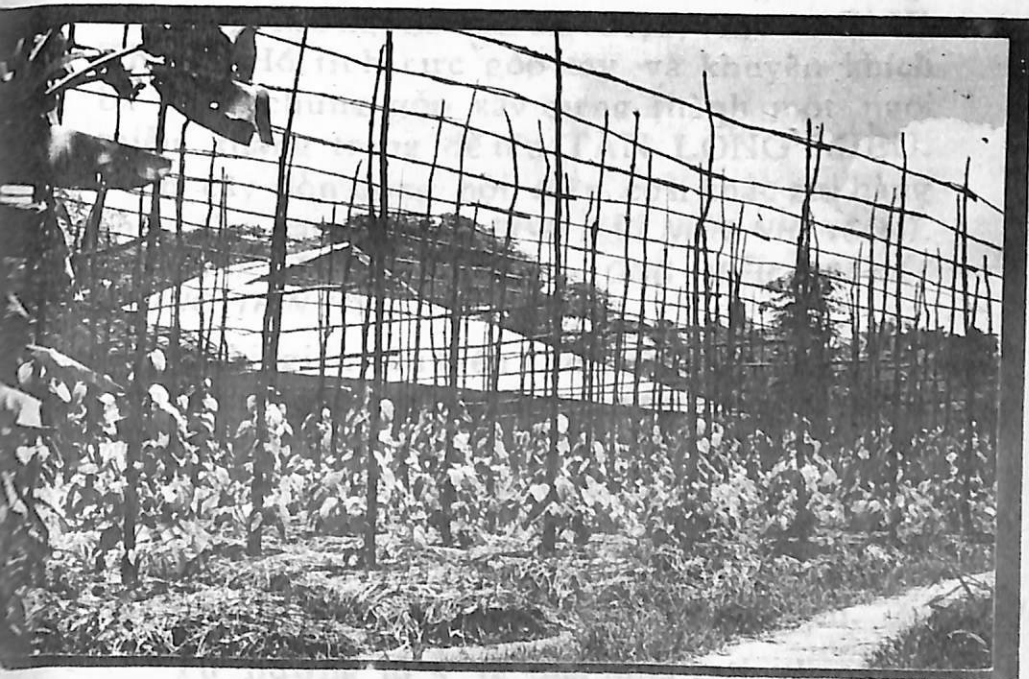
2. — Khi có binh hoạn ngặt nghèo như kỳ ôn dịch năm Mậu Tý (1948), dân trong ấp làm lễ thượng cờ Ông nhang đèn khấn nguyện thi khỏi. Cờ Ông là cổ vật di truyền từ lâu đời.

3. — Có khi người trong xóm mắc bệnh đau bụng đèn lạng khấn nguyện và thỉnh một nhúm tàn nhang trong lư hương trên bàn thờ Ông đem về lòng nước uống cũng thấy linh nghiệm,

TÂN LONG MIẾU TẠI XÃ AN-HÒA

Tại ấp Hòa Trung II, xã An Hòa có miếu thờ Hậu Quân Võ Tánh, dân địa phương thường gọi đình Ông hay miếu Ông. Đình Ông tọa lạc trên khu đất giống do tổ tiên cụ Trương văn Hòa mở bỏ lão ngụ gần đó hiện tại. Cuộc đời của vị khoảng hơn mười sào.

Đình được gây dựng từ lâu đời do các kỳ lão trong vùng đứng ra lập hội. Thoạt kỳ thủy chỉ có tám lá nhỏ. Về sau khoảng năm 1937, Thân hào Nhân sĩ như là các hương chức Hội



là đất di bộ khoảng chừng 600 thước thì dân đình Ông Xung quanh đình, mấy nếp trâu vàng

TẠI ấp Hòa Trung II, xã An Hòa có miếu thờ Hậu Quân Võ Tánh, dân địa phương thường gọi dinh Ông hay miếu Ông. Dinh Ông tọa lạc trên khu đất giống do tổ tiên cụ Trương văn Hớn một bộ lão ngụ gần đó hiến tặng. Cuộc đất chu vi khoảng hơn mười sào.

Dinh được gây dựng từ lâu đời do các kỳ lão trong vùng đứng ra lập hội. Thoạt kỳ thủy chỉ có am lá nhỏ. Về sau khoảng năm 1937, Thân hào Nhân sĩ như là các hương chức Hội Tế như Hương Cả Lê Bá Điện, Hương Cả Hà Thanh Hồ tích cực góp tay và khuyến khích bá tánh chung góp xây dựng thành một ngôi miếu khang trang để tên **TÂN LONG MIẾU**. Hiên cây đòn dông nội điện còn khắc ghi hàng chữ nho sau đây : « **DINH DÂN NIÊN. NHỊNGOAT. TAM THẬP NHỰT. TẠO TÂN LONG MIẾU, ĐẠI KIẾT LƯƠNG THÌN (1)** ».

Thời gian đầu biến Dinh bị hư hao ngói đổ. Qua năm 1969, nhờ một dự án tự túc phát triển, chánh phủ yểm trợ vật liệu, bà con trong hội đứng ra kể công người của chỉnh trang, giờ căn ngôi nội điện thay cây và lợp lại mái tôle, xây vách tường, tráng nền xi măng. Liền phía trước nội điện là một gian nhà võ ca trồng vách.

Từ hương lộ 5 rẽ qua phía trái, theo con lộ đất đi bộ khoảng chừng 600 thước thì đến dinh Ông Xung quanh dinh, mây liệp trâu vàng

(1) nhằm năm 1837 hoặc 1897.

bò lượt thướt. Cây còi mọc chen chúc.

Bên trong miếu tương đối rộng rãi, ra vào tự do. Chính giữa là bàn thờ Võ Quốc Công. Phía trước có kê bàn hương án. Hai hàng lễ bộ song song nổi hai hàng tứ trụ. Hai đôi liễn chạm trên tứ trụ như vậy:

— NGHĨA DŨNG KHỞI BINH CÔNG TỰ ĐẠI
DANH THÙY VŨ TRỤ

義勇起兵功自大
名垂宇宙

NHƠN THÀNH ĐÀI HÒA THẦN LAI HÀ
XỨ BẮT ANH HÙNG

仁誠臺火神來何
處不英雄

— NHỨT THỐNG AN NAM VẠN LÝ QUANG
THIÊN HÓA NHỨT

壹統安南萬里光
化天日

TAM NIÊN BÌNH KHẨU THIÊN THU HỘ
QUỐC TỶ DÂN

三年平寇千秋護
國庇民

Hội viên hội miếu Tân Long gồm bà con trong xóm. Việc phân nhiệm chưa rõ ràng. Thật ra hình như người nào cũng chỉ có nhiệm vụ hằng năm đèn cúng lễ mà thôi. Công việc thường xuyên như nhang đèn, quét dọn... thì có người Từ lo. Người Thủ Từ ở cạnh miếu, hưởng huê lợi mây giống trâu.

Hằng năm, Hội tổ chức cúng Quan Hậu 2 lệ chánh :

— Lệ Cầu An : vào ngày 16, 17 tháng 2 âm lịch

— Lệ Giỗ Ông : — 26, 27 — 5 —

Trước kia lệ Cầu An tổ chức vào 2 ngày 16 và 17 tháng 3 âm lịch nhưng sau xét vì ngày nầy trùng nhiều lệ cúng trong vùng nên hội đồng ý cúng lễ lại vào tháng 2. Lệ Cầu An bà con sum họp đông đảo. Thời có an ninh, làm ăn sung túc, hội thường rước hát bội về tổ chức cúng lớn.

Lễ chánh vào lúc 04 giờ khuya. Tới 8 giờ sáng bà con đèn dự đông đảo, bái cúng Ông và dùng ly rượu vui chơi thỏa thích cho tới xế trưa.

Lễ chánh năm nào cũng cúng đầu heo. Riêng lệ giỗ, Chánh Hối, Phó Hối và Thủ Bôn phải lo mua sắm bánh tét để cúng Ông. Bà con trong xóm tùy hỷ đầu đậu tiền cúng chia nhau chi phí. Người khá giả cúng cả một vài ngàn đồng. Năm nào tiền cũng có dư. Hội

thường mua một con heo giao cho hội viên nuôi để dự bị cho kỳ lễ tới.

Cứ như vậy hễ tới ngày lễ chẳng ai bảo ai, đóng rào trong xã tự động y phục chỉnh tề quý tỵ đèn chiêm bái Quan Hậu.

Ai nầy một lòng tin tưởng.

Hối năm 1945—1946, giặc Tây chiếm làng Tân Duân Đông, bên cách mạng phục binh giết được thằng Tây bêu đầu đem treo ở cầu Hòa Nghị. Giặc Tây tức giận ra lệnh thẳng tay tàn sát, đốt nhà đóng rào làng Tân Duân Đông để trả thù. Chúng đốt cháy rụi cả mấy chục gian nhà dọc từ ấp Tây Đại trở lên liên tiếp suốt mấy ngày liền. Nhưng riêng xóm Hòa Trung II thì may mắn không bị ảnh hưởng nào. Cũng như suốt thời gian mất an ninh, xóm nầy hoàn toàn không bị chiến tranh chệch chóc.

Bà con ai cũng đặt sự tin tưởng nhờ Đức Quan Hậu Quân hết lòng phò hộ mà trong xóm được yên vui. Thịnh thoắng, có người đèn nhang hoa quả đèn miếu bày lễ cúng tạ, hỏi ra mới hay đã nhờ nguyện cầu Ông phò trợ cho mà được nạn khỏi tai qua...

MIẾU ÔNG TẠI ẤP DƯƠNG-XUÂN XÃ PHƯỚC-TRUNG



CHÚNG tôi đến ấp Dương Xuân khi trời đã xè. Ánh nắng buổi trưa đỏ dón trên đám lúa chín vàng ối nằm la liệt hai bên đường. Con đường đất gồ ghề. Chiếc Honda chạy nhảy...

Ấp Dương Xuân trước kia thuộc làng Dương Phước. Khi làng Dương Phước hiệp nhứt với làng Tân Duân Trung thì ấp Dương Xuân trở thành một trong 7 ấp của xã Phước Trung. Mức sống dân chúng tại đây hình như còn nghèo lắm. Suốt cả ấp có 3 gian nhà ngói mà chỉ 1 gian tư gia còn 2 nhà ngói kia là miếu thờ Bà Chúa Xứ và miếu Ông Hậu Quân Võ Tánh. Hai ngôi miếu nằm cheo leo ngoài khu cây còi hoang vu giáp ranh với xã Bình Tân. Vì tình hình an ninh mấy năm nay nhà cửa dân chúng đều dời cư ra 2 bên lộ. Cách miếu Ông chừng 300 thước là đường cùng của ngọn Rạch Già dẫn từ sông Cửa Tiểu.

Chúng tôi làm quen hỏi thăm chú Nhân Dân Tự Vệ đứng gác để tìm miếu thờ Ông Hậu. Ngẫm nghĩ một hồi rồi chú bé vừa chỉ mái ngói lẫn khuất trong rặng cây đằng xa có vẻ âm u ấy vừa nhìn chúng tôi cười nói :
«Mấy ông phải đi bộ vô tròng mới được. Lúc này hồng sao chớ cách nay chừng nửa tháng tui mới bắt 2 thằng Việt Cộng ở tròng đó». Tự nhiên tôi có cảm tưởng khó chịu!

Đường bờ mầu chật hẹp quanh quanh quẹo quẹo. Những đám lúa vàng nghiệt ngã. Những bụi gai ô rô, cỏ dại quần quít dưới chơn và cây cầu sập sệ bắt ngang đường nước. Hồi xưa bờ

mẫu nẩy rộng rãi tươm tất, tới kỳ cúng lễ thỉnh sắc đi lại dễ dàng nhưng mấy năm qua thời cuộc bất an không ai tu bổ riết lở sụp hết. Lúc nầy cứ mỗi tuần bà con trong ấp dành 2 ngày tổ chức phát hoang nhưng khu phía trong miếu cũng có vẻ còn rậm rạp lắm.

Xung quanh miếu cỏ tranh mọc vượt bít bùng. Tuy bị hư hao lở vỡ nhiều, nhưng có thể nói xưa miếu nầy là một cơ sở thờ phượng lớn. Nhà ngói vánh tường. Tôi thấy có đề niên hiệu «1957». Bên trong bày biện nhiều bàn thờ và những khuôn biển đồ nát.

Theo lời mấy kỳ lão trong xóm thì miếu Ông lập từ lâu đời, nay không còn ai biết gốc tích lúc ban đầu. Mấy ông già trên 70 tuổi cũng chỉ nhớ hồi các cụ «biết chuyện rồi» thì đã thấy có cái miếu lá lợp sụp.

Đền năm 1927, Ban Hội Tế làng Dương Phước gồm các hương chức như ông Hương Cả Lê văn Huy, Hương Chủ Lê văn Thuận, Hương Chánh Lê văn Tư đứng đốc suất đóng bào chỉnh trang lại lợp ngói và che thêm nhà võ ca, nhà khói bên cạnh. Hễ tới lệ cúng thì tổ chức rước hát bội về vui chơi rầm rộ. Đền năm 1957, miếu được tái thiết kỳ chót cho tới bây giờ.

Trước kia làng có hiền cho miếu một vuông công thổ chừng 10 sào đất mọc toàn lá dừa nước, hằng năm được 5, 6 trăm đôi lá xé bán lấy tiền bỏ vào quỹ hội. Nhưng mấy năm nay đã

bị phát hoang trồng trái.

Hội thờ Hậu Quân ở đây có chừng 20 hội viên toàn người kỳ cựu. Tôi lệ cúng đồng bào cả ấp tế tự dự đồng đảo, có người ở ấp lân cận như Dương Khánh, Dương Lợi cũng mang lễ vật đến tham gia. Ban Quản Trị phân chia chức vụ như Chánh Chủ, Phó Chủ, Chánh Hối, Phó Hối, Thủ Bồn, Thủ Sự (lo nước nôi, củi lửa phụ với Thủ Bồn), Biện Hội, Thông Tín...

Hằng năm có 2 lệ cúng Ông :

— Lệ Kỳ Yên : ngày 16, 17 tháng 3 (chánh)

— Lệ Giỗ Ông : — 26, 27 — 5

Ngoài ra, vào dịp Tam Nguơn còn cúng thí Các Đẳng tại miếu.

Thầy từ trước đền nay nhứt là vào mấy năm chộn rộn, trong ấp Dương Xuân không có nguy biến nào đáng tiếc xảy ra, do đó đồng bào rất tin tưởng oai linh phò trợ của Quan Hậu Quân, cứ noi theo truyền thống cổ nhơn mà tiếp tục thờ phượng.

Trở ra lộ chúng tôi đến thăm nhà ông Ba cựu Chánh Chủ. Mấy năm nay vì già yếu ông Ba nhường chức Chánh Chủ cho người khác nhưng hòm sắc Hậu Quân vẫn lưu thờ tại nhà ông. Sau khi hiểu ý định của chúng tôi, các bà con trong hội đều đồng ý khấn sắc.

Hai ly nước lạnh và nhang đèn bày ra trước bàn ghè giữa. Bà Ba mặc chiếc áo dài đen. Ông Ba thỉnh hòm sắc đặt ngay trên bàn lau khóa bụi, miệng lâm râm khấn vái. Tôi

nghe từng tiếng của bà Ba van vái như nói chuyện với người sống: « *Bà Ông ! Bữa nay có người ta đến thăm Ông ... xin Ông cho phép người ta coi mất đề làm nở mày nở mặt Ông. Lạy Ông ! Cầu nguyện Ông phò hộ cho bà con trong ấp ...* »

Bán sao bằng sắc Hậu Quân quần nhiều lớp giấy để trong hộp cây sơn đỏ bị nhiều vết chuột cắn lam nham. Tay tôi rung rung gõ từng miếng giấy một cách mất bình thường, ngọt ngọt. Cơn gió hắt mạnh qua cuốn theo tờ sắc. Tôi giữ lại thật nhẹ nhàng và cò mò đoán từng chữ nho phai nét :

« *Khâm Sai Chương Hậu Quân Bình Tây Tham Thặng Đại Tướng Quân thụ Trung Chánh Võ Công Tôn Thần. Khâm Sai Lễ Bộ Gia Tặng Tán Trị Công Thần thụ Trung Ý Ngô Công Tôn Thần.*

Khâm Sai Thống Binh Cai Cơ Gia Tặng Chương Dinh Công Thần thụ Trung Liệt Nguyễn Công Tôn Thần.

Giáp Thìn niên Thất nguyệt Sơ Lục nhật »

Tôi xoay trở một bên. Không biết bà Ba đã ngồi bẹp bên chơn tôi hồi nào mà thấy bà vẫn còn khom lạy liên hồi một cách kính cẩn gần như úp mặt sát xuống đất.

Nội một ngày mà tôi đã trải qua hai cơn xúc động. Hồi trưa lo sợ rủi ro bắt trắc vì có thể « bên kia » rình rập đầu đây còn bây giờ trong người tôi lại biến thay kỳ lạ bởi cái không khí linh thiêng bao trùm. Tôi thấy hình như kẻ vô thần và người hữu thần đều có mãnh lực như nhau. Ở đây có nhiều bà con đông đảo còn ngoài kia bụi rậm lẻ loi chỉ toàn cây cỏ...

BẢNG TỔNG KẾT CÁC LỄ TẾT

(có dầu)

CƠ SỞ	Tháng Giêng	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5
Đình Quan Hậu Thị trấn Nhứt					26, 27, 28 Giỗ Quốc lớn *
Đình Thần Xã Bình Long			16, 17 : Hạ Điền		
Đình Thần Xã An Hòa	12, 13 : Tổng phong	12, 13 Cầu An *			12, 13 : Hạ Điền
Đình Thần Xã Tân Thành		19, 20 : Kỳ Yên *		16, 17 : Hạ Điền	
Lăng Ông Thị trấn Hội		15, 16 Cầu An *			
Nhà Vương Ấp Bàu		11, 12 Cầu An *			
Đền Quốc Công Miếu xã Long Thuận	19, 20 Tế Xuân	12, 13 Cầu An *			26, 27 : Giỗ Ông
Chùa Ông Xã Vĩnh Viễn	20, 21 Cầu An *				26, 27 Giỗ Ông
Đền Long Miếu Xã An Hòa		16, 17 Cầu An *			26, 27 : Giỗ Ông
Lăng Ông Xã Xóm Ngoài	19, 20 Tế Xuân				26, 27 : Giỗ Ông
Lăng Ông Giồng Chùa		07, 08 : Tế Xuân *		16, 17- Hạ Điền	26, 27 Giỗ Ông
Miếu Ông Đương Xuân			16, 17 : Kỳ Yên *		26, 27 : Giỗ Ông
TỔNG KẾT	04 lễ	07 lễ	02 lễ	02 lễ	08 lễ

Ồ QUỐC CÔNG TẠI TỈNH GÒ CÔNG

là lệ chánh)

Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng Chạp
						16, 17: Cầu An *
				12, 13: Thượng Điền		12, 13: Lạp Miếu
			15, 16: Cầu Bông			
			16, 17 Cầu Bông			
		15, 16: Tả Thu				
—	—	01 lễ	02 lễ	01 lễ	—	02 lễ

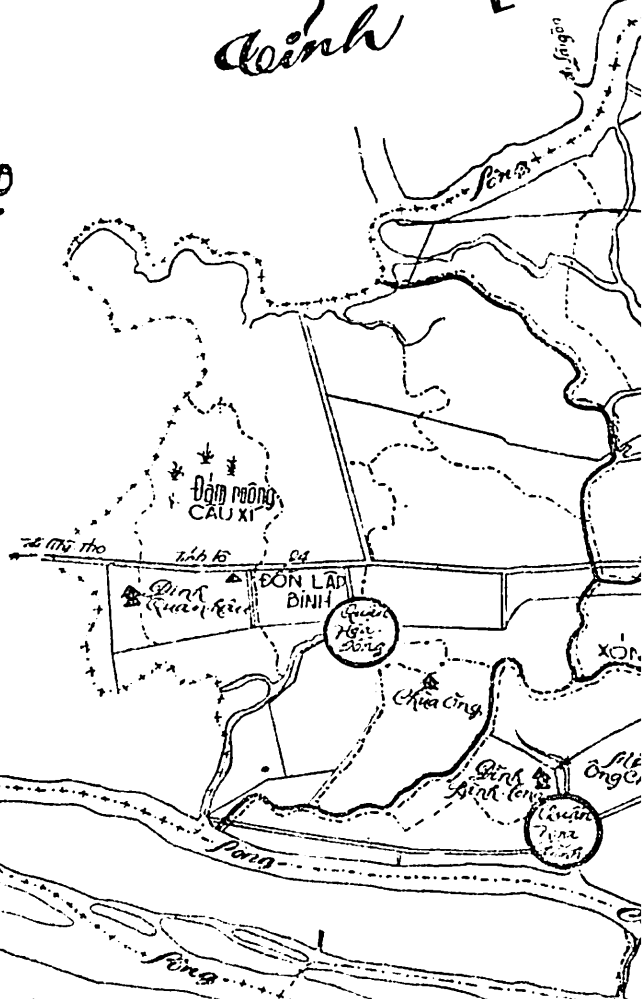
Cố Định

Ngày 1/1

Cố Định - ĐINH TƯỜNG

Cố Định

LONG



Cố Định

Ranh Tỉnh

Ranh Quận

Ranh Xã

ĐI - TÍCH

Cố Định

Cố Định

KIÊN

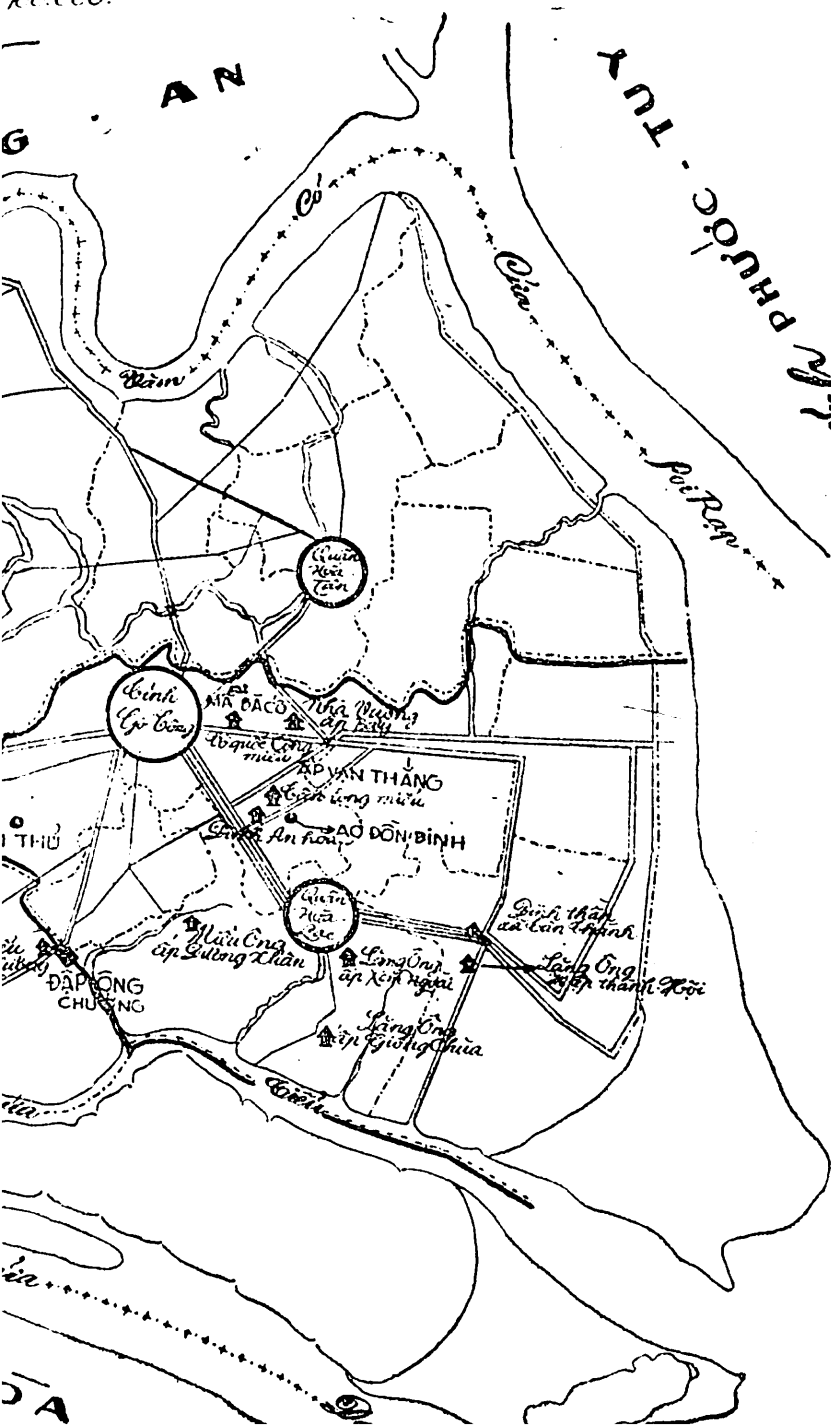
H

'100.000.

Widow
Phoebe - Tux



HAZZ



PHẦN KẾT LUẬN

ANH hùng Võ Tánh vẹn toàn nghĩa tiết
hiếu trung là tấm gương soi sáng cho hậu thế
ngàn đời. Mẫu người ưu tú đó cùng bao nhiêu
vì sao lịch sử khác đã chiều rọi và hun đúc dòng
máu Việt bất khuất, kiên cường. Trên khắp nước
Việt Nam ngày nay danh Võ Tánh đã trở thành
bất tử.

Tại Gò Công, dân chúng sùng phụng công
đức Võ Quốc Công một cách đặc biệt vì hành
động của người đi trước phù hợp mọi cách xuất
sắc theo tiêu chuẩn Chơn Thiện Mỹ của xã hội
Đông phương, vả lại, công việc làm của kẻ hậu
sanh để hướng về nguồn Võ Quốc Công lúc sanh
thời là người Việt đầu tiên cai trị vùng đất Gò
Công. Cai trị hiếu theo nghĩa dùng quyền lực
chung làm sức mạnh phụng sự quần chúng.

Cũng đồng là danh nhơn địa phương nhưng
uy danh Võ Quốc Công có tánh cách rộng rãi cùng
khắp hơn Đại Nguyên Soái Trương Công Định.
Nếu không muốn so sánh giá trị siêu việt giữa 2
đẳng đại nhơn đó thì hoàn cảnh lịch sử thuận lợi
của Võ Quốc Công cũng giải thích được sự kiện
này. Võ Quốc Công là bậc võ tướng dày công
khôi phục cơ đồ triều Nguyễn. Từ Nguyễn Gia
Long (1802-1919) đến Hoàng Đề Vĩnh Thụy Bảo
Đại (1926-1945) đều đặt cho Ngài một chỗ tôn
kinh xứng đáng. Những sắc Thượng Đẳng Thần

nhà vua ban cho dân chúng vùng Gò Công phụng thờ Võ Quốc Công đã minh chứng điều đó. Uy danh của Ngài được thần thánh hóa và phổ cập rộng rãi khắp từng lớp bình dân để thâm nhập vào phong tục (cúng đình vào dịp Tam nguyên Tứ quý, cúng mừng 5 tháng 5, cúng đưa rước dịp Tết Nguyên Đán...). Trong khi đó, công đức của Trương Đại Tướng từ lúc sanh cho tới lúc tử, từ lúc giặc Tây mới đặt chơn lên đất nước này đến suốt cả thời gian hơn nửa thế kỷ Pháp thuộc đều đã bị sức mạnh bôi xóa xuyên tạc. Sau khi người Pháp ra đi, oai đức Trương Công mới được khơi dậy trong lòng quần chúng.

Dù vậy, có thể nói lòng người đối với Võ Quốc Công cũng chưa đúng mức. Hiện còn một số quần chúng thờ ơ và rất nhiều người chưa ý thức về công việc thờ phượng của mình. Trong số dân chúng địa phương hằng năm phụng thờ Võ Quốc Công có bao nhiêu người đã biết rõ tiêu sử công nghiệp cùng giá trị siêu việt của người khuất mặt? Vấn đề đó rất cần thiết. Bởi vì nếu thờ cúng chỉ căn cứ vào ý thức mơ hồ thì thường dễ đưa đến mê tín dị đoan hay chỉ vì cầu an, cầu lợi cá nhân mà thôi. Bất cứ sự thờ phượng nào kể cả thờ cúng tổ tiên mà kẻ sống chỉ cốt ý để được đăng khuôn mặt che chở phò hộ cho mình mạnh khỏe, giàu sang... thì sự thờ cúng đó đều giảm đi gần hết ý nghĩa. Hành vi cầu lợi cá nhân như những trường hợp gia nhập hội tề

tự để được hưởng đặc miễn công tác phòng vệ hay có kẻ lợi dụng nương tựa vào mê tín của quần chúng cứ mỗi lần đèn viêng thăm nơi thờ phượng tiến hơn là mỗi lần đóng trò làm bộ để tìm hậu thuẫn chánh trị cho riêng mình.

Hiện tại còn nhiều tổ chức thờ cúng tượng niệm thần linh chỉ là sự kết hợp lỏng lẻo chưa đủ tiêu chuẩn về pháp lý và sự vững vàng về cơ cấu điều hành. Trường hợp điển hình như các Hội Đồng Khánh Tiết tại địa phương chẳng hạn, theo nội quy thành văn vài Hội Đồng Khánh Tiết đã được hợp thức hóa thì thành phần Ban Quản Trị gồm các chức vụ như Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch, Ủy viên, Thư Ký, Thủ Quỹ...v.v.. nhưng thực tế các Hội Đồng Khánh Tiết không cần loại chức vụ đó mà theo truyền thống chỉ dùng danh xưng Kê Hiến, Hương Cả, Hương Chủ, Hương Sư... và những chức vụ «Cả, Chủ, Sư, Trưởng» hiện thôn dân chỉ xếp đặt với nhau cho có vị để phụ sự cúng kiếng chớ chưa minh định trách nhiệm cùng quyền hạn một cách rõ ràng.

Vì vậy, vấn đề chánh yếu cần được đặt ra ở đây là :

— Tạo niềm tin tưởng mãnh liệt sâu rộng trong quần chúng nhằm phát huy mục thước cao quý của tiến hơn.

— Chính đồn lại các tổ chức thờ phượng.

Ngày nay, thành công rực rỡ của tiền bộ vật chất tạo cho nền văn minh Đông Phương bị ảnh hưởng lung lay đảo lộn nhứt là từ khi chủ nghĩa duy vật Mác Xít bành trướng thì vấn đề phải đặt lại cho chúng ta là tìm lối sống xứng đáng cho người quốc gia. Đó là làm thế nào giữ được tập quán hằng mấy thế kỷ đã hun đúc nên, giữ lại tinh hoa đã hàn gắn xã hội từ bao đời và để khỏi bị chìm đắm trong bức màn u tối của xã hội kém mở mang bám đầy hủ tục. Đường hướng theo đuổi là vừa bảo vệ cuộc sống tâm linh mà đồng thời không cản trở đà văn minh tiền bộ.

Truyền thống dân tộc Việt Nam đặt trên căn bản tinh thần hướng về công bằng, bác ái, nhơn lễ nghĩa trí tín... Giá trị Chơn Thiện Mỹ đó được mơ tưởng qua những Đấng Tồi Cao : Trời, Phật, Thánh, Thần... Do đó mà sinh hoạt tín ngưỡng chi phối rất mãnh liệt trong cuộc sống hằng ngày. Nhưng vì bao thế kỷ thiếu ánh sáng văn minh, phong tục cổ truyền Việt Nam lại nhuốm nhiều sự thần bí, mê tín dị đoan. Cho nên việc lành mạnh hóa xã hội là sự chấn hưng, phát huy cái tốt còn thích hợp và loại bỏ cái xấu đã lỗi thời.

Mặt khác, việc tín ngưỡng thần thánh không những chỉ là sinh hoạt văn hóa mà còn liên hệ nhiều đến chánh trị nữa.

Hãy sánh với tục lệ thờ Quan Thánh Đền Quan khắp nước Tàu mà nay còn lan tràn mạnh mẽ ở Việt Nam thì thấy rõ nếu biết sử dụng sự kiện tín ngưỡng đúng mức thì sẽ được một đòn phép chánh trị hữu hiệu.

Tục thờ Văn Trường khởi từ đời nhà Thanh, xướng lên bởi các tay giăng hồ mã võ cách mạng phản Thanh phục Minh. Miếu thờ Quan Võ chính là một hình thức hội kín mang bộ mặt hợp pháp. Nhưng kẻ hoạch nầy bị Thanh triều phá vỡ. Vua Thuận Trị nhà Thanh thấy tình hình nếu cứ để hội kín núp dưới bóng Văn Trường thì rất nguy hiểm mà đàn áp cũng chắc không xong nên mới giáp chỉ cho toàn quốc lập miếu thờ, giáp chỉ nầy cũng được áp dụng luôn cả với dân tộc Mãn Thanh nữa. Mục đích là làm chết không khí hội kín bên trong hệ thống miếu thờ Văn Trường. Vua Càn Long phong cho Quan Võ làm «TRUNG NGHĨA VÕ THẦN ĐẠI ĐỀ». Quả nhiên, Hội Văn Trường mất hẳn hiệu lực, từ cách mạng chuyển ra mê tín cầu phúc giải tội, dần dần các miếu lọt vào tay bọn buôn Thần bán Thánh. Âm mưu phục Minh cũng tan rã (1).

Nay nếu đứng trên căn bản dân tộc mà so sánh hơn vật thì người hùng Võ Tánh của

(1) VŨ TÀI LỤC - ĐỌC CHUYỆN TAM QUỐC, trang 196.

dân tộc Việt Nam chắc chắn không thua kém người quân tử Quan Vân Trường của dân tộc Trung Hoa trước đó gần hai mươi thế kỷ. Thế nên, khi khéo léo huyền biến nhằm cổ xúy lòng tôn thờ Võ Quốc Công thì vô hình trung cũng tạo được điều kiện thuận lợi cho công cuộc để kháng chủ nghĩa Cộng Sản.

Lý thuyết Cộng Sản có tánh cách vô thần, biến con người thành những bộ máy. Giá trị Cộng Sản chỉ căn cứ theo kinh nghiệm, ý chí và khả năng vật chất. Theo Lénine : *« Tôn giáo áp bức tinh thần, luôn đè nặng trên quần chúng nhơn dân khiến họ suốt đời phải lao động cho người khác, cam chịu bần cùng và cô độc »*. Theo Karl Marx : *« Tôn giáo là thuốc phiện đầu độc nhơn dân »* Những bằng chứng Cộng Sản Việt tiêu hủy cơ sở thờ phượng của dân chúng cũng đã minh chứng được bản chất vô thần của họ. Trong khi tín ngưỡng Võ Quốc Công dựa trên căn bản *« Ngũ Thường »* khó có thể dung hòa với chủ nghĩa quá khích đó.

Nhà cách mạng Phan Chu Trinh có nói : *« Đạo mất trước rồi Nước mất sau »* Đạo đó là đạo lý TRUNG HIỆU NHƠN LỄ NGHĨA của con người.

Những vị ban đầu bày dẫn quần chúng thờ phượng Võ Quốc Công chắc chắn là lớp nho sĩ, những phần tử trí thức cảm thông trọn vẹn bản chất cao thượng của người quá cố (xem nội dung các văn tề cúng Võ Quốc Công).

Nhưng không hiểu vô tình hay cố ý khi cần hòa điệu với cảm kích của quần chúng thì qua thời gian bản chất cao thượng đó đã được biến hóa dưới những huyền thoại dễ hấp dẫn, dễ vận động giới bình dân. Những sự biến hóa dù thành huyền thoại thì nó cũng vẫn đượm bản chất cao thượng. Phải chăng huyền thoại *« kẻ trộm cắp máng xối tráo trở vòng vàng bị Ông hành phạt »* là nguyên lý dẫn về đức chuộng lẽ công bằng, ghét bỏ bất công, gian dối. Phải chăng huyền thoại *« Ông che chở phò hộ dân chúng khỏi binh hoạn, tránh được tai nạn chiến tranh »* đã thể hiện đức từ bi, bác ái, từ bỏ bản năng hiếu chiến, hiếu sát của con người ? Còn những tin tưởng khác dù cũng là huyền thoại không tưởng đi nữa nhưng ít nhiều nó cũng nằm trong triết lý hướng con người đến Nhơn Lễ Nghĩa cùng với quyền năng vô biên, sáng suốt vô lượng của Đấng Khuất Mặt.

Từ một tiền đề giống nhau đến một hậu kết giống nhau nó đã trải qua nhiều phản ứng hòa hợp dưới muôn dạng hình thức tùy theo hoàn cảnh xã hội và tâm lý quần chúng.

Tuy nhiên, dù muôn dù không ta cũng phải công nhận rằng những hiện tượng tin tưởng có tánh cách mê tín dị đoan quá đáng hẳn không phải là lợi khí chòng Cộng sắc bén. Mọi tư tưởng thoái hóa bọc bên ngoài bằng những huyền thoại lỗi thời sẽ làm giảm sự hưởng ứng

của các phần tử trí thức có đầu óc tiên bộ, khoa học và thực tế (mê tín Ông Cờ ở Vĩnh Viễn không dính dấp gì đến oai linh Võ Quốc Công, lấy nhúm tro trên bàn thờ Võ Quốc Công tại Lăng Giồng Chùa uống trị bệnh có tánh cách phản khoa học, mất vệ sinh). Vả lại, những tổ chức còn quá rời rạc, lỏng lẻo như các hội thờ cúng hiện tại cũng chưa đủ tạo sức mạnh và ý thức đoàn thể để hỗ trợ công cuộc chiến đấu chống lại tà thuyết ngoại lai.

Trở ngại chung trong hoàn cảnh nông thôn là những sự tín ngưỡng đượm nhiều tà thuật dị đoan thì dễ thâm nhập sâu rộng trong dân chúng hơn là tín ngưỡng thuần khiết.

Làm sao để tách tà thuật dị đoan ra khỏi tín ngưỡng thuần khiết ? — Đó là sự *canh tân*. Canh tân liên tục để chọn giữ cái tốt và lọc bỏ cái dở. Khó khăn trong vấn đề này bởi chánh quyền khó thể bài bác thủ tiêu những mê tín dị đoan trực tiếp cũng như không làm sao buộc dân chúng từ bỏ tư tưởng mà họ cho là đáng tin tưởng. Vấn đề bao gồm cả việc mở mang dân trí. Nó đặt ra cho chánh quyền và dân chúng công việc sau đây :

— **VỀ PHÍA CHÁNH QUYỀN** : phải làm sao phổ biến rộng rãi và vận động trường kỳ cho quần chúng am hiểu lịch sử oai hùng của tiền nhon để gây tự ái dân tộc và hướng dẫn sinh

hoạt đấu tranh cho lớp người hiện tại cũng như mai sau. Đấu tranh hướng về Chơn Thiện Mỹ và tự tồn. Trong xã hội đổ vỡ hiện tại, tất cả giá trị tinh hoa gần như không còn bao nhiêu, những kẻ thật tâm chuộng lẽ phải, yêu quê hương dân tộc hình như không còn mấy thì công việc này lại càng phải quan tâm hơn nữa.

Thiên nghi dân tộc Việt Nam đã được giáo dục, hướng dẫn để kiêu hãnh vì nguồn gốc quốc tổ Rồng Tiên, mỗi xã thôn Việt Nam đều có điểm tựa tinh thần là chư vị Thần làng oai linh thì mỗi tỉnh cũng cần suy tôn chánh thức các bậc anh hùng dân tộc xuất chúng đủ tiêu chuẩn làm căn bản tư tưởng và hành động cho đồng bào địa phương đó. Ngày xưa nước ta có lệ vua đại diện Trời để ban cấp sắc Thần cho dân chúng chiêm ngưỡng thờ phượng, phải chăng đó là kỹ thuật cai trị của triều đình nhằm khuyến khích thần dân trung quân ái quốc ? Ngày nay người lãnh đạo quốc gia không đại diện Trời mà đại diện Dân thì với quyền lực xã hội trong tay cũng có thể làm sáng tỏ oai danh những bậc anh hùng địa phương nhằm kích thích tâm lý quần chúng bằng nhiều sinh hoạt văn hóa khác.

Thêm vào đó, chánh quyền phải đào tạo và sử dụng một lớp cán bộ có khả năng và đạo đức để thường xuyên sinh hoạt hướng đạo cho các tổ chức nhơn dân. Các tác nhơn chánh

trị phải hòa hợp để hỗ trợ đúng mức mà không bao giờ my dân, phải dám xây dựng lại lễ thói mê tín không còn thích hợp và truyền bá rộng rãi những điều hay lẽ phải mà người dân thiếu khả năng để hiểu hay không đủ khả năng để làm.

— **VỀ PHÍA DÂN CHÚNG** : mọi tầng lớp quần chúng phải ý thức rằng văn minh không phải chỉ hướng tìm về những tiên bộ vật chất và lối sống nước ngoài mà còn phải khơi dậy đúng mức những tinh hoa văn hóa cổ truyền của ông cha để lại. Trong cơn tao loạn hỗn mang của xã hội ngày nay, chúng ta cần quay trở về «Nhơn Nghĩa Lễ Trí Tín» để kiến tạo một xã hội thanh bình hạnh phúc.

Muốn quốc gia tiên bộ chúng ta phải tự dứt bỏ những điều phi lý chậm tiến, duy trì điểm sáng dân tộc và tiếp nhận mọi cái hay của người khác.

Trong chiều hướng đó, về phương diện tín ngưỡng, không thể nào cứ duy trì mãi tình trạng thờ phượng bông lông, cứ thờ cúng mà không biết rõ thờ cúng ai ! Hiện có thể nói trên 60% gia đình đồng bào tại nông thôn ngoài bàn thờ gia tiên ra còn có thêm nhiều ngai thờ khác không thuộc tôn giáo, thần tích lò mớ như thờ Bà Cửu Thiên Huyền Nữ, Nữ Oa Thần Nữ, Thủy Triều Long Nữ, Chúa Tiên

Chúa Ngọc, Thánh Anh La Sát, Cậu Tài Cậu Quý, Ngũ Phương Ngũ Hành, Thần Tài Thổ Địa..v.v... thậm chí có người ra chợ mua khuôn kiền thủy viết vài chữ Tàu đen đỏ về lập ngay đốt nhang thờ cúng mà không biết thờ gì cả!

Sự kiện trên chứng tỏ dân ta rất dối dào lòng tín ngưỡng nhưng tín ngưỡng thường khi đượm đầy tánh cách cá nhân cầu lợi (thờ để có người « ươm hộ » cho khỏi bị ma quỷ ám hại hay được giàu sang phúc lộc, mạnh giỏi...). Chúng tôi nghĩ nếu thay vào khuyết điểm đó bằng cách mỗi gia đình chúng ta **LẬP THỈNH LINH VỊ ANH HÙNG DÂN TỘC THỜ TRONG NHÀ** thì không gì hợp lý và cao thượng cho bằng. Những anh hùng hiển thánh như Đức Võ Quốc Công quả đâu thiếu quyền năng siêu việt, cũng không thiếu tiêu chuẩn đạo đức của cổ nhân (Nhơn, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, Nhân, Trung, Dũng ..). Nghiễn ngẫm kỹ chơn dung đạo đức Võ Quốc Công sẽ chẳng tìm đâu ra điểm để chỉ trích nếu không muốn nói là toàn thiện không kém thần tượng Quan Vân Trường của dân tộc Trung Hoa lúc Ngài chưa hiển thánh.

Xét về các hội tề tự hiện tại, theo ý chúng tôi cần chấn chỉnh lại từ cơ cấu tổ chức tới cách sinh hoạt. Đối tượng liên hệ ở đây là các Hội Xóm và các Hội Đồng Khánh Tiết trong xã.

Bản chất dân ta từ xưa vẫn thích sống vì thực tế hơn là chịu sự chi phối của những nguyên tắc pháp lý. Trong xã hội ngày nay, thói quen này cần được cải thiện. Do đó, vấn đề xin hợp thức hóa các hội tế tự thành tổ chức như dân hợp pháp cũng rất cần thiết. (Trong 12 tổ chức thờ Võ Quốc Công xét ở phần thứ hai chỉ có 04 tổ chức đã có giấy phép hoạt động còn lại thì chỉ là tổ chức thực tế theo phong tục mà thôi).

ĐÔI VỚI HỘI ĐỒNG KHÁNH TIẾT : có thể nói cơ cấu của tổ chức này hãy còn rất phức tạp vì sự khác biệt nhau giữa xã này với xã khác và phức tạp ngay trong cơ cấu nội bộ. Có nơi đã dứt bỏ hết dĩ vãng để lập lại một Hội Đồng Khánh Tiết gồm các chức vụ như Cờ vắn, Chủ tịch, Thơ ký, Thủ quỹ và các Hội viên ...

Tuy nhiên, tinh thần xã thôn là tinh thần vị thứ, tôn ty. Chắc hẳn niềm vui tinh thần của bà con ta tại nông thôn là thứ vị hương chức chôn định trung, bằng có trong các ngày dự lễ nơi *« miếng giữa làng bằng một sàng xó chợ »* đó, người ta chỉ gọi nhau bằng bác Kề Hiến, anh Hương Cà, chú Hương Sư ... chứ ít ai gọi nhau bằng bác Tư, anh Sáu ... Vậy nên vấn đề đặt ra không phải nên duy trì danh xưng cũ hay bỏ đi mà là phải sắp xếp lại thế nào cho hoàn bị Thứ tự hương chức bị xáo trộn từ khi Ban Hội Tế trong làng bị giải tán để

thay vào đó bằng một Hội Đồng Hương Chính hay Ủy Ban Hành Chánh Xã. Từ đó đến nay không còn sự khác biệt Nội Ngoại Hội Tế nữa mà tất cả đều chỉ là các hương chức thuần túy lo việc tế tự trong xã mà thôi. Để giải quyết vấn đề này chúng tôi thấy việc sắp xếp Hội Đồng Khánh Tiết gồm có 3 thành phần như sau đây là dung hòa nhất :

— Thành phần cổ văn : gồm các hương chức lớn tuổi, uy tín, thuộc Ngoại Hội Tế cũ nay không thể xếp dưới chức Cả Chủ được. Đó là : *Kế Hiền* (cổ văn tời cao), *Hương Quan* (cổ văn đặc trách tiếp xúc viên chức chánh quyền), *Đại Hương Cả* (cổ văn đặc trách điều hành chung), *Chánh Bái* và *Bồi Bái* (cổ văn đặc trách nghi lễ).

— Thành phần quản trị : do *Hương Cả* chỉ huy gồm 12 hương chức Hội Tế cũ và bổ sung vài hương chức Ngoại Hội Tế cho phù hợp với mục đích của các Hội Đồng Khánh Tiết. Đó là : *Hương Cả*, *Hương Chủ*, *Hương Sư*, *Hương Trưởng*, *Hương Chánh*, *Hương Giáo*, *Hương Quản*, *Hương Bộ*, *Hương Thân*, *Thôn Trưởng*, *Hương Hào*, *Chánh Lục Bộ*, *Hương Ván*, *Hương Lễ*, *Hương Nhạc*.

- Thành phần hội viên : gồm vô giới hạn các hương chức Ngoại Hội Tế còn lại. Mỗi hội viên có 1 danh xưng, càng nhiều càng tốt để đối đãi nhơn sự. Như là : *Hương Kiềm, Hương Trạ, Hương Lão, Hương Bồn, Hương Viên, Hương Thờ, Hương Nghị, Hương Sự, Hương Nhứt, Hương Nhì, Hương Ba, Hương Tư, Hương Huấn, Hương Đình, Hương Khách, Hương Biện, Hương Việc, Hương Tuần, Cai Đình, Cai Hương, Biện Đình, Cai Thôn. Phó Thôn .v.v.*

Thành phần hương chức Ban Quản Trị cũng cần phòng theo nhiệm vụ Hội Tế cũ để minh định lại rõ ràng cho chức vụ mới phù hợp với vai trò tề tự hiện tại. Thí dụ : *Hương Cả* trách nhiệm hướng dẫn coi sóc tất cả công việc, thi hành nội quy, *HƯƠNG CHỦ* thay mặt *Hương Cả* và phụ giúp *Hương Cả* các vấn đề ngoại vụ, *HƯƠNG SƯ* thay mặt *Hương Cả* điều khiển các phiên họp Hội Đồng Khánh Tiết, phụ giúp đôn đốc kiểm soát nội bộ, *HƯƠNG TRƯỞNG, HƯƠNG GIÁO* hướng dẫn nghi lễ, *HƯƠNG CHÁNH* tìm hiểu và hòa giải các mâu thuẫn bất hòa nội bộ hay giữa Hội Đồng Khánh Tiết với người ngoài, *HƯƠNG QUẢN* nghiên cứu và thực hiện các biện pháp trông nom bảo vệ đình thần, phân công sắp xếp trật tự trong các ngày lễ cúng hay hội họp.v.v..

Đồng thời, cũng cần mở rộng Hội Đồng Khánh Tiết kết nạp thêm phần tử trẻ tuổi để tập cho họ quen và truyền cho họ đủ những nghi thức tề lễ ngõ hầu truyền thông dân tộc không bị phai mờ hay xóa bỏ bởi chiến tranh dai dẳng và tâm lý lăm lẩn của kẻ hậu sanh. Đáng khác, phải chăng cũng nên để cử phái nữ vào Hội Đồng Khánh Tiết. Hồi xưa, tư tưởng «trọng nam khinh nữ», «nam ngoại nữ nội» đã ràng buộc người đàn bà Việt Nam ru rú trong nhà. Nay theo đà tiến bộ phái nữ đã có cơ hội đóng góp tích cực trong mọi công tác xã hội. Một điều hơi vô lý là hễ tới ngày cúng kiếng phái nữ tham dự đông đảo mà thành phần Hội Đồng Khánh Tiết trong xã cả trăm người lại không có chức việc nữ nào cả !

ĐÔI VỚI CÁC HỘI XÓM : theo chiều hướng trên, chúng tôi đề nghị mỗi Hội Xóm nên thành lập một Ban Quản Trị gồm các chức vụ sau đây :

- **CHÁNH CHỦ HỘI, PHÓ CHỦ HỘI :** chỉ huy.
- **CHÁNH HỒI, PHÓ HỒI :** phụ trách nghi lễ.
- **THỦ BỒN :** quản thủ tài sản, thực hiện công tác.
- **BIÊN HỘI :** thơ ký, sổ sách.
- **THỐNG TÍN :** thông tin, liên lạc.

Muốn hoàn bị công việc đó, mọi từng lớp dân ta phải tự giác và từ bỏ những thành kiến lăm lẩn lỗi thời. Tham gia cúng tề sùng phượng anh hùng dân tộc không phải là sự hy

sinh mà chỉ là bốn phận của người Việt Nam không phân biệt tôn giáo, giai cấp, nam hay nữ, trẻ hay già, nghèo hay giàu ... Mọi người đều phải tích cực, không nên đem trả giá thần thánh với vài công việc cá nhân vụn vặt.

Một điểm nữa cũng không kém phần quan trọng là trở về truyền thống không có nghĩa là thủ cựu, bảo thủ. Chúng tôi muốn nêu lên mức độ hợp lý của quần chúng đối với Thần linh. Nhiều nơi chỉ vì kính trọng Thần linh quá đáng mà vô tình để sắc Thần bị âm mục, mỗi một đục khoét, dân chúng lại cứ chịu mịt mù về thần tích. Ở đó, hễ khi ai đặt vấn đề diễn kể thần tích cho dân chúng hiểu biết thì các người trách nhiệm kiêng cử cũng như khi giờ sắc Thần ra cho bá tánh chiêm ngưỡng thì sợ «chôm xóm hao động!»

Xưa ngoài Bắc có nhiều đền thờ anh hùng dân tộc năm nào tới lễ cúng cũng có trình diễn thần tích. Như tại làng Phù Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh có hội làng thờ Phù Đồng Thiên Vương. Cứ tới ngày mừng 9 tháng tư, dân chúng tập hát diễn lại tích «*Cậu bé phá giặc Ân*» Cũng như ở làng Trường Yên, tỉnh Ninh Bình có đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, hằng năm cứ đến ngày 14 tháng 2 âm lịch thì dân làng diễn tuồng «*Cờ lau tập trận*». Diễn thần tích là cốt để cho dân chúng hiểu, nhắc nhở khơi dậy trong

lòng dân chúng nghĩa cử cao quý của vị Thần mình thờ phượng chớ không phải là « nhái » đảng khuất mặt để « bị quở ». Cho nên tới ngày lễ cúng Võ Quốc Công mà rước hát bội hoặc các ban văn nghệ địa phương trình diễn vở tuồng « **VÕ TẤN H TUẤN TIẾT** » hay « **ANH HÙNG VẠN THẮNG** » thì có ý nghĩa hơn mọi tuồng đại chúng khác như : Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu, Bao Công tra án Quách Què, San Hậu, Chung Vô Diễm..v.v.. Loại tuồng đó chỉ nên phụ diễn thêm cùng với thần tích để lễ Thần và cho dân chúng xem giải trí mà thôi.

Mặt khác, nghi thức **KHÁN SẮC** sau đây lược thuật trong sách *Nếp cũ : Tín Ngưỡng Việt Nam* của Toan Ánh, chúng tôi thấy rất đáng áp dụng.

Cứ tới lễ cúng đình, Hội Đồng Khánh Tiết thỉnh sắc đi vãng gia thăm bá tánh. Trước đó đã có **LỄ KHAI SẮC** như sau : « một cái bàn phủ nắp được đặt trước nghi ngại có cả nhang đèn và khay trầu rượu. Ban Tế Tự đứng nguyên hương vái lạy có lễ sĩ (học trò lễ) đứng hầu. Kế đó có 2 lễ sĩ mặc y phục, đội mão mang hia theo văn quan thời xưa, theo sau là vị cao cấp trong Ban Tế Tự đến chánh điện. Hai lễ sĩ kính cẩn đến ngai Thần khiêng hòm sắc đem xuống đặt trên bàn. Đồng thời, có tiếng trống nhạc nổi lên. Khi vái lạy xong, ông Chánh Bái bèn mở khóa thỉnh sắc trải ra trên bàn và khi đặt rồi thì nhạc đánh **TIẾP GIÁ**. Bấy giờ vị Chánh Bái mặc lễ phục trình trọng quỳ xuống đọc lớn bản sắc Thần cho dân chúng nghe. Xong xuôi xếp y lại như cũ để vào hòm sắc khóa cẩn thận gọi là **NẠP SẮC**. Tiếp theo là **LỄ NGHINH THẦN**, mô chiêng trống nổi lên 3 hồi lại 3 dùi. Ban Tế Tự kính cẩn thỉnh hòm sắc ra đường đặt vào long đình có bông hoa, nhang đèn, dù lọng... »

Nghi thức vừa kể vừa giúp cho việc gìn giữ bảo vệ sắc luôn được lành lặn tốt đẹp mà lúc đọc sắc còn gây ảnh hưởng tâm lý cho người nghe.

Nói tóm lại, hơn lúc nào hết mọi người Việt Nam phải ý thức để tự tiền. Văn đề đòi hỏi chúng ta cả ngoài chánh quyền lẫn trong chánh quyền một tinh thần canh tân mới. Công việc chánh quyền là vạch ra, hướng dẫn và hỗ trợ sáng kiến tư nhơn. Sự đóng góp của giới trẻ, của phần tử trí thức ưu tú rất quan trọng. Yếu tố quyết định vẫn là sự hưởng ứng của quảng đại quần chúng trong việc xây dựng và tổ điểm tinh thần dân tộc, trong việc hoàn thiện hướng về Tín Ngưỡng và Chơn Lý.

Có vậy, những người chết đi cho Quê Hương, cho Chơn Thiện Mỹ mới được đền đáp xứng đáng, không phải ở mê tín vụ vuơ cũng không phải vì mưu đồ hay áp lực của bất cứ ai mà chính là do hành động phát xuất từ trong lòng mọi người.

Trở lại câu nói mở đầu rằng : *« Tôi muốn phác họa ở đây một CHÂN DUNG VÕ TÁNH. Chân dung không vẽ bằng những nét chấm phá đề ngấm nhìn mà viết đề ghi lại công đức tiền nhơn khả dĩ truyền ngọ: được soi sáng cho người đọc bằng trọn lòng yêu nước Việt »* và *« cầu mong nơi vùng đất này mai hậu sẽ có thêm nhiều con người giá trị như vậy »*.

Hòa Lạc, tháng 11 năm 1973.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. — ĐẶC KHẢO VỀ VÕ TÁNH VÀ GÒ CÔNG :

- ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ, Lục Tỉnh Nam Việt (tập Thượng và tập Hạ), TU TRAI NGUYỄN TẠO dịch, Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa xb, Sài Gòn, 1973.
- GIA ĐỊNH THÀNH THÔNG CHÍ, TRỊNH HOÀI ĐỨC, bản dịch của TU TRAI NGUYỄN TẠO, Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa xb, Sài Gòn 1972.
- LỊCH TRIỀU HIẾN CHƯƠNG LOẠI CHÍ, PHAN HUY CHÚ, tập I, bản dịch của TỔ NGUYỄN NGUYỄN THỌ DỤC, Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa xb, Sài Gòn, 1971.
- SỬ QUỐC TRIỀU CHÁNH BIÊN TOÁT YẾU, bản dịch năm 1925 (Khải Định đệ cửu niên).
- VIỆT NAM SỬ LƯỢC, TRẦN TRỌNG KIM, Tân Việt xb, Saigon, 1964.
- VIỆT SỬ TÂN BIÊN (quyển IV), PHẠM VĂN SƠN, tác giả xb, Saigon, 1961.
- VIỆT SỬ : XỨ ĐÀNG TRONG, PHAN KHOANG, Khai Trí xb, Saigon, 1970.
- VIỆT NAM DANH NHÂN TỪ ĐIỀN, NGUYỄN HUYỀN AN, Hội Văn Hóa Bình Dân xb, Saigon, 1960.
- VIỆT NAM TRANH ĐẤU SỬ, PHẠM VĂN SƠN, tác giả xb, Saigon, 1959.
- DANH NHÂN NƯỚC NHÀ, ĐÀO VĂN HỘI, Maurioe, Saigon, 1948.
- NAM HẢI DI NHÂN LIỆT TRUYỆN, PHAN KẾ BÌNH, Mạc Lâm xb, Saigon, 1968.
- HỒNG ĐỨC BẢN ĐỒ, BỮU CẨM, ĐỖ VĂN ANH, PHẠM HUY THÚY, TẠ QUANG PHÁT và TRƯƠNG BỮU LÂM, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xb, Saigon, 1962.
- VÕ TÁNH, TRƯƠNG ĐỊNH, HAI VỊ ANH HÙNG ĐẤT NƯỚC GÒ CÔNG, NGUYỄN HUỲNH MAI.
- GÒ CÔNG CẢNH CŨ NGƯỜI XƯA, VIỆT CÚC, tác giả xb, 1969.

- GỖ CÔNG XƯA VÀ NAY, HUỖNH MINH, tác giả xb, Saigon, 1969.
- CHÂN DUNG BÌNH ĐỊNH, Tập I, TRẦN NHÂM THÂN, tác giả xb, Qui Nhơn, 1963.
- ĐỊA PHƯƠNG CHÍ TỈNH GỖ CÔNG, 1969.
- Truyện GIA LONG PHỤC QUỐC, NGUYỄN VĂN NGÔI, Bảo Tồn xb, Sà gon, 1950.
- Thơ ÔNG VÕ TÁNH, THANH THANH, Mỹ Lợi xb, Saigon, 1957.
- ĐẠI VIỆT TẠP CHÍ, số 34, 35, 36, ngày 1/3, 16/3, 1/4/1944 và số 50, 51, 52 ngày 1/11, 16/11, 1/12/1944.
- BULLETIN DE LA SOCIÉTÉ DES ÉTUDES INDOCHINOISES, Nouvelle serie, Tome IV, No 1, Saigon, 1929.
- UNNUAIRE GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE, 1914.
- Tiếp xúc nạn đảm với các Thập đạo Nhân sĩ, đồng bào, viên chức chánh quyền tại tỉnh Gò Công.

II.— THAM CỨU TỔNG QUÁT :

- TỈNH BẾN TRE TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM, NGUYỄN DUY OANH, Phủ QVKĐTVH xb, Saigon, 1971.
- TÂN AN NGÀY XƯA, ĐÀO VĂN HỐI, Phủ Quốc vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa xb, Saigon, 1972.
- ĐỊNH TƯỜNG XƯA VÀ NAY, HUỖNH MINH, tác giả xb.
- GIA ĐỊNH XƯA VÀ NAY, HUỖNH MINH, tác giả xb, 1973.
- VIỆT NAM PHONG TỤC, PHAN KẾ BÌNH, Phòng Trào Văn Hóa xb, Saigon, 1972.
- NẾP CŨ : LÀNG XÓM VIỆT NAM, TOÀN ÁNH, Nam Chi Tùng Thư xb, Saigon 1968.
- NẾP CŨ : HỘI HÈ ĐỊNH ĐÁM, TOÀN ÁNH, Nam Chi Tùng Thư xb, Saigon, 1969.
- NẾP CŨ : TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM, TOÀN ÁNH, Hòa Đăng xb, Saigon, 1969.
- TINH THẦN TRỌNG NGHĨA PHƯƠNG ĐÔNG, TOÀN ÁNH, Ánh Sáng xb Saigon 1969.

- PHÁP CHẾ SỬ VIỆT NAM, *VŨ QUỐC THỐNG*, từ sách Đại Học, Saigon, 1968.
- ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG hay VĂN MINH MIỀN VƯỜN, *SƠN NAM*, An Tiêmbx, Saigon 1970.
- NGƯỜI VIỆT GỐC MIỀN, *LÊ HƯƠNG*, Khai Trí xb, Saigon, 1969.
- VIỆT NAM GẮM VÓC, *PHAN XUÂN HÒA*, Thụy Đình Saigon, 1959.
- THỰC TRẠNG CỦA GIỚI NÔNG DÂN VIỆT NAM DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC, *PHẠM CAO DƯƠNG*, Khai Trí xb, Saigon, 1966.
- ĐỀ TÀI NGƯỜI ƯU TÚ TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC CỒ THỜI, *NGUYỄN NGỌC HUY*, Cấp Tiến xb, Saigon, 1969.
- TỪ BINH PHÁP TÔN NGỒ ĐẾN CHIẾN LƯỢC NGUYÊN TỬ, *NGHIÊM XUÂN HỒNG*, Quan Điểm xb, Saigon, 1970
- ĐỌC CHUYỆN TAM QUỐC, *VŨ TÀI LỤC*, Việt Chiến xb, Saigon, 1969.
- Truyện THUYẾT ĐƯỜNG, *Tín Đức Thư Xã* xb, Saigon, 1961.
- 200 NĂM DƯƠNG LỊCH VÀ ÂM LỊCH ĐỐI CHIẾU (1780-1980)
NGUYỄN NHƯ LÂN, Khai Trí xb, Saigon, 1968.
- Tạp chí TRI TÂN, số 22, ngày 07-11-1941.
- Tập Sơn SỬ ĐỊA, số 19 và 20, năm 1970.
- VĂN HÓA NGUYỆT SAN, số 40, tháng 5-1959.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
GIỚI THIỆU TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM	17
LỜI NÓI ĐẦU	19

PHẦN THỨ NHẤT CHÂN DUNG VÕ TÁNH

CHƯƠNG THỨ NHẤT : Bối cảnh lịch sử	24
CHƯƠNG THỨ HAI : Thân thế Võ Tánh	31
CHƯƠNG THỨ BA : Công nghiệp của Hậu Quân Võ Tánh	39
I. — Dẹp Tây Sơn ở Nam Kỳ	40
II — Chiếm Bình Thuận	41
III. — Trấn thủ Diên Khánh	41
IV. — Chiếm thành Qui Nhơn	46
V. — Trấn thủ thành Bình Định	48
VI. — Võ Tánh tuần tiết.	54
VII. — Truy phong và tưởng niệm	58
CHƯƠNG THỨ TƯ : Luận về Võ Tánh	71
BÀI ĐỌC THÊM	92

PHẦN THỨ HAI VÕ QUỐC CÔNG VÀ NGƯỜI DÂN GÒ CÔNG

CHƯƠNG THỨ NHẤT : Giới thiệu tổng quát về tỉnh Gò Công — Nguồn gốc đất đai và dân chúng.	117
MỤC I. — Lai lịch tỉnh Gò Công	119
MỤC II. — Những điều kiện ảnh hưởng bản tánh người dân Gò Công	149
MỤC III. — Đặc tánh người dân Gò Công	181
CHƯƠNG THỨ HAI : Các di tích của Đại Tổng Nhưng Võ Tánh.	191
— Hoàn cảnh vùng Gò Công dưới thời Tổng Nhưng Võ Tánh	192

— Danh từ Vạn Thắng	196
— Ao Đồn Bình	198
— Mả và Miếu Bà Cố	202
— Xóm Thủ	206
— Đập Ông Chưởng - Cầu Đập	208
— Đám rước Cầu Xí và Đồn Lập Bình	214
CHƯƠNG THỨ BA . Những cơ sở tôn thờ Võ Quốc Công tại Gò Công	219
— Dinh Quan Hậu Quân tại xã Thạnh Nhựt	221
— Đình Thần xã Bình Long	239
— Đình Thần xã An Hòa	251
— Đình Thần xã Tân Thành	261
— Lăng Ông Hiệp Thành Hội	275
— Chùa Ông xã Vĩnh Viễn	279
— Võ Quốc Công Miếu tại xã Long Thượn	295
— Nhà vuông ấp Bảy	305
— Lăng Ông ấp Xóm Ngoài, xã Tăng Hòa	317
— Lăng Ông ấp Giồng Chùa, xã Tăng Hòa	323
— Tân Long Miếu xã An Hòa	331
— Lăng Ông ấp Dương Xuân, xã Phước Trung	337
— Bảng tổng kết các lệ tế Võ Quốc Công tại tỉnh Gò Công	343

PHẦN KẾT LUẬN

- Võ Quốc Công là anh hùng dân tộc.
- Khuyết điểm của tình trạng thờ phượng hiện tại.
- Đề nghị đường hướng của chánh quyền và dân chúng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO	367
MỤC LỤC	370

DÍNH CHÁNH

TRANG	DÒNG	ĐÃ IN SAI	XIN SỬA LẠI
25	16	tuần tiết	tuần tiết
-	18	ngũ thường	ngũ thường
25	5	bất mãn	bất mãn
-	27	Thượng Quốc Công	Thượng Tướng Công
31	5	Võ Tánh sanh năm 1768 (?) tại	Võ Tánh sanh tại
-	17	Lười Rê	Lười Rê
-	28	Phước Lễ	Phước Lễ
32	15	củ	củ
-	23	kiến Đăng	Kiến Đăng
-	24	một mặc thì	một mặt thì
33	26	ở hiềm yếu	ở hiềm yếu
-	31	mảnh hồ	mảnh hồ
34	10	Mà Bà Cỡ	Mải Bà Cỡ
37	20	năm Mậu Thân (1873)	năm Mậu Thân (1788)
38	23	sanh năm 1769	sanh năm 1761
46	25	Hoắc Phiêu Kỵ	Hoắc Phiêu Kỵ
-	-	võ tướng	võ tướng
54	7 và 8	tuần tiết	tuần tiết
57	16	lão bộc	lão bộc
61	21	chéch lệnh	chéch lệch
64	6	Bulletin de Société	Bulletin de la Société
67	4	austere.	austère.
73	21	ắt nên	ắt nên
74	19	muôn vàng	muôn vàng
78	26	có lẽ	có lẽ
81	27	Cáo	Báo
87	11	đến nỗi thế cùng	đến nỗi thế cùng
-	24	gần gũi	gần gũi

TRANG	DÒNG	ĐÃ IN SAI	XIN SỬA LẠI
87	28	« ém hôn ngói đi »	« ném hòn ngói đi »
103	5	hiết được tướng giặc	biết được tướng giặc
118	21	quán có Bà Công	có quán Bà Công
120	26	miếu Láng Hang	miếu Láng Hang
126	26	()	(1)
133	21	Miêu Ông Thôn	Miêu Ông Thôn
134	29	năm 1831	năm 1832
141	20	thiếu Yên Luông Tây	thêm Yên Luông Tây
154	23	Phạm văn Tánh	Phạm văn Lý
—	9	miếu Tàu Ô	miếu Tàu Ô
155	2	Phan văn Đối	Phạm văn Đối
157	12	tồn trừ	tồn trừ
—	15	kỵ giề	kỵ giề
158	18	giề quấy	giề quấy
160	12	tới ngày mùng 5 tháng 5	tới khoảng ngày mùng 5 tháng 5
172	14	Đức quân tử như cỏ	Đức quân tử như gió
182	9	Phái chằng	Phải chằng
202	15	mả Bà Cồ	mả Bà Cồ
205	6	— nt —	— nt —
—	13	— nt —	— nt —
—	18	Ma	Mả
208	17	— nt —	— nt —
209	2	— nt —	— nt —
211	4	chủ trương	chủ trương
215	8	bãi ruộng cao	bãi ruộng cao
245	5	Thời bất, an	Thời bất an,
247	2	lứ	thứ
255	26	Cầu Yêm	Cầu Êm
263	24	nay do thất lạc chỉ còn	nay chỉ còn
271	3	Tiến yên hỏa	Phát đăng hỏa

TRANG	DÒNG	ĐÃ IN SAI	XIN SỬA LẠI
277	21	<i>nhà thơ</i>	<i>nhà thờ</i>
278	5	Ban Tiếp tân	(bỏ 3 chữ này)
281	6	Một lớn	Một số lớn
—	22	Vinh Hựu	Vinh Hựu
284	10	Cơn gió đông	Cơn gió đông
—	13	vốn dẹn	vốn vẹn
301	23	lập riêng	lập riêng
302	7	mời khách	mời khách
303	9	Võ Quốc Công	Võ Quốc Công
—	12	Trần Thuyết	Trần thiết
307	24	năm Kỳ Dậu	năm Kỳ Dậu
310	8	cúng Trần thuyết	cúng Trần thiết
315	8	một lòng an đẹp giặc	một lòng đẹp giặc
319	12	ấp xóm Ngoài	ấp Xóm Ngoài
320	19	giả dỗi	giả dỗi
322	20	cây trôm	cây trôm
330	23	lầm lẽ	lầm lẽ
335	23	Rrông lệ giỗ	Riông lệ giỗ
340	19	Đền năm	Đền năm
372	29	thờ phượng	thờ phượng

CHÂN DUNG VÕ TÁNH VÀ NGƯỜI DÂN
GÒ CÔNG CỦA ĐẶNG THANH XUÂN ✕
HÌNH ẢNH CỦA ĐÀO THẾ LỤC VÀ NGUYỄN
PHÚ TUYẾT ✕ BÌA CỦA ĐINH VĂN TIỂU ✕
IN TẠI NHÀ IN PHƯỚC LỢI, GÒ CÔNG ✕
PHÁT HÀNH VÀO THÁNG 12 NĂM 1973
GỒM 1.200 QUYỀN GIẤY THƯỜNG VÀ 300
QUYỀN GIẤY TRẮNG ✕ GIẤY PHÉP XUẤT BẢN
SỐ 5291/PTUDV/KSALP/TP NGÀY 08-12-1973

Đoan Vô-Bánh, mặc áo, mào
triều phục, ngó về hướng Bắc lay
vua 5 lay rồi bước lên lầu Bát.
Giác hội các tướng sĩ lại nói rằng:
“Ta nhờ các tướng sĩ đồng tâm hiệp
lực mới giữ được thành này chống
trai 5 năm nay với giặc. Nhưng nay
sức cũng lương hết, giữ thành không
được nữa. Tôi chỉ ta liệu mình
thắc chỗ không làm khổ tướng sĩ nữa.”

Các tướng sĩ đều im lặng,
Vô-Bánh tiếp: “Ta ước được
như Tưng. Chầu, hay nhay vào lửa
đăng nào cũng chết. Nhưng ta không
muốn được quân trông thấy mặt ta
nên đánh chết vào lửa mà thôi.”

(Trích dẫn trang 56)